N NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

Lê Trung Vũ (Chủ biên)
Lê Văn Kỳ - Nguyễn Hương Liên - Lê Hồng Lý

TẾT CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

DỰ ÁN CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN TÀI SẢN VĂN HÓA, VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

(E1, Ngõ 29, Tạ Quang Bửu - Bách Khoa - Hà Nội
Điện thoại: (04)3627 6439; Fax: (04)3627 6440
Email: duandangian@gmail.com)

BAN CHỈ ĐẠO

1. GS. TSKH. TÔ NGỌC THANH	*Trưởng ban*
2. ThS. HUỲNH VĨNH ÁI	*Phó Trưởng ban*
3. GS. TS. NGUYỄN XUÂN KÍNH	*Phó Trưởng ban*
4. Ông NGUYỄN KIỂM	*Ủy viên*
5. Nhà văn ĐỖ KIM CUÔNG	*Ủy viên*
6. TS. TRẦN HỮU SƠN	*Ủy viên*
7. Nhà giáo NGUYỄN NGỌC QUANG	*Ủy viên*
8. ThS. ĐOÀN THANH NÔ	*Ủy viên*

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG DỰ ÁN

ThS. ĐOÀN THANH NÔ

Chịu trách nhiệm nội dung:
GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

Thẩm định nội dung:
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BẢN THẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (VNDGVN) là một tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, nằm trong khối Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Quyết định số 82/NV, ngày 01/03/1967 của Bộ Nội vụ thay mặt Chính phủ đã cho phép Hội Văn nghệ dân gian thành lập và hoạt động trên phạm vi toàn quốc và có mối liên hệ nghề nghiệp với các tổ chức khác ở trong nước và nước ngoài.

Tôn chỉ mục đích của Hội là ***"Sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến và truyền dạy vốn văn hóa - văn nghệ dân gian các tộc người Việt Nam"***. Trên cơ sở thành quả của các công việc trên, Hội là một trong những đội quân chủ lực góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - văn nghệ mang dậm bản sắc dân tộc đã được ông cha ta sáng tạo và giữ gìn trong suốt mấy nghìn năm của lịch sử dân tộc.

Những giá trị sáng tạo đó thể hiện mối quan hệ của các tộc người Việt Nam với thiên nhiên thông qua các tri thức sản xuất nông nghiệp; với xã hội thông qua phong tục tập quán, hội xuân; với nhân sinh quan thông qua các nghi lễ vòng đời người; với vũ trụ và thế giới tự nhiên đã được siêu nhiên hóa thông qua các loại hình tín ngưỡng tôn giáo; với lý tưởng thẩm mỹ thông qua các sáng tạo văn học nghệ thuật. Ở mỗi tộc người Việt Nam, những lĩnh vực và hình thái văn hóa -

văn nghệ này lại được thể hiện trong một sắc thái riêng. Chính kho tàng văn hóa đa dạng đó là nội dung, là đối tượng hoạt động của hội viên Hội VNDGVN.

Sau hơn bốn mươi năm hoạt động, được sự lãnh đạo của Đảng và sự chăm sóc của Nhà nước, Hội VNDGVN đã lớn mạnh với gần 1.200 hội viên. Số công trình do hội viên của Hội đã hoàn thành lên đến gần 5.000 công trình, hiện đang được lưu trữ và bảo vệ tại Văn phòng Hội.

Nay, được sự quan tâm của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Dự án ***"Công bố và phổ biến tài sản văn hóa -văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam"*** đã được phê duyệt. Trong thời gian 10 năm, Dự án sẽ chọn lọc khoảng 2000 công trình trong số bản thảo Hội lưu trữ của hội viên và xuất bản dưới dạng các cuốn sách nghiên cứu, sưu tầm. Trước mắt trong giai đoạn đầu (2008 - 2012), chúng tôi dự định sẽ chọn xuất bản 1.000 công trình.

Hy vọng, các xuất bản phẩm của Dự án sẽ cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài nước một bộ sách mang tính chất bách khoa thư về các sắc màu văn hóa của các tộc người Việt Nam, phục vụ thiết thực vào việc tra cứu, mở rộng hiểu biết của bạn đọc về truyền thống văn hóa giàu có và độc đáo đó; góp phần xây dựng nền "Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Dự án mong nhận được ý kiến chỉ bảo kịp thời của bạn đọc gần xa.

Xin chân thành cảm ơn !

Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện dự án

GS.TSKH. TÔ NGỌC THANH

TẾT CẢ

Ở đây, nói về tết cổ truyền người Việt là muốn giới thiệu về tết Nguyên Đán. Tết Nguyên đán là tết mở đầu năm mới. Dân ta gọi là TẾT CẢ. Chỉ có gọi như thế mới nói hết tầm vóc và chiều sâu tâm hồn của nếp nghĩ, nếp sống truyền thống. Đây là lúc mở đầu vòng quay mới của vũ trụ sau bốn mùa chu chuyển. Thực ra, ngày xưa là qua một vòng trồng cấy, vì một năm có một vụ sản xuất. Sống bằng nghề nông, người Việt cổ gắn bó với mùa màng, hòa nhập với môi trường (Trời - Đất) thành một khối thống nhất, hòa hợp nhau (Trời - Đất - Người). Vì vậy, chỉ đến TẾT CẢ mới thấy toàn thể cộng đồng cầu chúc nhau toàn diện. Với nông dân: cầu phong đăng, hòa cốc; với thợ (thủ công): mở mang trăm nghề; với nho sinh: đỗ đạt, hiển vinh; với thương nhân: một vốn bốn lời... Cũng đà ấy, với người già: bách niên giai lão; với trẻ nhỏ: hay ăn chóng lớn; với tuổi xuân: hạnh phúc lứa đôi; với vợ chồng: gia đình đầm ấm; với người hiếm: có con; với người nghèo: đủ ăn, đủ mặc; với người yếu: khỏe mạnh; với mọi người, lời chung nhất: sức khỏe và bình yên. Cũng vào dịp này, đạo lý làm người được nhắc lại để in sâu trong mối quan hệ xã hội nhiều chiều, trọn vẹn: cháu con và ông bà, cha mẹ; trò và thầy; bệnh nhân và thầy thuốc; vợ chồng; anh em; họ hàng thân quyến, đồng nghiệp, bạn bè, trẻ, già... thật là một lối sống tràn đầy nhân ái, chu đáo, một lối ứng xử văn minh.

Lời chúc biểu hiện niềm hy vọng sâu xa, rằng mọi điều tốt lành sẽ đến với tất cả, không loại trừ ai.

Muốn thế, phải có những động tác khởi động biểu trưng của toàn thể. Vì đây là sự vận hành của vũ trụ, của xã hội. Mà lại phải khởi động đúng lúc. TẾT CẢ đến vào khoảnh khắc 2 năm cũ - mới gặp nhau và ly biệt. GIAO THỪA chính là điểm hội tụ và phân ly ấy. Đúng nửa đêm, phút cuối cùng của năm cũ, phút mở đầu của năm mới, mọi sự như có đột biến, đổi thay lạ kỳ, hoặc được quan niệm như vậy. Bầu trời đang triền miên trong đêm tối mịt mùng và câm lặng, như nín thở, chợt một tiếng chuông chùa ngân nga...thế là những tia sáng lóe lên, pháo nổ râm ran, ở mọi nhà, đồng thời trên mọi miền đất nước. Đó là thời điểm thiêng liêng nhất của một năm, đúng lúc chuyển đổi từ mùa đông băng giá khô cằn - biểu tượng của hủy diệt, chết chóc, sang mùa xuân ấm áp, nảy mầm - biểu tượng của tiến triển, sinh sôi. Đúng lúc giao thừa ấy, người xưa có nhiều hành động đặc thù để như biến lời chúc thành hiện thực, chứ không chỉ là hy vọng. Chẳng hạn như đoàn trẻ con nghèo hát "súc sắc súc sẻ" chúc mừng mọi gia đình; tục "gọi gạo"; lệ "giữ lửa qua đêm giao thừa", tức giữ sự sống từ năm cũ sang năm mới; lễ trảm tự (chém chữ) để truyền nghề võ cho trai đinh của các dòng họ trong làng...

*

Với tiến trình TẾT CẢ như sẽ thấy từ mồng 1 tới mồng 3 (hóa vàng), hoặc tới mồng 7 (lễ khai hạ, hết Tết), ai cũng hiểu ngay rằng Tết Cả chính là lễ hội truyền thống lớn nhất, tập trung nhất, tiêu biểu nhất của nhân dân ta nhiều đời đã qua. Và cũng chính Tết Cả - Lễ hội toàn dân này đã mở màn cho hệ thống lễ

hội (Hội làng) mùa xuân rộn ràng tới mùa thu trên mọi miền đất nước, thuở xưa...

Ở đó - trong dịp TẾT CẢ, con người sống trong lễ thức tôn nghiêm cùng đạo đức cộng đồng; rồi ngay sau đó, mọi người chan hòa vào các cuộc vui, trò chơi, hội thi tài...vừa để giải tỏa và quên đi mọi nỗi nhọc nhằn của cuộc sống năm qua, vừa để cầu mong tổ tiên và các vị thần linh âm phù, để con cháu đi vào năm mới với ý nghĩ chân thành rằng năm nay phải tốt đẹp, may mắn, hạnh phúc hơn nhiều lần năm ngoái. Lễ hay hội trong Tết Cả bao hàm nhiều mỹ tục. Nội dung của mỹ tục thường chỉ giản dị là bộc lộ lòng nhân ái với đồng loại cùng đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" được khơi dậy cùng tinh thần cộng đồng sâu sắc, đã là mối dây liên kết bền vững giữa mỗi gia đình và kỷ cương xã hội.

TẾT là đổi mới, nên trong những ngày này người ta đã chọn giờ, chọn ngày để tạo một động tác - một hành động biểu trưng - mở đầu cho mọi việc của năm mới tăng tiến, khá giả, tốt đẹp hơn năm vừa đi qua, bằng hành vi riêng lẻ, hoặc bằng nghi thức tập thể, để từng ngành, từng nghề, từng giới cùng mở đầu hành động chung sao cho chu đáo và đồng bộ.

Lễ Động thổ hay KHAI CANH cho nhà nông (mồng 3-4 hoặc 6 tháng Giêng). Nho sĩ (văn nghệ sĩ, trí thức) tự làm LỄ KHAI BÚT (mồng 1- 3 tết) viết câu văn, làm bài thơ đầu tiên. Thợ rừng hay người kiếm lâm sản làm LỄ KHAI SƠN (còn gọi lễ mở cửa rừng). LỄ CẦU NGƯ của dân chài miền biển (mồng 1 tới mồng 5), đi kiếm mẻ cá đầu tiên lấy may và mở đầu cho một năm chài lưới thịnh vượng. Quan lại hoặc xã trưởng bắt đầu mở ấn (con dấu) xác nhận giấy tờ công văn đầu năm, gọi là "LỄ KHAI ẤN".

Nghề thủ công có "LỄ KHAI NGHIỆP" bắt đầu sản xuất, hoặc nghề đúc có "LỄ KHAI LÒ" (nhóm lửa đúc đồng, gang...). Ở Huế, dân chèo thuyền dọc sông Hương, còn ngược dòng nước lên thượng nguồn Hương Điền, làm "LỄ KHAI NGUỒN" với ý cầu mong thủy thần (ở đầu nguồn nước) không gây tai nạn giao thông đường thủy. Mồng 7, tất cả hoặc hầu như tất cả làm "LỄ KHAI HẠ" là nghi lễ kết thúc tết, mọi người trở lại công việc bình thường của bản thân. Người ta gọi tất cả là "LỄ KHAI XUÂN", lễ mở đầu mùa xuân hoạt động của từng ngành nghề, cầu may mắn cho cả năm.

Tuy nhiên, là một sản phẩm lịch sử, dù nhiều mỹ tục, Tết Cả cũng mang trong nó những nhược điểm của thời đại cũ, khó hòa nhập với hôm nay. Trước hết đó là sự tổn phí thời gian (trước và sau tết) và con người đổ của cùng sức khỏe vào dịp này quá nhiều, quá lớn.

Cộng đồng người Việt mới đang hướng tới một xã hội công nghiệp, văn minh. Việc hưởng thụ trong dịp tết cần tính toán sao cho giản dị hơn, và sau tết con người phải dồn sức lao động với tốc độ nhanh hơn cũng với ý nghĩa truyền thống là mở màn cho một phong cách làm ăn của năm mới. Nghĩa là cần phải tổ chức lại sao cho TẾT CẢ vẫn mang đầy đủ ý nghĩa tinh thần, đủ nghi thức cần thiết, song không câu nệ về hình thức và vật chất. Với phương hướng như vậy, hy vọng rằng TẾT CẢ sẽ ngày một văn minh, hợp thời đại hơn.

PGS. LÊ TRUNG VŨ

Phần một

TẾT LÀNG QUÊ

I. NHỮNG NGÀY TRƯỚC TẾT

1. Tâm trạng tết, những việc đầu tiên

Vào cữ cuối tháng Một, đầu tháng Chạp ta, trước và sau tiết đại hàn chút ít, bao giờ cũng vậy và không biết tự bao giờ, khắp làng quê Bắc Bộ - lại nhớ làng quê Bắc Bộ, nơi vẫn sống theo lệ làng ngày xưa, nơi còn tích đọng biết bao lề thói cũ - dân chúng ở đây, như hiện tượng đồng thanh tương ứng; chẳng ai bảo ai, rồi ai cũng nói, rồi ai cũng nghe mấy câu mà ai cũng biết: "Lại sắp tết rồi". "Chạp đến, tết duổi sau lưng!", "Năm hết tết đến, ngày tháng thoi đưa"... Người nói, người nghe, nhiều khi không rõ cái tin vừa cũ vừa mới ấy đem lại niềm vui hay nỗi buồn? Hân hoan hay ưu tư? Thờ ơ hay háo hức? "Năm nay nhà mình "ăn tết" hay "không ăn tết". Tất cả những "niềm", những "nỗi " cùng lời tự thoại ấy phụ thuộc từng người, từng gia cảnh. Gặp nhau vào lúc này, thường chỉ nói câu ấy thôi. Vì ai cũng quan tâm tới tết. Cái tết sắp đến, cái tết cứ "lừng lững" đến gần từng ngày một. Nó mang điều gì tới để mở

đầu năm mới cho từng nhà, từng người? Sau 12 tháng làm lụng cật lực, ai cũng muốn nghỉ ngơi chút ít, tĩnh tâm lại, nghĩ về công việc làm ăn năm qua, suy tính về công việc năm tới. Tết là cái cớ chính đáng nhất, là dịp tốt nhất thực hiện những ý nghĩ quẩn quanh trên. Tết như một ẩn số, mà cũng không hẳn như vậy.

Mặc dầu thế nào, nói tới tết, nghĩ về tết cũng thấy lòng nao nao xúc động.

Tết, cái mốc thời gian đánh dấu hoặc như quyết định sự đổi thay cũ - mới. Đúng thế, người ta nghĩ tới cái mốc, chứng kiến sự vận động, chuyển đổi. Phải có sự biến đổi dù to nhỏ, dù đột xuất hay tuần tự, sau một chặng đường dài dều dặn rủi may - may rủi nối tiếp nhau vận động. Người ta có nhu cầu ngừng nghỉ - dù chốc lát (vài ngày) để bình tâm tự đánh giá, tự định hướng cho một chặng đường mới trong cuộc sống với đơn vị thời gian là năm - từng năm, với đơn vị không gian cố hữu là nhà, xóm, làng, trong cuộc sống cả đời của từng người.

Hơn thế, chỉ có tết, gia đình hai đời, ba đời mới có dịp đoàn tụ, gặp mặt, thăm hỏi nhau. "Về quê ăn tết" ấy là ý nghĩ và câu nói của người xa quê hoặc đi làm ăn, hoặc tha phương cầu thực, chỉ tết mới có cớ trở về với người thân, họ hàng, làng xóm. Còn người ở làng, thường là những bậc già cả: ông bà, cha mẹ - cái tuổi ít đi xa và không thích đi

浙圖蚺

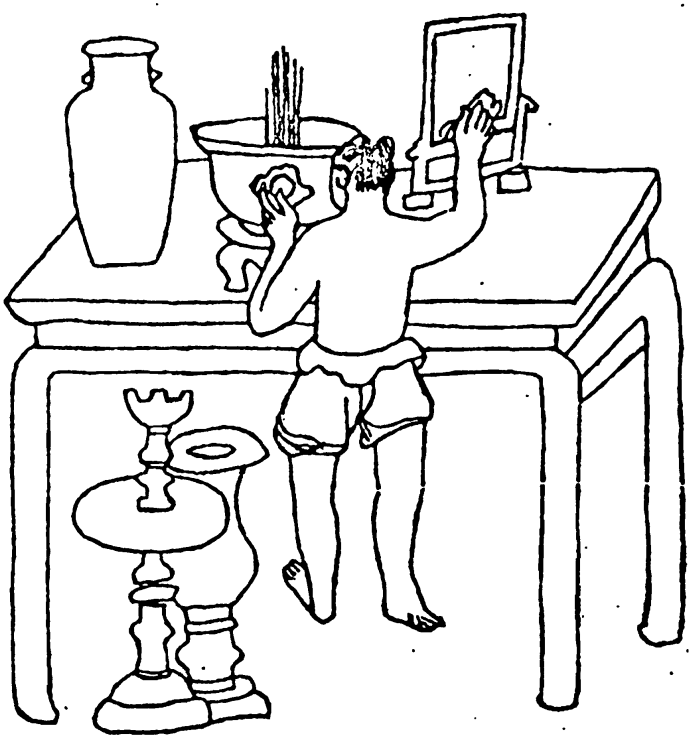

xa nữa chỉ có tết đến thì mới hy vọng gặp mặt con cháu đi làm ăn xa trở về. Cả năm, có khi dăm ba năm xa vắng, chỉ dịp tết con cháu mới trở về quần tụ với gia đình, gia tộc trước bàn thờ tổ tiên. Biết bao niềm thương nỗi nhớ... Người ở làng thấy người đi xa về trong dịp tết mới thấy hợp lý, bình thường và đúng lúc...

Cuối năm là cuối mùa đông, mùa giá lạnh cằn cỗi, người ta nghĩ tới đầu năm, tới mùa xuân, mùa ấm áp tràn trề sức sống xanh tươi. Một năm mới sẽ đến. Tết đến xuân sang, đem theo cái mới đến. Cái mới này bao giờ cũng được hiểu là tốt lành hơn, may mắn hơn cái năm vừa qua, đang qua trước hết và ít nhất là trong ý nghĩ. Ai cũng đợi chờ kỳ vọng ở năm mới, nên rồi ai cũng cố gắng đón tết một cách trang trọng nhất, lo tết một cách dầy đủ với sức lo của mình. Đó vừa là dạo lý, vừa là thói quen nếp sống của cả dân tộc, quần thể lớn mà mỗi người hằng sống trong đó, thói quen được coi là mỹ tục. Dường như ai cũng nghĩ "thiên hạ ăn tết, đón xuân, nhà mình cũng phải thế chứ ?" Những nhà non tiền, ít thóc cũng nghĩ "Thôi thì người ta mười, mình có kém cũng phải dăm ba..."

Rồi từng nhà bắt đầu lo toan, tính toán từng việc.

Người nông dân sống nhờ hạt thóc, vườn rau, con lợn, con gà. Tiêu pha, mua sắm từ việc lớn như làm nhà, dựng vợ gả chồng cho con hay ma chay cho mẹ già cha héo, cho chí hạt muối ăn hàng ngày, giọt dầu thắp từng đêm, tấc vải hoa cho con trẻ hay chiếc áo ấm cho ông bà, nhất nhất đều nhìn vào bồ thóc, trông vào con lợn. Tất cả chi phí đều quy ra thóc để định liệu.

Lo cho cái tết cũng thế. Nào là ăn uống, may mặc, sửa sang bàn thờ, dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa, nợ nần, vay trả, biếu xén, giỗ chạp, cỗ bàn...Biết bao việc phải làm, vừa để đón tết trước mắt vừa để trang trải cho những chuyện còn lưu lại trong năm đã qua, mà chỉ nhân dịp tết mới tính đến một thể. Lại còn, phải chi tiêu thế nào để cho sang giêng, hai rồi tháng ba ngày tám, trong bồ vẫn phải còn ít thóc mà ăn đợi mùa lên; không được vung tay bây giờ để rồi cơ nhỡ...Lúc ấy vừa quẫn bách mà có khi còn bị cười chê là sống nay chẳng biết lo mai...

Trước hết là nghĩ tới nồi bánh chưng. Gạo nếp và thịt lợn. Số mấy sào ruộng ít ỏi của gia đình để trồng lúa, thường trích ra vài miếng cấy nếp, mà phải loại nếp hoa vàng, nếp cái thơm ngon hạt sóng đều thì gói bánh bánh mới mềm, luộc mới rền, đồ xôi cúng mới thơm ngon. Thịt gói bánh thì đã có con lợn vỗ từ tháng bảy, tháng tám, hoặc có nhà lo xa, thả lợn tết ngay từ vụ lúa chiêm mới kịp béo cân tạ.

Lại có nơi, nhà bận việc buôn bán, chạy chợ, hay đi làm thợ quanh năm, không có sức, có người chăm chút con lợn, cây lúa, thì 5-7 gia đình cùng cung cách làm ăn họp nhau lập "Hội bánh chưng", "Hội giò". Những nhà này cùng nhau góp tiền (tùy theo lượng thịt, lượng gạo cần thiết của từng người) cử ra chủ hộ thu tiền, tiền ấy chủ hộ lo nuôi lợn, lo cấy lúa hay đong gạo thì tùy, cứ biết đến tết là nhà nào nhà nấy "hội viên" đều có đủ gạo lợn gói bánh, giã giò là được. Lợn phải đẫy tạ, thịt phải dầy mỡ mới béo, đủ làm nhân bánh, gói giò mà vẫn dôi ra ít mỡ dùng cho sang giêng. Đỗ xanh, lá dong,

một hội viên khác lo liệu: Khoảng ngoài 20 tháng chạp, hội giò, hội bánh gọi nhau mổ lợn, chia thịt, nhận gạo, nhận lá, đỗ xanh. Xong đâu đấy, còn bộ lòng luộc lên, cả hội đánh chén với nhau một bữa, ấy là hết hội. Hội biểu lộ rõ tinh thần tương thân tương ái trong xóm làng vốn từ xưa đã thế, như câu nói "Tối lửa tắt đèn có nhau"[1].

Từ đầu tháng chạp, nhà nào cũng lo muối một vại dưa hành. Hành củ, dưa cây ăn với thịt mỡ, bánh chưng cho đúng với câu hát cổ:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Nêu cao, tràng pháo, bánh chưng xanh

Câu hát ngắn gói ghém đủ một hình ảnh, một khung cảnh tiêu biểu, với chuẩn mực tối thiểu về cái tết phải có ở làng quê xưa. Trồng trọt, chăn nuôi, phong tục, triết lý, tôn giáo văn hóa, thẩm mỹ...đủ cả trong ấy. Thật cũng dễ xúc động khi xắn miếng bánh chưng gói đẹp, luộc rền, ăn dủ chất béo ngậy, nghĩ tới một thủa vua Hùng, lòng hiếu thảo của Lang Liêu, Hoàng tử dâng vua cha sản phẩm do chính mình làm ra, tự chế biến, nhân ngày đầu xuân, để rồi ngày sau trở thành món ăn truyền thống tiêu biểu của ngày hội

---

[1] **"Họ ăn tết"**: Về chốn quê thôn, thường có họ bánh chưng, họ thịt bò, thịt lợn, họ gạo. Người cầm cái mỗi tháng đi thu mỗi người chơi họ độ một vài hào, tiền ấy đem ra sinh lợi, rồi cuối năm thì bỏ hết tiền ấy ra để hàng hội tậu bò, mua lợn, đong gạo làm bánh, phân phát cho mỗi người một phần để ăn tết. Cách này là mỗi người bỏ dần ra ít tiền từ trước để đến tết đỡ khỏi phải lo".
Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*. Phong trào văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 6/1972 . Trang 163.

tiêu biểu nhất của cả nước, vào thời điểm tiêu biểu nhất của vòng quay thời gian - vũ trụ, của vùng cư trú cộng đồng: Tết Nguyên đán - Tết đầu năm. Hình chiếc bánh lại được coi là hình mặt đất - đất vuông - một triết lý nhập nội ("Trời tròn, đất vuông", bánh dầy, bánh chưng) muộn, nhưng được thừa nhận. Mặt đất lại được quan niệm cụ thể: Đất mẹ sản sinh ra lúa, gạo, hành, đậu... Lúa, gạo, rau, đậu lại nuôi gia súc, cho người thịt, rồi thịt, rau, đậu làm nhân bánh... Chiếc bánh chưng là như thế, ấp ủ nhân bánh như đất ấp ủ mầm sống vậy. Câu chuyện cũng thiên về đạo lý, nhưng cái lõi lại phản ánh nền kinh tế nông nghiệp, định canh và tài chế biến sản phẩm của cư dân trồng lúa và chăn nuôi.

Tết, thông thường nhà nào cũng lo nồi bánh chưng, 3 cân, 5 cân hay yến gạo tùy sức và tùy nhân khẩu của nhà. Một vại dưa hành, một nồi thịt mỡ nấu đông, hay một nồi cá kho quấn rơm ủ trấu hoặc cả thịt đông lẫn cá kho. Khá hơn thì gói giò. Giò có giò hoa (thịt nạc trộn mỡ thái hạt lựu), giò thủ (thịt thủ xào với mộc nhĩ, cuốn gói, ép), giò lụa (thịt thăn) luộc chín tới, xắt ra mượt mà như lụa, thơm ngọt mùi thịt nạc đượm hương vị nước mắm chắt. Lại phải có một chú gà giò (trống hoa, chưa biết đạp mái) nhốt sẵn trong chuồng cho thật yên tâm để cúng giao thừa. Nhà phong lưu thì trữ thêm con gà trống thiến vỗ từ tháng 9 tháng 10 trong năm, lúc này đã béo quay, dùng trong cỗ tết đãi khách quí.

CHỢ TẾT: Ấy là xong một vài việc quan trọng đầu tiên. Vẫn còn nhiều việc quan trọng khác, làm dần, lo tiếp, mà phải đi chợ mới xong được. Tháng chạp, chẳng đâu vui

bằng chợ, chẳng đâu đông bằng chợ. Trăm ngả đường đổ về nối chợ: Đường làng, đường đê, đường sông, đường đồng... Mạng lưới chợ quê thật nhiều vẻ, nhiều loại: chợ hôm, chợ làng, chợ đình, chợ chùa, chợ giếng, chợ bến, chợ tổng, chợ huyện... lúc này thật nhộn nhịp, sầm uất, tất bật. Người có hàng đi bán hàng. Hàng của nhà trồng, nhà nuôi (con gà, con lợn, con cá, lá rau, gánh quả, bó hoa), hàng đi cất, đi buôn. Gánh đôi thúng, đôi bồ kĩu kịt trên vai, nặng mà vui. Người mua vội vàng như chỉ lo chợ tết hết thứ ngon, thứ tốt mình cần, thứ rẻ vừa túi tiền mình có. Chợ tháng chạp như mới hơn, to rộng hơn. Người ta kê thêm quầy mới, dựng những lều mới, bán lan tràn cả ra đường đi. Nhiều mặt hàng chỉ tết mới có, lại nhiều gấp bội. Sức tiêu thụ sẽ vô cùng to lớn, vì cả làng ăn tết, cả tổng ăn tết, cả nước ăn tết.

ĂN TẾT, câu cửa miệng như vậy, nhưng ai cũng hiểu không chỉ là ăn, uống trong dịp tết mà chính là một nếp sống về tết theo phong tục đã thành truyền thống, đã là một Quốc phong như có người nói. Đó, chẳng hạn như: thức ăn, thức dùng, cách mặc, cách nói - ứng xử trong mọi quan hệ, gia đình, dòng họ trên dưới theo thứ bậc, trên dưới theo lứa tuổi, trên dưới theo thầy trò, trên dưới theo chủ tớ; và rồi láng giềng, ngõ, xóm, hàng giáp, hàng phường, hàng hội... Cách chơi (trò chơi) chỉ đến tết mới thực hiện như vậy, ứng với mùa màng thời tiết (cây trồng, vật nuôi)...

ĂN TẾT, ấy là cầu cho mọi sự đều thay đổi, đổi mới tốt hơn. Tết phải khác ngày thường, với mọi điều kiêng cữ, để đạt những hiệu quả tốt hơn ngày thường, năm mới tốt hơn năm cũ. Con người, gia đình, dòng họ, làng nước giàu có,

thịnh vượng lên mãi. Cái mới mang cốt cách cái cũ, nhưng mỗi năm mỗi tân tiến hơn. Nếp sống này mở đường cho một năm mới con người hạnh phúc, đầy đủ hơn, đời sống được hoàn thiện hơn, mọi người tin như vậy và làm như vậy.

Ở chợ tháng Chạp, các loại hàng đều gia tăng số lượng, trình bày nhiều màu sắc tươi sáng, rực rỡ, đầy sức cuốn hút. Cách bày biện hàng cũng hấp dẫn, đầy vẻ chào mời, nhắc nhở khách, làm cho người đi chơi hay mua sắm đều trông thấy ngay không bỏ qua được, vì nó lồ lộ ngay bên lối đi, ngắm không chán mắt, dễ xem, dễ chọn. Cái không khí tết bao trùm khắp chợ.

Nhưng vẫn là cứ phải đợi đến phiên chợ tết mới thật vui, thật lạ.

Vào khoảng từ 23 đến 27 tháng Chạp thì chợ nào cũng gọi là CHỢ TẾT được rồi. Còn ngày 28, 29 hay 29, 30 người ta gọi là phiên áp tết. Vui như chợ tết. Đông như chợ tết. Đẹp như chợ tết. Đắt như chợ tết. Nhưng cũng tùy năm, tùy thứ hàng, có lúc áp tết lại rẻ hơn lúc sắm tết rộ nhất - khoảng 15 - 23 tháng chạp. Dù thế nào cũng phải mua, phải sắm cho đủ như dự tính, như quan niệm chung của làng và hoàn cảnh riêng của từng nhà, vừa túi tiền và trình độ nhận thức. Chẳng ai quy định mà chính là phong tục từ ngàn xưa cha ông truyền lại. Người đến chợ không chỉ là người bán, người mua mà người đi chơi, đi "thưởng thức" chợ cũng không ít. Mà lạ thật, đến dịp này, ai cũng thích đi chợ. Không mua sắm thì đi nhìn, đi ngắm, khác nhau, bình phẩm. Các cụ bà lo mua trầu, vỏ, cau, vôi, hương hoa, quả

trái, vàng mã và cũng là thăm chợ, thăm giá chợ. Chỉ để mà biết thôi. Các cụ ông thường chững chạc-trong bộ áo dài, quấn ống sớ trắng hồ lơ, khăn xếp, chân đi dép Gia Định. Các cụ tìm mua đôi liễn mới, mua thêm chai rượu nếp cái của chủ rượu quen, thơm ngon, một gói chè hương ướp sen thơm mát và đôi cây mía đủ ngọn làm "gậy ông vải", dựng hai bên bàn thờ. Lớp trung niên lo mua sắm thức ăn, vật dụng ngày tết, một vài dụng cụ gia đình dùng vào việc nấu nướng. Đây là lớp chủ gia đình hoặc con dâu trưởng, con trai cả trong nhà chịu trách nhiệm lo toan về tết. Lớp thanh niên nam nữ thì vui vẻ, hơn hớn tuổi xuân, mặc đẹp, cười tươi, chen vai thích cánh vào đủ mọi quầy hàng mà thường lại chỉ là đi chơi, ngắm người, ngắm nhau, nhất là thanh nam. Các cô gái kín đáo chú ý tới những sạp hàng tạp hóa. Các cô để mắt tới cái gương, cái lược, chiếc khăn tay hay hàng vải lụa làm khăn vấn, thắt lưng... hoặc nữa, một sợi dây xà tích bạc... và không bao giờ quên mua bó lá thơm về gội đầu. Ồn ào nhất là lũ trẻ con. Con trai con gái cười nói, chỉ trỏ. Đi với ông bà chúng chỉ thứ này, đòi mua thứ ia, toàn là quà bánh hay đồ chơi. Một con tò he bằng bột huộm có đoạn sậy lưỡi gà thổi kêu "tò he, tò he" chán thì cho vào mồm nhai luôn lúc nào chẳng biết. Hoặc chúng lôi bà, lôi mẹ ra hàng đồ chơi bằng sành: cái nồi, cái niêu, cái bếp lò, con rùa, ông phỗng... Chen giữa đám đông lác đác vài người đóng bộ nâu sồng từ đầu tới chân, yên lặng, khiêm nhường, cũng có mặt trong buổi chợ. Đó là các nhà sư quen sống thầm lặng, có phần nhút nhát, đi mua sắm vài

thứ cho đời sống chay tịnh, thuộc cả phần đạo lẫn phần đời của nhà chùa: vàng hương, oản đường, gạo nếp, lạc vừng, rau củ, dầu muối... Một số người khác, không nhiều, thanh niên và trung niên, có cả một vài cụ già nữa, thái độ nghiêm trang, quần chùng áo dài, không hăm hở nhưng chăm chú, đứng trước hàng tạp hóa mua ít giấy bản tốt, giấy hoa tiên hay hồng điều... chọn cái bút lông và mua thỏi mực tàu... Đấy là các nho sinh, thầy đồ đi mua giấy bút mực mới về viết câu đối hoặc sửa soạn cho việc "khai bút" đầu xuân bằng một bài thơ tức cảnh tứ tuyệt, vừa mừng xuân vừa hứng khởi cho việc học hành hay dạy dỗ cả năm mới, nằm trong chặng đường dài "dùi mài kinh sử" hoặc lui tới cửa Khổng sân Trình.

Hàng họ hôm nay thực sự là bộn bề, nhiều vô kể, đáp ứng đủ mọi nhu cầu sinh hoạt nghi lễ, cũng như phong tục và chiều theo mọi ý thích.

Từ đầu chợ đã gặp ngay hàng lá dong xanh mướt chiếm một khoảng đất rộng kéo dài theo đường đi. Rồi đến hàng gạo. Cơ man nào là gạo, nhất là gạo nếp cái, nếp cái hoa vàng. Người ta đổ xô vào nếp cái hoa vàng hạt mẩy, sóng đều. Hàng nếp con chẳng ai hỏi tới. Gạo tẻ cũng nhiều không kém, xay giã dần sàng cẩn thận: gạo mùa, tám thơm, dự, dự hương... đủ cả. Đúng là "trên trời, dưới gạo". Gạo ăm ắp một quán chợ. Cạnh đó là đủ loại đậu, nhiều nhất là đậu xanh. Đậu xanh xay vỡ đôi; đậu xanh nguyên hạt, từng mủng, từng thúng đầy. Đậu nành, đậu đỏ, đậu trắng, vừng, lạc, ngô, kê, thức gì cũng sẵn cho người, cho gia súc, gia

cầm. Thật là cảnh chợ của năm phong đăng hòa cốc. Ngũ cốc được mùa thì chăn nuôi phát đạt. Những phản thịt lợn dăng dăng nối tiếp nhau. Thịt nạc, thịt mỡ, dọi mông, vai, thủ, chân dò, mỡ lá, mỡ phần từng món, từng tảng pha riêng, thật hấp dẫn chào mời. Người mua chen nhau, người bán hối hả, vui vẻ. Thịt chợ tết không rẻ. "Đắt" nhưng "xắt ra miếng" là thế. Ai cũng muốn mua, ai cũng cần mua nhanh còn phải sắm bao thứ khác. Người bán cũng nhanh tay pha thịt, nâng cân, trao hàng, nhận tiền. Liền dãy hàng thịt là hàng gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu. Nhiều nhất là gà. Cần nhất cũng là gà, vì không thể thiếu con gà trên mâm cúng. Ngan, ngỗng nhiều thịt, béo mầm, hầm với nồi măng thay chân giò cũng được, để con cháu kéo tới ăn đại trà cũng tiện. Còn bồ câu giống quý, thường chỉ để sêu tết, biếu xén. Học trò mua lễ tết thầy học, con bệnh biếu thầy lang, chàng rể biếu bố vợ, con nợ biếu chủ nợ... Tết là dịp nhớ tới nhau, là dịp trả ơn, đền nghĩa giữa họ hàng, bạn bè người xa, người gần, người dưới, người trên. Dân ta quen sống bằng ân nghĩa, xưa sao nay vậy, không thể đổi thay. Lại hàng cá, tôm, cua, ốc đủ cả. Ngon béo thơm thịt vẫn là cá chép, cá quả. Ngày 22, 23 cá chép đắt như tôm tươi. Ai cũng mua một con cúng ông Táo. Cá chép là ngựa để ông Táo cưỡi về chầu trời. Ngoài ra, người giàu mua cá chép to cốt làm sao nồi cá kho hoặc cá rán để mâm cỗ ngày tết thêm đủ vị sang trọng. Cá quả dùng vào món cháo ám khoảng mồng 4 mồng 5 tết thì tuyệt.

Các bà nội trợ vội vã tìm mua tiếp những thức nấu, rau

củ và đồ khô. Mùa rét, xứ Bắc này có biết bao loại rau xanh ngon bổ: su hào, cải bắp, su su, sup lơ, xà lách, dưa, cải củ, cà rốt, cà chua, khoai tây, hành, kiệu, tỏi, ớt, nghệ cùng các loại rau gia vị, thơm, mùi, tía tô, kinh giới, húng... xanh một góc chợ màu xanh nhiệt đới. Các loại rau củ này rất dễ nấu thành thức ăn ngon miệng, làm gia vị cho bao thức ăn béo ngậy. Những quả gấc màu da cam bỗng nổi lên giữa rừng rau xanh ngan ngát ấy, gợi nhớ những đĩa xôi gấc làm tôn vẻ đẹp, vẻ sang của mâm cỗ cúng cũng như mâm cơm đãi khách. Hàng khô cũng được bày miên man, nhiều không kể xiết, nhưng sẵn nhất là măng: măng trúc, măng mai, măng tre, nhưng ngon và cao giá là măng lưỡi lợn. Còn bóng, những miếng bóng dày, có màu vàng rộm trông thật ngon mắt, đầy các sọt hàng. Rồi mộc nhĩ, nấm hương, xâu sẵn từng xâu, lại hạt tiêu, miến, bánh đa sống, bánh đa thái, bánh đa nem...

Bây giờ mới tới đồ bày, lễ vật. Hương, hoa, oản, quả, trầu, cau, mía, rượu, mứt... cứ gọi là có đủ. Hương có hương vàng, hương đen, hương vòng, hương sào, trầm, nến. Vàng giấy, vàng hộp trang kim, đồ mã đủ loại. Rồi cam, quýt, quất, hoa tươi chen lẫn vào đó ít chậu cảnh, hòn non bộ, chờ những khách hàng tao nhã, hào hoa, biết chơi, chịu chơi. Đó, hoặc là những nhà nho ưa ngâm thơ phú, sống thanh bần, hoặc những gia đình có của ăn của để mà ít nhiều biết lối sống kẻ chợ, thị thành. Những nải chuối xanh, những sọt bưởi vàng, những quả phật thủ mập mạp đang xòe tay như muốn đỡ hoa quả tươi, quả ngọt làm thành

mâm ngũ quả đẹp mắt, thơm nhà. Những bó mía cả cây nguyên ngọt cũng đứng xếp hàng ngay ngắn bên hàng hương hoa lúc này được xếp vào hàng lễ vật. Những hũ rượu quê, rượu trắng, rượu cẩm, những chai rượu mùi đủ màu: vàng chanh, vàng cam, tím mận, đứng chen lẫn bên nhau... Còn hàng bánh, mứt, kẹo cũng khoe màu hộp vuông, hộp tròn, lục lăng, chữ nhật. Lại cả mứt bán cân để trần: khế, cà chua, quất, sen, dừa... Kế bên là chè: chè tầu, chè mạn bán lạng, chè ướp hương, chè mộc, chè gói, chè hộp mà quý nhất là chè lọ sứ Phúc Thái trông sang trọng. Hàng pháo cũng lôi kéo người đi chợ không thể bỏ qua. Không có pháo không ra ngày tết. Đốt pháo đã thành cổ tục. Ai cũng phải dừng lại trước hàng pháo. Nhưng đông nhất vẫn là nam giới, từ trẻ em tới người già. Trẻ em mê pháo dây, pháo xiết, pháo ném, pháo tép, những quả pháo nhỏ rời. Người lớn dùng pháo bánh, pháo cối, mỗi bánh pháo có thể gài thêm dăm quả pháo đùng. Pháo Thượng Hồng tuy có đắt chút ít nhưng nổ đều, giòn tan, nổ hết "tan như xác pháo". Nhà bình thường phải cố có pháo đốt, theo phong tục. Nhà trung lưu thì ít nhất phải mua hai bánh. Một bánh đốt lúc giao thừa, một bánh đốt vào sáng mồng một. Nhà thượng lưu thì đón khách xông nhà cũng phải một bánh, buổi hóa vàng một bánh, tới hôm khai hạ, hạ cây nêu đốt một bánh để "hết tết".

Tiếp, là hàng tranh. Thôi thì đủ loại tranh: tranh thờ, tranh chơi, tranh cầu lộc, tranh người lớn, tranh trẻ em. Tranh Hàng Trống (Hà Nội) là loại tranh thờ: Bạch hổ, Ngũ

hổ tuyệt đẹp. Tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) đề tài mở rộng: đứa trẻ trai đùa nghịch, đấu vật, hứng dừa, thầy đồ cóc, đám cưới chuột, gà trống, gà mẹ gà con, lợn đàn, lợn ỉn... hay tranh bộ tứ bình, nhị bình... đều là cảnh quen thuộc chốn nông thôn, vui vẻ, hóm hỉnh, phù hợp với lòng cầu ước thông thường của người tiểu nông xưa. Ngoài ra còn có những bức tranh như: "Ngô Quyền đánh quân Nam Hán", "Hai Bà Trưng cưỡi voi ra trận", "Hộ pháp mặt đỏ", "Hộ Pháp mặt đen" trấn cửa trừ tà; tranh: "Tiến tài", "Tiến lộc"... phản ánh lòng hâm mộ anh hùng, lòng sùng kính tôn giáo vốn nằm trong truyền thống tư duy của tổ tiên ta.

Cạnh hàng tranh là một hàng được coi là khác biệt, các bà các chị ít lui tới. Ấy là mấy cụ ông râu tóc bạc phơ, đôi mắt sáng láng sau đôi kính trắng, mặc áo the đen, quần hồng, khăn nhiễu tím, tề chỉnh ngồi trên chiếu, trước mặt là nghiên mực nho đen nhánh. Cụ xoài người, tay cầm bút lông chăm chú viết hàng câu đối liễn hồng, khách đặt mua. Chữ cụ đồ đẹp, viết kiểu nào cũng thạo: chân, thảo, triện, lệ, tùy theo ý muốn của khách hàng. Các cụ ông đi chợ, các nho sinh không thể không dừng chân, cụ đồ viết, ngắm mấy đại tự trên bức tranh hoành phi giấy, phẩm bình đôi câu và chủ yếu là thưởng thức cái hay của ý câu đối. Một đôi câu đối treo ở hai cột bên bàn thờ. Một nếp sống văn minh hay mỹ tục? Vừa là nếp sống văn minh, vừa là mỹ tục và hơn thế nữa, một lời ước thiêng liêng thông qua chữ thánh hiền như muốn quyện lấy khói hương gửi về tổ tiên âm phù cho con cháu ngày nay. Lại cũng như lời cầu nhắc nhở cuộc

sống trước mắt một phần lý tưởng gửi vào đôi câu đối mừng năm mới. Đôi câu đối đóng khuôn khu vực thờ cúng giữa nhà, làm rạng vẻ tư gia, làm vui lòng chủ khách, và là mối giao lưu giữa ông cha - quá khứ và con cháu - hiện tại mỗi mùa xuân tới.

Chợ vẫn chưa hết mặt hàng. Tết đến, lòng bà mẹ nào cũng có nỗi niềm băn khoăn như nhau. Một tấm áo mới, một manh quần hoa cho con trẻ. Tết đến, đứa trẻ nào chẳng háo hức tấm quần, manh áo mới. Hàng vải nhiều loại vải hoa, vải màu. Nhưng hàng quần áo may sẵn được chú ý hơn. Vì nó tiện lợi. Chỉ một vài ngày nữa là hết năm. Đứa con theo mẹ, mắt sáng lên, trước hàng quần áo mới. Cái nào đối với nó cũng thích. Nhưng người mẹ phải bấm bụng tính tiền. Bà chọn hàng này, hàng kia, hoa này, hoa kia, để cuối cùng "ngã giá" với con - đứa con gật đầu - ngã giá với nhà hàng, bà mới lần hầu bao rút túi tiền, đếm đi đếm lại cẩn thận, chi trả, lấy hàng. Đứa con thì vui sướng ra mặt, người mẹ hài lòng vì chiều được con trẻ. Người mẹ nghèo luôn luôn phải biết "liệu cơm gắp mắm", sắm sao cho đủ mọi thứ, trước một cái Tết gia đình.

Đi chợ mà không ăn quà là "một sự mất mát"! Chợ ngày thường đã lắm quà. Chợ tết các hàng quà lại càng rôm rả, quyến rũ hơn. Bánh tẻ, bánh nếp, bánh giò, bánh ú, bánh dầy đỗ xanh, bánh dầy giò chả, bánh dầy đường, chè lam, bánh bỏng, kẹo vừng, kẹo lạc, kẹo bột, kẹo kéo... Bún ốc, bún riêu cua, bún sườn, bún bung, bún xáo thôi thì đủ cả. Biết bao hương vị và sắc màu đồng nội ngọt ngào điều hoà và sáng tươi đôi mắt.

Nghĩ về chợ tết, cũng có nhiều chợ lạ. Tết xưa, có Thừa Thiên Huế, huyệnVĩnh Lộc có làng Mỹ Lợi, cứ mỗi dịp tết đến là phiên chợ chuyên bán thịt heo, gọi là "chợ thịt heo Mỹ Lợi". Từ ngày 20 tháng chạp, dân làng đã tìm tre dựng những cái chòi cao xinh xắn ở đầu chợ của làng. Đó sẽ là những chòi bán thịt heo phiên chợ tết. Ai muốn bán thịt heo ở chòi thì phải xin làng trước và đóng thuế. Làng cho dựng đủ chòi khớp với số người đã ghi tên. Thường chỉ khoảng trên dưới 30 chủ heo. Chợ thịt heo ngày tết ở Mỹ Lợi họp vào hai ngày cuối năm, bán dồn dập, mua tới tấp. Heo bán chợ này là heo chọn, lớn nhất, phải là heo tạ (trên dưới 1 tạ). Mỗi chòi bán đủ một con heo béo núc, làm lòng cạo lông rồi, da trắng phau. Những ngày này dân tứ xứ cũng kéo đến vừa xem, vừa mua. Chợ đông nhộn nhịp khác thường. Nhà nào muốn ăn thịt heo ngon, lá mỡ béo đều đợi phiên chợ này. Nhà nghèo túng thiếu xoay tiền chậm, cũng đến hôm ấy mới tới chợ mua thịt heo ăn tết. Người ta cứ tin thịt heo mua ở chợ này làm bánh ngon hơn, mỡ heo mua ở chợ này rán ra nhiều nước hơn. Nhưng cái thú đi chợ thịt heo là dược nghe những lời mời chào ngọt ngào của người bán hàng. Lời chào mời làm khách thấy êm tai dễ chịu như lời cầu chúc điềm lành, điềm may vào năm mới sắp tới. Nên ai cũng muốn mua chút ít: nửa cân, cả cân, 2-3 cân... Vậy là chỉ quá trưa sang chiều, chợ nào cũng hết thịt. Người bán vui, người mua cũng vui, như một sự mua bán may mắn. Chợ được giữ như một phong tục đã có từ lâu đời. Những chòi này chưa dỡ đi, để lại sau tết, nhân dịp

xuân sang, người các làng lại rủ nhau ra đây chơi bài chòi. Đây là loại cờ bạc vui xuân. Mỗi người một cửa, ngồi trong một chòi. Có một chòi chính làm trung tâm. Lối đánh bài chòi xuất phát từ tỉnh Bình Định gần giống như lối chơi tổ tôm điếm ngoài Bắc. Bài chòi xuân là một lối giải trí của những người thuộc lứa tuổi trung niên, không có mục đích ăn tiền, sát phạt nhau. Xuân qua đi, người ta cũng dỡ chòi và trở lại cuộc sống bình thường.

Còn ở làng Yên Đổ thuộc huyện Bình Lục, Nam Hà, quê cụ Tam nguyên Nguyễn Khuyến giữ một phong tục cổ truyền khác. Lệ định là cứ vào ngày 24 tháng chạp, làng họp một phiên chợ ở cánh đồng làng để nhớ ơn tiên tổ. Vì đây là đất văn vật, quê hương của nhiều danh nho, mà cụ Nguyễn Khuyến là vị tiêu biểu. Hàng năm, vào ngày 23 tháng chạp là các lều quán đã dựng xong trên cánh đồng khô ráo rìa làng. Ngày 24, từ mờ sáng, các vị thân hào, chức sắc, bô lão cùng mọi tầng lớp dân làng đều kéo tới chợ với mục đích khác nhau. Những người buôn đi phiên chợ này thường mang theo một thứ hàng không cần nhiều, cốt bán được hết chứ không cần bán giá cao, như với dụng ý bán cái rủi ro, cái dại của năm cũ đi...! (Cũng như vậy, người ta còn kể ở Nghệ - Tĩnh, ở Thừa Thiên - Huế đến phiên chợ tết có lệ đem một thứ đồ vật gì đó đi bán và rao "Có ai mua dại ra mua!". Rao vậy ai mua hay không mặc lòng. Ý nghĩa của việc làm, lời rao có lẽ dân ta nhân năm cũ, muốn trút bỏ cái xấu, cái rủi, cái dại trong thân mình; trong gia đình mình; trong tâm trí mình để cầu lấy cái may,

cái tốt cho năm mới!). Những người bạn, dù thuộc lứa tuổi nào, giới nào, gặp nhau vào dịp này thường mời nhau vào hàng quán ăn chút quà bánh ngon, uống rượu, thăm hỏi gia cảnh, nói chuyện xa gần, giãi bày tâm sự, như để giữ gìn tình bạn ngày thêm sâu nặng hơn. Nhưng nội dung của phiên chợ "Tết Đồng làng" là cuộc thi thơ và nếm rượu ở Tường Đền, tại ngôi đình gần chợ. Các thầy đồ, nho sinh cùng các vị khoa bảng quanh vùng đều nô nức kéo đến chợ, hầu như đủ mặt. Vì đến đây dường như đều suy nghĩ về thơ, dự đoán đề thi, tìm sẵn những tứ thơ và trong lòng thấy phấn chấn về buổi họp mặt kỳ thú này.

Các vị khoa bảng của làng được mời vào Ban Giám khảo. Cuộc thi mở rộng cho tất cả mọi người. Trong không khí phiên chợ Tết mà lại có thú vui tao nhã bằng cuộc thi thơ tự nhiên tạo cho mọi người một lối sống thanh cao. Cuộc thi như là cái cớ để các tao nhân mặc khách tìm đến nhau và nhân dấy khơi gợi tinh thần khuyến học cho lớp trẻ, mỗi năm mỗi tiến tới, nhân dịp đón xuân mới. Khoảng cuối giờ thìn (9 giờ sáng), ba tiếng trống dõng dạc từ đình vang lên báo hiệu cuộc thi sắp bắt đầu. Sau khi đã báo cáo Thánh, ông Chánh chủ khảo đứng ở thềm đình tuyên đọc đề thi. Các thí sinh - sĩ tử tự nguyện làm bài và nộp quyển tại chỗ. Ban Giám khảo làm việc trong đình, nhận bài bình xét và công bố ngay những bài hay. Người trúng giải được thưởng một khăn điều, một gói chè hương. Giải không lớn, nhưng niềm vinh dự lớn hơn là bài thơ được ban tổ chức mời người đọc hoặc ngâm ngay trước công chứng. Thế là

người trúng giải được tổng biết tới, được cả khách đi chợ chào đón hoan nghênh. Chén rượu thưởng kèm miếng trầu ngon làm cho đương sự thêm cảm động. Những người trúng giải được mời vào chiếu trong đình, cùng với các cụ và đặc biệt mời nếm rượu để chọn rượu thơm ngon nhất dùng trong việc tế lễ vào dịp Hội xuân. Cho nên tục thi thơ ở chợ Đồng làng Yên Đổ lại kèm theo tục "nếm rượu tại Tường Đền" được coi là rất vui và độc đáo là như vậy.

Tuy nhiên, cùng với sự suy vi của Hán học, sự tàn phá của chính sách ngu dân của chế độ thực dân tàn bạo, phiên chợ Đồng làng Yên Đổ với những mỹ tục thi thơ cũng mỗi năm, mỗi kém. Trước cảnh ấy, cụ Tam nguyên không khỏi xúc động, tức cảnh về phiên chợ của quê hương mình:

Tháng chạp, hai mươi bốn chợ Đồng
Năm nay chợ họp có đông không
Gió trời, mưa bụi, còn hồi rét
Nếm rượu Tường Đền được mấy ông
Hàng quán người về nghe xáo xác
Nợ nần năm hết hỏi lung tung
Dăm ba ngày nữa tin xuân tới
Pháo trúc[1] *nhà ai một tiếng đùng*[2]

Với các làng quê Bắc Bộ, những ngày 29-30 tháng Chạp

---

[1] *Pháo trúc:* Thế kỷ VII phát minh thuốc súng thì sau đó pháo đốt chơi cũng xuất hiện. Người ta nhồi diêm sinh cùng than xoan vào những ống tre rồi bịt kín, lèn lên chặt 2 đầu rồi đốt ngòi gây nổ. Pháo ấy gọi là bộc trúc. Pháo trúc ở đây với nghĩa như vậy.
[2] Dẫn theo Nhuệ Giang, *Yên Đổ Tùng thư*, 5-1967.

gọi là ngày áp tết. Những ngày ấy chợ làng vẫn họp, người ta vẫn đi, và người ta gọi đó là phiên chợ áp tết. Phiên chợ áp tết vẫn còn cái hối hả của người đi sắm tết, song không hừng hực sôi động như những buổi trước đó. Những người lo toan dã sắm hầu như xong mọi thứ cho tết. Nếu như hôm nay có đi chợ, người ta cũng cứ đi như đi chơi, đi thăm chợ, như một thú vui nông thôn. Còn những người bán con gà, mớ rau, quả trứng, ít hoa tươi của nhà nuôi, nhà trồng thì vẫn cố bán để thu vén thêm cho số tiền chi vào tết đã quá tốn. Những người vốn buôn bán nhỏ thì vẫn là buôn bán cho đến tận cùng của năm.

Song, dù cho thế nào, chợ áp tết thường phải kết thúc tự nhiên vào quãng quá trưa, đầu chiều. Khoảng cuối giờ ngọ, đầu giờ mùi (13-14 giờ) là chợ bắt đầu vãn. Vì buổi chiều 30 tháng chạp, những giờ còn lại của năm cũ ngắn ngủi này mỗi nhà có biết bao việc phải làm, người ta sấp ngửa về nhà làm cho xong. Chỉ còn chiều nay, đến nửa đêm nay, mọi việc cũ phải xong, phải đón năm mới sao cho sang trọng, chu đáo nhất.

Dù chợ tết, chợ áp tết có đông vui, quan trọng bao nhiêu cũng là để chuẩn bị cho cái tết từng gia đình hoàn hảo bấy nhiêu mà thôi.

2. Tết đến từng nhà

Hàng tết ở chợ càng vơi đi bao nhiêu thì cái tết từng nhà càng sung túc và công việc sửa soạn trong mỗi gia đình càng bận rộn bấy nhiêu.

Từ rằm tháng Chạp, người ta bắt đầu dọn dẹp nhà cửa,

trang trí nội thất. Dân ta lấy tín ngưỡng thờ tổ tiên làm đạo gốc nên bàn thờ gia tiên được chú ý trước hết. Bàn thờ gia tiên (hay bàn thờ tổ tiên) bao giờ cũng được kê ở gian giữa, nơi trang trọng, thanh cao nhất của ngôi nhà.

Bàn thờ gia tiên: Với gia đình sung túc, bàn thờ gia tiên chia làm 2 phần: phần trong và phần ngoài.

Phần trong sát ngay tường hậu gian giữa, kê chiếc sập sơn son thếp vàng trên đôi mễ cao khoảng 1m. Sát tường là thần chủ (hoặc bài vị) đựng trong khám, đặt trên một bệ. Nếu không để Thần chủ thì thay bằng một cỗ ỷ hoặc cỗ ngai[1] tượng trưng ngôi vị tổ tiên.

Trước cỗ ỷ là hai chiếc mâm có chân, hình chữ nhật, chiếc trong nhỏ, trên đặt chiếc tam sơn. Tam sơn là một thứ đồ thờ bằng gỗ chia ba phần bằng nhau như ba bệ liền thân: bệ giữa nhô cao, hai bệ 2 bên thấp ngang nhau. Tam sơn dùng để lễ vật: rượu, nước. Còn chiếc mâm thứ hai to hơn (ước 80 cm x 60 cm), dùng để cỗ mặn trong ngày cúng giỗ, lễ tiết. Lớp trong này ngăn cách với lớp ngoài bằng chiếc y môn (màn thờ) màu đỏ bằng the hoặc vải tuỳ ý.

Lớp ngoài bắt đầu từ y môn ra. sát y môn là một hương án cao, sơn son thếp vàng. Chính giữa hương án là một bình hương bằng sứ để cắm hương. Sát sau bình hương là cái kỷ nhỏ trên có ba đài gỗ có nắp đặt ba chén rượu. Hai cây đèn đối xứng nhau ở hai bên bình hương. Nhà cầu kỳ lại sắm

---

[1] Ỷ cũng như ngai. Khác nhau là: 2 tay ỷ mình trúc (chạm gỗ thành đốt như thân trúc) và đầu ỷ không chạm đầu rồng. Nhà dân thường dùng ỷ - ngai: đầu tay ngai là đầu rồng. Nhà quan mới được dùng ngai. Ngai thường thờ thần, thờ vua.

thêm hai con hạc (gỗ hoặc đồng) trên miệng cũng loe lá sen để đặt đĩa đèn (xưa, đèn thắp bằng dầu lạc, bấc để trong đĩa) hoặc nến. Cạnh mỗi đĩa đèn là một ống hương chân tiện, miệng hơi loe, dùng để đựng hương. Lại có thể có thêm hai lọ độc bình, đặt hai bên, sau con hạc. Ở giữa, trước bình hương là mâm bồng sơn son chân tiện để đựng ngũ quả. Nhà được triều đình sắc phong phẩm trật thì bày thêm hòm sắc. Nhà có người làm quan văn, hoặc đỗ đạt thì có cờ, biển, chiêng, trống. Nhà có người làm quan võ lập được công thì bày đủ bộ "Bát bửu" (dùi đồng, phủ việt, đại côn, mâu kích...) bằng gỗ sơn son thếp vàng hoặc bằng đồng. Phía trên đằng trước treo bức "Hoành phi" hoặc "Đại tự" trên Hoành phi thường viết 3-4 chữ thật tốt, khắc chìm, ca ngợi công đức chung chung như "Đức duy hinh" (đức giữ tiếng thơm); "Đức lưu quang" (đức giữ sự sáng láng); "Mộc hữu bản" (cây có gốc). Ngoài Hoành phi, bên trên còn cuốn thư cũng rất đẹp. Hai bên bàn thờ thường là mấy đôi cột gỗ vừa là kiến trúc nhà gỗ cổ, vừa làm cho khu vực thờ thêm thiêng, kín, vuông vức. Trên những cột ấy, người ta treo câu đối, mà nội dung, ý nghĩa thường là ca ngợi chung các gia cảnh, hoặc ý ứng riêng cho từng nhà.

Tổ tông công đức thiên niên thịnh
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương
(Công đức tổ tiên cường thịnh ngàn năm
Con cháu hiếu thảo tốt đẹp muôn đời)

Những đồ thờ trên làm bằng 3 loại chất liệu: gỗ, đồng, sứ (hoặc sành). Những gia đình dân dã sắm đủ như trên cũng đã là khó khăn nên chỉ bằng gỗ mít (ít mọt, mùi

thơm), hơn tí chút thì sơn son thếp vàng. Song ở những nhà gia thế hoặc buôn bán khá giả thì tự khí đều bằng đồng và sứ, thậm chí sứ Giang Tây chính gốc. Là đồ đồng thì lại hợp thành bộ: tam sự, ngũ sự, thất sự. Trong bộ tam sự thì chiếc đỉnh đồng để đốt trầm thay bình hương, và hai bên là hai con hạc đồng đứng trên con rùa, mỏ ngậm cuống lá sen, lá sen xoè phía trên để hoặc đặt đĩa dầu, hoặc cắm nến đều được. Bộ ngũ sự thì có thêm hai ống hương, bộ thất sự thì có thêm đôi đèn nữa. Phía trước y môn thường treo một chiếc đèn gọi là tự đăng. Xưa, tự đăng là chiếc đèn lồng ở trong là đĩa dầu thắp bấc, sau thay bằng đèn dầu hoả 3 dây: sau nữa, ở đô thị thường là ngọn đèn điện. Vào dịp tết, tự đăng được thắp suốt đêm ngày, vì con cháu nghĩ rằng dịp này hương hồn tổ tiên lúc nào cũng hiện diện trên bàn thờ nên phải có ánh sáng cho hương hồn người đã khuất.

Khoảng từ 16 đến 20 tháng Chạp bàn thờ phải được sang sửa dọn dẹp, đồ thờ được đem ra đánh bóng (đồ đồng) hoặc lau chùi tỉ mỉ, cẩn thận, đẹp như mới. Một năm vài ba lần hoặc đón xuân, hoặc giỗ chạp, gia chủ phải nhất nhất tỏ lòng hiếu kính. Bởi vì "sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn" (khi sống thế nào, khi chết cũng thế), người xưa phải thờ cúng người qua đời bằng những tự khí đẹp đã đành, về lễ vật cũng vậy. Phải dâng cúng người qua đời bằng đồ ăn thức uống như lúc còn sống. Những lễ vật sắm dần, tới đâu bày luôn tới đó. Trước hết là vàng, hương (vàng, giấy, vàng thoi, hương sào, hương nén, hương vòng) trầm, nến, hoa giấy. Các vách được quét lớp vôi trắng mới, sáng nhà, phong quang khác hẳn.

3. Ông Táo và tết ông Táo

Không khí tết rõ nhất là ngày 23 tháng Chạp, ngày Táo quân triều thiên, hay là ông Táo chầu trời. Nhà ai cũng phải sửa lễ tiễn ông Táo lên trời.

Nhưng, ông Táo là ai, và được quan niệm như thế nào?

Người ta còn gọi ông Táo là "ông đầu rau" hay "Ba ông đầu rau" hay còn gọi là "ông Núc Bếp". Có cách gọi trân trọng hơn: "Vua bếp" hoặc, nói chữ nghĩa, người ta gọi là táo quân hay Táo công (người dân gọi tắt là ông Công). "Đất có Thổ công, sông có Hà bá". Như vậy, Thổ công là thần trông coi mọi việc trong nhà của từng gia đình. Ông là vị thần quan trọng nhất, được suy tôn là "Đệ nhất gia chi chủ". Không những ông là vị thần định đoạt may rủi, phúc họa, mà còn ngăn cấm ma quỷ nơi khác tới, giữ bình yên cho mọi người trong nhà.

Vậy là người cùng với tín ngưỡng thờ tổ tiên, người Việt còn tôn thờ Thổ công như một vị thần tại gia. Tín ngưỡng Thổ công nhuốm màu Đạo giáo và đã tôn thờ thì đều có bàn thờ. Thông thường, bàn thời Thổ công đặt ngay bên bàn thờ Tổ tiên, nhưng nhỏ hơn, giản dị hơn. Trên án hương có mâm nhỏ, ba đài rượu và bài vị, bình hương, đôi nến. Thay bài vị hoặc cùng với bài vị có cỗ mũ mã ba chiếc: 1 mũ đàn bà, màu vàng để giữa; 2 mũ đàn ông, màu đen, hai bên, tượng trưng "hai ông một bà"[1]. Có nơi chỉ đặt 1 mũ nam

---

[1] **Sự tích:** "Xưa có hai vợ chồng Trọng Cao, Thị Nhi, không có con, buồn phiền thường cãi nhau. Một hôm, Trọng Cao giận quá, đánh vợ,

cùng 1 đôi hia. Mũ nam có cánh chuông vút lên hai bên. Cỗ mũ đặt trên chiếc bệ bằng mã. Mỗi mũ lại kèm theo 1 áo và một đôi hia để trên bệ giấy. Dưới mỗi mũ để 100 vàng thoi. Thực ra mũ áo này thay đổi hàng năm, màu sắc phụ thuộc vào màu sắc của ngũ hành[1]. Vì vậy, ở bài vị bàn thờ Thổ công người ta ghi cả ba danh hiệu của ba vị thần (Thổ công, Thổ địa, Thổ kỳ) và đề ra sau:

"Đông trù tư mệnh, Táo phủ thần quân
Thổ địa long mạch tôn thần
Ngũ phương ngũ thổ phúc đức chính thần".

Thị Nhi bỏ đi, gặp Phạm Lang liền thành vợ chồng. Trọng Cao hối hận đi tìm vợ, hết tiền ăn đường, phải hành khất độ nhật. Buổi ấy Trọng Cao vào nhà kia xin ăn. Bà chủ mang cơm cho, nhận ra Trọng Cao. Trọng Cao cũng chợt nhận ra bà chủ chính là Thị Nhi. Thị Nhi hậu đãi chồng cũ, nhưng sợ chồng mới ngờ vực, liền bảo Trọng Cao ẩn trong đống rơm, Phạm Lang đi vắng về, chợt nhớ phải có tro bón ruộng, liền đốt đống rơm lấy tro. Trọng Cao bị đốt chết. Xót xa nghĩa cũ tình xưa, Thị Nhi cũng nhảy vào lửa chết theo. Phạm Lang và cả người đầy tớ xông vào lửa cứu cũng bị thiêu nốt, Ngọc Hoàng cảm kích, cho 3 người làm Táo quân, giao cho mỗi người một việc: Phạm Lang là Thổ công, trông nom việc bếp núc. Trọng Cao là Thổ địa trông coi việc trong nhà. Thị Nhi là Thổ kỳ trông nom việc chợ búa và rau màu ở vườn nhà.

+ *"Ông đầu rau"* là 3 hòn đất nung để kê nồi lên nấu nướng. Người miền Trung gọi là ông Núc. Người miền Bắc gọi hòn đất giữa là "đầu rau cái" 2 hòn 2 bên là "đầu rau đực". Ở giữa hòn đất nung có để 1 hòn đá, đó là tượng trưng người đầy tớ.

+ Xem thêm *"Sự tích ông đầu rau"* ở phần PHỤ LỤC

[1] Năm hành Kim thì mũ màu VÀNG. Năm hành Mộc, mũ màu TRẮNG. Năm hành Thủy, mũ màu XANH. Năm hành Hỏa, mũ màu ĐỎ. Năm hành Thổ, mũ màu ĐEN.

Có nơi bài vị này thu gọn là: "Định phúc Táo quân" (Ông Vua Táo quy định phúc đức từng nhà). Phúc đức này do gia chủ và người trong nhà tạo ra trong từng năm, tức là ăn ở, cư xử xấu hay tốt trong một năm. Mỗi lần sửa lễ cúng ông Công, người ta đều đốt bài vị cũ, thay bài vị mới.

Bàn thờ Táo quân, cũng được định vị khác nhau, tùy địa phương. Có nơi đặt bệ thờ Táo quân ngay trên khuôn bếp. Trên tường bếp treo bức tranh Táo quân, áo mũ tề chính như vị quan triều đình, mặt đen. Có nơi, như ở Hà Tiên, không thờ tại bếp, cũng không hề kê bàn thờ Tổ tiên mà thờ ông Táo công ở vách giữa phía sau nhà. Ở chỗ này, người ta không đặt bệ thờ mà chỉ treo tấm ván hình chữ nhật dài 1m50 - 2m, rộng 50 cm - 60 cm. Tấm ván chính là bàn thờ, bàn thờ treo. Lễ vật thường là hương, hoa, quả trầu, rượu, đĩa xôi, con gà hay miếng thịt heo. Với nơi sùng tín, người ta cúng Thổ công mỗi tháng 2 lần vào dịp sóc vọng (mồng một, ngày rằm) như ở xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa chẳng hạn. Lễ cúng này đơn giản, thường là hương hoa, trầu rượu. Cũng có nơi cúng đồ mặn (xôi gà hoặc chân giò). Hoặc dịp giỗ, gia đình cúng tổ tiên, đồng thời cũng cúng Thổ công. Còn lễ cúng Thổ công quan trọng nhất hàng năm là ngày Tết ông Táo 23 tháng Chạp như đã trình bày. Ngày này ông Táo sẽ lên trình báo với Ngọc Hoàng mọi việc tai nghe mắt thấy ở trần gian trong năm qua để định phúc - họa cho từng gia đình. Do niềm tin mà người xưa tự nhắc nhủ phải sống sao cho hợp đạo lý, hòa hợp với nhân tinh thế thái để cả nhà được bình yên, hưởng

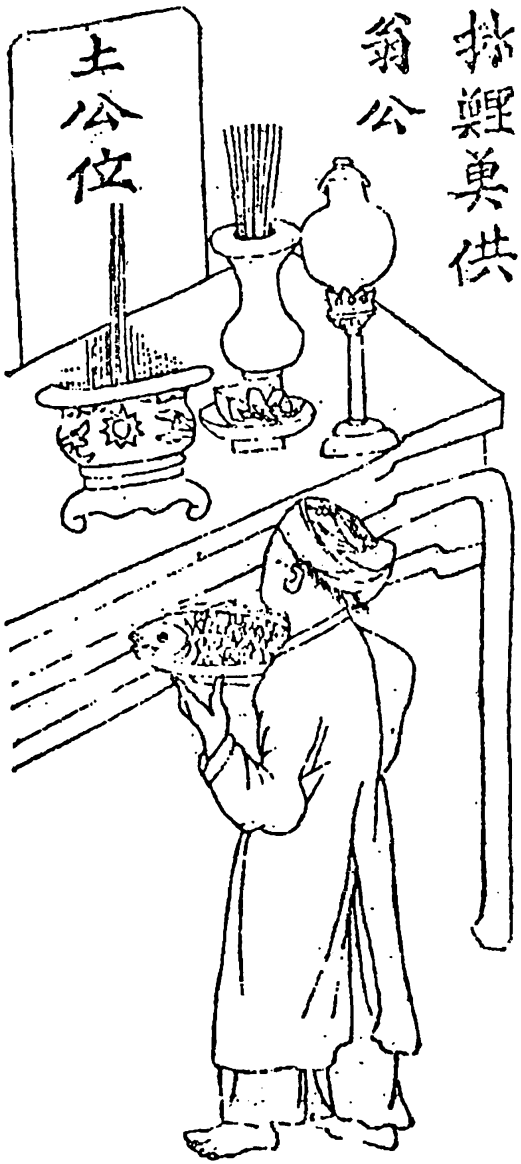
抹鯉奠供
翁公
土公位

phúc lành. Đồng thời lễ cúng ông Công chầu trời được cử hành chu đáo, kính cẩn và lễ vật là mâm cỗ mặn[1].

Sau khi lễ xong thì hóa vàng, hóa luôn cả cỗ mũ năm trước. Mỗi gia chủ mua con cá chép còn sống, thả ở chậu nước, để tặng ông Công. Cá này được phóng sinh ở ao, chuôm hoặc sông, cá sẽ hóa rồng để ông Công cưỡi lên chầu trời. Ở các làng quê Bắc Bộ là như vậy. Còn miền Trung, ông Táo lại cưỡi con ngựa đồ mã đủ yên cương chững chạc. Và ở miền Nam, ông Táo được dâng cặp giò, tức cặp hia - mã.

Từ ngày 23 tháng Chạp ông Táo lên thiên đình.

Ngày 30 tháng Chạp ông trở về nhân gian, bắt đầu công việc của năm mới, mà Tết Nguyên đán là ngày mở đầu thiêng liêng và long trọng.

"Về triết lý, cái bộ ba một thần linh tính nữ hai thần linh tính nam trong toàn miền Nam Á là biểu tượng của tổ tiên, dù là tổ tiên tô tem giáo, anh hùng văn hóa, tổ tiên huyền thoại hay tổ tiên thực sự theo quan hệ quyến thuộc của ngày sau. Dân tộc học cho chúng ta biết ở người Khơ Mú (Tây Bắc) ba đầu bếp được gọi là "tại gia"nghĩa là ông bà, tổ tiên. Dù sau này đã có kiềng sắt thì người Mường vẫn để một hòn đá cạnh kiềng làm biểu tượng ông Núc tổ

[1] Ở Hà Tiên, ông Táo còn có chức năng bảo hộ sinh mệnh con nhỏ của gia chủ. Nếu đứa trẻ yếu đuối, oặt oẹo luôn, gia chủ sẽ làm lễ bán khoán con cho ông Táo. Tới 10 tuổi trẻ đã khoẻ mạnh bình thường, bố mẹ trẻ làm lễ xin chuộc con và tạ ơn Thần (tức Vua Bếp).

tiên. Và chủ nhân văn hóa Hòa Bình trước đây một vạn năm rõ ràng làm ba đầu rau bằng ba tảng đá cuội. Các di tích đầu thời đại sắt Việt Nam (2300 năm cách ngày nay) như Đường Mây (Hà Nội), Nội Cầm (Bắc Ninh)... đã tìm thấy những đầu rau bếp bằng đất nung không khác gì ngày nay. Tục thờ đá chuyển hóa thành tục thờ ông Táo, rõ ràng là có sự can thiệp của dạo giáo"[1].

Nói tới ông Táo, Vua Bếp cũng là nói tới lửa.

Về mặt xã hội, loài người từ khi biết dùng lửa đã chuyển mình sang bước ngoặt mới, tiến bộ về mặt kỹ thuật và lối sống. Người ta quý lửa, giữ lửa và tôn lửa thành thần. Thần lửa, kinh Vệ đà (Védas) cho biết, 4000 năm trước Công ıguyên, những tù trưởng Lạt Ma (Rama) ở phía Bắc Tây Tạng (Tibet) đã thờ thần lửa và gọi là A - chi - ni (Agni)[2]. Thần lửa sống ở Bếp. Xã hội tiến triển, gia đình là tổ chức hạt nhân của xã hội thì Bếp lửa là biểu tượng của một gia đình, một hộ, một tổ ấm[3]. Thần Lửa thành Vua Bếp, là Vua Bếp của từng nhà. Cho nên vào mỗi dịp tuần tiết, gỗ chạp hàng năm, người ta phải cúng Thần Bếp (Táo quân) vốn là vang bóng của tục thờ lửa ngày xưa.

Về thời cổ, Lửa cũng như Nước, là phương tiện tẩy

---

[1]Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*... NXB Văn hóa, H. 1976, tr. 59,60.

[2] Vân Thạch, *Tết Táo quân*, Tri Tân số 33, năm 1942, Tr. 20.

[3] Tiếng Pháp là FOYER với 3 nghĩa: Bếp lửa, gia đình, trung tâm.

sạch, thanh khiết hóa. Một bà, hai ông đâm đầu vào lửa là hình ảnh đầu tiên của "nghi lễ thanh khiết"[1].

Ngoài ra cũng theo quan niệm và tín ngưỡng cổ, dân ta tin rằng có lẽ ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc - ngoài các vị thần hữu danh và vô danh, còn có các thần thời gian nữa, gọi là "Đại vương hành khiển". Có 12 Đại vương hành khiển ứng với thập nhi chi, tính theo lịch âm. Mỗi vị có trách nhiệm trông coi nhân gian một năm. Có ý kiến cho rằng ngày các vị cũ ra đi và các vị mới xuống nhân gian trùng với ngày ông Táo lên trời (23/12) và trở về mặt đất (30/12). Mỗi vị hành khiển có 1 vị phán quan giúp việc[2].

NĂM TÝ: Chu vương hành khiển, thiên ôn hành binh chi thần. Lý Tào phán quan.

NĂM SỬU: Triệu vương hành khiển, tam thập lục phương hành binh chi thần. Khúc Tào phán quan.

NĂM DẦN: Ngụy vương hành khiển. Mộc tinh chi thần. Tiêu Tào phán quan.

---

[1] *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*... Sdd, Tr. 60.

[2] "Tục ta tin rằng mỗi năm có một ông hành khiển, coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia, cho nên cúng tế để tiễn đưa chân ông cũ mà đón ông mới". *Việt Nam phong tục*. Phan Kế Bính, Sdd.

Mỗi vị hành khiển đều có 1 phán quan phụ tá. Đại vương hành khiển lo thi hành mệnh lệnh của Ngọc Hoàng Thượng đế và trình lên Ngọc Hoàng những việc đã xảy ra. Vị phán quan lo ghi chép công tội của mọi người, việc phải trái mọi nhà, các thôn làng, trong cả nước. Tính cách các vị hành khiển, cũng khác nhau: hoặc nhân đức, hoặc khắc nghiệt. Khi có nạn đao binh, thủy tai, hỏa hoạn, người ta nghĩ rằng đó là do các vị hành khiển trừng phạt nhân gian...

NĂM MÃO: Trịnh vương hành khiển, Thạch tinh chi thần. Kiêu Tào phán quan.

NĂM THÌN: Sở vương hành khiển, Hỏa tinh chi thần. Biểu Tào phán quan

NĂM TỴ: Ngô vương hành khiển, Thiên hải chi thần. Hứa Tào phán quan

NĂM NGỌ: Tân vương hành khiển, Thiên hao chi thần. Nhân Tào phán quan

NĂM MÙI: Tống vương hành khiển, Ngũ đạo chi thần. Lâm Tào phán quan

NĂM THÂN: Tề vương hành khiển, Ngũ miếu chi thần. Tống Tào phán quan

NĂM DẬU: Lỗ vương hành khiển, Ngũ nhạc chi thần. Sự Tào phán quan

NĂM TUẤT: Việt vương hành khiển, Thiên bá chi thần. Thành Tào phán quan

NĂM HỢI: Lưu vương hành khiển, Ngũ ôn chi thần. Nguyễn Tào phán quan.

(Dẫn theo Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam, Thượng,* Sài gòn 1967, Tr. 139 -192).

LỄ TIỄN ÔNG VẢI: Có nhà, từ rằm tháng Chạp đã bắt đầu lo mọi việc cho tết. Có nhà, từ ngày 23 tháng Chạp, sau lễ cúng ông Công mới thật sự bắt tay vào lo tết. Vì chỉ từ lúc này nó mới cần đến những chuyện như thế. Ví như lễ tiễn ông Vải. Làm sớm quá e mang tiếng với các bậc gia tiên. Vì gia tiên có khi vẫn ngự ở nơi thờ tự được gọi chung

là ông Vải, hoặc ông Bà, ông Vải. Người xưa nghĩ rằng, ông Vải về cuối năm cũng muốn "đi đây đó" ít bữa, cho con cháu dọn dẹp, thu xếp, bày biện lại bàn thờ cho sạch, cho mới, mình về ngự thì sẽ tốt, sẽ tiện cho con cháu hơn. Mà con cháu cũng thấy khi lau chùi, dọn dẹp bày biện lại bàn thờ nó vốn là là việc tạp, ông Vải không cần chứng kiến. Trong việc dọn dẹp bàn thờ, người ta muốn bỏ những chân nhang cũ đi, để thay bát nhang mới trong dịp chào đón năm mới. Những chân nhang này phải bỏ hết đem đốt nơi thanh sạch hoặc đem đổ xuống sông, xuống hồ, kể cả tro. Sau khi lau sạch bát nhang, người ta thay tro mới. Lễ này thường làm vào ngày 25 tháng chạp.

LỄ TẠ TRƯỜNG: Cũng ngày 25 này, các nho sinh làm lễ tạ trường, sửa tuần hương, gói chè, chai rượu, tề tựu đong đủ nhà thầy, xin phép thầy cho bày lễ vật, thắp hương, lễ gia tiên nhà thầy, rồi chân thành chúc sức khoẻ thầy vui vẻ truyền giảng cho chữ nghĩa thánh hiền...Thầy cũng đáp lại lễ nghĩa của trò, để cả buổi học cuối năm kể những câu chuyện hay về cửa Khổng sân Trình với ngụ ý khuyên răn kẻ hậu sinh cần tu chí mới nên người.

BIẾU THẦY LANG: Những gia đình trong năm có người ốm mà tai qua nạn khỏi, những ngày cuối năm này phải nhớ tới thầy lang. Nhờ thầy, mình mới được cùng gia đình, tổ tiên đón mừng năm mới. Ơn chữa lành bệnh đã to, ơn cứu sống càng lớn bội phần. Một đôi chim câu, hay đôi gà trống thiến hay yến gạo nếp... đều được cả vì không thể lấy gì so sánh với sức khoẻ con người được. Vả lại, dân ta

quen sống bằng ân nghĩa. Có ơn phải nhớ, có nghĩa phải đền, các cụ dạy thế.

ĐI TẾT (*con nợ và chủ nợ):*

Chỉ có nhà nghèo là lúng túng quẩn quanh. Tiền sắm tết còn chẳng có lấy gì để trang trải nợ nần? Thế nào rồi chủ nợ cũng đến. Không chủ nợ nào muốn để nợ lưu niên. Vả lại, Tết, ai chẳng cần tiền. Biết bao nhiêu cho đủ. Con nợ thường lo mất ăn mất ngủ. Xưa, các cụ nói, không trả được nợ thì phải trả lễ. Mang lễ đến biếu chủ nợ vào dịp tết, gọi là "đi tết". Gọi thế, nhưng đó như một khoản trả nợ, mà không được tính đến. "Đi tết" là cốt xin khất thêm với chủ nợ một hạn nữa. Muốn thế, lễ vật phải hậu, chuyện mới xong, mới có thể ăn tết yên lành được. Ý nghĩ của người nghèo trước tết thường là ý nghĩ xót xa:

Ai sinh cái tết làm chi
Để cho kẻ khó vậy thì khổ thêm!

Đã nghèo lại đông con càng khổ. Tết là ăn, chơi. Tết cũng là may mặc. Cái thời "kinh tế"[1] các cụ cho biết một gánh thóc [2] bán đi thường chỉ mua nổi một bộ quần áo vải thô xấu. Cho nên, người ta lại viết câu đối mỉa mai:

Năm ngoái Tết! Năm nay Tết! Tết mai!
Đứa lớn thầy! Đứa nhỏ thầy! Thầy đây!

---

[1] Đúng ra là thời kỳ *"khủng hoảng kinh tế"* ở Đông Dương. Giá thóc gạo hạ quá mức, nông thôn đói kém vì thóc không bán được (khoảng 1929 - 1932).

[2] Một gánh thóc tương đương 40kg.

GỬI TẾT: Tết đến, trung tâm quy tụ của gia đình về không gian là bàn thờ tổ tiên, trung tâm quy tụ thời gian là bữa ăn - mâm cỗ ngày tết. Riêng chuyện bàn thờ và lễ vật dâng cúng luôn luôn là việc phải coi trọng hàng đầu. Con cái trong gia đình đã lớn ra ở riêng hết thì tết đều phải quy tụ về nhà anh cả - con trưởng. Ông cả (con trưởng) phải chịu trách nhiệm cúng vái tổ tiên thay mặt cả nhà. Vì vậy có tục lệ là ngành thứ, từ con thứ trở xuống, là tết phải gửi lễ hoặc gửi cỗ cúng tới nhà anh cả để cùng tưởng niệm tổ tiên.

Đã là lễ nghĩa thì phải lo đủ những thứ đã định: gà, hoa quả, vàng hương. Nhất là vàng. Ngành trực thống gửi vàng hoa, ngành khác gửi vàng hồ, vàng lá. Vàng hoa là loại vàng thoi làm bằng toàn giấy màu vàng, tượng trưng cho vàng thoi. Gọi nghìn vàng tức là 1000 thoi nhỏ có dán hoa và giấy kính. Vàng hồ là vàng của làng Hồ (Bắc Ninh) làm ra: 1/3 những thoi vàng bằng giấy bồi vàng, còn 2/3 lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng cũng đính mặt kính trang kim. Làm như thế, một phần chứng tỏ con nhà gia giáo, một phần cũng là góp lễ giúp anh trưởng (ông Cả) đỡ nặng nề tốn phí, tức là cũng nhận rõ trách nhiệm đạo lý với tổ tiên.

BIẾU TẾT: "Gửi tết" rồi lại lo "biếu tết". Biết bao người chúng ta quan hệ trong năm, giờ ngồi nhớ lại, điểm lại: những bạn bè thân thích, những người quen biết giúp đỡ mình việc này việc khác, do lòng tốt của người ta mà mình được việc. Nay nhân tết đến xuân sang, cũng phải lo "tri ân" gọi là có chút quà tết để tỏ là "vẫn nhớ tới nhau",

chuyện tốt đối xử với nhau là không quên được. Dù chỉ là gói chè hay hộp mứt đơn giản mà cũng dễ làm xúc động lòng nhau, mà cái lõi vẫn là muốn "giữ bền phong tục" [1].

VỀ QUÊ ĂN TẾT: Lại còn người xa quê, xa nhà xa cửa, âu cũng là một tâm trạng khó giãi bày. Hễ cứ tết đến là mọi nẻo đường về làng xóm vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, người ta có thể thấy từng tốp, từng tốp người, tay sách nách mang nào túi, nào bị, nào vali, làn, giỏ, gói đủ thứ to nhỏ, có khi cả gia đình vợ chồng con cái lếch thếch kéo về quê ăn tết. Mệt mỏi và tốn kém biết mấy, lên tàu, xuống xe, đi bộ vượt mấy con đê, vượt mấy cánh đồng cũng lần cho bằng được về tới làng mình, vào tới nhà mình để nhìn lại cây cau, bụi chuối, ngôi nhà và bao nét mặt, tiếng nói người thân, máu mủ ruột rà. Hàng năm trời, cả người ở xa quê - người ở nhà đều ngong ngóng tin nhau. Lại còn phải ra sửa mộ, thắp một nén hương cho người dưới mộ, thắp nén hương trên bàn thờ, để có ít phút nhớ tổ tiên xưa, những lớp người để lại cho con cháu cơ ngơi hôm nay. Lại họ hàng, làng xóm biết bao chuyện cũ hay dở, ân tình đều được hồi tưởng để gần gũi nhau thêm. Về

---

[1] **Tục biếu quà nhau ngày tết:** "Vào đầu năm tại đây - miền Nam - người ta có tục biếu quà nhau. Người ta thường đem biếu lợn, gà, trứng, cam, các loại bánh kẹo. Thường là người dưới biếu người trên; quan lại biếu nhà chúa; lính biếu người chỉ huy; người ốm tết thầy thuốc; giáo dân tết các cha đạo; học trò tết thầy; đầy tớ tết chủ. ("*Tết đàng trong*" - Jean Koffler (Tu sĩ) viết, vào thế kỷ XVIII (1740 - 1755). Theo "*Mùa xuân và phong tục Việt Nam*". Sđd , tr. 53-54.

quê ăn tết, tức là tìm về nguồn cội, về niềm hy vọng bất diệt của họ hàng, dòng giống mình, là cùng chan hoà niềm vui và tình thương yêu, nhắc nhở và như ca ngợi những kỷ niệm êm đẹp về đời sống hạnh phúc ngày xưa để cùng nhau xây dựng hạnh phúc ngày nay vậy...

SỬA SOẠN BÀN THỜ: 27, rồi 28 tết. Tối hôm nay thì phải bày xong bàn thờ, trang hoàng xong nhà cửa. Mâm ngũ quả tươi tắn đủ màu: đỏ của hồng, xanh của chuối, vàng của bưởi, vàng đậm của cam quýt, xanh tươi của táo,... tất cả chen nhau đầy tròn trên mâm bồng thật vui, thật đẹp mắt, giữa bàn thờ. Hương trầm, hoa giấy, pháo vàng, nến đã có đủ. Hai cây mía tím, để dài cả ngọn dựng 2 bên cạnh bàn thờ. Mấy đĩa đèn đã đổ dầu đặt bấc. Ngọn tự đăng treo lơ lửng phía trên đã lau sạch bóng, đổ đầy phao dầu. Mọi đồ tự khí đều như mới, trong sáng, thanh tịnh.

CÂU ĐỐI TẾT: Nhà trung lưu thuở xưa làm bằng gỗ, nhiều cột. Hai bên bàn thờ là hai hàng cột. Phía trên bàn thờ là hoành phi, cuốn thư, còn hai hàng cột phải treo câu đối hoặc liễn. Có câu đối gỗ sơn son thiếp vàng để vĩnh cửu. Có câu đối giấy bồi - gọi là liễn - thay đổi từng năm cho mới, cho phù hợp với gia cảnh từng năm. Những đôi câu đối treo trên cột làm cho không gian thờ cúng thành vuông vức, như có khuôn phép, tạo cho không khí quanh bàn thờ thêm long trọng linh thiêng.

Treo câu đối là một tục chơi của văn nhân nho nhã. Dù bàn thờ đặt đầy đủ lễ vật, hương đăng nghi ngút, sáng trưng

nhưng thiếu đôi câu đối đó, vẫn như là thiếu một cái gì trong không khí tết.

Ngày thường câu đối chỉ treo hai bên bàn thờ. Còn ngày tết thì khác hẳn. Người ham mê và muốn giữ tục cũ thì chơi câu đối giấy và dán từ cổng vào đến trong nhà. Có câu đối nó cũng thêm vui mắt như thêm hoa, chậu cảnh, tranh tết vậy. Ở cổng ngõ, câu đối dán hai bên trụ:

Môn đa khách đáo thiên tài đáo
Gia hữu nhân lai vạn vật lai
(Cửa nhiều khách đến, nhiều tiền đến
Nhà có người vào, lắm vật vào)

Nhà mong có khách để được tiếp đãi, thoả lòng hiếu khách. Tài vật ở đây như biểu trưng cho sự thịnh vượng, vì người ra vào tấp nập gây không khí vui tươi cùng với mùa xuân đang đổi mới. Qua sân, đến hiên nhà, hàng cột hiên cũng dán một đôi:

Sơn thuỷ thanh cao xuân bất tận
Thần tiên lạc thú cảnh trường sinh
(Phong cảnh thanh cao xuân mãi mãi
Thần tiên vui thú cảnh đời đời)

Rồi vào trong nhà, nội dung câu đối càng thiết thực, gần gũi hơn, tuy vẫn hướng về những điều chung, mọi nhà đều có thể treo:

Thiên tăng tuế nguyệt, niên tăng thọ
Xuân mãn càn khôn, phúc mãn đường
(Trời thêm năm tháng, tuổi thêm thọ
Xuân khắp đất trời, phúc khắp nhà)

Hoặc:

Tổ tông công đức thiên niên thịnh
Tử hiếu tôn hiền vạn đại vương
(Công đức tổ tiên nghìn năm thịnh
Hiếu hiền con cháu vạn đời ngay)

Hoặc có những câu nói lên những điều ước ao bình dị, ai thấy cũng hợp lẽ:

Tân niên hạnh phúc bình an tiến
Xuân nhật vinh hoa, phú quý lai
(Năm mới, hạnh phúc bình an đến
Ngày xuân vinh hoa, phú quý về)

Treo câu đối, "chơi" câu đối là một lối sống có văn hoá, một lối chơi văn hóa của tao nhân mặc khách xưa. Thường nội dung câu đối biểu hiện một ý niệm triết lý nhân sinh, hoặc là ca ngợi tiên hiền, hoặc đề cao đạo lý, hay nói lên lý tưởng cuộc sống bình dị của con người thương tình; cầu mong phúc, lộc, thọ, khang, ninh; hoặc nói lên chí khí, ước vọng thanh cao của con người đối với nhân quần thế thái, đất nước non sông...

Câu đối trong đời thường hàng ngày là một lối chơi chữ thông minh của người xưa; lối chơi giải trí có tính chất trí tuệ (trong những cuộc ra vế đối thách đối; hoặc thử tài nhau).

Nhưng ngày tết cứ phải là treo câu đối đỏ, màu đỏ vốn là màu tươi sáng đã đành, theo quan niệm dân gian, màu đỏ là biểu hiện của sức sống (máu, lửa), đem lại sức sống mới trong mùa xuân tới... và phải là câu đối ĐỎ thì mới dậy màu bánh chưng XANH...

TRANH TẾT: Bàn thờ đã bày biện xong, câu đối đã treo, dán đủ từ cổng vào nhà. Nhà cửa sáng ra đã sạch sẽ bụi bặm, mạng nhện và đặc biệt bởi lớp vôi mới, trắng toát ba phía vách gian giữa nhà giữa. Song trang hoàng nhà cửa vẫn còn thiếu thứ không thể thiếu được, đó là tranh tết. Nói đến tranh tết không chỉ là nói đến thú chơi tranh mà chính là những quan niệm về tranh tết của người nông dân thuở xưa. Tết mà không có tranh, gian nhà như trơ trẽn, trống rỗng, thiếu sự hoà hợp sắc màu, và đặc biệt thiếu sự hỗ trợ, hưởng ứng tinh thần. Có loại tranh hợp với trẻ en., có loại hợp với người lớn.

Những nhà có học ít chữ thành hiền thích loại tranh bộ như Nhị bình (bộ 2 bức), như Chim công múa - Cá chép trông trăng; Tứ bình (bộ 4 bức) như mai, lan, cúc, trúc tượng trưng 4 mùa, hay 4 tố nữ chơi đàn, thổi sáo, gõ phách và ca hát... Hoặc có khi lại thích các tranh Trung Quốc vẽ các cảnh trong các bộ truyện nổi tiếng: Chinh đông - Chinh tây, Tam quốc... Nhưng phần lớn các gia đình nông dân thích treo những bức tranh dân gian cổ truyền thuộc nhiều loại đề tài, thoả mãn nhiều nhu cầu đồng thời. Ngay ngoài cổng, bên cạnh đôi câu đối, có nhà dán hai bên cột hai bức vẽ một bên là ông Tiến tài, một bên là ông Tiến lộc để cầu mong năm mới tiền của vào nhà mình nhiều như nước. Tranh miêu tả hai vị thần mũ áo triều phục văn quan, mặt đỏ, hiền từ, mỗi vị mang một biển (Tiến tài, Tiến lộc). Tục cho rằng hai vị này sẽ mang thịnh vượng tới cho gia đình. Ngược lại, có nhà thay vì hai bức trên lại dán hai bức tranh

詞爭

戲月

鯉奐

Vũ Đinh, Thiên Ất. Hai vị thần này mặc võ phục, mỗi vị cầm ở tay thanh long đao, mặt hồng, mắt xếch trông thật uy nghi. Tục truyền rằng hai bức tranh này dán ngoài cổng ma quỷ sẽ không dám vào nhà quấy nhiễu. Tranh dán trong nhà trông hiền lành, vui mắt hơn. Vẫn là những tranh mộc bản in màu, nội dung tranh ở đây tuy hồn nhiên, nhưng gia chủ dán lên cũng đều có dụng ý. Tranh "Gà trống" đẹp, uy nghi tượng trưng cho ngũ quý (năm đức tính quý báu): Văn (đẹp, mào gà); Vũ (cựa gà, võ khí, con nhà "võ"); Nhân (biết thương yêu đồng loại, có thức ăn ngon là gọi bầy đàn); Dũng (gặp kẻ thù là lao vào chiến đấu dũng mãnh, bảo vệ bầy đàn); Tín (gáy báo canh hàng ngày rất đúng, nông dân làm ăn có quy củ, giữ chữ Tín, từ sinh hoạt bình thường nhất). Tranh " Đàn gà, mẹ con" cũng như bức " Đàn lợn, mẹ con" như muốn giới thiệu cảnh sinh hoạt thông thường ở nông thôn dân dã, cùng ước vọng "con đàn cháu đống" mà thuận hoà. Tranh "Đánh ghen" hài hước và nghịch cảnh hàm ý chê bai ông chồng "tham lam", nhiều vợ, đang cố dàn hoà mối mâu thuẫn trong nhà, lại dùng thêm cái triết lý ích kỷ:

"Thôi thôi, nuốt giận làm lành,
Chi điều sinh sự nhục mình nhục ta"

Tranh "Hứng dừa" còn hóm hỉnh hơn nữa. Người phụ nữ chất phác và mê mải dơ váy lên hứng quả dừa, mà quên đứt khi làm như vậy là dễ để cả "cơ đồ" ra. Quả dừa lợi nhỏ, hở "cơ đồ" là hại lớn. Còn biết bao tranh hài ước thú vị như vậy ("Đám cưới chuột', "Thầy đồ cóc dạy học"...)

đem lại cái vui nhè nhẹ, biểu hiện trí thông minh của người xưa, thật đáng thưởng thức trong ngày xuân mới đầy hy vọng này. Ngoài ra còn có một loại đề tài khác ca ngợi các anh hùng dân tộc đã đem lại vinh quang cho Tổ quốc như " Bà Trưng Trắc", "Ngô Quyền đánh quân Nam Hán" hay "Vua Đinh Tiên Hoàng" nhắc thời nhỏ tuổi Đinh Bộ Lĩnh đã chơi trò cờ lau tập trận... Những tranh sinh hoạt và lịch sử như vậy đã tôn thêm vẻ rực rỡ sáng láng cho gian nhà, đã tạo ra không khí ấm cúng tươi vui trong tâm lý người dân ngày tết đến, xuân sang. Còn trẻ con thì say mê với chính hình ảnh của mình trên tranh như bức "Phú quý" vẽ hình em bé để trái đào đang giữ con vịt, hay bức "Vinh hoa" cũng vẽ em bé như vậy nhưng không giữ vịt mà là giữ con gà trống. Hoặc như các bức "Thất đông": 7 em bé hồn nhiên đang hái quả, hoặc bức "Tử tôn vạn đại" (con cháu đời đời) là hình ảnh 4 em để trái đào đang vui chơi với những dây bầu trĩu quả...

Chơi tranh tết quả là thú vui, là sự thưởng thức, nhưng đồng thời cũng là "cầu mong" cho bản thân từng người hay cho cả gia đình sang năm mới con người sống hạnh phúc và nhân ái hơn. Lại nữa, những bức tranh như Vũ Đinh, Thiên Ất đều ít nhiều hàm nghĩa ma thuật, làm cho con người đón và hưởng cái tết trong không khí và tâm trạng vui tươi, yên bình hơn.

4. Gói bánh, giã giò

Tuỳ hoàn cảnh, tuỳ ý thích, có nhà gói bành từ 26-27 tết, có nhà tới vài ba ngày sát tết mới làm. Đi trên đường làng

hay ngõ xóm trong vài ba ngày cuối năm thường thấy người ta mang lá dong ra ao, chuôm rửa lá, lau lá, và trong một số sân nhà, tiếng cối giã giò đan chen vào nhau văng vẳng, náo nức báo tết đã đến gần lắm rồi. Luộc bánh ngày 28 thì 29 vớt, luộc ngày 29 thì 30 vớt. Có nhà đêm giao thừa, sang canh rồi, nồi bánh chưng vẫn "sùng sục" sôi.

5. Cây nêu và tục trồng nêu

Một cảnh sắc đặc biệt tết của nông thôn Việt Nam xưa là trong sân mỗi nhà và trên sân đình, sân chùa làng đều trồng một cây tre để cả ngọn, gọi là cây nêu. Nhiều năm trôi qua, nhiều đời trôi qua như thế, trồng nêu đã thành phong tục.

Theo Phật thoại, cây nêu là dấu tích, hiện vật, bằng chứng của cuộc giành giật đất đai - đất ở - đất trồng trọt giữa người và quỷ. Người đã thắng[1]. Để khẳng định phạm vi, ranh giới đất đai, con người treo chiếc áo cà sa lên ngọn nêu. Bóng áo toả trùm tới đâu thì quỷ phải lùi tới đó. Áo cà sa treo lên, được gió, toả rộng trùm kín mặt đất. Quỷ phải ra biển Đông ở. Trên ngọn nêu thường treo túm lá dứa, túm lông gà, lá thiên tuế hoặc những chiếc bánh bằng đất nung, những con cá đất nung, cùng một tán tròn bằng tre, nứa dán giấy đỏ. Hoặc có nơi còn treo những chiếc đèn lồng, đèn xếp nhỏ hoặc xếp tiền mã... và được giải thích bằng nhiều cách. Ở mặt đất, cạnh cây nêu, người ta rắc vôi bột hình cung tên, mũi tên hướng ra phía cổng để xua đuổi quỷ.

---

[1] Xem truyện *"Sự tích cây nêu"* ở phần Phụ lục.

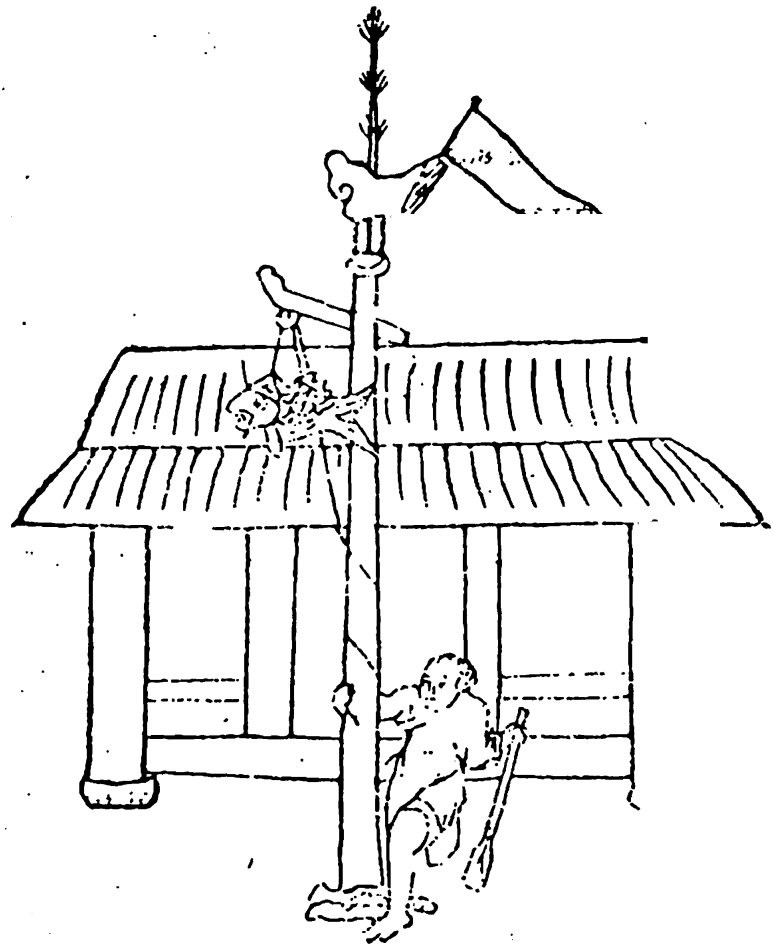

Người Mường, người Thái, người Ba Na, Gia Rai cũng đều có tục trồng nêu tương tự. Những vật treo đều là tượng trưng cho nội dung hướng về sự bảo vệ con người và cầu mong hạnh phúc cho con người. Ví như lá dứa để doạ ma quỷ (không cho chúng vào quấy phá nhà) vì quỷ sợ gai. Cái khánh đồng âm với khánh có nghĩa là phúc, năm mới sẽ đem lại phúc cho gia đình, cũng như tiền mã là cầu tài (tiền của về nhiều), lông gà là biểu tượng chim thần, một sức mạnh thiên nhiên giúp người.

Thực ra, cây nêu là biểu tượng cây vũ trụ, nối liền đất với trời. Vòng tròn đỏ là tượng trưng mặt trời. Cây vũ trụ là nơi đậu của mặt trời và chim thần - mặt trời. Cuối năm - cuối mùa đông - mới trồng nêu, là với đụng ý ngọn nêu vươn lên đón mùa xuân, đón ánh mặt trời mùa xuân, khí Dương, và cũng để biểu hiện thế đối ứng áp đảo với Quỷ, biển Đông, biểu tượng của Âm vậy.

Mùa xuân khí dương thịnh, mặt trời lóe sáng, toả nắng xuân ấm áp, đem lại sự sống động cho muôn loài. Ngoài ra. XUÂN theo sách "Thích danh" cũng là XUẢN tức là "cựa động", muôn vật đến mùa ấy thì "cựa động mà sống dậy". Còn sách Từ Nguyên lại cho biết XUẢN là "trai gái vừa lòng nhau". Xuân là cựa động, băng giá tan hết, muôn vật cứ đến XUẢN - mùa xuân - là cựa động mà hoạt động, mà sống lại[1].

Quan sát một số vùng quê, những vật treo trên cây nêu

---

[1] Dẫn theo Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, Nxb Văn học, 1989, tr. 234, 249.

có biến đổi theo quan niệm của người địa phương, đem lại một sự phong phú cho tục trồng nêu.

Ở xã Phù Đức, huyện Phù Ninh có làng cây nêu chỉ đơn giản là một cây tre hoặc một nhánh tre và cũng không treo gì cả. Nhưng có làng cây nêu là cây tre đủ ngọn, cao ngất, trồng trước sân, treo trên một cành đa và vài chiếc lá dứa. Và được hiểu rằng, đất trồng nêu là đất lành, đất tốt. Cành đa tượng trưng diều lành và tuổi thọ (đa là cổ thụ), là lời chúc những điều may mắn. Còn lá dứa là tượng trưng những thanh gươm trừ tà ma, cái xấu, cái ác. Ở xã Chu Phan (huyện Mê Linh, Vĩnh Phú) trên cây nêu người ta treo chiếc chổi xể, với ý nghĩa quét sạch những điều rủi ro đi. Ở xã Tứ Xã (Phong Châu, Vĩnh Phú), trên cây nêu treo vỏ ốc tượng trưng cho sự sinh nở đề đa "đông đàn dài lũ", con cháu nhiều như vỏ ốc... làm con chó giấy ở cổng với ý xua đuổi tà ma cùng rủi ro đi. Còn cây nêu ở Kẻ Rị, Kẻ Chè (xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá), người ta dựng nêu chiều 30 tết và rắc vôi bột hình cung tên (bắn quỷ) và hình cầy bừa trước cửa (tượng trưng sự làm ăn của nhà nông).

A - lêch - xăng - đờ - rốt (Alaxandre de Rhodes) trong "Lịch sử vương quốc đàng ngoài (chương XXIX (năm 1951) còn cho biết, ở Bắc Kỳ... "tục trồng cây nêu vào cuối năm, trồng bên cạnh nhà, một cột nêu cao hơn nóc nhà, trên ngọn buộc một cái thúng hay một cái hộp nhỏ đục nhiều lỗ, bên trong đựng thoi vàng giấy, bạc giấy để cho cha mẹ quá cố, vào cuối năm có thể trả nợ khi cần thiết".

Giăng Kôpplơ (Jean Koffler), người Tiệp Khắc trong "Những năm ở Nam" ghi: "Trước cửa phủ chúa và các nhà

dân khác đều dựng cây nêu lớn, trên ngọn buộc một chùm cành lá xanh (cành Thiên Tuế)...hoặc trên các ngọn nêu còn buộc một ít vàng và bạc giấy, một số rơm con và một lãng hoa trong để mấy đồng tiền... Những người theo đạo Cơ Đốc cũng được cha đạo cho phép trồng nêu nhưng không được "buộc những thứ kể trên".

Theo Trịnh Hoài Đức trong "Gia Định thành thông chí", thì vào nửa đầu thế kỷ XIX ở Gia Định vào ngày trừ tịch, nhà nào cũng trồng một cột tre trước cửa, trên đầu cột buộc một cái giỏ tre trong đựng trầu cau và vôi, bên cạnh treo giấy vàng, giấy bạc, gọi là Dựng nêu[1].

Cũng là điều kỳ thú khi được biết rằng ở xã Xuân Hội (huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh), dân vạn chài - làng chài, sống trên thuyền tết đến cũng cắm nêu trên mũi thuyền gọi là "Cây nêu thuyền", nhưng lại là cây CÂY LAU, dài khoảng trên một sải tay (ước 1m60), để 1 lá, treo trên 2 nén vàng và 2-3 lá vàng mã. Còn dân làng ven biển (cùng xã này), tết trồng nêu tre. Nhưng trên ngọn tre buộc cây lau, trên treo bộ đồ mã gồm 1 lá vàng, 1 nén bạc và 1 áo.

Tại sao cây nêu lại làm bằng cây lau? Phải chăng đây là tàn dư của Tết THU (thu có bông lau) cổ, nay chuyển sang Xuân. Tết XUÂN nhưng vẫn là NÊU LAU như là vang bóng một thời. Tết Thu được coi là tết đầu năm cổ truyền của dân tộc[2]?

---

[1] Theo *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, Sđd. Tr. 50-55.

[2] Dẫn theo Lê Thị Nhâm Tuyết, Tạp chí Văn hóa dân gian 1-1984: Người Việt không biết tết, không biết năm (theo lịch Trung Hoa) cứ

Tết đến, cả ba miền Bắc, Trung, Nam đều trồng nêu, và thường dựng nêu vào ngày 30 tháng Chạp. Có tài liệu cho biết thêm miền Bắc dựng nêu vào buổi trưa, miền Trung vào buổi chiều, và miền Nam, vào khoảng chạng vạng, chiều tối. Phải chăng, đây là biểu hiện khác về tính thống nhất của văn hoá Việt Nam?

6. Ngày 30 tháng chạp

Ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đã đến. Chỉ còn hôm nay thôi, mọi việc dù to dù nhỏ, dù xa dù gần, dù quan trọng đến mấy cũng phải làm cho xong hoặc tạm chấm dứt để sửa soạn đón giờ phút thiêng liêng, tiễn năm cũ, đón năm mới.

Trước hết phải xem, soát lại bàn thờ: Hương hoa, đèn nến, trầu rượu, oản mứt, bánh pháo, cây mía thờ, mâm ngũ quả... Đèn tự dăng sáng suốt ngày đêm nay và kéo dài 3 ngày tết, tới khi hoá vàng. Nhất là sau khi đã làm "lễ rước các cụ" - Mời tổ tiên về, tức là lúc nào tổ tiên cũng sẽ hiện diện ở bàn thờ thì hương khói phải nghi ngút toả thơm liên tục.

Muốn thế, người ta dùng hương vòng hoặc hương sào. Hương vòng là cuộn hương thắp được suốt đêm tới sáng mới hết. Hương sào là cây hương to, dã đốt cũng toả hương thâu đêm. Một không khí thiêng liêng, sùng kính toả lan khắp nhà.

---

lấy ngày Sửu tháng 8 làm ngày hội, già trẻ đi chúc tụng nhau, coi đó là ngày đầu năm (Thái Bình hoàn vũ ký).

Tiếp theo là xem lại nhà cửa, dọn dẹp trang hoàng cho sạch sẽ, sáng sủa, vui mắt. Phải làm sao cho không khí tết sẽ là:

"Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Om xòm trên vách bức tranh gà"

Nhà phong lưu thì đặt hòn non bộ trước hiên và bày cành đào, chậu quất trong nhà. Một số người cho rằng chơi đào, quất cũng là một cách chơi theo phong tục. Truyền rằng, dưới gốc cây đào núi Độ Sóc có hai vị thần là Thần Trà và Uất Luỹ cai quản dàn quỷ. Quỷ nào làm hại người thì bị trừng phạt ngay. Vậy là, cành đào Tết không chỉ là màu hồng rực tràn đầy sinh khí mùa xuân, mà cành đào tết còn là biểu tượng của Thần, từng trị ma quỷ, giúp cho người. Còn quất sai quả, mọng chín căng vàng là tượng trưng cho lộc, gia đình sẽ đông con cháu.

Trong bếp, các bà, các chị đang tất bật lo mâm cỗ cúng gia tiên. Lễ vật phải thơm ngon, đẹp mắt, tinh khiết, đầy đặn.

Bận nhất là gia chủ. Ông phải quán xuyến mọi việc, nhất là việc hệ trọng liên quan tới tổ tiên, những người đã khuất. Vì tết là cơ hội giao lưu giữa con cháu với tổ tiên, giữa hai thế giới thực tại và ảo huyền, nhưng thế giới ảo huyền được hiểu là rất gần gũi, có thể linh cảm được. Tổ tiên đang sống lại trong tâm tưởng của con cháu. Con cháu nhờ cậy, hy vọng ở sự âm phù của tổ tiên. Cho nên bàn thờ gia tiên phải mọi bề chu tất rồi mới làm lễ Rước các cụ về dự hưởng Tết cùng con cháu đón mừng xuân mới.

Tuỳ từng nơi, người ta có hai cách: hoặc là Rước các cụ nhưng không ra mộ, mà bày cỗ lên bàn thờ, đèn hương dâng cúng vào trưa 30, rồi khấn vái, cầu mời các cụ về dự hưởng.

Vào khoảng giờ ngọ (12 giờ trưa) mâm cỗ cúng trịnh trọng dâng lên, bày vào bàn thờ. Con cháu trong nhà đã có mặt đầy đủ, gia chủ quần áo chỉnh tề, thắp nén hương mới, nghiêm trang đứng trước bàn thờ, khấn:

"Nước Việt Nam... năm (Đinh Mùi, Ất Mão...), thứ... tiết đông, ngày 30 tháng Chạp

Nay con giữ việc phụng thờ tên là..., quán tại xã... huyện..., tỉnh đồng gia quyến cúi đầu trăm bái.

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, cỗ bàn, rượu nước, trầu cau cùng mọi phẩm vật dâng lên.

Kính mời các cụ họ..., kỵ, cụ, ông bà, cha mẹ, chú bác, anh em, cô dì, chị em cùng về chứng giám.

Dám mong

Tiên tổ bảo hộ gia đình, từ già đến trẻ, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, người tăng vật vượng. Thượng hưởng[1]*"*

Khấn xong, gia trưởng lui ra, toàn thể người nhà, quần áo chỉnh tề, lần lượt theo thứ bậc tới trước bàn thờ làm lễ.

Cách thứ hai, như làng Đáp Cầu (thị xã Bắc Ninh), lệ làng quy định, chiều 30 tháng Chạp các gia đình làm lễ Rước tổ tiên về thờ. Gia trưởng cùng một vài người con và

---

[1] Theo Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam quyển hạ*. Nam Chí Tùng Thư, Sài Gòn, 1968.

cháu mang cuốc xẻng cùng vàng hương ra mộ. Tới nơi, lấy cuốc dọn sạch cỏ dại, để rễ cỏ không đâm xuống áo quan, xâm phạm hài cốt. Rồi vun đất, đắp lại nấm mộ cho cao, gọn, đốt hương, cắm cả bó trên mộ. Rồi, khấn mời tổ tiên về nhà cùng con cháu đón xuân mới.

Cùng lúc với việc cúng gia tiên, gia chủ sai người đào hố chôn cột nêu ngay sân trước nhà, dưới chân nêu rắc vôi bột, hình cây cung và mũi tên, hướng ra phía cổng như ý đuổi ma quỷ không cho vào nhà.

Sau khi rước các cụ tới nhà rồi, đợi cháy hết tuần hương, cỗ cúng được hạ xuống, cả nhà quần tụ xung quanh mâm cơm "tất niên" vui vẻ trịnh trọng này. Đây là bữa cơm sang trọng đã đành, nhưng điều quan trọng hàng đầu là, tất cả mọi thành viên trong nhà, kể cả những người đi xa, đều đã có mặt, chỉ dịp này mới đầy đủ, dự bữa cơm ấm cúng, tình nghĩa, đúng phong tục cổ truyền, để hàn huyên mọi chuyện vui buồn, mà cả năm, vì sinh kế và mọi cớ này cớ khác, không sao có mặt cùng lúc quanh mâm cơm như lúc này được. Vì vậy bữa cơm này rất vui, chuyện nở như ngô rang, với nhiều thái độ: an ủi người không may, thất tài, thất lộc hay ốm yếu; khuyến khích người thành đạt, dù nhỏ, chúc mừng người gặp may và sức khoẻ tăng tiến. Hoặc nữa, bàn bạc, mách kế cho nhau, bàn cách giúp đỡ nhau, qua câu trò chuyện về việc làm ăn trong năm mới... Mỗi điều tâm sự đều làm cho tình máu mủ thêm gắn bó, thương quý nhau, yên tâm về nhau hơn... Bữa cơm cuối năm ngày xưa, với

những gia đình nền nếp, là không thể thiếu được. Người ta nói "phải giữ nếp nhà" là như vậy.

Cũng đến lúc này các gia đình mới bộc lộ rõ tình cảnh của mình: hạnh phúc hay bất hoà, nền nếp hay phóng túng, giàu hay nghèo. Các cụ xưa nói:

Khôn ngoan đến cửa quan mới biết

Giàu có ba mươi Tết mới hay

Tối hôm nay, thời điểm tối quan trọng như thế này, mọi người phải bộc lộ rõ thành tâm của mình trước bàn thờ tổ tiên, trong việc trang trí nội thất, trong sự vui hoà nội bộ trong nhà - tình vợ chồng, bố mẹ - con cái, anh chị em, chú bác cô dì... Nếu tới lúc này bàn thờ vẫn hương lạnh khói tàn, tường vách không sáng sủa, không tranh tết, cúng không câu đối mới, trong nhà ngoài ngõ không nghe thấy tiếng cười, bánh chưng không thấy treo trên sàn nhà ngang... Mọi người trong nhà âm thầm đi lại như cái bóng... Ấy là sự suy thoái của một cảnh ngộ không cần phải bàn luận gì nữa. Một cảnh ngộ như vậy thì có khi, chỉ một vài tiếng nữa, thế nào cũng có người khách nào đó tìm đến, mà người đó thường là chủ nợ. Người chủ nợ đúng mực thì có thể tiếng bấc, tiếng chì, còn thường là cảnh tai quái sẽ diễn ra. Chủ nợ rỉa rói, hạch sách con nợ để cuối cùng là những tiếng chát chúa réo bới tổ tiên, làm cho con nợ chỉ còn van lạy, hứa hẹn, cầu xin... Cho nên, vào lúc này - chiều 30 cuối năm những con nợ thường lẩn trốn,

không ở nhà. Và để rồi, đến tối 30, người ta vẫn thấy, trên đường làng, bóng dáng một người đàn bà béo tốt, xách cây đèn chai - đèn dầu hoả, bóng là cái thân chai cưa trôn, chống gậy (để xua chó) đi vào trong đêm để đòi nợ. Đòi nợ đêm 30 ở nông thôn xưa cũng trở thành một nếp mà người dân đã quen. Vì người túng thiếu thường nhiều hơn người no đủ, và nhất là người ta rất kiêng để nợ sang năm mới, nó thành nợ cũ, chuyện cũ, không nhắc ngay được. Vì đầu năm mà đòi nợ có khi con nợ còn mắng chủ nợ, vu cho là làm "xúi quẩy" mình.

Đường làng, xóm ngõ vẫn còn có người đi lại cho tới lúc xẩm tối... Mỗi nhà đều lần lượt đóng cổng, vì "tối như đêm 30", cái đêm trừ tịch này vẫn có thể xảy ra những điều không may. "Chú chích" có thể lợi dụng lúc này đi "khoắng" để kiếm chác. Chí ít cũng được mấy đồng bánh chưng, có khi cả cây giò, nhiều và may mắn hơn, biết đâu chẳng vớ được túi tiền của gia chủ... cũng như cả tháng chạp, người ta cũng gọi là tháng "củ mật" (tháng nhiều trộm cướp, người lương thiện phải luôn đề phòng).

Nhưng rồi trên đường làng, xóm ngõ, chợt có tiếng nói cười con trẻ. Một số trẻ em nghèo họp lại rủ nhau đi các nhà chúc tết, mặc dù lúc này chưa tới Tết. Mỗi bọn trẻ có một ống tre đựng tiền. Xưa tiền trinh, tiền xu đều bằng đồng. Tới trước cửa mỗi nhà, các em đồng thanh hát và lắc ống tiền.

敖畜

Xúc xắc xúc xẻ
Nhà nào còn đèn còn lửa
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào
Bước lên giường cao
Thấy đôi rồng ấp
Bước xuống giường thấp
Thấy đôi rồng chầu
Bước ra đằng sau
Thấy nhà ngói lợp
Voi ông còn buộc
Ngựa ông còn nằm
Ông sống một trăm
Linh năm tuổi lẻ
Vợ ông sinh đẻ
Những con tốt lành
Những con như tranh
Những con như rối
Tôi ngồi xó tối
Tôi đối một câu
Đối rằng:
Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh

Nhà chủ vẫn lắng nghe những lời chúc trong trẻo, hồn nhiên đầy lòng nhân hậu và đã quá quen thuộc hàng năm ấy. Bài ca vừa dứt, cánh cửa mở rộng. Người ta tặng các em ít tiền xu. Các em cho vào ống. Có nhà còn đem ít mứt và

tấm bánh chưng nữa. Các em vui vẻ nhận quà, chào chủ nhà, đi tiếp sang nhà khác. Không ai từ chối các em, vì đó là con trẻ nhà nghèo và người ta nghĩ con trẻ vô tư, lời chúc của các em là thành tâm, sẽ linh nghiệm, gia đình sẽ hạnh phúc trong năm tới. Còn các em, vào dịp này cũng có bánh, có mứt ăn tết, lại có cả tiền mua pháo tết mừng xuân...

Sự hòa hợp giữa lời chúc - tiếng hát chào mừng và sự hưởng ứng - đón nhận - biểu lộ không phân biệt lứa tuổi - các thế hệ; không phân biệt hoàn cảnh giàu - nghèo...; không phân biệt vai trò chủ thể - khách thể; người lạ - người quen, mà lại tạo nên tinh thần hòa đồng mang tính truyền thống sâu sắc, tự nhiên của phong tục, một phong tục đẹp, như muốn hỗ trợ cho việc đón năm mới, đón mùa sinh sôi, phát triển một cách đồng bộ, nhất quán của người Việt Nam.

Các em đi rồi, bầu trời đêm trở lại yên tĩnh. Nhưng trong mỗi nhà, không khí sửa soạn đón giao thừa mỗi lúc mỗi gấp gáp, trong tâm trạng hồi hộp của mọi thành viên, nhất là gia chủ.

Bàn thờ gia tiên vẫn sáng, lúc này như sáng hơn. Vì ngoài đèn "Tự đăng" lại có nến, đèn đĩa, đèn của nhà thường dùng. Nén hương sào cũng đã đốt, hương vòng cũng nghi ngút khói bay. Hương thơm thoang thoảng lan khắp gian nhà. Mọi nhà sửa soạn lễ trừ tịch, tức là giây phút cuối của năm cũ. Giữa sân, người ta đã thiết lập xong hương án cúng lễ quan Hành khiển. Lễ vật gồm bánh chưng, trầu rượu, vàng hương, xôi gà. Nghi lễ tiến hành đúng giao thừa, giữa

đất trời cao rộng, nhưng đúng giữa đêm, vào phút giao hòa cũ - mới, vậy nên huyền ảo - trang nghiêm khác thường. Đó là lễ Tống cựu nghênh tân (Tiễn cũ, đón mới). Cựu vương hành khiển bàn giao công việc cho tân vương Hành khiển, thừa lệnh và thay mặt Ngọc Hoàng Thượng đế coi sóc trần gian từ lúc này tới thời điểm giao thừa năm tới. Do ý nghĩa sâu sắc của nội dung lễ (Tiễn năm cũ ra đi với mọi cái cũ, cái rủi. Đón năm mới vừa đến với nhiều điều mới, điều may) nên nghi thức rất trịnh trọng từ mỗi nhà cũng như tại công quán (điếm sở mỗi xóm), đình, chùa làng.

Ở những nơi công cộng cũng giống như các nhà dân, phẩm vật trong lễ giao thừa là đồ mặn. Ở đình ông tiên chỉ hoặc cụ thủ từ làm chủ lễ. Ở các xóm, người ta cúng ngay tại điếm canh do vị cao niên hoặc chức sắc cao nhất xóm chủ trì. Bàn thờ lập giữa trời. Đó là chiếc hương án trên có đỉnh đốt trầm hoặc bát hương lớn khói tỏa nghi ngút, hai ngọn nến tỏa sáng hai bên. Trên mâm lễ vật là chiếc thủ lợn luộc hoặc con gà luộc mỏ ngậm bông hồng, bánh chưng, mứt kẹo, hoa quả, rượu nước, trầu cau, vàng mã, cỗ mũ mã của Đại vương.

Tại đình, cùng với lễ cúng ngoài trời này, lễ cúng Thành hoàng cũng được tiến hành song song nơi hương án cố định. Tại chùa, nhà chùa cũng dâng hương, đèn nến sáng trưng khắp chốn cúng Phật, đồng thời cũng cúng Đức Ông hoặc cúng Mẫu (nếu có điện thờ) luôn. Lễ phẩm là đồ chay.

Tất cả mọi sự sửa soạn như vậy trong lúc này đều hế sức khẩn trương, chu đáo, để khi có chuông chùa nổi lên, tức là tín hiệu thiêng liêng báo phút giao hòa cũ mới đã tới thì pháo nổ cùng với những nghi thức được tiến hành nghiêm trang chào đón năm mới bằng lời văn khấn như:

"Nước Việt Nam... thứ... năm... ngày mồng 1 tháng Giêng, xuân tiết. Đệ tử là...

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, trầu rượu, trà nước thêm một phẩm vật được dâng lên.

Vọng bái:

Trước bệ ngọc đức Tổng vương Hành khiển, ngũ đạo chí đức tôn thần: Lâm Tào phán quan tại vị ở trước

Đức Thổ địa nơi đây tại vị ở trước

Đức Thành hoàng bản cảnh tại vị ở trước

Cầu chư vị chứng giám.

Cúi đầu kêu xin:

Chư vị phù hộ cho bản xã chúng tôi, từ già chí trẻ, quanh năm tăng phúc, tăng thọ, người yên, vật thịnh, vạn sự hanh thông.

"Cẩn cáo"[1].

Lệ định rằng, sau khi cúng giao thừa xong, các nhà cũng không được quên Thổ công vị thần "đệ nhất gia chi chủ" cai quản nhà mình. Lễ vật tương tự như lễ cúng giao thừa. Lễ Thổ công cũng phải khấn vái bài văn như sau:

---

[1] Theo *Tín ngưỡng Việt Nam*, Quyển hạ, Sđd.

"Nước Việt Nam... thứ... năm... ngày mồng 1 tháng Giêng, xuân tiết. Đệ tử là...

Nay tín chủ là... quê xã..., huyện..., tỉnh

Kính cẩn dâng trầu rượu, trà nước, vàng bạc, đèn nhang, hoa quả cùng mọi phẩm vật.

Cúng mời:

Đức bản gia Thổ công tại vị ở trước

Đức Thổ địa thần kỳ tại vị ở trước.

Xin Chư thần giáng làm chứng cho lòng thành, phù hộ cho cả nhà gia chủ, từ trẻ đến trẻ, từ đầu năm tới cuối năm, được hưởng phúc bình an, không tai, không nạn, không ách, đắc tài sai lộc,, vạn sự hanh thông.

"Thượng hưởng"[1].

Như vậy, ngày 30 tháng Chạp, còn gọi là ngày 30 tết, là ngày cao điểm chót cùng của năm, ngày bản lề chuyển tiếp của hai năm cũ - mới, đang chuyển động từ năm cũ sang năm mới, biết bao xốn xang trong tâm linh người nông dân Việt Nam xưa kia...Nội tâm sâu kín ấy được biểu hiện ra nhiều hành động, đặc biệt mang tính chất tín ngưỡng tôn giáo, đã trở thành phong tục cố hữu mà mỗi làng, mỗi vùng, mỗi miền dường như mang một vẻ riêng, tuy vẫn có tính nhất quán trong toàn cục, mà việc ghi chép, tập hợp đòi hỏi công phu lâu dài.

Chẳng hạn như, vừa mới sáng ra, đình làng Phong

---

[1] Theo *Tín ngưỡng Việt Nam*, Quyển hạ, Sđd.

Doanh (xã Bình Dương, huyện Tam Đảo), đã nổi trống, thanh la gọi tất cả mọi người, tùy sức, đổ ra đường làng rồi lập thành đoàn chạy ra "Mô nhà chòi"(?) để ăn cỗ.

Đây là kỷ niệm công cuộc đánh thắng giặc Ân vào đời Vua Hùng thứ 6 của dân ta. Người làng gọi là tục "Chạy chòi".

Ở Kẻ Rị, Kẻ Chè (huyện Đông Sơn, Thanh Hóa) phải dựng xong cây nêu rồi mới được đi đón ông Vải. Còn tối ấy - 30 Tết - ở đây cũng như ở xã Định Tường, huyện Triệu Yên, Thanh Hóa, có tục giữ lửa ở bếp và thắp đèn thâu đêm (Giữ bền ngọn lửa năm cũ nối sang năm mới).

Dân làng Phù Lễ (xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên, Bắc Ninh) có tục gọi gạo vào đêm 30 Tết. Đêm đó, trai đinh trong làng vác gậy gộc, giáo mác, dưới sự chỉ huy của ông tộc trưởng ra nằm ngoài cánh đồng. Nửa đêm, ông tộc trưởng cho nổ hai phát súng lệnh rồi kéo quân đi. Trống mõ nổi lên, tù và rúc inh ỏi. Đoàn trai đinh kéo vào làng, đến ngõ đầu tiên thì dừng lại. Ông tộc trưởng gọi chõ vào trong nhà:

"Gạo ơi, gạo ơi, gạo ời!

Nắm cơm, bát nước, nấu xôi, gạo à!"

Dứt câu gọi của ông, đoàn quân reo à à. Trống mõ, tù và nổi lên. Trong nhà có người mở cổng và cho đoàn một bát gạo nếp trắng thơm. Ông tộc trưởng đỡ lấy gạo đổ vào thùng cho đoàn quân đi đến nhà thứ 2, thứ 3... Qua mỗi nhà, đoàn quân đều dừng lại, ông tộc trưởng đều gọi như thế, chủ nhà lại cho gạo như thế.

Đi đến nhà cuối cùng thì trời vừa sáng. Cả đoàn lại kéo nhau ra cánh rừng ngoài làng nghỉ ngơi. Các cụ bà từ trong làng ra nấu xôi, đơm ra thành từng phần vào lá chuối cho mỗi người một suất. Mọi người ăn xôi chấm muối trắng. Xong, ai về nhà nấy để đón ngày mồng 1 tết ở gia đình mình" [1].

Ở làng Đồng Kỵ (xã Đồng Quang, Bắc Ninh) vào đúng giao thừa, tại đình làng, trong khói hương nghi ngút, trên hương án, 4 cụ già đại diện cho 4 giáp, xông ra tranh nhau ôm chiếc cột đình to nhất để thi khỏe. Tục truyền đây là cuộc tuyển quân của Thiên Cương đế, hưởng ứng cuộc giải phóng đất nước của Thánh Gióng chống giặc Ân tàn bạo.

Lễ trăm tự (Chém chữ) ở làng Liễu Đôi (xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm, Nam Hà) diễn ra rất độc đáo.

Đêm trừ tịch, tại chùa Ba Chạ, các trưởng tộc đeo gươ quỳ trước bàn thờ làm lễ. Khi chuông chùa điểm, báo g Tý - 12 giờ hoặc 0 giờ, GIAO THỪA đã đến, đèn nến bỗn tắt hết. Mỗi vị trưởng tộc liền rút gươm ra - gươm báu của từng dòng họ - chém một nhát vào băng giấy đỏ. Khi đèn sáng trở lại, các vị cầm đoạn băng giấy mình vừa chém được lên xem. Đó là chữ dầu câu của từng chương, mục trong cuốn sách THIÊNG, vốn là tập binh thư mật tuyệt của làng, vẫn cất kỹ trong hậu cung Đền ông Thánh họ Đoàn. Đó là tập "Võ trận huyết lệ quyết thư" (Sách về các trận

[1] *Địa chí Hà Bắc*. Ty Văn hóa thông tin - Thư viện tỉnh Hà Bắc, 1982, tr. 538.

đánh giặc qua máu và nước mắt). Ai chém được đoạn nào thì đem về, truyền đoạn ấy cho con cháu trong họ bằng cách luyện rèn võ thuật - võ trận của cha ông, chứ không phải học võ trên sách, bằng sách.

Chắc chắn còn nhiều tục lạ và nhiều hành động "khó hiểu" hoặc kỳ thú khác ở các làng, các nơi vào lúc này, chính lúc này trên mọi miền đất nước.

Nhưng với vài dẫn chứng đơn lẻ trên, cũng dễ nhận ra một điều, chỉ vào thời điểm ấy, thời điểm được xác định chung cho toàn quốc - không gian phổ quát: cho toàn dân tộc ngày nay vốn là cộng đồng ngày trước và trong suốt bao thế kỷ qua - thời gian dặng dặc - vẫn giữ bền trong một quy ước ấy, một phong tục ấy.

Vậy GIAO THỪA đúng là thời điểm cần được quan sát ên bình diện tổng thể trước nó và sau nó để có nó là đỉnh iểm rồi để cuối cùng định hướng cho sự suy nghĩ dầy đủ hơn về Tết cổ truyền Việt Nam.

7. Đón giao thừa - pháo và tục đốt pháo

Giao thừa là điểm hội tụ của hai quan niệm thời gian, phút chót hết của năm cũ, phút mở đầu của năm mới. Đơn vị thời gian để có và lại có giao thừa là một năm, vừa một vòng quay 4 mùa thời tiết trong vũ trụ. Vậy là cả một năm vận động và một sự vận động tổng thể: thời gian vận động, con người vận động, vạn vật vận động, thời tiết - khí hậu - mùa vận động, đổi thay. Hai thời gian này - năm cũ và năm mới - nối nhau liền mạch mà rồi vẫn là khác biệt, vụt biến cũ thành mới.

乘交祭

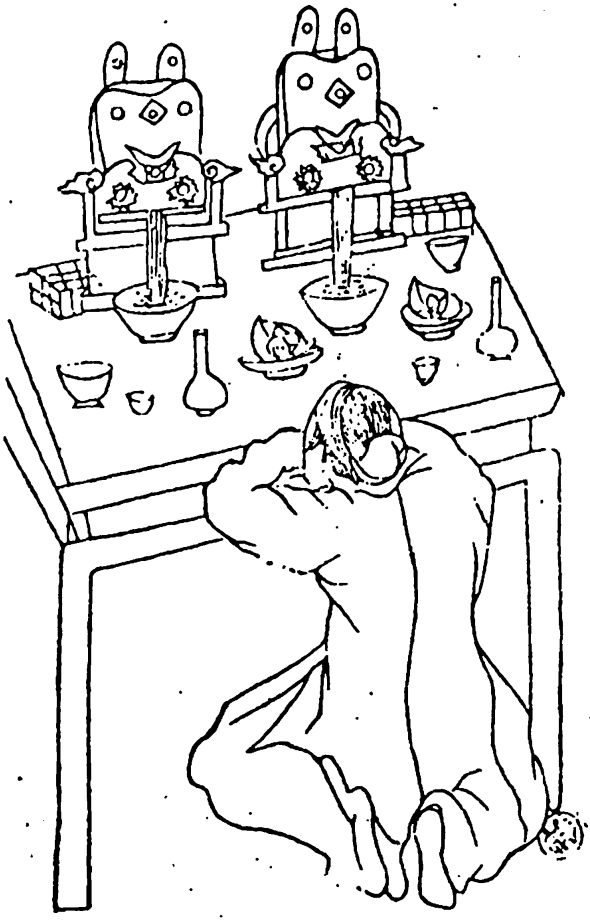

Để đáp ứng, chào mừng, tôn cao, đánh dấu cái thời điểm đầy xúc động, thiêng liêng ấy, người ta đã cử hành hàng loạt nghi thức cúng lễ, dâng mời trong nhà cũng như chốn trung, chùa miếu của cả làng. Một vị thần được dâng mời không xa lạ; ông Công đi chầu trời hôm 23 tháng Chạp, nay trở về hạ giới.

23 tháng Chạp: ngày Táo quân chầu trời để trình Ngọc Hoàng Thượng đế mọi việc ở trần gian năm qua. Cuộc lên đường được biểu hiện bằng một lễ thức quan trọng, phổ biến. Nhà nào cũng mua cá chép làm ngựa trong hành trình triều thiên của ông Táo. Bộ ba Thổ công, Thổ địa, Thổ kỳ này vắng mặt trần gian cũng được hiểu là công việc của năm cũ tới đây tạm ngừng, không xem xét nữa. Hạ giới ở trong trạng thái ngừng nghỉ - như sự chết tạm thời - âm tính, trong quan niệm âm - dương vận hành liên tục trong vũ trụ của triết lý phương Đông.

Tương ứng lịch tiết thì thời đoạn này là tàn đông, lạnh lẽo, cỏ cây úa héo, đất đai - vườn, ruộng cũng nghỉ ngơi, bất động.

Tương ứng dời thực xã hội thì từ ngày 23 tháng Chạp được coi là thời doạn nằm trong phạm trù TẾT. Con người lo mọi việc đón tết, mọi hành động tập trung vào đón xuân, đón cái năm mới, năm mới - như đã biết: song song với việc đó là tới ngừng nghỉ các hoạt động xã hội - kinh tế. Hệ thống hành chính nhà nước, triều đình tới xã, có lễ kháp ấn, tức là phong con dấu, triện, không xác nhận văn bản gì

nữa[1]. Các nho sinh đang theo đuổi sách đèn có "lễ tạ trường", có nơi thợ sơn tràng cũng làm lễ "đóng cửa rừng" (không vào khai thác gỗ)...

Giao thừa, thời điểm thiêng liêng mà đất trời giao cảm, âm dương hòa quyện ấy đã chấm dứt sự lặng yên, bất động tạm thời của vạn vật để bùng ra sức sống mãnh liệt, mới mẻ, song song với sự chuyển vận của thời gian từ năm cũ sang năm mới. Sự chấm dứt, phải được đánh dấu bằng tín hiệu đặc biệt, đồng loạt, truyền lan nhanh chóng, mạnh mẽ đủ sức khởi động cho cuộc vận hành mới của muôn loài trong vũ trụ.

Pháo nổ cùng tục đốt pháo đã hình thành, với nhiều ý nghĩa, mục đích. Trước hết, pháo nổ nghe sảng khoái, vui tai như một lời chào mừng của con người trước thiên nhiên. rằng, năm mới đã tới, sự đổi mới đầy hy vọng đã tới! Người xưa còn suy tư thêm - sự suy tư mang tính lịch sử - tiếng âm vang, râm ran giữa trời đêm tĩnh mịch, u minh đầy bí này cũng sẽ xua đuổi tà ma, điều xấu, điều rủi đi[2].

Nhưng âm thanh đón chào mùa xuân mới này còn man

---

[1] Có tài liệu nói là từ 23/12, có tài liệu ghi 25/12. Quan niệm chung là trong khoảng thời gian từ 23/12 trở đi con người cũng tạm ngừng mọi hoạt động xã hội bình thường.

[2] Ngày xưa, chỉ đốt pháo tép, và mỗi nhà dùng 1-2 bánh nhỏ, theo phong tục, ít gây tai nạn. Ngày nay, pháo trở thành thời thượng và là thứ chơi, thứ khoe của người giầu. Đốt quá nhiều, gây tai nạn lớn cho xã hội: sinh mạng người và tốn tài sản xã hội. Nên nhà nước cấm pháo là đúng.

thêm ý nghĩa sâu sắc, không kém phần thiết thực: một lễ nghi nông nghiệp. Người Việt, cư dân làm ruộng nước này thấy rõ hơn ai hết, mùa đông cần cỗi, đất ngủ, trời yên. Mùa xuân - mùa cựa động - mùa gieo vãi, cấy trồng cây lúa, người ta đánh thức đất dậy - như tục gọi gạo, đánh thức lúa và gọi sấm về. Vì chỉ có sấm vang rồi mưa dông mới tới. Mà cây trồng lại rất cần mưa dông, theo kinh nghiệm là kích thích cây lúa lên nhanh như mở cờ: "*Lúa chiêm nép ở đầu bờ/Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên*". Và theo khoa học, thì mưa dông chuyển vận, đổ xuống nhiều chất axit nitric và amoniac làm cho đất thêm phân bón, lúa lên rất nhanh và mạnh. Người ta còn biết rằng, một thời xa hơn, con người đã giã cối, gõ mõ, rồi đánh cồng, chiêng, trống giả là tiếng sấm dầu xuân, cầu sấm về, gọi mưa tới cho mùa xuân trồng cây.

Trở lại với tiếng pháo chào mừng năm mới. Vậy là việc đón tiếp ông Táo mới đã xong. Người ta thay bộ ba dầu rau mới (bằng đất sét) vào bếp. Từ lúc này, vị "độ nhất gia chi chủ" lại có mặt với danh nghĩa người chủ tinh thần đã được thiêng hóa, trong từng nhà.

Sau phút giao thừa, sau khi pháo nổ, người ta làm cuộc "du xuân", cầu cúng tìm may. Chọn được hướng xuất hành tốt, người ta đến đền, chùa làng làm lễ. Khi ra về có tục ngắt một cành hoa hoặc một nhánh nhỏ cây cối mang về, gọi là hái lộc. Cành hoa, nhánh cây là cành lộc.

Song tục hái lộc không đơn giản thế.

鬪船

物打

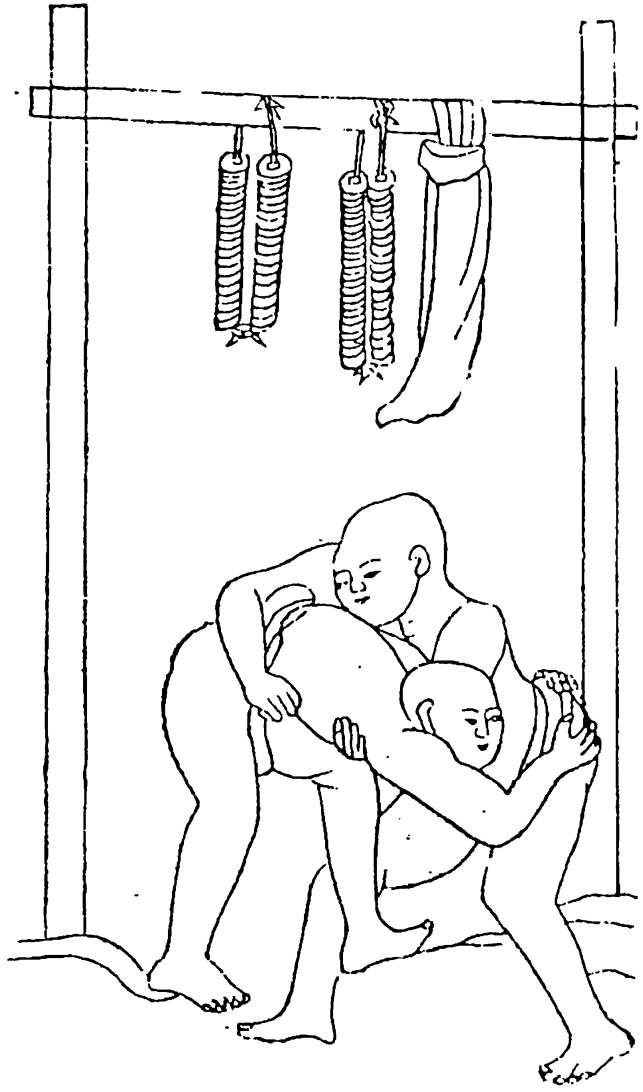

Mỗi gia đình cử một người cao tuổi nhất xuất hành đầu năm đi lễ chùa và hái lộc. Được cụ bà là tốt nhất. Trước khi ra khỏi nhà là chọn giờ, chọn hướng, xem tuổi. Người ta thường hái lộc ở cây đa đầu làng hoặc nếu đi chùa lễ Phật thì xin lộc ở cây cổ thụ già nhất trong vườn chùa nhưng tốt nhất vẫn là hái lộc đa. Vì đa là giống cây sống lâu, tượng trưng tuổi thọ, đa còn nghĩa là nhiều, hái lộc đa sẽ nhiều con, hoặc nhiều tiền bạc... Nhưng hái lộc đa cũng phải có ý: chọn cành cây hướng về phương đông, lá sạch, không sâu, cành đẹp, lá lành có búp mới thật tốt. Khi đi, cụ già thường dắt theo cháu đi theo, vì trẻ - già, hai thế hệ hợp lạ là tiêu biểu cho hạnh phúc gia đình. Trước khi hái lộc ph đếm số là trên cành. Nếu số lá chẵn thì đi buôn không tố nhưng nếu đi hỏi vợ thì lại tốt, vì chẵn là đủ đôi! Nếu mong dẻ con thì số chẵn sẽ không đẻ nữa. Nếu búp lá nở, người ta đoán là sinh con gái. Đếm lá, xem lá xong thì niệm chú "xin lộc lấy may! Xin lộc lấy may!" rồi mới ngắt. Nhất thiết không được cho lộc. Cho lộc sẽ mất lộc. Về nhà phải dắt lộc dưới mái tranh ngay gian giữa cửa chính và gìn giữ trọn một năm mới bỏ đi.

Tục hái lộc sinh ra từ truyền thuyết, rằng, ngày xưa, Vua Hùng nhân chuyến đi chơi mùa xuân, hái cành lộc đem về cho con với mục đích truyền điều may điều tốt cho dòng dõi nhà mình. Dân chúng biết chuyện, làm theo và hái lộc đầu xuân trở thành phong tục.

Lại có người, đầu năm đi lễ chùa, không hái cành lộc mà lại xin "hương lộc". Sau khi đặt lễ, dâng hoa, người ta đốt một nén hương sào hoặc hương nhỏ, rồi cứ cầm hương

khấn vái trước bàn thờ. Xong mang hương đó về cắm ở bàn thờ tổ tiên nhà mình, hoặc bàn thờ Thổ công. Xin hương lộc, người ta nghĩ tới ngọn lửa, màu đỏ, sự sống và hạnh phúc, lại lấy lửa từ nơi thờ tự về tức là xin lộc của Phật, của Thánh thì chắc chắn Phật, Thánh thế nào cũng âm phù cho.

II. VÀO TẾT (Từ mồng 1 đến mồng 7 tháng Giêng)

Sau lễ giao thừa, những tràng pháo đua nhau nổ tràn lan nhà nọ tới nhà kia, xóm này sang xóm khác. Rồi cả làng âm vang tiếng pháo chào ngày Nguyên đán - đầu năm đã đến.

Dù màn đêm buông tỏa nhưng không khí của ngày xuân mới đã về. Trong giây phút thiêng liêng ấy, thiên hạ đua nhau ở tràng pháo nổ dòn vì họ nghĩ: Pháo sẽ xua đuổi được ma tà ác khí; pháo tống tiễn những xúi quẩy của năm qua; pháo nổ càng dòn thì càng may mắn cho sự nghiệp cả năm. Vì vậy mà mỗi khi tết đến hầu như nhà nào cũng có pháo và việc đốt pháo đầu năm đã trở thành một nghi lễ, phong tục.

Ở những làng tự làm được pháo như Bình Đà (Hà Nội) Đồng Kỵ (Bắc Ninh) v.v... thì nghi lễ này lại càng phong phú. Pháo to, pháo nhỏ, pháo tép, pháo vịt, pháo cây, pháo thăng thiên, pháo cối v.v... đều đua nhau khoe mau, đọ tiếng. Đồng bào Nghệ - Tĩnh không chỉ đốt pháo mà còn đốt "lói" gây nên tiếng nổ dữ dội làm cho một số vật nuôi sợ hãi bỏ nhà ra đi đến sau tết mới về nên ở đây mới có câu ví "chạy như chó phải lói".

Tiếng pháo dòn đã tượng trưng cho khí thế mạnh mẽ

đầu năm, là biểu tượng đặc sắc của ngày tết cùng với cây nêu, thịt mỡ, dưa hành, câu đối, bánh chưng mà mọi người không quên nhắc nhở khi xuân về, tết đến.

"Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh"

Sáng ngày mồng một tết, pháo lại nổ ran, không kém giao thừa. Có khác chăng chỉ là: giao thừa phải nổ pháo đều vì đó là thời điểm thống nhất, chuyển tiếp của năm cũ và năm mới, còn lúc này, mỗi nhà đốt pháo, tùy theo ý thích, mặc dầu vẫn với ý nghĩa chào mừng ngày mới, năm mới Ngoài sân pháo nổ, trong nhà bày mâm cỗ để cúng ông b ông vải tại bàn thờ gia tiên gọi là lễ chính đán. Lễ phẩn. gồm tất cả những thứ đã chuẩn bị từ trong tết như bánh chưng, bánh dày (ở Miền Nam thì bánh tét), cỗ mặn, cỗ ngọt, hoa quả, rượu trà, hương đăng, trầu cau. Dù không bày lên cỗ nhưng hầu như nhà nào cũng có một cây mía để nguyên cả ngọn dựng bên bàn thờ gọi là "gậy của ông vải". "Chính dán" là lễ cúng long trọng nhất mở đầu cho cả một năm cỗ tươm tất không những có ý nghĩa biểu hiện lòng hiếu thảo, tôn kính của con cháu đối với tổ tiên mà còn là dịp trình diện với xóm làng về khả năng lo liệu tết nhất của mình nữa.

Cũng trong buổi sáng ấy, nhiều nhà mang lễ vật ra chùa, đền, đình, miếu, nhà thờ để thắp hương cúng bái cho dù những nơi thờ tự công cộng ấy đã có người đại diện cộng đồng đảm nhiệm, lo toan. Khác với đình miếu, lễ phẩm cúng ở chùa chỉ là oản, chuối, hương hoa chứ không bày cỗ mặn.

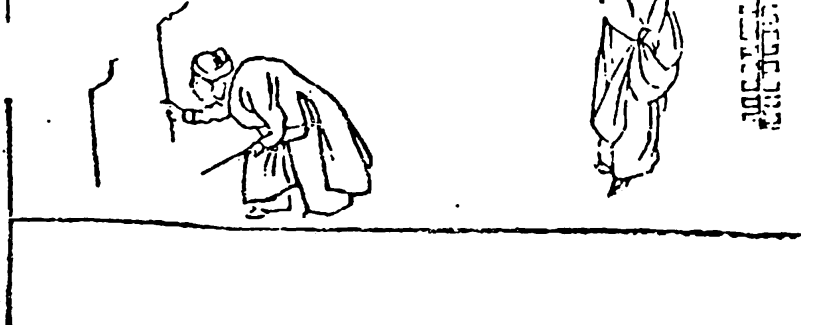

Những người con thứ nếu chưa gửi cỗ trước tết thì sáng nay cũng mang cỗ đến nhà trưởng cúng luôn.

Ở nông thôn Nam Bộ thì việc cúng đơm ngày tết hơi khác một tý. Sáng mồng một tết, tất cả chức sắc cùng với dân đinh của làng phải ra lạy Thần ở đình rồi sau đó mới về lạy tổ tiên bên nội, bên ngoại và tổ tiên bạn hữu.

Trong dịp tết, người ta cúng cơm một ngày 3 bận vì họ quan niệm vào những ngày đó, tổ tiên luôn luôn có mặt trên bàn thờ.

Trong ý nghĩ của dân chúng, mồng một Tết là ngày thiêng liêng nhất của một năm, hay nói đúng hơn là "khởi đầu của mọi sự khởi đầu". Sự nghiệp của con người trong năm đó thành bại, tốt xấu một phần quan trọng là do thời điểm thiêng liêng này quyết định, nghĩa là nó có khả năng tiên nghiệm cho mình. Vì vậy mà vào ngày này mọi người đều phải thận trọng, phải tuân theo những tục lệ phiền toái, có khi kỳ dị, lắm lúc không giải thích nổi, không hề thấy ở ngày thường. Xin kể ra dây một số ví dụ:

1. Tục xông đất

Sau lễ đưa ông Táo lên chầu trời (23 tháng Chạp), người ta kiêng đào bới đất ít nhất là đến ngày hạ nêu (có nơi kéo dài đến cả tháng Giêng như Nam Bộ). Cho nên những ngày này đất đang nghỉ, đất cũng trở nên linh thiêng và con người không được hành động tùy tiện nơi mảnh đất mà mình đang ở. Cho nên ngày mồng một tết mới có tục xông đất thật là quan trọng. Trừ những người ở chung một nhà, còn bất cứ ai đạp chân trên đất vườn nhà mình đầu tiên vào

ngày mồng một tết thì người ấy được xem là khách "xông đất" (có nơi gọi là dạp đất xông nhà). Người ta cho rằng việc xông đất có ảnh hưởng sâu sắc đến vận mệnh của gia chủ trong cả năm. Nếu được người xông đất tốt thì làm ăn nên nổi, mọi chuyện tốt lành. Nếu gặp người xông đất xấu thì sẽ tậm tịt, khó khăn. Tốt và xấu ở đây được đánh giá là "duyên" và "vía". Thực ra "duyên", "vía" này cũng liên quan tới cá tính, đạo đức từng người. Kinh nghiệm cho hay rằng: Những ai xởi lởi, thật thà, hồn nhiên, làm ăn phát đạt, con cái đông đúc (có trai, có gái), mặt mũi sáng sủa, thân hình đầy đặn, không có tang thì sẽ là người tốt duyên, tốt vía. Còn những ai vốn lòng nham hiểm, biên lận, tính keo kiệt, con cái hiếm hoi, gia đình lủng củng, kinh tế sa sút thì phần lớn những người ấy là xấu duyên, xấu vía. Nếu chẳng may mà họ xông đất cho mình thì thật là đáng lo! Cho nên có những gia đình đã cẩn thận, lo xa bằng cách ngầm ngỏ ý chào mời trước với một người nào đó được xem là tốt vía để sáng mồng một họ đến xông đất, xông nhà mình cho thật sớm. Nhưng lại có một điều hơi oái oăm là nếu mời nhau trước thì sẽ mất ý nghĩa, nó phải là sự tình cờ, ngẫu nhiên mới có giá trị, coi như trời xui đến, trời định sẵn sự tốt xấu cho từng nhà trong năm ấy chứ không thể theo nguyện vọng cá nhân của một ai.

Mặc dầu vậy, con người vẫn muốn tự tạo ra những điều tốt đẹp cho mình (ít nhất là về mặt tâm lý) nên họ vẫn cố tránh điều dữ, tránh những kẻ xấu vía dầu năm.

Hiểu vậy nên cũng chẳng ai dại gì đến nhà nhau sáng

sớm mồng một tết để rồi nhỡ gia đình làm ăn không khấm khá thì họ sẽ trách oán quanh năm. Còn những người đã được thể nghiệm, đã được xem là tốt duyên, tốt vía trong những năm trước thì cũng không thể chủ quan vì cái vía ấy, cái duyên ấy có thể hợp với nhà này mà không hợp với nhà nọ; tốt ở năm Tý mà xấu ở năm Mão.v.v... Cho nên dù biết "xông đất" là một công việc quan trọng, vinh dự nhưng ai cũng có ý e ngại. Thân thiết lắm, nể nang lắm họ mới đến với nhau và khi đến cũng phải chuẩn bị đầy đủ "thủ tục" của một vị "xông đất chính thống" chứ không phải đến như con người thường. Phải có một chai rượu hay một cơi trầu cùng với những lời lẽ tốt lành để chúc mừng gia chủ trong không khí thiêng liêng mà ấm cúng ấy. Khi đặt chân lên đất người ta, động tác đầu tiên của người xông đất là châm lửa đốt pháo. Sau tràng phao nổ giòn khách mới vào nhà chào hỏi, chúc tụng và biếu quà.

Gia chủ tiếp đón người xông đất như một vị khách quý, chúc tụng lại và mừng tuổi một món quà gọi "lộc xuân" rồi mời khách cùng ăn tết với gia đình qua bữa tiệc đầu năm khá trịnh trọng.

Trân trọng vậy, sung sướng vậy nhưng khi tạm biệt gia chủ, người xông đất vẫn ít nhiều suy nghĩ vì không hiểu cái "duyên", cái "vía" của mình ra sao? Việc đó phải chờ đến cuối năm mới trả lời được.

Lễ cũ, nếu làm ăn phát đạt thì thế nào trong buổi tất niên năm ấy gia chủ cũng sẽ mời người xông đất đến dự và lúc bấy giờ mới nói được cái câu "cảm ơn" một cách vững

vàng, khẳng định. Cũng đến đây, trách nhiệm của người xông đất coi như hoàn thành.

Nhà nào đã có người xông đất rồi thì việc tiếp khách trong ngày mồng một tết không có ảnh hưởng gì đến gia chủ kể cả người tốt vía lẫn người xấu vía.

Mồng một tết là ngày linh thiêng như trên đã nói nên mọi người đều có ý thức giữ gìn, tô điểm cho nó thêm đẹp. Nếu xảy ra việc gì không lành thì ai cũng nghĩ là nó sẽ thành "cái dớp" đáng lo cho cả 360 ngày tiếp theo. Do vậy mà:

- Người ta kiêng quét nhà vì sợ Thần Của theo rác rưởi đi mất không còn phù trợ cho gia đình trong việc làm ăn.

- Kiêng chửi mắng, đánh dập con cái để mong cả năm được yên ổn, thuận hòa.

- Kiêng đòi nợ vì nếu đầu năm phải trao của cho người khác thì bản thân mình sẽ mất mát, thua thiệt quanh năm.

- Kiêng cho lửa, xin lửa vì lửa tượng trưng cho "cái đỏ", "cái may"của mỗi nhà. Cho lửa tức là cho "mất đỏ", chỉ còn lại phần đen cho mình phải gánh chịu.

- Kiêng cho mượn đồ vật dụng vì đấy cũng là một hình thức "trao của" như việc giả nợ.

- Kiêng làm vỡ bát, đĩa, ấm chén.v.v... để tránh sự đổ vỡ trong cả năm.

- Kiêng nói những câu "mất mát", "chết chóc" để cuộc sống khỏi diễn theo như thế.

- Kiêng ngồi ngang giữa cửa vì cửa là biểu hiện của sự trôi chảy, thông thương. Ngồi giữa cửa tức là cản trở sự trôi chảy, trót lọt của gia đình trong mọi hoạt động.

- Kiêng vỗ vào vai nhau làm cho nhau xúi quẩy, kém duyên.

- Kiêng để đèn hết dầu rồi tự tắt trên bàn thờ vì như thế chẳng khác nào cuộc đời hết sức sống.

- Kiêng khóc than, rầu rĩ dù trong nhà có người chết để tránh sự ảm đạm cả năm.

- Những người có tang không được đến nhà người khác vì như thế sẽ làm giam lòng hiếu thảo đối với người đã khuất và làm cho người khác buồn lây nỗi buồn của mình.

- Kiêng đi vào giờ xấu. Phải chọn hướng tốt, chọn giờ "hoàng dạo" mà "xuất hành".

Nói chung mồng một tết là một ngày vui, ngày đẹp nhưng cũng có thể nói là một ngày của kiêng kỵ, giữ mình cho cẩn thận về nhiều mặt: ăn, mặc, nói năng, đi lại. Trong cái không khí tôn nghiêm ấy, mọi người phải xử sự tốt đẹp với nhau. Dù ngày thường có giận dỗi hôm nay cũng phải cởi mở chan hòa, bằng không thì cũng phải "nén" nó lại chứ không nên cãi vã, độc khẩu làm ảnh hưởng đến niềm vui chung của mọi người, như tục ngữ:

"*Giận đến chết, tới Tết cũng thôi*"

Mồng một tết còn có tục mừng tuổi và chúc thọ. Bố mẹ ông bà mừng tuổi cho con cháu; con cháu chúc thọ bố mẹ, ông bà, anh chị em, bạn bè, những người thân thiết mừng tuổi cho nhau. Có thể là mừng bằng tiền hoặc bằng quà nhưng phải chú trọng đến mặt hình thức vì ngày tết ai cũng thích đẹp, cái gì cũng phải đẹp. Ngày thường, những người

trong gia đình có thể xuề xòa, nhưng hôm nay thì khác, người già phải khăn áo chỉnh tề, ngồi trang trọng trên giường, trên ghế để con cháu tới mừng thọ "thêm một tuổi, thêm mạnh khỏe", "sống lâu" v.v... Ngược lại, con cháu cũng nhận được ở bề trên một sự âu yếm, tôn trọng, những lời khuyên bảo ân cần hữu ích trong cuộc sống cùng một phong bao màu hồng, trong có đồng tiền mới.

Mừng tuổi là một dịp để những người thân thiết quan tâm đến nhau về quyền lợi vật chất được thông qua tình cảm nên rất có ý nghĩa. Chẳng cần tính ngày sinh tháng đẻ, người ta cứ cho rằng: Thêm một tết là thêm một tuổi, thêm một là thêm một điều đáng mừng. Người trẻ thì lớn khôn, người già thêm tuổi thọ, v.v... Đó là lý do chính đáng để họ mừng, biếu nhau mà không ai nỡ chối từ vì đây là "khước" là "lộc" đầu năm.

Cùng với hình thức mừng tuổi này, mọi người có thể đền ơn, trả nghĩa cho nhau một cách tế nhị. Học trò cảm tạ công lao dạy dỗ của thầy giáo, bệnh nhân cảm tạ lòng tốt của lương y, những người có quan hệ "đặc biệt" cảm tạ lẫn nhau bằng những món quà quý...

Để cầu lộc, cầu tài, vào sáng mồng một còn có tục "gánh nước đầu năm để nhất bản vạn lợi". Một số người nghèo đi gánh nước tại giếng làng về cho các nhà. Nhưng họ rất có ý chí, chỉ vào nhà nào đã có người xông đất rồi. Gánh nước này được các gia chủ niềm nở tiếp nhận bởi người ta tin rằng: đầu năm có người gánh nước tới thì quanh năm, tiền của sẽ đổ vào nhà như nước. Gia chủ sẽ thưởng cho người

gánh nước mở hàng ấy một số tiền gấp 10 lần những gánh nước thường và người gánh nước cũng chúc tụng gia chủ những lời chúc tốt đẹp nhất.

Lại có người cầu kỳ, hôm 30 tết đã đi hẹn người gánh nước hãy đưa gánh nước đầu đến nhà mình để cái lộc ấy chưa kịp san sẻ ra nhà khác.

Cùng ý nghĩa như vậy, ở nhiều làng có những người đàn ông khăn áo chỉnh tề, mang theo những mảnh giấy đỏ viết sẵn 4 chữ: "Nhất bản vạn lợi" (Một vốn vạn lãi) đến chúc tết từng gia đình, trao mảnh giấy đó cho gia chủ cùng với những lời chúc tụng tốt lành. Gia chủ niềm nở nhận giấy, cảm ơn người đã chúc mừng rồi tặng lại một món quà hay ít tiền.

Từ các hiện tượng kể trên, chúng ta có thể nói: Những lễ nghi trong ngày mồng một tết hầu như chỉ diễn ra ở phạm vi gia đình. Đó là sự cầu chúc (điều may mắn), cầu lộc (tiền bạc, con cái), cầu thọ (sức khỏe, tuổi già) cho người trong nhà.

Tết là dịp giao lưu tình cảm, hòa hợp giữa con người với đồng loại. Đồng loại hay con người, được hiểu là cả người đang sống và người đã qua đời. Dân ta theo tín ngưỡng thờ tổ tiên như đã thấy, người xa quê, dù bất cứ lẽ gì, cứ mỗi lần đông tàn, xuân tới, bằng mọi cách, khăn gói tìm về quê hương, nơi chôn rau cắt rốn, nơi có ông bà tổ tiên yên nghỉ, để được gặp mặt, đoàn tụ với người thân; còn để được thắp nén hương cúng viếng gia tiên. Tình nhà, tình quê của người Việt Nam thật sâu nặng, tình họ hàng càng phải gắn bó.

Tết là dịp đi chơi, thăm hỏi, chúc mừng, động viên nhau, nhưng cũng đã có "lịch" cho những nghi lễ, giao tiếp đó:

Mồng một thì ở nhà cha,

Mồng hai nhà mẹ, mồng ba nhà thầy.

Nhà cha, ấy là họ hàng bên nội, họ của bố. Mồng 2 nhà mẹ, họ hàng bên ngoại, họ của mẹ, đồng thời họ của vợ mình (nếu là người đã có vợ). Mồng 3 đi lễ tết thầy. Thầy ở đây là thầy học. Nhưng nếu là con bệnh thì tết thầy lang cũng đúng. Sau một năm làm ăn cặm cụi, chỉ những ngày này, bố mẹ, anh em, con cháu, họ hàng mới có điều kiện tiếp nhau, trò chuyện thoải mái bên chén rượu xuân, bên ấm trà hương ấm áp.

Theo tục lệ ấy, cô dâu ở lại nhà chồng cả ngày mồng 1 để lo mâm cỗ cúng và ngày ấy các con thứ cũng đem cỗ, hương hoa đi cúng ở nhà thờ họ hay nhà tộc trưởng. Sang ngày mồng 2, cô dâu cùng chú rể về chúc tết bố mẹ vợ...

Đối với trẻ em và với người dân thông thường thì cũng có lịch đi chơi và chỗ chơi:

Mồng 1 chơi nhà

Mồng 2 chơi ngõ

Mồng 3 chơi đình...

"Chơi ngõ" là ra khỏi nhà, đánh đinh đánh đáo. "Chơi đình" là ra đình xem hội hoặc dự các trò chơi công cộng, lên đu, chọi gà. Vì xưa kia hội làng mùa xuân thường mở ngay trong dịp tết.

Với quan niệm "âm dương dị đồng nhất lý" nên đã có mời thì phải có "đưa"mới đúng lễ. Nếu như lễ cúng vào

sáng mồng một tết với ý nghĩa là để mời tổ tiên ông bà ông vải về ăn tết với con cháu thì lễ cúng vào ngày mồng 3 là để tiễn đưa ông bà, tổ tiên về lại thế giới bên kia. Lễ phẩm cũng chỉ là những thứ đã từng bày biện trong ba ngày tết, có nhà thêm đĩa xôi, con gà, hương hoa, trầu, cau đều thay mới trong lời khấn gia chủ hướng về 3 ý:

- Cảm tạ tổ tiên đã về với con cháu.

- Nay tiễn tổ tiên đi, mong tổ tiên phù hộ cho con cháu "tứ thời vô tai dịch chi xâm, bát tiết hương trinh tường chi khánh".

- Trong ba ngày tết, con cháu có gì khiếm khuyết thì xi tổ tiên tha thứ cho.

Sau "cúng đưa" là lễ "hóa vàng, mã". Vàng, mã là bằng giấy, tượng trưng cho đồ dùng của người đã khuất lú sinh thời như áo, quần, giầy, mũ, các thứ trang sức, v.v Nhân ngày tết, để biểu hiện lòng hiếu thảo của mình, cháu đã mua sắn những thứ đó để tổ tiên dùng. Nhiều hoặc đẹp, xấu là do khả năng vì dù có "lễ bạc" nhưng "tam thành" là được. Khi đưa tiễn tổ tiên, con cháu muốn gửi theo cùng những thứ đó bằng cách đốt nó thành tro gọi là "hóa vàng".

Người ta hóa vàng ở giữa sân hoặc chọn một góc vườn sạch sẽ, quét dọn tươm tất, đưa vàng mã ra đó, thắp hương biện lễ rồi châm lửa đốt cho đến lúc tất cả đều cháy hết là xong. Đối với những người có tính cẩn thận thì họ mời thầy cúng đến làm lễ đàng hoàng trước lúc hóa. Thầy làm đủ phép tắc, và khi vàng mã đang bốc cháy rừng rực thì thầy sẽ

hét lên mấy tiếng như một cách giao cảm với thần linh, điều quan trọng mà người trần không thể biết được!

"Hóa vàng" xong, việc đơm cúng ngày tết trong các gia đình coi như tạm ổn. Gia chủ có thể rời khỏi bàn thờ gia tiên để thực hiện những nghi lễ chung của cộng đồng như "khai canh", "khai sơn", "cầu xuân" và tham gia hội hè đình đám của làng. Tuy nhiên, nếu ai có điều kiện thì vẫn cứ tiếp tục thờ phụng trong nhà. (Trong thực tế, nhiều nhà kéo dài tết đến lễ khai hạ (mồng 7 tháng Giêng). Trong thời gian ấy, tại đình, chùa làng các nghi lễ mừng xuân được cử hành nghiêm túc.

Sau lễ giao thừa, các vị chức sắc cùng các bô lão về nghỉ chẳng mấy chốc đã khăn áo tề chỉnh ra đình đón năm mới gọi là tục chúc tết tại đình.

Ông Tiên chỉ đảm trách việc lễ Đức Thành hoàng bằng bài văn chúc. Giữa đèn nến sáng trưng, sau hồi chiêng trống uy nghiêm, ông cao giọng đọc bài văn chúc tết:

"Năm cũ đã qua
Năm mới đã đến
Bước vào đình trong
Tôi xin kính chúc:

Trước tôi chúc Thánh cung vạn tuế, thượng dương dương, bảo quốc họ dân, lưu ân tích phúc.

Tôi lại chúc kỳ lão sống tám chín mươi, thọ tăng thêm thọ.

Tôi lại chúc quan viên trùm lão, niên tăng phú quý, nhật hương vinh hoa.

Tôi lại chúc quan lại binh viên, ta đột pháo xông tên, công thành danh toại.

Tôi lại chúc đồng trang thượng tạ, già sức khỏe, trẻ bình yên, nhờ đức vua, nhà no người đủ, các xưởng Thiên thu vạn tuế!"[1].

Đọc văn xong, ông tiên chỉ lễ trước bàn thờ lui ra để các chức sắc, quan viên cùng bô lão lần lượt vào lễ. Một tràng pháo nổ mừng xuân mới.

Sau đó mọi người ra chiếu ở gian bên đình an tọa, chúc tết ông tiên chỉ và chúc tết lẫn nhau trong tiệc trầu cau và trà hương thơm ngát, cùng khói thuốc lào tỏa lan như mây...

Nhai giập bã trầu, uống hết tuần trà, mọi người ra về thôn xóm, dự cuộc chúc tết hàng thôn, hàng xóm, cùng các phường nghề, phường buôn. Các phường viên cùng chúc tết ông Trùm, tại điếm sở của thôn, xóm...

Ở đây, một người vào tuổi trung niên, mau mồm miệng, ra đốt nén hương cắm vào bát hương tại bàn thờ, rồi quay nhìn ông Trùm chúc tết:

"Thiều quang đãng dật
Thực chí nhân luân
Ngũ lão ban đồng kiên lão
Tam đa chúc hiệp hoa phong
Tam đạt tôn chữ xỉ làm đầu[2].

---

(1) Nguyễn Văn Ngọc, *Tục ngữ phong dao*, tập II, Nxb Minh Đức, H. 1957, Tr. 125.

(2) "Thời gian thong thả

Ai cũng mừng ông Trùm tuổi thọ
Sách có chữ rằng:
"Tuế hữu tứ thời xuân tại thủ
Nhân kiêm ngũ phúc thọ vi tiên"[1]
Mừng ông Trùm đầy phúc lộc kiêm tuyền
Lại gồm chữ "Hương Trung thượng thọ"
Tước lộc thế mà danh lợi thế
Dẫu nghìn năm còn tiếng thơm dài
Thành thơi thọ vực xuân đài
Đâu đâu cũng hoan hài ca vũ"[2].

Nghe những lời chúc tốt đẹp trên, ông Thủ chỉ sung sướng, cảm động, cầm cơi trầu mời mọi người và cũng có lời chúc bà con mọi điều như ý muốn vào năm mới này.

Liền đó ông Trùm lại mời mọi người uống chén rượu thường xuân và mừng lẫn nhau và một bánh pháo nổ ran, mừng cuộc gặp mặt năm mới thật vui vẻ, tốt đẹp.

Sau giờ phút đó, mọi người trở về nhà lo cái tết cho gia đình mình.

Cũng trong thời gian này, người làng thỉnh thoảng nghe tiếng pháo nổ, xen lẫn tiếng chuông chùa.

Cỏ cây người người tươi thắm
Tuổi già được đầy đủ 5 điều Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh
Tam đa chúc nhau thêm phong phú
Ba điều đạt (Phúc, Lộc, Thọ) thì Xỉ (Thọ) đứng đầu"

[1] Bốn mùa, Xuân ở trước; Người ta có 5 phúc, Thọ hàng đầu.
[2] *Tục ngữ phong dao*, Sđd, tr. 164.

Sớm mồng một, các vị sư cũng tất bật, bận rộn đèn nhang khắp các bệ thờ trong chùa. Để chào mừng năm mới, chùa cũng đốt bánh pháo mừng xuân. Rồi sư cụ bắt đầu thỉnh kinh, gõ mõ, làm lễ trước Chư Phật nhân ngày mới năm mới đã tới... các bà vãi, các cụ bà lũ lượt kéo nhau tới chùa dâng hương và cúng lễ. Ngày xưa, có cả việc xóc thẻ, bói điềm may rủi đầu năm...

Chùa mỗi lúc mỗi đông, không ồn ào, nhưng lại vui, cái vui nhẹ nhàng, thành kính...

2. Lễ động thổ - lễ hạ điền

Như trên đã nói, nhiều nhà hóa vàng vào chiều mồng 3, tiễn các cụ "đi" là hết tết. Còn làng thì thường mở hội xuân mới vào tết. Mọi người vẫn vui tết thưởng xuân, dự hội song nhiều nhà đã nghĩ tới công việc đồng áng, vườn tược tuy vậy, không thể làm việc gì chạm tới đất, nếu chưa làm lễ động thổ.

Động thổ là động chạm tới đất. Lễ động thổ là lễ cúng thần Đất (Thổ thần) xin thần cho con người được động tới đất - cuốc xới, cày bừa, trồng trọt cho năm mới sau những ngày người nghỉ, đất nghỉ từ năm cũ.

Vì vậy, thường sau ngày mồng 3 tết, làng làm lễ động thổ để dân làng bắt đầu lo việc làm ăn cho năm mới. Các bậc kỳ lão, chức sắc được cử lo mọi việc. Cụ Từ mở cửa đình lo việc đèn nhang, lễ vật gồm hoa, hương, trầu, rượu. Bắt đầu vào cuộc, ông chủ tế trong trang phục ngày lễ, đứng trước hương án cầu khẩn, xin phép Thổ thần. Rồi giữ nguyên áo thụng xanh, ông đi ra thửa ruộng bên đình

cuốc mấy nhát xuống đất, lấy một cục đất đặt lên bàn thờ, cáo thần

Lễ động thổ cũng coi là lễ hạ điền, hoặc là lễ khai canh, tức là mở đầu công việc cày cấy.

Chỉ sau buổi lễ động thổ này, dân làng mới được lo việc nông tang. Trước đó, ai tự đo cuốc xới sẽ bị bắt vạ. Thậm chí, trong 3 ngày tết, nếu nhà nào rủi có người qua đời, tang gia cũng phải chờ làng làm lễ động thổ mới được dào huyệt, cử hành tang lễ.

Là một nước nông nghiệp, việc làm ruộng vẫn luôn được quan tâm, khuyến khích. Thời Hùng Vương đã có nhiều truyền thuyết kể chuyện Vua Hùng đi cày. Thời Đinh - Lê sử sách cũng đã từng ghi lại hình ảnh cảm động là vua Lê Đại Hành mở lễ Tịch điền. Các triều đại sau cũng đã duy trì ý nghĩa tốt đẹp ấy qua nghi thức "lễ Tịch điền" đầu xuân cùng tục "tế Xuân Ngưu" vào dịp Tết hàng năm (sẽ nói kỹ trong mục "tết cổ truyền qua các thời đại" ở phần sau). Có nơi lễ hạ điền được tiến hành trên thửa ruộng ở cạnh sân đình. Ông tiên chỉ khăn áo chỉnh tề vào dình thắp hương khấn cầu rồi xắn quần bước xuống ruộng cầm cày đi một đường thẳng tắp mang ý nghĩa tượng trưng. Theo sau tiên chỉ là một người đàn bà gánh mạ (do đàn ông đóng) quăng từng bó mạ xuống ruộng rồi cấy dăm ba cây. Trên bờ ruộng, dân làng kéo ra đông nghịt. Tiếng reo hồ ầm ĩ hòa với tiếng trống rộn ràng nghe thật vui, thật khí thế. Cày được một vòng quanh ruộng thì ông tiên chỉ lên bờ, dõng

dạc nói to: "Làng đã khai canh, mọi người được phép cày cấy, cầu mong cho mùa màng năm nay tốt tươi".

Nhiều nơi người ta làm lễ tượng trưng trong hội xuân và cày bằng "trâu giả". Trâu được bện bằng rơm hoặc đan bằng nan tre to như thật, ngoài có dán giấy xanh, giấy đỏ, ở trong có người điều khiển, hoạt động rất uyển chuyển, nhịp nhàng không khác gì trâu thật. Lễ khai canh làm theo kiểu ấy đã biến thành một trò diễn vui nhộn, thu hút được nhiều người xem, rất có ý nghĩa trong ngày tết ở những vùng cư dân trồng lúa. Tết là thời điểm mới, đổi mới, mọi việc đều phải được mở đầu một cách tốt lành để cả năm đều tốt.

Nghề nông có khai canh thì mọi nghề khác cũng như vậy. Người đi rừng, thợ sơn tràng có lễ khai sơn; nhà nho làm lễ khai bút; quan chức làm lễ khai ấn; nhà buôn, phường thợ làm lễ cúng tổ sư - thánh sư; người dân miền biển làm lễ cầu ngư.

3. Lễ khai sơn

Lễ khai sơn phổ biến cho dân miền trung du bán sơn đ và miền núi, đặc biệt là những người làm nghề sơn tràng. Ở Nghệ - Tĩnh, ngày 25 tháng Chạp là ngày "đóng cửa rừng" không ai được chặt đẵn cây cối nữa. Vì vậy sang năm mới cần phải "khai", phải "mở" để dân chúng được vào rừng làm ăn. Lễ khai sơn không nhất thiết phải do làng đứng ra tổ chức mà có thể là một nhóm, một phường nào đó cũng được. Khoảng mồng 4 hay mồng 6 tết, người ta biện lễ đưa

vào miếu "sơn thần" ở cửa rừng (hoặc là một hang đá, gốc cây cổ thụ nào đấy, thắp hương cúng bái cầu cho "rừng yên, cho việc làm ăn trót lọt, trôi chảy". Lễ phẩm ngoài những thứ thông thường còn phải có thêm một món thịt sống vì đấy là thức ăn không thể thiếu của thần Rừng. Cúng xong họ mang rìu, rựa vào rừng đẵn một vài cây "lấy lệ" khai trương cho công việc của cả một năm. Cũng sau lễ khai sơn này, mọi người mới được tự ý vào rừng làm lụng, còn trước đó (kể từ ngày 25 tháng Chạp trở đi như ở Hương Sơn) là phải để cho Sơn Thần ăn tết, không được động rừng.

Làng Phú Lộc (huyện Phong Châu) vào đêm mồng 6 tết làm lễ mở cửa rừng với phong tục lạ:

Tối hôm đó, trai gái trong làng mang cung, tên lên miếu thờ ở rừng Trám làm lễ "cúng cung tên". Sau tuần hương và lời thỉnh cầu của vị chủ tế, con trai được nhận cung tên từ trên bàn thờ rồi bắn vào cặp gà trống mái trói sẵn ở cạnh miếu. Máu của đôi gà hòa quyện vào nhau thành lễ vật dâng Thần. Sau đó điệu múa săn bắn được diễn ra thành từng cặp mà gái là "con mồi", trai là "người săn bắn". Những người múa cất tiếng hú khẽ (nam hú trước, nữ hú sau) rồi từng cặp tìm chỗ để thực hiện yêu cầu bắt buộc của nghi lễ gọi là "gà phủ".

4. Lễ cầu ngư

Cũng đầu năm mới, dân miền biển có lễ "cầu ngư". Làng cử những người đại diện mang lễ phẩm đến miếu thờ cá Ông (cá Voi) hay các đền Đông Hải đại vương, Nam Hải Thủy

thần thắp hương cầu nguyện cho "Trời yên biển lặng", "Thuyền tại ngư đa" rồi cho một chiếc thuyền ra khơi bủa lưới. Mẻ cá đầu tiên ấy, người ta sẽ chọn con to nhất để cúng thần và thả một con khác xuống nước với ý nghĩa:

"Buông chim thả cá
Tội vạ mặc trời".

5. Lễ khai bút

Các nhà nho, thầy đồ, xem lịch, chọn ngày giờ tốt, thắp nến hương thành kính và khấn vái trước bàn thờ, rồi lấy ra tờ giấy hoa tiên đã dành sẵn mua từ phiên chợ tết cuối năm, mài thoi mực mới, khai bút đầu xuân. Trước án thư hương trầm thơm ngát, các ông làm bài thơ tức cảnh tự vịnh hay vô đề hoặc làm đôi câu đối. Thơ này, câu đối này sau khi đã viết ra rồi, các thầy tự ngâm, tự thưởng thức trước rồi cho vào tráp, đợi khách văn tới là chủ nhà thế nào trong khi nhấp chén trà xuân cũng đọc cho khách nghe, rồi cùng bình luận.

Các nho sinh nhân ngày tết, xem lịch rồi cũng chọn giờ hoàng đạo khai bút để cầu học hành tấn tới, thi kỳ nào đạt kỳ ấy cho bõ công dùi mài kinh sử.

6. Lễ khai ấn

Từ triều đình (quan ở Bộ Lễ) đến chức sắc làng xã (Lý trưởng) từ trong năm làm lễ sắp ấn (cất ấn) triện (của làng), không dùng, tạm ngừng công việc hành chính để ăn tết, vào ngày 25 tháng Chạp. Nay, đầu năm mới, chọn ngày lành, giờ tốt, quan Bộ Lễ làm lễ khai ấn, (Lý trưởng trong làng

làm lễ mở triện), đóng vào văn bản hành chính đầu năm, thường chọn là bản văn tốt lành.

Xưa, người ta có thắp hương khấn cúng vị thần giữ ấn tín trong dịp này.

Các công việc hành chính từ từ ngày mai ấn này lại được vận hành dều dặn trong năm mới.

7. Lễ cầu xuân

Mùa xuân là mùa tươi tốt, là mùa khởi sắc của vạn vật. Cầu xuân là cầu sự tươi tốt ấy cho mọi hoạt động của con người trong cả một năm cầu "nhân khang vật thịnh"; cầu "phong đăng hòa cốc".v.v...

Vào những ngày dầu tết, người ta tổ chức cầu xuân để thỉnh nguyện những mong muốn của dân làng với thần linh, nhờ thần linh phù hộ, đồng thời diễn lại một số trò tục tái hiện cuộc sống xa xưa và tạo nên không khí vui vẻ của cộng đồng trong ba ngày tết. Lễ được tiến hành ở nơi đình, miếu hay một chỗ nào đó ngoài trời được xem là linh thiêng.

Vùng đất tổ Phú Thọ là nơi có lễ cầu xuân đậm đặc nhất cả nước. Phải chăng vì đấy là mảnh đất còn giữ được nhiều dấu tích ở nơi đình, nhiều phong tục của người Việt Cổ trong buổi đầu dựng nước.

Xin dẫn ra đây một vài địa điểm mà xưa kia, lễ đó rất thịnh hành:

- Xã Gia Thanh (huyện Phong Châu) có lễ vào ngày mồng 3 tết, chủ yếu là để cầu đinh. Lễ phẩm gồm 12 chiếc bánh chưng, 12 chiếc bánh dày, một cỗ xôi, một con gà

cùng với hương đăng, trầu rượu. Chủ tế cáo thần linh rồi đi ra cửa miếu nói to: "Năm mới cầu cho làng ta đinh đa, gia thịnh, đinh tài, hương vượng".

- Trong lễ cầu xuân này, có trò "rước lợn" và trò "cướp dò" rất vui.

+ Lợn do trưởng giáp nuôi để thờ thần. Tất cả nam giới kéo đến nhà trưởng giáp để tắm rửa sạch sẽ cho lợn rồi đưa lợn lên kiệu có mui rước đi gọi là "rước ông Cầu về miếu Trò". Sau đó cùng nhau mổ lợn bày cỗ.

+ Dò là thanh tre dài khoảng 13 cm (tượng trưng sinh khí nam) cắm vào dây dò (cây tre, chôn ở sân miếu). Tế lễ xong, chiêng trống nổi lên rồi mọi người ùa đến hai cây dò bên sân miếu tranh cướp dò thật mê say vì ai cũng muốn cho nhà mình "đinh đa, gia thịnh" nhất là đối với những gia đình hiếm hoi.

Thôn Lương Dài, xã Bồ Sao (Vĩnh Lạc) có lễ vào ngày 6 và 7 tháng Giêng cũng với nội dung là để cầu đinh nhưng dưới hình thức khác.

Sáng mồng 6 tết, tất cả gia đình sinh con trai trong năm qua đều phải biện lễ ra trình làng, tế thần cầu mong cho làng đông dân, nhiều đinh.

- Xã Dị Nậu (huyện Tam Thanh) có lễ vào ngày mồng 4 tết mang ý nghĩa cầu đinh, phồn thực qua tục "cướp kèn". Từ sáng tinh mơ các giáp đã mang cỗ ra đình thờ cúng. Khoảng 8 giờ sáng thì dân làng tụ tập đông đủ tại sân đình. Bô lão, chức sắc cũng có mặt ở đình và đảm nhiệm việc tế lễ thay làng. Đúng trưa thì xong lễ, vị chủ tế bước ra thềm

đình dõng dạc đọc bài "giáo kén" dài, xong thì chiêng trống nổi lên và mọi người ùa ra "cướp kén" (kén treo trên hai cây tre trồng giữa sân đình, mỗi cây treo 36 bộ kén, mỗi bộ gồm một chiếc mo cau rạch ở giữa gọi là "mo đài" và xỏ một cái chày ngắn bằng gỗ vông gọi là "chày kình"). Mọi người đẩy, chen lấn nhau thật vui vẻ, quyết liệt vì ai cũng mong cướp được bộ kén cầu may cho cả năm.

- Ở Vi Cương và Triệu Phú (huyện Phong Châu) có lễ vào mồng 6 tháng Giêng nhằm cầu khấn "thóc lúa dề da, mùa màng tốt đẹp". Trong lễ có trò múa "Hú tùng dí" rất ngộ nghĩnh: Mỗi làng chọn ba chàng trai biểu diễn, người nào cũng cầm một chiếc dòn gánh sơn son thiếp vàng, đầu đòn buộc hai bó lúa nhỏ và hai nắm xôi gói lá dong. Họ mặc áo quần, chít khăn rất đẹp chạy vòng quanh sân đình một vòng, vừa chạy vừa reo: "Hú tùng dí", "Hú tùng dí". Dân làng cùng hú theo. Sau đó họ vào đình, dàn thành hàng ngang ở hai bên nhà tiền tế mặt quay vào bàn thờ Thánh và múa đòn gánh theo nhịp chiêng trống. Họ vừa múa vừa reo "Hú tùng dí! Hú tùng dí". Mọi người cùng múa theo. Múa xong 3 lần thì ông chúa trò tung lúa và xôi cho mọi người cướp lấy may v.v...

- Nói chung Phú Thọ là nơi có nhiều "lễ cầu xuân" đáng chú ý. Nó vừa phản ánh những nghi lễ cổ truyền trong ba ngày tết của cộng đồng, lại vừa tạo nên không khí vui tươi cho làng xã lúc xuân đến.

Ngày tết gắn liền với thuần phong mỹ tục. Đó là một dịp để con người ôn lại những truyền thống tốt đẹp của tổ tiên

trong lao động xử thế. Tục "Chúc thọ", "Trọng lão" thể hiện sâu sắc tinh thần đạo đức đối với người già cả. Với ý thức "triều đình trọng tước, hương đang trọng xỉ", khoảng từ mồng 3 đến mồng 7 tết, nhiều làng tổ chức lễ "lên lão" hay "chúc thọ", "yến lão" cho những người cao tuổi.

- Ở Lương Đài (huyện Vĩnh Tường - Vĩnh Yên) vào ngày mồng 6 và mồng 7 tháng Giêng.

- Ở Phượng Lâu (Việt Trì - Phú Thọ) vào ngày mồng 3 tháng Giêng.

- Ở Liễu Đôi (Thanh Liêm - Nam Hà) vào ngày mồng 7 tháng Giêng.

- Ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) vào ngày mồng 6 thán Giêng.v.v...

Thông thường thì 60 tuổi mới được lên lão, mới được miễn trừ những đóng góp xã hội. Trường hợp ở những làng hiếm người tuổi cao thì 50 tuổi cũng có thể được làng cho lên lão rồi. Theo ngày đã quy định, đương sự phải biện lễ đưa ra đình trình làng, cúng Thần để ghi danh sách vào sổ lão. Hôm đó sẽ có mặt đầy đủ bô lão và các vị chức sắc của làng chứng kiến, chung vui, chúc mừng nhau bài thơ, đoạn phú. Con cháu của người được lên lão cũng tham dự vừa chung vui, vừa phục dịch đám đình vì sau lễ "lên lão" thường là có bữa khao của "lão mới".

Lễ chúc thọ cũng được tiến hành tại đình. Làng mời tất cả các bô lão đến dự. Các chức sắc của làng cùng có mặt. Sau những lời thăm hỏi, chúc tụng của vị đại diện, thế nào cũng có món quà "mừng thọ" biếu các cụ tùy theo tuổi tác

và hoàn cảnh địa phương. Có thể là quả bưởi ngon, nải chuối chín như làng Cổ Tích (Phong Châu - Phú Thọ); có thể là một mảnh ruộng để các cụ thu hoạch hoa lợi như Mai Tùng (Thanh Hòa - Phú Thọ) hoặc là chiếc áo đỏ, mũ nỉ tím đối với các cụ 80 tuổi như làng Sơn Vi (Phú Thọ). Lại có nơi như Hương Sơn (Hà Tĩnh) thì quy định thứ bậc khá chặt chẽ, căn cứ vào tuổi mà thưởng: từ 60 - 70 tuổi gọi là "Hương trung kỳ lão" được làng đâng rượu. Từ 71 tuổi trở lên gọi là "Hương thượng kỳ lão" ngoài việc dâng rượu còn được làng tặng áo lụa đỏ (gọi là áo dưỡng lão). Trên 90 tuổi gọi là "Thượng thượng thọ" ngoài rượu, áo còn có câu đối viết trên giấy hay trên vải tùy theo danh phận. Trên 100 tuổi thì gọi là "Bách tuế thọ dân" và vào ngày mồng một tết, nhất thiết lý trưởng phải thay mặt toàn làng mang trầu rượu đến mừng thọ. Đặc biệt ở Liễu Đôi, lệ chúc thọ được tổ chức tại "đình thọ lão" nghĩa là vào ngày mồng 7 tết, làng làm riêng một cái dình dành cho việc chúc thọ các cụ. Đình làm bằng tre, lợp gianh, thưng cót. Sàn đình có nhiều có nhiều bậc, có chiếu trải tươm tất. Cụ nào cao tuổi nhất thì được ngồi ở bậc trên cùng, được ăn riêng một cỗ (nếu ăn không hết thì mang về). Thứ tự tiếp theo căn cứ vào tuổi tác. Các vị chức sắc của làng có mặt dầy đủ, chia nhau tiếp các cụ suốt buổi với thái độ niềm nở, tôn kính. Làng còn tổ chức các trò giải trí cho các cụ trong buổi gặp gỡ đầu năm. Những việc làm trên đã có tác dụng động viên, an ủi người già cả một cách hữu hiệu xuất phát trên tinh thần "Kính lão đắc thọ" - Kính già già để tuổi cho.

Cùng với ý nghĩa nhân đạo, tối mồng 3 Tết có tục "đổ lá bánh ở ngã ba đường". Dân gian cho rằng: có những cô hồn vô chủ không được ai cúng, không được ai mời về ăn trong 3 ngày tết. Vì vậy bà con bảo nhau giành lá bánh từ mồng 1 lại, đến tối mồng 3 thì đưa ra đổ ở ngã ba đường cho chúng nhặt nhạnh kiếm sống. Có nhà còn bỏ thêm vào một phần chiếc bánh chưng để dãi các cô hồn ăn Tết khá hơn.

8. Tục săn cuốc

Vào ngày mồng 3 hoặc mồng 5 tháng Giêng, nhân vụ cấy đã xong, làng Yên Đô (huyện Ý Yên, Nam Hà) có lệ săn chim cuốc. Làng vốn lớn gồm 10 thôn, đất rộng, ruộng nhiều, thường bị chim cuốc đến quấy phá cánh đồng lúa đang mơn mởn thì con gái. Nên làng phải tổ chức bắt, trừ giống ăn hại lúa ấy đi.

Ngày ấy, từ sáng sớm, dân làng kéo nhau ra đình dự cuộc săn bắt cuốc, chỉ trừ trẻ em và phụ nữ ở lại trông nhà. Chiêng trống làng vừa nổi lên thì lập tức tiếng hò reo toàn dân đáp lại. Cả làng biến thành đoàn người hùng dũng tiến ra đồng. Trai tráng đi đầu và cuối, các vị bô lão đi giữa đám đông. Người ta đánh cồng, khua lệnh, gõ trống lớn nhỏ, hò la làm náo động cả một vùng, làm cho loài cuốc kinh hoàng, chạy tứ tung, đâm vào các bụi tre, bờ cỏ ẩn tránh. Nhưng chúng không sao thoát khỏi tay những tráng đinh, lực điền.

Người nào bắt được bao nhiêu con thì được thưởng bấy nhiêu tiền hoặc đồ vật như đã quy định.

Tục săn cuốc này phổ biến ở những nơi có nhiều cuốc

tới quấy phá như ở Phú Thọ hoặc Thanh Hoá (xã Định Tường, huyện Yên Định) chẳng hạn.

Tóm lại, tết là dịp người ta biểu lộ sâu sắc tình đồng loại, tinh thần nhân văn với những người đang sống, từ gia đình đến họ hàng quyến thuộc, từ bạn bè gần xa đến người làng trên xóm dưới, lại với những người đã qua đời, từ tổ tiên gồm (cha mẹ, ông bà) tới gia tiên 4-5 đời và cả với những linh hồn xa lạ, những cô hồn bơ vơ...

Tết là dịp dể cấy trồng, trong vườn ngoài ruộng trong lễ ạ điền.

Và tết lại còn là dịp dể con người nhớ tới bầy gia súc đã cùng vất vả một nắng hai sương trồng cấy, hoặc giúp dỡ mình trong sinh hoạt như chó (trông nhà), mèo (trừ chuột, bọ) lợn (cái ống đựng tiền); thậm chí cả những đồ gia dụng nữa.

Những hành động trên đã thành nếp sống, trở thành phong tục Tết từ lâu dời.

Vào sáng mồng một tết, sau khi gia đình ăn bữa cơm dầu năm, người ta cho cái chổi (có công làm sạch nhà sạch cửa); cái cổng (có công giữ nhà an toàn) "ăn tết" bằng cách quệt tí bánh chưng vào cuống chổi và cột cổng. Rồi lại cho bát, đĩa, nồi, niêu ăn tết bằng cách để thừa chút ít thức ăn, cơm, bánh ngay trong nồi hoặc dính ở bát đĩa. Và khi dọn mâm rồi, những thứ ấy dể tới trưa mới rửa.

Với dồ gia dụng khác như chày giã gạo, cối xay lúa, người ta chọn ngày tốt trong khoảng mồng 1, mồng 3 : bỏ l

nắm thóc vào cối xay, xay 3 vòng, để đó; lại bỏ 1 nắm gạo vào cối giã, giã 3 chày, rồi gạo để đó, chống chày lên. Thế là chày giã, cối xay đang thưởng thức món ăn Tết.

Ở xã Đông Thanh, huyện Đông Thịnh và một số làng thuộc huyện Quảng Xương (Thanh Hoá), vào trưa ngày tiễn ông Vải (mùng 3 hoặc mùng 4) có tục ông Dàm, được coi là thần bảo vệ trâu bò [1]. Mâm cúng gồm bánh, trái, hương, vàng. Hương cắm vào đọn thân cây chuối. Lễ vật bày vào nong để giữa sân. Gia chủ khấn vái trước mâm cúng rồi đem phẩm vật chia cho gia súc. Phần của trâu, bò (1 góc bánh chưng...) thì cuốn lẫn với nắm cỏ khô ngon. Gia chủ đích thân đặt vào mõm từng con vật. Cho mỗi giống vật ăn, chủ nhà đều nói giọng hiền từ như nói với người thân. Chẳng hạn như "Công mày cày bừa năm qua tốt rồi, năm nay hãy tốt hơn nữa" (với trâu, bò). "Đây là công giữ nhà" (với chó); "còn đây là công bắt chuột, bọ..." (với mèo).

Những việc làm trên chứng tỏ lối sống thuần hậu của người Việt là luôn luôn nhớ ơn những ai, những gì đã đem lại sự no đủ, yên vui cho đời sống trước mắt cũng như lâu dài. Mặt khác, điều ấy phản ánh quan niệm về tín ngưỡng vật linh ở cư dân nông nghiệp này còn rất chậm.

Từ ngày mùng 4 thì lệ tục cứ nới dần ra. Ai muốn đi chơi đâu thì đi. Đến bạn bè đi dự hội hoặc nằm nhà, tuỳ thích. Nhưng tết nằm nhà sao cứ không yên dạ. Đi chơi vừa là giải trí vừa là để thực hiện nghĩa vụ tình cảm mà hàng năm mới có một lần.

---

[1] Có người cho biết ông Dàm là cái then chuồng trâu, bò.

Những người không phải "đi chơi nghĩa vụ" theo kiểu trên đây thì họ vãn cảnh chùa chiền, đền miếu hoặc nơi có di tích, danh lam. Cũng là chốn quen thuộc trên quê hương mình nhưng khi vào tết thì hình như nó gợi cảm hơn, rạo rực hơn, khiến người ta quan tâm hơn.

Đối với người Việt, đến nhà nhau chúc tết cũng là một lễ tục. Gặp gỡ nhau lúc đầu tháng, đầu năm, ai cũng tỏ ra hồ hởi "tay bắt, mặt mừng" và không quên chúc nhau những điều tốt lành. "Chúc năm mới", "Chúc mạnh khỏe", "Chúc phát tài",v.v...là giai điệu được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần trong một ngày nhưng không ai cảm thấy "sáo", thừa mà chỉ muốn nghe thêm.

Sau mồng 5 tết, người ta có tục mời nhau bữa tiệc đầu xuân. Việc mời này là có chủ định chứ không phải "tự nhiên" như kiểu đến chúc tết qua một vài ngày trước đó. Ý nghĩa của bữa ăn là ở chỗ tình cảm,là tôn ti trật tự, là quan hệ xóm làng. Qua chén rượu đầu xuân ấy, họ hiểu được ý định của nhau trong cả một năm rồi tạo điều kiện giúp nhau thực hiện những điều mong muốn. Mâm cỗ khá thịnh soạn nhưng chủ yếu cũng là các thức ăn ngày tết đang còn: nhà nào khá giả thì sắm thức ăn mới cho lạ miệng vì ai cũng đã ngấy "thịt mỡ, dưa hành" qua mấy ngày thả cửa ấy rồi. Tuy không quy định nhưng dường như là một sự luân phiên trong việc mời này. Cứ nhà này xong thì đến nhà khác, kéo dài đến rằm tháng giêng mới kết thúc.

Tết là để ăn uống và vui chơi. Ngoài cách chơi cá nhân như trên đã nói còn có những trò chơi cộng đồng hết sức

hấp dẫn trong các hội làng. Rất nhiều làng đã mở hội đúng vào dịp Tết cho dân chúng giải trí tinh thần. Hội Liễu Đôi (Nam Hà) mở vào mồng 5 tết với các trò vật võ, múa kiếm, như quyền rũ người tứ xứ về nơi chiêm trũng đọ tài, đua sức. Những hội này kéo dài hàng tuần nên ai cũng được chung vui thỏa chí qua các trò chơi phù hợp với lứa tuổi của mình. Trẻ em thì đáo ấp, đáo tường; cụ già thì tổ tôm; thanh niên thì đấu vật, cướp cầu; phụ nữ thì hát ca v.v...

Cây đu ngày tết là chỗ tập trung đông người hơn đâu hết. Trai, gái làng quê hiểu biết nhau thêm qua thú chơi này. Vì vậy, mà đã có những làng trồng một lúc hai, ba cây đu từ trong tháng Chạp.

Chọi gà, cờ tướng, cờ người cũng là nơi thu hút lắm khách du xuân. Cá biệt đã có những giai thoại về chuyện cha, con cãi nhau giữa làng trong ngày tết vì quá say mê đánh cờ hoặc là mời khách đến ăn cỗ nhưng rồi đánh cờ quên cả ăn và khi thua cờ thì tức tối đuổi khách ra khỏi nh mình dù đấy là khách quý!

Nói chung, vui chơi trong ngày tết là nhu cầu rất lớn hội làng cũng đã đáp ứng được nhu cầu đó bằng hàng loạ trò chơi sinh động của mình.

Tết Nguyên đán được kết thúc chính thức bằng lễ Khai hạ (cũng đồng thời làm lễ hạ nêu). Lễ Khai hạ được cử hành vào ngày mồng 7 tết trong từng gia đình. Có nhà tổ chức lễ này khá to như ca dao xưa đã nói:

"Cả năm được một rằm tháng 7
Cả thảy được một mồng 7 tháng Giêng".

Nhưng tại sao lễ Khai hạ lại vào mồng 7 tết?

Tại sao trong lễ này lại hạ cây nêu và mở tiệc ăn mừng?

Sách "Chiêm tuế sư thư" và "Kinh Sở tuế thời kỳ" chép:

Tháng đầu năm

Mồng 1: ngày con gà

Mồng 2: ngày con chó

Mồng 3: ngày con lợn

Mồng 4: ngày con dê

Mồng 5: ngày con trâu

Mồng 6: ngày con ngựa

Mồng 7: ngày con người

Mồng 8: ngày của lúa[1].

Đây vốn là một lối bói. Nghiệm đầu tháng Giêng 8 ngày ấy hễ ngày nào trời tạnh ráo, sáng rõ thì giống thuộc về ngày ấy cả năm được tốt. Cho nên đến ngày mồng 7 thấy trời sáng sủa, không mưa, gió thì người ta tin rằng con người cả năm được mạnh khỏe, do đó mở tiệc ăn mừng, gọi là Khai hạ.

Rồi sau cứ mồng 7 dù mưa vẫn mở tiệc ăn mừng như thường"[2].

Phẩm vật dâng cúng trong ngày lễ là cỗ mặn với dầy đủ các món thường có như giò, nem, ninh, mọc. v.v...

Có thể nói đây là bữa ăn cuối cùng kết thúc ngày tết nên con cháu tụ tập đông đủ, không khí bữa ăn thật đầm ấm vui vầy.

---

[1], [2] Dẫn theo *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, Sđd, Tr. 63.

9. Tục ăn tết lại

Có một số nơi tổ chức ăn tết lần hai gọi là ăn tết lại.

Ăn tết lại xuất phát từ một sự tích nào đó rồi được lặp đi lặp lại năm này qua năm khác biến thành tục lệ.

- Xã Mỹ Thọ (Bình Lục, Nam Hà) có tục ăn tết lại vào ngày mồng 8 tháng Giêng gọi là tết "Cây xanh".

Xưa kia có một vị tướng dẫn quân tới dây vào đêm 30 tháng Chạp. Dừng lại một đêm, ông trồng một cây xanh và nói "Trồng cây xanh cầu may đi đánh giặc, trở về nếu cây sống thì sẽ khao dân làng". Đến lúc thắng trận ông trở lại dây đúng vào ngày mồng 8 tháng Giêng. Giữ lời hứa, ông mở tiệc khao dân. Từ đó thành tục ăn tết lại đúng như vị tướng kia đã làm (Lấy một bát hương to đặt ở gốc cây. Sau đó rải xôi, thịt trên lá rồi cùng nhau ngồi ăn chứ không cần bát đĩa, không cần bàn tiệc). Sở dĩ có kiểu ăn vậy là để nhớ lại thời chinh chiến mà tướng quân ông đã trải.

- Xã Đông Thanh (Đông Thiệu, Thanh Hóa), ăn tết lại vào ngày mồng 10 tháng Giêng. Quận công Nguyễn Khải c lần hẹn dân về quê ăn tết. Dân đợi đến mồng 3 vẫn khôi thấy về. Sang mồng 4, họ ăn tết lần 2 (ăn thêm 1 ngày). Đ ngày 9 tết Quận công mới về. Mồng 10, dân tổ chức ăn tế lại để chung vui cùng Quận Công mà mình kính phục.

- Ở kinh thành Thăng Long ăn tết lại vào mồng 5 tháng Giêng. Đầu năm Kỷ Dậu (1789), giặc Thanh cướp phá, dân tức giận bỏ chạy và vứt hết bánh chưng xuống ao, xuống giếng không cho giặc ăn. Sáng mồng 5 tết, vua Quang Trung đánh thắng quân Thanh. Giặc bỏ chạy dân trở về vớt

bánh lên ăn tết lại (Bánh mùa rét, ngâm nước không bị hỏng). Từ đấy sinh ra tục ăn tết lại vào ngày mồng 5 để kỷ niệm Quang Trung đại thắng quân Thanh. Và cũng đúng lời ước hẹn của Vua Quang Trung trước ba quân khi xuất trận từ Phú Xuân (Huế) là sẽ quét sạch quân xâm lược, và ăn tết ở Thăng Long.

- Xã Đại Bái (Gia Lương - Bắc Ninh) ăn tết lại vào 30 tháng Giêng. Ông Nguyễn Công Hiệp có công lớn với làng (như việc hưng công trùng tu đình Đại Bái, miễn thuế nông cho dân, chuyển đá xanh về làm cầu cống, khuyến khích nghề gò đồng). Năm Mậu Tuất (1648), ông bận việc quân không về ăn tết kịp. Mãi tới 28 tháng Giêng ông mới tới nhà. Ông liền tặng người làng từ 18 tuổi trở lên mỗi người 3 tiền để "cùng ăn tết muộn" cho vui vẻ vào ngày 30 tháng Giêng. Từ đó biến thành tục "30 tết cùng". Ông vào Nam rồi mất ở trong ấy. Dân làng thương nhớ lập đền thờ và biến việc ăn tết muộn ấy thành tục của làng để tưởng niệm ông.

Tục ăn tết lại ngày nay rất ít thấy trong thực tế. Hình như nó chỉ còn lại trong tâm tưởng người đời và mỗi khi nhắc lại, người ta cảm động, bâng khuâng vì đấy là một tục đẹp, vừa vui, vừa sâu nặng nghĩa tình.

Phần hai

TẾT THỊ THÀNH

I. TẾT HÀ NỘI

Hà Nội là đất nghìn năm văn hiến, nơi tập trung tinh hoa của cả nước. Bởi vậy ngày tết ở đây cũng có những nét độc đáo riêng biệt. Tết Hà Nội đa dạng do con người sống ở đây từ nhiều nơi tụ hội. Hơn thế, Hà Nội có "36 phố phường" và chợ đông vui sầm uất, thường xuyên hoạt động không kể ngày giờ. Khu vực buôn bán lớn nhất tập trung vào ba mươi sáu phố phường của kinh thành xưa. Khu vực này nằm ở phía bắc Hồ Gươm nơi có nhiều cửa hàng và phường nghề thủ công nổi tiếng. Sản vật nhiều, kỹ thuật tinh xảo, cách chế biến phong phú tạo nên một nếp sinh hoạt riêng cho con người thành thị. Tất cả những nét đặc trưng của các địa phương được tập trung, chắt lọc. Qua thời gian, cái hay cái đẹp được giữ lại và phát triển theo cấp sinh hoạt thị thành, tạo nên một lối sống phong lưu của những con người lịch thiệp tinh tế về mọi mặt.

Người Hà Nội cũng có tiếng là khéo léo và lịch lãm trong việc chế biến và thưởng thức các món ăn. Đến ngày tết, sự khéo léo và lịch lãm ấy càng có dịp phát triển.

Hà Nội còn có một khu vực tập trung nhiều người Hoa,

phần lớn làm nghề bán hàng ăn. Bởi vậy, một số món ăn Hà Nội lâu dần cũng có ảnh hưởng phong vị Trung Quốc. Những ngày cuối năm, khi Hà Nội đang chìm trong giá lạnh của những đợt gió mùa Đông Bắc thì ngoài đường phố lại bừng lên các màu sắc cổ truyền của Tết Nguyên đán. Màu xanh của cây cối, lá dong. Mầu đỏ của hoa đào, của pháo, của câu đối và màu vàng của bưởi, quất, phật thủ... Tất cả của ngon vật lạ ở từng miền theo mọi nẻo đường qua năm cửa ô tràn vào các cửa hàng, các gian chợ, sẵn sàng phục vụ cho cái tết của người Hà Nội.

Ngay từ tháng mười một, các bà nội trợ đã bắt đầu huẩn bị tết. Gạo nếp, đậu xanh gói bánh, nấu chè là cái ớc tiên phải lo tới. Sau đến các loại đồ khô khác cũng ực chú ý mua ngay như măng khô, miến tàu, bóng bì, ong cá, long tu, nấm hương, mộc nhĩ, hạnh nhân, hồ tiêu, ạc... Nhà nào có điều kiện nuôi gà thì trước Tết bốn, năm tháng đã mua về vài con gà trống hoa mới biết gáy để thiến và vỗ béo.

Đầu tháng Chạp người ta bắt đầu lo đến vại dưa hành, ít lạp xường và hũ trứng muối. Sang trọng thì làm thêm món ăn cầu kỳ đắt tiền: Chè mạn ngon đun lấy nước, độ đậm đặc như nước trà khi pha uống. Dùng nước trà ấy để tôi vôi, cho thêm vào đấy ít đinh hương, hoa hồi, quế chi. Sau đó thả từng quả trứng vào nước vôi đang sôi. Để trứng trong nước vôi độ vài giây rồi lần lượt vớt ra. Xếp trứng vào hũ, đậy kín để bên cạnh bếp, mỗi ngày xoay hũ hai, ba lần cho hơi nóng thấm đều qua thành hũ. Độ hai mươi hôm sau thì ăn

được, khi cắt ra, quả trứng có màu nâu đen sẫm. Trứng đen là món ăn quý trong ngày tết vì chất bùi ngậy của trứng, vị thơm lạ lùng của chè và gia vị, mùi nồng đậm của vôi. Chính chất vôi ngấm trong trứng làm cho người ăn chóng tiêu, tạo cảm giác ngon miệng, đỡ ngấy vì lượng thịt mỡ quá cao trong những bữa ăn ngày Tết.

Trước đây Hà Nội có hai loại bóng bì: Bóng bì rán và bóng bì nướng. Bóng bì nướng còn gọi là bóng Sài Gòn vì bóng có nguồn gốc từ Sài Gòn. Gần tết, người ta thường gánh những đôi bồ dầy đầy bóng Sài Gòn đến ngồi bán ở vỉa hè Hàng Ngang, Hàng Đường. Bóng bì rán thơm ngon và mềm hơn bóng Sài Gòn. Những miếng bóng rán to, cuốn cong, được xâu vào dây treo trong các hiệu bán hàng khô ở phố Hàng Cân, Hàng Đường. Những hiệu đồ khô này bán các loại hàng ngon và sang hơn hàng khô trong chợ. Nhà phong lưu chỉ mua bóng bì rán để nấu cỗ ngày tết. Ngoài ra, nhà nào cũng mua một quả gấc chín trong trên giàn bếp, đến hôm ba mươi thổi xôi cúng tất niên và thắp hương sáng mùng 1. Ngày tết, bất kể giàu nghèo nhà nào cũng đồ xôi gấc vì gấc đỏ, mầu đỏ tươi sáng ưa nhìn được coi là mầu may mắn đem lại điều tốt đẹp. Đến giữa tháng Chạp, các chợ bán đầy lá dong, lá được bó thành từng bó, mua về dựng vào góc sân râm mát để gói bánh chưng và giò.

Người ta còn mua các loại vàng hương, nhà khá giả thì có thêm cây vàng để bàn thờ. Cây vàng làm bằng giấy màu vàng, dưới có đế để dựng cho vững, trên là hoa giấy điểm trang kim ở giữa. Sau mấy ngày tết, cây vàng được đem hoá

cùng các đỗ mã khác. Có một món mang hương vị đặc biệt tết, đó là mứt. Công việc làm mứt này thường dành cho các cô gái trong gia đình. Trừ những ai bận buôn bán, hoặc những người sát tết mới lo được tiền, còn rất nhiều gia đình đều thích nấu mứt để ăn và thết khách trong những ngày tết. Mứt có nhiều loại: mứt sen, mứt lạc, mứt gừng, mứt phật thủ, mứt quất, mứt dừa, mứt dứa, mứt cà rốt, mứt bí... Ngoài mứt còn có các loại bánh: Bánh chè lam, bánh Vẽ, bánh Huê Cầu làm bằng gạo nếp. Bánh Vẽ to bằng quả trứng gà, nở phồng, bên trong rỗng xốp, ăn dòn và ngọt thanh, là đặc sản của làng Vẽ. Còn bánh Huê Cầu vuông bằng 2 ngón tay mỏng như giấy, nhuộm đủ các màu do làng Xuân Cầu làm. Khi ăn rán trong chảo mỡ đang sôi bánh sẽ nở xoè như bông hoa rất đẹp. Người ta cho rằng sáng mồng một tết rán bánh, nếu bánh nở to và đẹp thì cả nhà sẽ gặp nhiều may mắn. Khoảng những năm 1930, bắt đầu phổ biến các loại bánh chế bằng bột mì như bánh quy bơ, săm pa, bánh quạt kẹo đường, và các loại kẹo gói giấy. Hạt dưa là món "tí tách" không thể thiếu trong ngày tết. Đĩa hạt dưa nhuộm đỏ rang thơm nổi bật giữa các đĩa bánh kẹo trông thật hấp dẫn. Món này được mọi người, nhất là phụ nữ và trẻ con ưa thích. Đây là sản phẩm của người Nam Bộ nhưng nay đã là của chung cả nước. Từ năm 1955, hai miền Nam - Bắc tạm thời chia cắt, không có hạt dưa, người Hà Nội đã dùng thay bằng hạt bí. Khi nước nhà thống nhất, hai loại hạt này song song tồn tại trong các quầy hàng tết. Càng gần tết, đường phố và các chợ càng tấp nập đông vui, trong chợ tràn ngập hàng hoá, các cửa hiệu ngoài phố cũng đầy ắp sản vật.

Có những nơi chuyên bán từng loại hàng. Hàng Đào bán nhung, dạ, vải vóc, tơ lụa. Ai muốn quần áo mới, phải đến đây mua vải và đưa hiệu may từ tháng một mới kịp có quần áo mặc tết. Hàng Ngang bán các loại chè: chè mạn, chè ướp sen, ướp hoa thuỷ tiên, chè Sinh Thái, Ninh Thái, Thiết Quan Âm đựng trong bao thiếc và lọ sành tráng men. Những loại này tuy đắt nhưng cả năm chỉ có ba ngày tết, ai cũng muốn mua để thưởng thức và thiết khách cho lịch sự. Phố Hàng Bồ bán đầy tranh dân gian, câu đối tết. Tranh và câu đối được bày lên chiếu trải lên hè, đủ các loại tranh: Tranh gà lợn, Phúc - Lộc - Thọ, Thất đông, Trần Hưng Đạo, Đám cưới chuột, Cờ lau tập trận, Tranh thờ Ngũ hổ... của các dòng tranh dân gian nổi tiếng của làng Hồ (Thuận Thành - Bắc Ninh), Kim Hoàng (Hoài Đức) và Hàng Trống (Hà Nội), tranh dân gian thể hiện những ước mơ về cuộc sống thái bình sung túc. Ngày tết nhà nào cũng phải mua mấy cái tranh, vài đôi câu đối tết về dán ở cửa hoặc treo trong nhà, thiếu thứ này thì dù cỗ bàn có sang trọng đến đâu cũng chưa đủ không khí tết. Câu đối viết bằng mực tầu trên giấy hồng điều hoặc giấy đỏ có dát nhũ vàng. Cạnh hàng bán câu đối còn có các ông đồ nho trải chiếu nằm phục vụ viết câu đối và chữ Hán theo nội dung khách hàng đặt. Cảnh viết câu đối ngày tết trước năm 1945 đã được nhà thơ Vũ Đình Liên miêu tả thật thành công trong bài thơ "Ông Đồ", sáng tác vào những năm 1930. Mỗi năm một lần, khi hoa đào bắt đầu khoe sắc là ông đồ lại đem giấy đỏ mực tầu ra hè phố để bán chữ cho những người biết thưởng thức loại chữ tượng hình này.

Thời kỳ đó ở Việt Nam nho học còn được hâm mộ. Ông đồ viết câu đối ngày tết được "Bao nhiêu người thuê viết, tấm tắc ngợi khen tài. Hoa tay thảo những nét, như phượng múa rồng bay". Tuy nhiên, sau đó, khi chữ Hán không còn thông dùng nữ thì cảnh ông Đồ ngày tết viết chữ thuê trở nên ít dần và gần như mất hẳn.

Hàng Bồ còn bán pháo, pháo bày trên những cái bàn con, có đủ các loại: pháo tép, pháo dây, pháo dùng, pháo cối, pháo đập, pháo hoa cà hoa cải... Hàng Dường san sát hiệu mứt và hàng khô. Các thấu mứt đầy, đủ các mầu sắc nằm san sát trên giá gỗ. Người mua ngắm nghía lựa chọn, người bán luôn tay gói hàng thu tiền, vừa làm vừa mời chào đon đả.

Trên các quầy hàng ở phố Hàng Mã bày đầy các loại đồ dùng bằng giấy như ngựa, áo quần, mũ nón, giầy dép mà người ta vẫn gọi là đồ mã, các loại vàng và tiền âm phủ: Vàng hoà, vàng hồ, vàng giấy, vàng đinh, cạnh đó là tiền giấy và tiền chinh in trên giấy. Ngày tết mọi người mua tiền, qua tết làm lễ hoá vàng biếu các cụ "bên ấy" tiêu dùng. Cửa chợ Đồng Xuân bán đủ loại hương: hương vòng, hương trầm, hương thẻ, hương đen...

Tết đến, trên bàn thờ mọi nhà đến các đình chùa, đền miếu chỗ nào cũng nghi ngút khói hương làm cho ngày tết càng ấm cúng và thêm hương thêm sắc.

Ngã tư chợ Đồng Xuân - Hàng Khoai tràn sang phố Hàng Lược là cả một vườn hoa di động. Đó là chợ hoa của Hà Nội. Ven Hồ Tây, phía đông bắc thành phố có những

làng chuyên nghề trồng hoa như Ngọc Hà, Nhật Tân, Nghi Tàm, Yên Phụ... trong đó làng có lịch sử trồng hoa lâu đời nhất là Nghi Tàm. Trước đây chợ hoa họp trong chợ Cầu Đông tức là một góc chợ Đồng Xuân và đầu Hàng Đường ngày nay. Sau đó chuyển thành chợ hoa kéo qua cổng Hàng Cháo, Hàng Lược đến đầu Hàng Cót. Chợ họp từ sáng ngày Tết ông Công (23/12) cho đến đêm giao thừa. Ngày nào cũng suốt từ sáng đến tối, nườm nượp người. Người đủ mọi lứa tuổi, lại có cả khách nước ngoài chen nhau bán hoa, mua hoa, chọn hoa... Những người đi chợ hoa đều ăn mặc đẹp vì người ta đi chợ không chỉ để mua hoa, ngắm hoa mà còn để ngắm người. Thôi thì đủ mọi hương sắc hình vẻ, đáp ứng đủ mọi thú chơi hoa: Quất, cúc, đào, mai, thuỷ tiên, hồng nhung, đỗ quyên, mẫu đơn, thược dược... Nhưng mấy loại hoa được người Hà Nội ưa chuộng nhất trong ngày tết là đào, quất, cúc và nhà phong lưu hơn thì chọn thêm giò thuỷ tiên.

Đào, cúc, quất là những thứ hoa nhà nào cũng có trong dịp tết. Đào có nhiều loại: Hồng đào, bích đào, bạch đào... Cành đào thường được uốn tỉa thành tán tròn. Người thưởng thức hoa phải biết chọn cành đẹp, nụ "ẩn" để hoa nở nhiều đúng vào ngày đầu xuân năm mới. Người thành thạo lại phải biết thúc nụ, hãm hoa cho hoa nở đúng lúc mong muốn. Cho nên cành đào mua về thường được dốt gốc rồi mới cắm vào lọ độc bình, bày vào nơi đẹp nhất của phòng khách.

Hoa đào mầu hồng như ánh mặt trời, tuỳ theo độ đậm

nhạt mà gọi là đào thắm hay đào phai. Ai mua đào cũng thích chọn cành nhiều nụ để chơi được đến rằm tháng Giêng.

Quất và cúc trồng trong chậu. Cây quất có tán tròn hoặc được tỉa thành hai, ba tầng dưới to trên nhỏ dần. Quý và hiếm nhất là những cây quất nhỏ nhưng quả nhiều hơn lá. Quất là cây biểu tượng "tài lộc" của người kinh kỳ nên những nhà buôn bán thích mua. Tết nào mua được cây quất đẹp, quả nhiều và sai là hy vọng năm đó nhiều tài, nhiều lộc.

Cúc có nhiều loại: Cúc vàng, cúc trắng, cúc mốc, cúc long trảo, cúc bách mi, đại hoá... cúc là loại cây dễ trồng lại lâu tàn. Cúc có vẻ đẹp độc đáo cả về sắc, hương lẫn dáng vẻ. Cúc tượng trưng cho nếp sống khiêm tốn, giản dị, kín đáo như cuộc đời thanh bạch của người hàn sĩ, vì thế cúc được các bậc túc nho ưa thích.

Thuỷ tiên vốn từ Trung Quốc sang. Ngay từ đầu tháng Chạp đã có hàng sọt củ thuỷ tiên bán ở phố Hàng Buồm. Những người thích chơi và biết tỉa gọt thuỷ tiên mua củ về nuôi thành những giò hoa trắng ngần có cả lá, rễ và hoa. Củ hoa dược ngâm trong bình pha lê trong suốt, củ có cả một chùm rễ dài trắng muốt. Hoa thuỷ tiên cũng trắng, nở thành chùm có hương thơm nhẹ nhàng êm dịu. Trước đây, trong dịp Tết Hà Nội có tổ chức thi hoa thuỷ tiên tại nhà Đấu Xảo. Tiêu chuẩn hoa thi rất cao, đòi hỏi người dự thi nhiều công phu và sự hiểu biết về loại hoa này. Bình nào có củ và hoa đạt tiêu chuẩn đề ra trong cuộc thi sẽ được chấm giải. Hoa dự thi nhất thiết phải có 5 giò (nhánh) thật đều nhau và đến đúng ngày giờ quy định phải "hoa tề hàm vị tiếu" nghĩa

là hoa đều cùng hé nở. Chọn được củ hoa có 5 nhánh đều nhau là chuyện khó, hoa cùng hé nở vào 1 giờ quy định lại càng khó hơn, đòi hỏi người chơi hoa phải có những bí quyết về nghệ thuật ngâm hãm, tỉa gọt. Bình hoa trúng giải nhất được đặt lên long đình rước về tận nhà chủ. Chủ nhà rất hãnh diện với bà con chung quanh và tin chắc năm đó sẽ ăn nên làm ra. Nếu không nuôi tỉa được, gần tết người ta ra chợ hoa mua một bình hoa thuỷ tiên về chơi tết. Người bán phải ngâm hãm sao cho hoa nở đúng vào ngày mồng một mới hay.

Ngoài bốn loại cây nói trên, hoa mẫu đơn cũng được nhiều người chuộng vì vẻ đẹp vương giả viên mãn của nó. Hoa đỗ quyên đỏ chói, hoa hồng nhung, hồng bạch hợp với những căn buồng nhỏ, tạo sự cân đối và cảm giác ấm cúng cho con người. Nhiều nhà còn cầu kỳ thích chơi lan chân cua ghép vào cây xương rồng trồng trong chậu cảnh. Lá lan chân cua rất giống hình con của bể, gần tết cây nở hoa đỏ rực và tươi mãi cho đến hết Giêng.

Người đi chơi chợ, xem hoa trong gió lạnh và mưa bay. Có người đi cả buổi mà không tìm được cây quế hay cành đào ưng ý, đành về để hôm sau lại đi tìm cl được cây hoa đẹp.

Ngày 23 tháng Chạp mọi nhà làm lễ tiễn ông Công lê chầu trời. Ông cưỡi cá chép lên báo cáo mọi hành vi tốt xấu của gia chủ với Ngọc Hoàng Thượng đế. Bởi vậy hôm đó phải cúng cho ông một con cá chép và một cỗ ba cái mũ mã: cái mầu vàng là mũ bà còn hai cái đen là mũ hai ông. Từ sáng tinh mơ hôm ấy, trên đường phố đã réo rắt tiếng

rao: "Ai mua...cá ông Công...ra... mua". Cá ông Công là cá chép to khoảng bằng bàn tay, bơi trong hai cái thúng sơn đầy nước. Mua về, thả cá vào liễn để lên bàn thờ. Cúng xong đem cá ra sông Hồng hoặc hồ Hoàn Kiếm phóng sinh.

Qua lễ ông Công, người Hà Nội náo nức lo tết từng ngày. Mọi nhà đều tính việc hàng ngày cho kịp đón mừng năm mới. Biết bao chuyện bề bộn: gói bánh chưng, gói giò, làm mứt, dọn dẹp bàn thờ, trang hoàng nhà cửa... Đặc biệt các con nợ phải lo trả nợ. Ai không trả được phải sửa một cái lễ nhỏ đến biếu chủ nợ xin khất đến "ra Giêng ngày ...ng tháng dài". Ngày tết thường xuất hiện một loại người ...a xấc láo, vừa táo tợn gọi là "nặc nô", chuyên đi đòi nợ ...uê. Chúng thường đến tận nhà con nợ réo chửi để đòi cho ...ằng được.

Mỗi gia đình còn phải lo các thứ lễ cho chu tất, tuỳ theo thứ bậc của mình trong họ hàng, ngoài xã hội. Con thứ đưa lễ đến nhà con trưởng, chi thứ đem lễ đến nhà trưởng họ. Con biếu quà cha mẹ, con rể lễ tết bố mẹ vợ. Học trò lễ tết thầy học, những người chịu ơn biếu quà cho ân nhân. Đồ lễ tết thường là gà trống thiến, gạo nếp cái, hoa quả, chè tầu, vàng hương. Xong chuyện đó, mới có thể yên tâm lo đến nồi bánh chưng và những việc còn lại.

Ngày 27 tết mọi nhà ngâm dỗ, rửa và lau lá dong. Sáng 28 đãi đỗ, vo gạo, thái thịt gói bánh. Người Hà Nội gói bánh chưng sớm hơn thôn quê. Sáng 30, bánh đã được vớt, nén xong xuôi. Sẵn lá dong, người ta xào thịt thủ hoặc thịt chân giò trộn mộc nhĩ, gói thêm cái giò xào.

Còn một món nữa các bà nội trợ đảm đang không quên đó là nồi cá kho riềng. Để một lớp riềng thái mỏng ở dưới đáy nồi rồi xếp những khúc cá chép to đã rán qua lên trên. Có nhà còn cho thêm sườn lợn vào giữa cá và riềng để cá thêm ngọt thêm béo. Cá kho phải khô và nhừ cả xương. Miếng cá kho riềng thơm ngọt, rắn thịt, vị béo, đậm đà ăn với bánh chưng thật lạ miệng, mang đậm hương vị tết. Ngày 29-30 tết chợ càng đông. Người ta đi chợ mua su hào, cà rốt, súp lơ, rau sống, thơm mùi... để đùng trong 3 ngày tết. Những nhà nghèo lúc này mới lo được tiền ra chợ mua miếng thịt, đấu gạo, thẻ hương, gói hoa về làm mâm cơm đạm bạc gọi là để cúng gia tiên.

Đi chợ Tết ai cũng nhớ mua mấy cục vôi vì trước đ nhà nào cũng có người ăn trầu. Vôi mua về dùng đủ đến Giêng bởi mọi người quan niệm "bạc như vôi", mua v vào đầu năm sẽ xúi quẩy, đầu năm chỉ mua muối cho đặ đà may mắn. Câu "Đầu năm mua muối, cuối năm mua vôi ngụ ý đó. Người đi chợ vào những ngày giáp tết còn nh mua vài bó mùi già và nắm rễ hương bài để tắm gội tấ niên. Rễ hương bài gội đầu còn lá mùi già thì tắm và rửa mặt. Hai loại cây này khi nấu lên đều toả hương thơm thật dễ chịu, đậm đà hương vị dân gian chỉ có trong ngày tết. Bước sang năm mới ai cũng mong muốn mọi thứ đều đẹp đẽ và tinh khiết. Thế là không chỉ có áo quần đẹp, nét mặt vui tươi, lời nói cử chỉ khoan hoà mà da dẻ cũng thơm tho, sao cho cả con người và tâm hồn đều hoà đồng trong sự sảng khoái hoàn toàn để đón mừng xuân mới.

Sáng 30 tết nhà cửa trang hoàng khác hẳn ngày thường. Bàn thờ được lau chùi cẩn thận. Đỉnh đồng, lư hương, chân nến, đèn dầu Nan Thái, nồi, mâm được đánh bằng tro rồi bôi thuốc đánh đồng cho thật sáng bóng. Màn cửa bàn thờ cũng được thay giặt, hai cái đèn lục lăng treo hai bên, mọi thứ được bày biện đâu ra đấy. Mâm ngũ quả đặt ở giữa, gọi là ngũ quả nhưng không phải trên mâm chỉ có năm thứ. Nếu bày ở mâm bồng thì chủng loại quả sẽ nhiều hơn bày trên đĩa. Mâm ngũ quả trước hết phải có nải chuối tiêu xanh đẹp dáng, những quả chuối như những ngón tay vươn ra ôm lấy quả phật thủ vàng ươm hoặc quả bưởi to. Thêm vào đó là cam, lê, nho, táo, quất, hồng xiêm, hồng mòng. Nhiều nhà còn bày cà chua, ớt cho thêm phần rực rỡ. Cách bày ngũ quả thể hiện trình độ thẩm mỹ và sự hiểu biết của chủ nhà. Mâm ngũ quả trang hoàng cho bàn thờ đồng thời cũng là nguồn hoa quả tươi để ăn sau mấy ngày tết. Khi mọi người đang có cảm giác ngấy về thịt và mỡ trong những bữa ăn liên miên thì một múi bưởi, một miếng lê, vài quả nho mọng nước sẽ cung cấp một lượng sinh tố cần thiết, làm nhẹ người, mát ruột biết bao. Hai bên bàn thờ còn dựng hai cây mía to đã phạt hết lá, để ngọn. Đó là "gậy ông Vải" cho ông bà tổ tiên dùng làm gậy về ăn tết với con cháu.

Hai lọ lục bình trên bàn thờ được cắm mỗi lọ một chục huệ hoặc mấy bông hoa giấy. Mâm ngũ quả, hai lọ hoa, cơi trầu, nậm rượu và mấy xếp vàng trên bàn thờ đã thể hiện rõ phong vị tết. Từ lúc này, suốt ngày đêm trên bàn thờ luôn có ngọn đèn nhỏ, khói hương bay toả thơm khắp nhà.

Đàn bà con gái đang tập trung dưới bếp làm gà, thái su hào, quấy chè, nấu nướng làm cỗ cúng. Bánh chưng nén xong treo từng chùm trên cái lao màn cạnh cây giò mỡ nẹp tre. Phong lưu thì thêm cây giò lụa, giò hoa đặt mua ở hàng giò chả. Giò lụa chế biến bằng thịt lợn nạc. Thịt để giã giò, phải là thịt mỡ pha còn ấm tay và giã bằng hai chày liên tục thật đều nhịp. Khi thịt đã dẻo mịn, gia muối, hồ tiêu vừa đủ rồi gói bằng lá chuối đem luộc. Giò hoa cũng gói bằng thịt, như giò lụa nhưng có điểm thêm mỡ phần luộc chín thái hạt lựu. Giò có thể để hàng tuần không sợ hỏng. Đây là món ăn sang trọng truyền thống của người Việt Nam.

Chiều 30, nhà nào cũng làm cỗ cúng tất niên tiễn năm c và khấn mời ông bà cha mẹ đã khuất núi về hưởng hươ hoa cỗ bàn đón năm mới cùng con cháu. Mâm cỗ tết khá hẳn ngày dưng. Những nhà bình thường cũng gắng sao không thua kém người. Trước đây, món ăn Hà Nội thường ngon và được nấu đúng cách. Cỗ bàn phải đủ lệ đủ món. Mâm cỗ tết thường có 4 bát, sáu đĩa, phong lưu thì 8 bát, 8 đĩa. Như thế mới gọi là sang, biết thưởng thức.

Bát bóng nấu với chân tẩy, thịt lợn nạc, và nước dùng gà. Chân tẩy là các loại củ như su hào, cà rốt, củ đậu được thái mỏng theo hình hoa lá nấu kèm vào các món cho ngon, cho đẹp mắt. *Bát ca ri khoai tây* hầm đầu, cổ, cánh gà. Bát miến nấu lòng gà. Bát măng khô ninh chân giò điểm vài củ hành hoa để cả lá.

Đĩa thì có các món: Thịt gà luộc, thịt đông, giò xào, cá kho riềng, thịt bò kho khô, thêm đĩa nộm xu hào với lạc

rang giã đập và đĩa dưa hành ăn làm nền cho đỡ ngấy vì lượng thịt và mỡ quá cao trong mâm cỗ.

Nhà phong lưu sang trọng thì phải có tám đến mười bát. Ngoài bóng, miến, khoai, măng còn có bát long tu, măng tây, vây, bóng thủ, nấm thả, chim hầm. Long tu là râu rồng, nhưng tưởng tượng ra để gọi thế cho sang chứ đây chính là ruột của một loài cá biển phơi khô. Sợi long tu dài và mỏng, chiều ngang bằng ngón tay trỏ người lớn. Phải ngâm, rửa sạch bằng rượu rồi mới thái nấu với chân tẩy và thịt gà. Những miếng long tu nở xoè như những bông hoa mầu trắng. Măng tây có hai loại, loại tươi và loại đóng hộp từ Pháp đem sang. Măng tây được cắt ra từng miếng nấu với thịt và nước dùng gà, thêm tí bột đao cho sánh nước. Trên mặt bát là thịt gà xé, thịt cua bể, gạch cua hấp trứng thái miếng, điểm thêm vài cái rau mùi lên trên cho đẹp.

Vây nấu thịt thăn, hành tây, nấm hương thái chỉ, thịt cua bể gỡ, gạch cua hấp trứng thái chỉ và thịt gà xé. Món này phải ăn khi còn thật nóng. Đây là vây của một loài cá biển. Có hai loại vây: vây miếng và vây sợi. Món ăn quý và hiếm này ngày nay không còn được bán phổ biến nữa (hoặc bóng dưa) là bong bóng cá thủ, cá dưa. Bóng được cắt ra nhồi thịt băm, lẫn giò sống và nấm hương thái nhỏ, hấp cách thuỷ cho chín rồi nấu với thịt gà, hành tây. *Nấm thả* nấu bằng nấm hương ngâm nở cắt cuống, đắp giò sống vào lòng nấm, hấp cách thuỷ, nấu với thịt lợn nạc cho thêm loáng thoáng ít chân tẩy. Món này rất ngon, khi múc lên bát, chưa ăn đã thấy thơm ngát vị nấm hương. *Chim hầm* để cả con, phải là

chim bồ câu ra ràng, nhồi thịt nạc băm trộn hạt sen, mộc nhĩ, cốm. Hầm cho thật nhừ nhưng vẫn giữ nguyên hình dáng con chim. Trước khi bắc ra cho thêm ít sợi miến và vài củ hành tươi, lúc múc rải miến và hành lên mình chim cho đẹp.

Đó là các món nấu, còn những món bày đĩa thì không hạn chế: Thịt gà luộc, thịt gà rán, thịt kho tầu, thịt xá xíu, hạnh nhân xào, giò lụa, giò hoa, lạp xường, trứng muối, trứng đen, củ cải dầm, đĩa nộm bằng rau câu hoặc sứa trộn lẫn thịt ba chỉ áp chảo thái nhỏ và lạc rang giã, đĩa dưa hành chua ăn kèm thêm cho ngon miệng, kéo dài bữa tiệc tất niên. Người Hà Nội vốn chuộng hình thức nên mâm cỗ ngày Tết cần bày biện đẹp mắt. Đĩa xôi gấc đỏ tươi đơm cho tròn đầy trên đĩa sứ Giang Tây trắng tinh. Các món nấu có chân tẩy, khi múc phải bày trên mặt bát mấy miếng cà rốt đỏ tỉa hoa xen lẫn những quả đậu Hà Lan xanh mát. Đĩa nộm cũng có mầu sắc hài hoà giữa rau mùi xanh, ớt đỏ, lạc rang vàng và su hào trắng chỉ nhìn cũng đã thấy ngon.

Khoảng 5 giờ chiều mâm cỗ được trịnh trọng bưng lên. Chủ nhân mặc áo dài, đội khăn nghiêm chỉnh đến trước bàn thờ khấn thần linh, thổ địa xin phép các ngài cho tổ tiên mình được vào nhà hưởng cỗ tết, sau đó mới khấn mời gia tiên. Phải xin phép như vậy vì từ xưa đến nay người ta vẫn tin rằng mỗi ngôi nhà đều có một vị thần trấn giữ. Linh hồn nào muốn vào nhà phải được vị thần đó cho phép. Trong nhà hương bay thơm ngát, trên bàn thờ cỗ bàn thịnh soạn, không khí thật ấm cúng vui vẻ. Lúc này người chết như

được sống lại trong ý nghĩ mọi người. Ai cũng tin ngày tết linh hồn những người đã khuất đều về tụ hội để chứng kiến lòng thành của con cháu, anh em. Tàn tuần hương, cỗ bàn được bưng xuống, mọi người cùng ngồi uống rượu ăn cỗ kể chuyện, ôn cũ bàn mới trong không khí gia đình êm ấm.

Sau bữa ăn cỗ tất niên, người nhàn rỗi rủ nhau sửa soạn đi chơi giao thừa. Hồ Gươm là nơi đông nhất. Đi chơi xuân, hái lộc rồi vào lễ đền Ngọc Sơn. Lúc về người ta mang theo cả lộc cành lẫn lộc thánh. Nhiều tết, cây cối quanh bờ hồ bị vặt xơ xác. Mọi người cho rằng hái được cành lộc đẹp về cắm ở nhà thì cả năm sẽ có nhiều may mắn. Gần 12 giờ đêm. Mọi nhà chuẩn bị cúng giao thừa. Trong nhà cúng thần linh, gia tiên, ngoài sân cúng các quan Hành khiển coi việc năm cũ và năm mới. Cúng gia tiên thường dâng cỗ ıgọt: chè kho, bánh mứt. Cỗ cúng quan Hành khiển phải là gà trống hoa mới gáy tròn tiếng, luộc chín để cả con trên đĩa, cổ nghếch lên, mỏ ngậm bông hồng. Người ta quan niệm gà trống gáy đón mừng một năm mới nên phải là gà trống non trong sáng, mới mẻ. Cúng gà mái hoặc gà trống cưỡng là không chay tịnh, phải tội với các ngài. Trước giao thừa phố nào cũng có các đoàn trẻ gồm những em từ 12 đến 15 tuổi, đứa đi đầu tay cầm ống bương đựng tiền trinh, tiền xu đồng, vừa đi vừa lắc ống, đến cửa từng nhà chúng đồng thanh hát bài xúc xắc xúc xẻ để chúc tết gia chủ.

Sau bài hát chúc tết tốt lành, chủ nhà mở cửa đưa cho em đi đầu tiền mừng tuổi, cả bọn lại hát và đi tiếp sang nhà khác. Đây thường là trẻ con nhà nghèo từ ngoại thành vào

kiếm tiền ăn tết. Đi đâu chúc tết các em cũng được chủ nhà mừng tuổi một cách hể hả vui vẻ. Có nhà còn hậu hĩ tiễn thêm đôi bánh chưng.

Lúc này lễ vật đã bày xong, một tràng pháo được treo sẵn trước cửa. Mọi người hồi hộp chờ đợi thời điểm chuyển từ năm cũ sang năm mới, cái cũ sang cái mới. Mọi người đều đi nhẹ nói khẽ. Không nhà nào có tiếng ồn ào. Tất cả đều lắng xuống. Cả thành phố chìm trong bóng đêm yên lặng. Tiếng "pháo một" của trẻ em đốt chơi trong sân, ngoài đường cũng đã hết. Không gian êm ả, đợi chờ giây phút quan trọng nhất sắp đến gần. Mùi hương trầm bay thoang thoảng tạo nên một không khí đặc biệt tết. Mọi hoạt động đều như ngừng lại để chờ đón giờ phút thiêng liêng sắp tới.

Chỉ vài phút nữa là hết năm cũ. Mọi nhà bắt đầu thắp nén hương cúng. Người có kinh nghiệm phải tính sao cho cây hương cháy khoảng một phần ba là pháo đón giao thừa nổ ran. Cây hương chính là cái cầu bắc từ năm cũ sang năm mới. Thời gian cháy hết cây hương là thời gian các quan cũ, năm mới bàn giao, tiếp nhận công việc với nhau và chứng dám lòng thành của con người. Lúc đó, chủ nhà cung kính đứng trước bàn thờ xuýt xoa khấn vái "con lạy quan đương niên Hành khiển năm ... đã qua, lạy quan đương niên Hành khiển năm... đã tới. Tên con là Mỗ..." và tiếp đó đến những điều cầu xin sức khỏe, tài lộc cùng mọi sự tốt lành cho một năm mới.

Bỗng xa xa văng vẳng tiếng chuông chùa. Giao thừa đã đến, phút thiêng liêng đã đến. Pháo nổ ran âm vang đường

phố. Nhà nào cũng đốt tràng pháo dài tiễn năm cũ và đón năm mới. Tiếng pháo nổ nhất loạt như đánh thức cả một vùng đất trời đang mơ màng, tĩnh lặng. Pháo nhà ai nổ đanh dòn, không tắt giữa chừng là điềm tốt. Xác pháo hồng tươi, đỏ rực giữa sân nhà, hè phố như hoa đào rực rỡ đón xuân. Cúng giao thừa xong, mọi người quây quần uống trà ăn mứt. Trẻ con, trừ những đứa trẻ bé quá không cưỡng được cơn buồn ngủ. Tất cả đều thức để đợi giao thừa, ăn chè, ăn mứt, đánh với nhau vài ván tam cúc rồi mới đi ngủ. Đêm giao thừa người ta thức rất khuya thường đến 2-3 giờ sáng bởi hôm sau dậy muộn cũng chẳng sao. Năm mới không ai dám đi đâu sớm cả. Mồng một tết, Trời đã sáng từ lâu mà cửa nhà nào cũng đóng vì sợ chạm vía xấu. Xác pháo hồng tươi như hoa đào rắc đầy cửa từng nhà. Các bà các chị lo việc bếp núc thức dậy đầu tiên. Trẻ con cũng dậy theo, nhanh nhẩu rửa mặt chải đầu rồi giục mẹ cho thay quần áo mới.

Bàn thờ được thắp thêm hương, đốt thêm trầm. Mọi người từ già đến trẻ đều quần áo chỉnh tề. Con cháu lần lượt đến chúc thọ ông bà, cha mẹ và sau đó người lớn mừng tuổi cho trẻ những phong bao đỏ trong đó có đồng hào hoặc tờ bạc mới tinh. Người lớn cũng răn trẻ con phải ngoan, đừng để bị mắng mà dông suốt năm. Cả nhà đang trong trạng thái vui vẻ nhưng đều giữ gìn ý tứ, đi lại nhẹ nhàng, tránh va chạm đổ vỡ. Ngoài đường đã lác đác có người qua kẻ lại. Trẻ con sốt ruột mong người đến xông nhà để chúng được ra đường đốt pháo và khoe quần áo mới. Khách xông nhà

thường là những người "nhẹ vía" đã được chủ nhà dặn trước. Nhà nào được người vui vẻ dễ tính xông đất nhà ấy sẽ gặp may mắn cả năm. Phải người "vía xấu" cả nhà sẽ chịu nhiều rủi ro, xúi quẩy. Có người cẩn thận tự xông đất lấy, nghĩa là cúng giao thừa xong chủ nhà mở cửa ra ngoài đường đi một đoạn ngắn rồi quay về. Khi có khách xông đất, gia đình thường đốt một bánh pháo mừng rồi hai bên cùng chúc tết lẫn nhau. Sau đó khách uống một chén rượu cúc do chủ nhà tự tay rót mời, nhà sang thì có rượu Sâm banh hoặc Mai Quế lộ. Ngày tết, đến đâu khách cũng được mời uống rượu, ăn trầu, uống trà, ăn hạt dưa và bánh mứt. Đã được mời thì dù không thích cũng phải ăn một chút cho chủ nhà bằng lòng. Có khách xông đất rồi, chủ nhà mở rộng cửa ra vào. Khách đến sau thấy cửa mở biết là đã có người xông đất nên cứ vào chơi chúc tết gia đình không ngần ngại nữa. Ở Hà Nội, ngày trước còn có tục gánh nước đầu năm. Hồi ấy ít nhà có máy nước riêng thường phải dùng nước máy ở công cộng. Những người làm nghề gánh nước thu thấy nhà chủ nào đã mở cửa là cứ việc gánh nước vào miệng chúc chủ nhà: sang năm mới tiền vào như nước nh non, chân bước đến vại đổ nước, dù vại đầy rồi cũng vẫn đ nước cho tràn ra ngoài. Đổ xong nước chủ nhà vui vẻ chú lại và đưa cho người gánh nước một số tiền bằng 4-5 lần g tiền một gánh nước ngày thường. Người ta quan niệm sán mồng một tết nước non tràn trề là điềm năm đó chủ nhà nhiều tiền nhiều của.

Nhà nào cũng làm cơm cúng Nguyên đán, đón buổi sáng

đầu tiên của năm mới bằng thịt gà trống thiến. Gà làm sẵn từ hôm 30 vì ngày đầu năm kiêng sát sinh. Những bữa sau chỉ cần cúng bánh chưng, giò, mứt. Thức ăn trong mấy ngày Tết là những món đã nấu sẵn. Tết Hà Nội rét lạnh nên thịt đông là mốn ăn ngon chỉ có ở miền Bắc. Các thức khác để hai ba ngày không sợ thiu. Món nào cần nóng thì khi ăn chỉ việc đun lại.

Mâm cơm cúng bưng lên, chủ nhà thắp hương khấn đầu tiên rồi lần lượt những người trong nhà ra trước bàn thờ vái mấy vái để tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên. Cơm nước xong xuôi, ai là người đầu tiên đi chơi phải xem chỉ dẫn trong cuốn Vạn sự, tìm hướng tốt mà xuất hành.

Định đi đâu, người ta đã tính sẵn. Thường là ngày mồng một dành cho những nơi quan trọng. Người dưới đến thăm và chúc tết người trên, chỉ thứ đến thắp hương ở bàn thờ nhà chi trưởng. Con cái đến thăm bố mẹ, học trò chúc tết thầy. Nhưng ngày mồng một chủ yếu chúc tết bên họ nội (bên cha) như dân gian đã có câu:

Mồng một chúc Tết nhà cha

Mồng hai nhà mẹ, mồng ba nhà thầy.

Các bà, các chị thì đến chùa lễ bái, xin thẻ xem việc cát hung cả năm. Đông nhất là mấy nơi ở trung tâm thành phố: Chùa Quán sứ, Đền Ngọc Sơn, Chùa Bà Đá, đền Hàng Trống, đền Quan Thánh... Suốt mấy ngày tết và cho đến tận rằm tháng Giêng các nơi này không lúc nào vắng người. Hương thơm ngát lan tỏa cả một vùng không gian rộng lớn. Trong điện ngoài sân đều thấy các tà áo đủ

màu tha thướt. Ngày tết, ai cũng mặc những bộ quần áo đẹp nhất. Thời xưa đàn ông thường hay mặc áo cấp hoặc áo vóc mai thọ, quần trắng, chít khăn xếp đi giầy hạ. Đàn bà mặc áo vóc lê lựu, quần lĩnh hoa rút rế, vấn khăn lượt hoặc khăn nhiễu, tóc bỏ đuôi gà, chân đi dép cong. Từ năm 1910 trở về trước, nói chung quần áo ít biến động, đơn giản cả về màu sắc lẫn kiểu cách. Từ những năm 1920, sau đại chiến thế giới thứ nhất (1914 - 1918), nhiều người Việt Nam đi lính và du học ở Pháp về mang theo lối sống Châu Âu, quần áo vì thế có nhiều thay đổi. Ngày Tết đã có người mặc âu phục, phụ nữ không đi dép cong nữa mà đi giầy nhung thêu. Khoảng giữa những năm 1930 lại thêm phong trào "vui vẻ trẻ trung" nên trong trang phục có sự cải cách. Quần áo giữa lớp già và lớp trẻ khác nhau rõ rệt. Các cụ già vẫn mặc áo dài, khăn chụp giầy Tây. Lớp trẻ hầu hết mặc âu phục, đội mũ phớt, đ giày da một mầu hoặc hai mầu. Các bà trung niên trở lê mặc áo dài, áo bông dài bằng gấm hoặc nhung may rộng, vai ngắn, ngoài mặc thêm chiếc áo cánh bông, vấn khăn nhung. Phụ nữ trẻ mặc áo dài Lơmuya bằng nhung hoặc len mỏng, vạt dài gần đến mắt cá chân, lưng thắt eo. Lơmuya, tiếng Pháp là "Cái tường" (Le mur), ở đây chỉ kiểu áo dài do hiệu may Cát Tường sáng tạo. Bên ngoài khoác áo vét xòe, đi giầy mũi bịt cao gót bằng nhung hoặc Pô đơ đanh[1], tóc vấn trần hay búi. Cổ đeo kiềng, tay đeo xuyến vàng. Dù có những thay đổi trong mốt áo

[1] Peau de daim - da con đanh (họ hươu).

quần, phụ nữ Hà Nội vẫn giữ được nét đẹp nền nã lịch sự của đất kinh kỳ nghìn năm văn hiến. Trẻ em ngày xưa, tết cũng mặc áo dài như người lớn. Sau này các bậc cha mẹ cũng cho con mặc lối Tây theo thời thế. Đối với trẻ em, ngày tết thật là tuyệt diệu vì các em đang tuổi vô tư, không phải lo lắng gì cho cái tết nên càng mong tết chóng đến. Các em mong tết không chỉ được ăn cỗ, được đốt pháo, được tiền mừng tuổi mà đối với các em ngày tết cái gì cũng đẹp cũng mới. Thiêng liêng hơn cả là cứ đến tết mỗi em đều được "thêm một tuổi". Tâm lý trẻ con đều mong cho mình chóng trở thành người lớn. Mỗi lần tết đến là một lần "lớn thêm"để tiến dần đến cái đích người lớn. Điều này làm các em phân biệt rõ cái vui của tết Nguyên đán với cái vui của tết Trung thu.

Ngày mồng ba mọi nhà thường ăn món cuốn chấm nước mắm cà cuống hoặc bún thang. Cuốn là món ăn nguội có rau diếp ta, thơm, mùi, hành tươi luộc cuốn với bún, thịt ba chỉ luộc, tôm rang nhạt, dấm cái chưng đường và lạc rang. Còn thang thì lại cần ăn nóng, bún trần nước nóng đơm ra bát, bày trứng tráng mỏng và giò lụa thái chỉ, thịt gà xé, nấm hương, ruốc tôm he, nửa cái lòng đỏ trứng muối, hành răm thái nhỏ, bỏ thêm chút mắm tôm, một giọt nước cà cuống cho dậy mùi rồi chan nước dùng nóng rẫy. Khi ăn thang và cuốn người ta thường điểm vài ba miếng củ cải thái nhỏ phơi tái, dầm nước mắm cho thêm phần đậm đà ngon miệng. Có nhà lại thích ăn món hầu lốn. Nghĩa là cho tất cả các món luộc, nấu, xào còn lại qua ba ngày tết vào

một cái nồi to đun sôi lên, thêm nước và mắm muối cho vừa. Trước khi bắc ra cho rau cần, cải xanh, cải cúc vào đảo đều chín tái, bắc ra ăn nóng. Hẩu lốn có mùi thơm riêng biệt và vị ngọt của các món ăn ngon lành hòa hợp lại. Các thứ rau làm mất đi cái béo, nước dùng trong nồi trở nên rất ngọt, rất thanh và ngon. Sau mấy ngày tết ăn nhiều thịt mỡ ai cũng thèm rau tươi, món cuốn, bún thang hay hầu lốn làm cho ai cũng thấy ngon miệng.

Mồng ba hoặc mồng bốn, mọi nhà làm cỗ cúng hóa vàng tiễn tổ tiên, đốt tiền vàng biếu các cụ về cõi âm tiêu dùng. Sau đó nhà nào bán hàng thì xem lịch chọn ngày tốt, thắp hương cúng tiên sư rồi đốt pháo, mở hàng bán lấy may. Người làm nghề thủ công cúng tổ nghề, bắt tay làm lấy ngày. Học trò khai bút làm thơ, viết chữ để việc học hành tấn tới thi cử đỗ đạt.

Trong ba ngày tết người ta kiêng không hót rác, sợ thần tài đi mất. Nếu quét nhà phải dấp vào xó cửa để hót sau. Mọi người luôn giữ thái độ vui vẻ, nói những lời tốt đẹp với mong muốn sẽ có một năm mới tốt lành. Từ mồng bốn, dân chúng nô nức rủ nhau đi chơi hội. Đông nhất là ngày giỗ trận ở gò Đống Đa gần ấp Thái Hà vào sáng mồng 5. Cả làng ngoại thành cũng thi nhau mở hội xuân, trong hội có nhiều trò vui cổ truyền như chọi gà, cờ người, cờ thẻ, đánh đu, thi nấu cơm, dệt vải, thả chim câu... Đến rằm tháng Giêng (còn gọi là ngày Thượng nguyên), ngày rằm đầu tiên của năm mới. Mọi người đi lễ chùa đông như hội. Các cụ già đi lễ để cầu thọ, cầu phúc. Người đã có gia đình đi lễ để

cầu tài lộc, cầu con; còn nam nữ thanh niên thì cầu duyên. Từ sáng đến tối trong điện ngoài sân khói hương nghi ngút đến ngạt thở bởi "lễ cả năm không bằng ngày rằm tháng Giêng". Qua ngày rằm, nếp sinh hoạt của người Hà Nội dần trở lại với công việc làm ăn buôn bán ngày thường.

II. TẾT HUẾ

Huế vốn là đất cố đô. Năm 1687 chúa Nguyễn Phúc Trăn đã rời thủ phủ từ Kim Long về Phú Xuân, đến năm 1788 nơi đây được vua Quang Trung chọn làm kinh đô cho đất Đại Việt. Năm 1802, khi Gia Long lên ngôi, Phú Xuân vẫn được giữ làm kinh đô của cả nước. Sau khi thực dân Pháp chiếm Phú Xuân, Phú Xuân được đổi tên thành Thuận Hóa, Huế. Trải qua 300 năm là nơi phủ chúa, kinh đô nên Huế cũng là chỗ tập trung tinh hoa, tài năng lẫn của ngon vật lạ một thời. Ca ngợi nét đẹp của Huế chính là ca ngợi cái hay cái đẹp của một miền tiêu biểu của cả nước.

Là một thành phố lớn nằm ở miền Trung, giữa Hà Nội và Sài Gòn, Huế không chỉ nổi tiếng về cảnh đẹp thơ mộng của sông Hương núi Ngự mà ở đây còn cả một khu kiến trúc cung đình với đàn Nam Giao để tế đất trời, khu Hổ Quyền là nơi diễn trò voi hổ đánh nhau mua vui cho vua chúa, Văn thánh miếu thờ Khổng Tử và ghi tên tiến sĩ các đời cùng nhiều lăng tẩm và đền chùa miếu mạo nổi tiếng.

Thành phố Huế trải dài trên hai bờ sông Hương, nối nhau bằng những chiếc cầu, trong đó lớn nhất là cầu Tràng Tiền. Bờ bắc là thành và các phường buôn bán cũ còn bờ Nam là các phố kiểu mới, phát triển sau.

Qua mấy trăm năm là nơi vua chúa ở, Huế có một số đông hoàng thân quốc thích và gia đình quý tộc. Năm tháng trôi qua, nếp sống cung đình và bình dân đã ảnh hưởng lẫn nhau tạo nên một nét riêng cho con người xứ Huế: đàn ông thâm trầm, giỏi thơ phú, đàn bà dịu dàng, khéo nữ công. Huế là nơi đạo Phật phát triển, 80% dân số Huế theo Phật giáo nên bản chất con người Huế cũng nhân hậu, hiền lành. Địa thế ở Huế hẹp nhưng phong cảnh nên thơ với những ngôi nhà xinh xắn, những khu vườn kín đáo hữu tình được xây dựng theo một kiến trúc nhà ở riêng của Huế, đó là kiến trúc nhà vườn. Nhà vườn là một tổng thể kiến trúc dân dụng, phong cảnh, vườn hoa, vườn cây đem lại cho Huế nét đặc sắc rất riêng so với những thành phố khác.

Dân Huế phần lớn là người gốc Bắc. Năm 1858, trước thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, một số dân đã theo Nguyễn Hoàng từ miền Bắc vào đây khai khẩn đất đai sinh cơ lập nghiệp. Vì thế tuy sinh sống ở đây đã lâu, tiếp thu văn hóa miền Nam nhưng trong nhân dân vẫn còn giữ được nhiều phong tục cổ truyền đất Bắc. Ngày Tết Nguyên đán cũng được người Huế quan niệm là lúc "tống cựu nghênh tân", là thời điểm bắt đầu một chu kỳ tiếp theo của đời người nên dù giàu hay nghèo mỗi nhà đều giữ cổ lệ: cúng tất niên và giao thừa vào ngày ba mươi, cúng nguyên đán vào sáng mồng một, cúng đưa ông bà tổ tiên vào ngày ba hoặc bốn tết. Trước tết hàng tháng, người dân Huế đã lo mua dần các thứ dùng trong ngày tết, dành tiền mua lễ vật và gần tết lo chạp mả rước các cụ về ăn tết.

Nhà cửa được sửa sang, quét vôi sạch sẽ. Hàng rào bao quanh nhà nào cũng được xén tỉa gọn gàng, công phu. Nhà ở Huế thường được xây theo lối nhà vườn. Mỗi ngôi nhà đều có một mảnh vườn để trồng rau và trồng hoa. Khu vườn vừa có giá trị về kinh tế vừa đem lại thẩm mỹ cho con người. Vườn được bố trí tùy theo mức sống thực tế của gia đình. Nhà nào sang, vườn tược trang trí cầu kỳ, cây cảnh được tỉa theo hình hươu nai, chim phượng. Nhà nghèo thì vườn chỉ trồng mấy luống hoa và cây ăn quả. Vì ở giữa hai miền Nam - Bắc nên Huế có ưu thế là trồng được những loại cây của cả hai phía: măng cụt, chôm chôm, sầu riêng... của miền Nam; hồng, vải, nhãn, táo... của miền Bắc. Bất kể giàu nghèo thường mỗi nhà có một hòn non bộ trước sân, trên đó có bố trí hang động, chùa chiền và những cây si khóm trúc nhỏ xíu. Đây là hình ảnh thu nhỏ về núi non hùng vĩ, sông nước hữu tình mà người dân Huế rất ưa. Ngôi nhà vườn cổ truyền như vậy là một nét riêng biệt của người xứ Huế. Trong vườn cũng được trồng nhiều loại hoa. Hoa đào, hoa mai, mẫu đơn, tường vi, phong lan, cúc, quất... Do đặc điểm thời tiết nên đào ở Huế hoa thưa chứ không đẹp như đào ngoài Bắc, quất xấu cây, quả nhỏ hơn quất Nghi Tàm, Yên Phụ. Các cây hoa, chậu cảnh trong vườn được chủ nhân chăm sóc kỹ càng, tùy thời tiết mà tỉa lá bấm nụ sao cho hoa nở vào đúng dịp tết. Ngày 30, hoa trong vườn được đưa vào cúng và trang điểm trong nhà, nhà nào không có điều kiện trồng hoa, ngày tết ra chợ Đông Ba đến dãy hàng hoa tìm mua cho được những thứ hoa vừa ý về cắm chơi trong ba ngày tết.

Đến 23 tháng Chạp, không khí tết đã tràn ngập khắp nơi. Cây nêu được dựng lên trong sân nhà, sân chùa. Tục trồng nêu vốn có từ miền Bắc theo dân vào đây và vẫn được duy trì. Nêu là dấu hiệu báo cho quỷ biết đâu địa phận của người, quỷ không được đến quấy nhiễu. Mỗi gia đình cũng lo mang hương hoa ra chạp mộ, dọn dẹp cho mồ mả tổ tiên phong quang sạch sẽ. Sau đó thắp hương khấn mời các cụ ngày tết về ăn chung vui với con cháu.

Hai ba tháng Chạp cũng là ngày cúng tiễn ông táo lên chầu trời. Lễ tiễn ông Táo được làm khá trang trọng. Vật cúng gồm một nải chuối, một bộ đồ mã, một gói hoa cùng tiền, vàng và trầm trà hương nến. Người ta mua ba ông Táo bằng đất nhỏ khoảng bằng ba lóng tay đặt tượng trưng trên bếp. Khi đã cúng xong là lễ rước ông Táo mới và đưa ông Táo cũ ra đặt ở các am miếu gần đó. Ba ông Táo cũ được đặt trên một cái khay, trên khay có lót vàng mã, một cái đèn nhỏ và một bó hương đang cháy. Chủ nhà ăn mặc tề chỉnh bưng khay đến am miếu nào gần nhất khấn thần linh thổ địa rồi đặt ông Táo vào một gốc cây hoặc góc miếu, cắm hương bên cạnh, vái ba vái và ra về. Ngày nay tục thay và rước ông Táo chỉ còn lại ở những nơi vẫn dùng bếp củi, bếp rơm. Trong những ngày này, ở mỗi gia đình việc nấu nướng, chuẩn bị cho món ăn ngày tết cũng đang được các bà mẹ lo toan. Trước nhất là lo các loại mứt. Mứt ở Huế cũng có nhiều thứ: mứt sen, mứt gừng, mứt thơm, mứt bí, mứt khoai, mứt kim quất, mứt me, mứt táo... Mỗi khi tết đến, các bà mẹ lại có dịp dạy bảo, truyền cho con gái

nghệ thuật gia chánh. Các cô gái cũng nhân dịp này trổ tài làm bánh, nấu mứt hoặc những món ăn đồ nhắm để ăn và thết khách.

Ăn là một biểu hiện văn hóa, đòi hỏi kỹ thuật nấu nướng điêu luyện. Người nội trợ Huế đã tỏ ra thật khéo léo khi làm các món ăn ngày tết. Dù ở hoàn cảnh nào, người Huế cũng cố sao cho mâm cỗ tết vừa ngon lành vừa giản dị, thể hiện được tài chế biến của người phụ nữ.

Độ 27, 28 tết, mọi nhà lo gói bánh chưng và các loại bánh khác. Bánh chưng chỉ gói độ hai đôi để bày bàn thờ cho đẹp còn phần lớn là bánh tét. Bánh tét được gói bằng lá chuối với những những nguyên liệu như bánh chưng nhưng gói thành đòn như bó giò. Khi ăn bóc lá, cắt khoanh. Khoanh bánh bằng miệng cái bát ăn cơm, mỗi khoanh đều có một lòng nhân tròn đỗ xanh thịt mỡ ở giữa. Ngoài bánh chưng, bánh tét, người Huế còn thích ăn một số món khác như bánh phu thê (su sê), bánh hỏi, bánh sen chấy, bánh măng, bánh dừa mận.

Bánh phu thê làm bằng bột sắn nhân đậu xanh ngào đường dừa hoặc nhân tôm chấy. Tôm chấy là tôm tươi dược rang xát nhỏ tơi, bánh được gói lá dứa hấp cách thủy.

Bánh sen chấy làm bằng hạt sen nấu chín, ngào nhuyễn với đường, láng mỏng nướng lên cuộn tròn lại để vào thẩu đậy kín ăn dần.

Bánh dừa mận dùng xôi nếp giã nhuyễn nhào với dừa và nước đường. Sau đó cán mỏng, cắt miếng vuông, ngoài bao vừng rang gói giấy bóng để ăn trong mấy ngày tết.

Bánh măng làm bằng măng tươi thái chỉ rim kỹ với đường, nấu lẫn với bột nếp. Sau đó cắt miếng phủ bột hoàng tinh, gói bằng giấy bóng.

Các món ăn mặn cũng được chuẩn bị dần. Mâm cỗ tết của người Huế nói chung đơn giản hơn mâm cỗ tết của người Hà Nội. Người Huế đặc biệt thích đạm thực vật hơn đạm động vật, thích các món chua nhẹ dễ tiêu và các món ăn hỗn hợp nhiều thứ. Ví dụ: *món gỏi* (nộm) ở Huế gồm tất cả hơn 10 thứ: du đủ xanh giã sống, vừng, lạc, thịt ba chỉ, tôm, da bò rán trộn với dấm, đường, tỏi, ớt, ngò (rau mùi), om (rau ngổ). *Món xà lách gân bò* gồm: gân bò hầm nhừ thái mỏng trộn dấm với cà rốt, củ cải, khoai tây luộc, tôm luộc lột vỏ, hành ngâm dấm, ớt, muối tiêu, xà lách, cà chua chín và sau cùng là trứng gà luộc thái mỏng bày lên mặt. Chỉ riêng *món rau sống* cũng có đủ xà lách, thơm (dứa) khế, vả, chuối xanh, ngò, om... Trong các món ăn, *dưa mớ* là thứ không thể thiếu được trong mâm cỗ tết của người Huế. Dưa món gồm dứa và củ cải thái miếng phơi săn trộn với ớt chín, cà muối, đu đủ, cà rốt, tỏi, nước mắm, đường. Món này muối trước tết độ 5, 7 ngày cho ngấm.

Những món được ưa thích khác như hành dầm dấm, xà lách gân bò, chả tré, chả tôm, nem bò lụi, chả thủ, chả da, chả lụa đều được các bà nội trợ chuẩn bị chu đáo trong ba ngày tết.

Hành dầm dấm được phơi nắng muối với đường trước Tết vài ngày, lúc ăn trộn thêm tỏi và ớt. *Chả tré* làm bằng

thịt bò và thịt ba dọi rán vàng thái chỉ, trộn với riềng, tỏi, ớt, muối, đường, thính. Món này ăn với bánh tráng mè (đa vừng) và rau ngò. Muốn ăn tré chua người ta gói chặt tré thành từng gói nhỏ bằng lá chuối, bên trong lót lá ổi. Để vài ba ngày tré sẽ có vị chua gần giống nem chua ngoài Bắc.

Chả tôm làm bằng tôm tươi lột vỏ giã nhuyễn trộn mỡ phần, hàn the, lòng trắng trứng. Dàn tôm lên lá chuối hấp chín ăn với dưa món và nước chấm. Muốn ăn chả tôm chiên (rán) thì sau khi hấp đem rán chả lên ăn với rau sống, nước chấm.

Nem bò lụi dùng thịt bò nạc thật tươi giã nhuyễn trộn hàn the, bì lợn, thính. Viên thành viên, nướng vàng. Khi ăn ùng bánh tráng (bánh da nem) cuộn nem, rau thơm, xà ch, khế, chuối xanh, chấm nước lèo. Nước lèo là một thứ ước chấm hỗn hợp gồm tương ngọt, nước mắm, nước ng, gan lợn giã, hành phi đun nấu lẫn hành tỏi. Trước khi ăn rắc thêm lạc rang giã nhỏ. Nem bò lụi cũng là món ăn hỗn hợp của gần 20 thứ với nhau. Món ăn ngày tết của Huế phần lớn là những món nhắm hoặc ăn vã, ăn chơi. Có thể chia món ăn Huế ra làm ba loại: chay, bình dân, và ngự thiện. Ngự thiện là những của ngon vật lạ dành riêng cho vua chúa trong cung đình. Sau này một số món ăn ngự thiện ảnh hưởng lẫn món ăn bình dân không còn ranh giới rõ rệt như chả giò, tré nộm, nem... Món chay là những món ăn có tên gọi giống như cỗ mặn như vịt tiềm, vi (vây) cá, măng tây nấu cua, thịt bò xào xả, ca ri gà, nem nướng, bì cuốn, hạnh nhân xào. Món ăn chay được chế biến từ những thực

vật tươi hoặc khô hay đã lên men. Món chay ăn ngon và dễ tiêu được những người theo đạo Phật ưa thích.

Rượu ở Huế phổ biến là rượu nếp và rượu thuốc đã được hạ thổ lâu ngày cho ngấm men, và tăng vị ngọt êm giọng người uống.

Người xứ Huế rất thích uống trà, nhiều loại hoa được ướp trà để dùng ngày tết như hoa nhài, hoa mộc, hoa sen, hoa sói... Hoa được ướp trong trà bằng một nghệ thuật cầu kỳ và cẩn thận. Người ta thường ướp lấy trà để uống và thết khách. Các loại trà Tầu đắt tiền như Tam hỷ, Ô long được các gia đình phong lưu ưa chuộng, thường mua để uống trong dịp tết. Gần đến tết các chợ ở Huế thật đông vui. Sầm uất nhất là chợ Đông Ba. Người ta đi chơi chợ, mua hương hoa, bánh mứt, thịt thà, đồ nấu. Phụ nữ Huế đi chợ tết còn để gội đầu. Dây là một tục lệ đẹp ít nơi có. Chợ Đông Ba c những cửa hàng chuyên nấu nước hương bài để phục vụ c bà, các cô đến gội đầu cho thơm tóc. Đàn bà xứ Huế r chăm chút cho bộ tóc của mình, họ thường ướp thơm mái tóc bằng những nguyên liệu tự nhiên của hoa cỏ như hương bài, hoa bưởi, hoa chanh.

Trên đường phố không khí vui chơi ngày tết đã tưng bừng nhộn nhịp. Trò chơi đá gà (chọi gà), trò xăm hường tính điểm và ca bài chòi, đố chữ lôi cuốn rất nhiều người.

Sáng ba mươi tết, không khí rộn ràng ở tất cả mọi nơi. Bàn thờ trong nhà đã được sửa soạn đâu ra đấy. Hương,

hoa, trầm, trà, trầu cau, nậm rượu đã bày đủ. Ảnh thờ được lau sạch, các tấm vải phủ ảnh đã giặt giũ cẩn thận. Mâm ngũ quả có một nải chuối thật đẹp, trên đó phật thủ, cam, bưởi, quýt, quất, táo, nho, xếp thành ngọn rất cân đối và đẹp mắt. Góc bàn thờ nhà nào cũng có một đĩa con, trong đó để hai đồng xu cổ. Khi cúng, khấn xong gia chủ sẽ tung hai đồng xu trong đĩa để xin âm dương, nếu một đồng sấp, một đồng ngửa thì coi như điều cầu xin đó sẽ được thực hiện. Bàn thờ Phật bày tượng Phật, đèn, nến, trầm, trà, hoa, nước và đồ chay.

Trưa 30, mọi nhà đều cúng tất niên. Gia đình nhà nào bán hàng hoặc làm nghề thủ công đều cúng tổ sư nghề nghiệp. Ngày tết, người ta khấn vái tổ tiên đồng thời cũng nhớ đến công ơn của tổ nghề. Đây cũng là một tục đẹp của người xứ Huế.

Lễ cúng tất niên được tiến hành vào buổi trưa hoặc buổi chiều ngày cuối năm. Bữa cơm tất niên cũng là buổi họp mặt của cả người sống lẫn người đã khuất. Con cái đã lấy chồng lấy vợ ở riêng cũng về xum họp với cha mẹ anh em. Không khí ấm cúng đoàn viên sau một thời gian xa cách vì công việc và hoàn cảnh sống lúc này thật có ý nghĩa với từng thành viên trong đại gia đình. Vốn bản chất nhân hậu, chiều 30 và cả trong ba ngày tết, chủ nhà bao giờ cũng nhớ thắp mấy nén nhang rải rác trong vườn ngoài ngõ để cho những vong hồn lang thang được hưởng chút hương thơm ngày tết. Sau buổi hàn huyên quanh bữa cơm mọi người bắt

tay vào làm nốt những việc còn lại và chuẩn bị lễ vật cúng giao thừa. Bàn cúng giao thừa được bày ngoài trời. Lễ vật dâng cúng thường là cháo thánh (cháo hoa), gạo, muối, trầm, trà, hoa quả, xôi chè, khoai đậu, bánh chưng, bánh tét.

Bàn thờ đã bày xong, gia chủ ăn mặc chỉnh tề chờ phút giao thừa. Đây là giây phút thiêng liêng nhất để kết thúc năm cũ, bước sang năm mới. Trong không gian, hương bay thơm ngát. Đâu đó văng vẳng tiếng chuông chùa, hết hồi nọ lại tiếp hồi kia, vì ở Huế có nhiều chùa. Lác đác đã có những tràng pháo nổ gần xa. Đúng giao thừa, tiếng pháo rộn lên, chuông chùa đổ hồi dồn dập. Chủ nhân bắt đầu làm lễ, khấn vái. Nhiều nhà cẩn thận còn sửa thêm lễ vật, làm sớ để cúng giải hạn cho gia đình mình trong năm mới thoát khỏi mọi tai ương. Cúng xong cả nhà còn ngồi sum họp chuyện trò một lúc lâu. Đêm 30 tết không ai muốn đi ngủ, người nào cũng muốn thức để chứng kiến bước chuyể mình của thiên nhiên trong phút đầu năm mới.

Sáng mồng một tết.

Người Huế theo đạo Phật nhiều nên cỗ cúng Nguyên đán là cỗ chay. Đơn giản thì cúng bánh trái hoa quả, cầu kỳ hơn thì làm một mâm cỗ chay.

Nấu cỗ chay là một nghệ thuật lâu đời có truyền thống ở Huế. Với tài sáng tạo và bàn tay khéo léo phụ nữ Huế đã chế biến các loại thực vật bình thường như hoa chuối, nấm rơm, hạt sen, đậu phộng, tầu hủ ký (phần màng mỏng trong ruột của một loại tre), đậu phụ, củ đậu, nước dừa... thành

nhiều món ăn thơm ngon lạ miệng để cúng buổi sáng đầu năm. Ngày mùng hai lại cúng đồ mặn như thường. Suốt mấy hôm tết, mỗi bữa ăn nhà nào cũng sửa một mâm cơm để khấn mời gia tiên về hưởng hương hoa với con cháu. Bàn thờ suốt mấy ngày tết không lúc nào hết hương. Một cây đèn nhỏ luôn thắp sáng ngày đêm để gây cảm giác ấm cúng trong nhà. Sau khi cúng nguyên đán, mọi người mặc những bộ quần áo đẹp nhất dành cho ngày tết để chúc tết ông bà cha mẹ. Người được chúc cũng khăn áo chỉnh tề ngồi trên sập hoặc ghế để con cháu đến chúc tết. Chúc tết xong người lớn lì xì (mừng tuổi) cho trẻ con. Tiền đựng trong phong bao mầu đỏ, để con cháu chơi bài, mua pháo đốt chơi. Ba ngày tết, người Huế rất thận trọng trong lời ăn tiếng nói và cử chỉ hành động. Những lời nói không đẹp, như câu chửi, tiếng gắt đều không ai dùng. Mọi người giữ thái độ vui vẻ với cả những người hàng ngày mình vốn không ưa. Người ta còn kiêng cầm kim may vá sợ vất vả quanh năm, kiêng quét nhà sợ thần tài ra khỏi cửa, kiêng nhất là khách đến nhà để quên lại khăn tay, như vậy chủ nhà sẽ phải gánh nhiều khó khăn trong năm mới.

Sáng mồng một người khách đến chơi đầu tiên được gọi là "đạp đất" giống như từ "xông đất" ở miền Bắc. Tất cả may rủi trong năm của gia chủ đều nhờ lộc của người khách này. Bởi vậy trước tết mỗi nhà đều chọn một người dễ tính, hoàn cảnh thuận lợi, để dặn trước nhờ họ đến "đạp đất" cho mình. Nhiều nhà lại thích nhờ trẻ con vì quan niệm trẻ con tình tình hồn nhiên vui vẻ.

Sáng mồng một, lần đầu tiên ra khỏi nhà người ta đều chọn giờ để xuất hành. Mọi người đi chúc tết người trên, thăm họ hàng nội ngoại và đi lễ chùa. Đi lễ chùa ngày tết là nhu cầu phải có của người Huế. Huế có hơn 80 ngôi chùa cổ, trong đó có những ngôi chùa đẹp nổi tiếng như chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, Diệu Đế... Ngày tết, các chùa này và các chùa Hoa Nghiêm, Hiếu Quang, Bảo Quốc, Bảo Lâm, Diệu Hỷ... lúc nào cũng đông nghịt người. Các tín đồ tấp nập mang lễ vật đến chùa với một tâm trạng vui vẻ và thành kính. Con trai con gái cũng đưa nhau đến chùa để ngắm cảnh và cầu duyên. Đi lễ chùa, vãn cảnh chùa cũng là dịp con người thoát khỏi cảnh sống ồn ào để giao tiếp với thiên nhiên cho thư thái đầu óc. Suốt trong thời gian trước và sau tết các trò chơi cờ bạc ăn tiền và trò vui giải trí được tổ chức ở khắp nơi trên đường phố. Các loại bài sát phạt nhau như bài tây, bài vụ, các loại vui chơi giải trí như bài thẻ bài chòi đều tạo nên một không khí rộn rã vui tươi trong những ngày xuân sang tết đến.

Ngoài việc đi chúc tết, lễ chùa mọi người còn nô nức rủ nhau đi chợ Gia Lạc mua hoa, xem hội và dự trò chơi. Chợ Gia Lạc do một ông hoàng đời Nguyễn tên là Đinh Viễn lập ra từ năm 1826. Lúc đầu chỉ để cho bà con thân thích và dân chúng vùng này tụ họp vui chơi mua bán, sau quen lệ chợ thành trung tâm giải trí của cả vùng. Ngày tết người từ mọi nơi kéo nhau về như nêm cối. Gia Lạc có nghĩa là thêm vui. Chợ chỉ họp mỗi năm một lần trong ba ngày tết ở quãng đất trống bên sông Nam Phổ. Địa điểm rất tiện cho

dân từ thành phố đến, từ núi xuống và từ biển lên. Chợ không có lều quán gì, người bán hàng tiện đâu ngồi đấy, rải rác trên bãi cỏ, bên cạnh cổng chùa, dưới bóng mát cây cối... Kéo dài suốt hai bên đường đến tận bến đò Dinh sát bờ sông Hương. Hàng bày nhiều nhất là trầm hương, hoa quả, bánh trái, thịt cá, hàng quà... Đầu thế kỷ XX, chợ Gia Lạc nổi tiếng về món thịt bò tái, người đi chợ ai cũng muốn nếm thử món ăn ngon hiếm có này. Đặc biệt chợ có bán những gói muối nhỏ bọc giấy hồng điều để người đi chơi chợ mua lấy khước đầu năm vì muối đậm đà, mua muối đầu năm sẽ gặp nhiều điều may mắn. Chợ còn có một món hàng vừa rẻ vừa đẹp không đâu bằng, đó là áo trẻ con trai. Người ta kể rằng ông Hoàng Đình Viễn không có con trai nên bỏ tiền ra mua vải lụa chuyên may áo con trai bán rẻ để lấy khước, mong các bà vợ của ông ta sẽ sinh được con trai. Những người đi chợ Gia Lạc đều tỏ ra dễ tính trong khi mua bán, họ nói năng thân mật, nhẹ nhàng. Riêng ở hàng hoa quả, mọi người dùng chữ biếu và tặng chứ không nói mua và bán. Ví dụ : Tặng bác bó hoa. Biếu bà tiền về mua quà cho cháu.

Vui nhất là sáng mồng một tết, từ bến đò chợ Dinh đã nghe thấy tiếng hô bài chòi, tiếng trống, tiếng nhạc và tiếng pháo nổ ran ở những chòi thắng cuộc. Không chỉ có dân thành Huế đi chơi chợ mà còn có người từ Thuận An, Dương Nỗ, Bao Vinh và các miền xa kéo đến. Ba ngày tết, những người dân từ thành phố và các làng họp mặt tại đây với những bộ quần áo dẹp đủ kiểu, đủ mầu trong không khí

đầu xuân vui vẻ. Chợ Gia Lạc đã tồn tại hơn 150 năm, thời kỳ đầu giải phóng chợ vẫn được tổ chức họp mặt. Tuỳ theo từng thời kỳ mà chợ mang nhiều phong tục khác nhau nhưng riêng phong cách lịch sự, chan hoà của những người đi chợ là không bao giờ thay đổi.

Một thú vui ngày tết nữa của người Huế là tục "bói tuồng". Khoảng đầu thế kỷ XX hát bội là một hình thức nghệ thuật chiếm vị trí độc tôn ở Huế. Ngày tết các rạp hát tuồng đều chuẩn bị những vở hay nhất để trình diễn phục vụ dân chúng và các ông hoàng và chúa. Người ta đi xem hát bội đầu năm cốt để "bói". Đây là một tục lệ đặc biệt chỉ phát triển trong dân chúng ở Huế vào dịp tết. Người xem hát để bói không vào ngay từ đầu buổi diễn mà chọn ngày giờ tuỳ thích mới đến rạp. Cảnh đầu tiên trông thấy trên sân khấu là sự báo hiệu cho số phận của bản thân và gia đình trong năm tới. Một số nghệ nhân lớn tuổi thuộc lòng và hiểu biết các tích tuồng, ăn mặc nghiêm chỉnh, trải chiếu thắp một bát hương ngay gần cửa rạp để giải thích ý nghĩ đoạn tuồng và đoán vận số cho những người đến nhờ. Sa khi đoán họ được khách trả cho một số tiền tuỳ theo sự cao hứng của khách. Những ngày đầu năm rạp hát nào cũng tấp nập người ra vào. Mỗi rạp phải diễn ngày ba buổi để đáp ứng yêu cầu của người xem. Ba ngày tết đã trôi qua, chiều mồng Ba hoặc mồng Bốn, mọi nhà sửa lễ làm cỗ để cúng đưa, tiễn ông bà tổ tiên về mộ. Sau đó chọn ngày chọn giờ mở hàng buôn bán lấy may hoặc bắt tay làm lấy ngày để mở đầu công việc của một năm mới tốt đẹp.

Sau ba ngày tết, dân chúng thành Huế còn cùng nhau đi về nhiều vùng lân cận xem hội, trong hội có các trò chơi truyền thống như hội đấu vật ở làng Sình (Lại Ân), hội bơi trải ở Thái Dương Hạ (Thuận An), chơi đu, xem hát trò ở Phò Trạch. Những người hiếm con còn đến Phò Trạch mua bánh hòn để cầu con. Bánh hòn là một loại bánh làm bằng bột và đường, hình tròn nhỏ và mỏng không có nhân. Tương truyền ai cầu con, ăn bánh hòn ở hội làng này sẽ được như nguyện ước. Đây là một tục lệ mang tính chất phồn thực còn được duy trì trong hội làng ở Huế.

Ngày mồng bảy mọi nhà làm lễ hạ cây nêu để kết thúc Tết Nguyên đán. Nhưng cũng phải sau khi lên chùa lễ Phật và thắp hương tại nhà đón ngày rằm đầu tiên của năm mới người dân thành Huế mới thực sự bước vào công việc làm ăn buôn bán và mọi sinh hoạt bắt đầu trở lại nếp cũ.

III. TẾT SÀI SÒN[1]

Sài Gòn là một vùng đất mới. Đầu thế kỷ XVII, người Việt tị nạn trong cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã kéo về đây khai hoang lập nghiệp. Sức lao động của những người dân cần cù cộng với hoàn cảnh địa lý thuận lợi đã biến nơi đây thành một vùng đông vui, trù phú. Với hệ thống sông rạch khá dày, đến cuối thế kỷ XVIII Sài Gòn - Gia Định trở thành một thương cảng lớn. Khách thương Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và nhiều nước phương Tây đã kéo về đây buôn bán trao đổi hàng hóa. Nhờ giao thông

[1] Chúng tôi dùng tên gọi cũ vì giới hạn thời gian là trước năm 1945.

phát triển, nền kinh tế Gài Sòn ngày càng được mở mang. Trung tâm buôn bán tập trung ở chợ Bến Thành, chợ Sỏi (chợ Cầu ông Lãnh ngày nay) và chợ Sài Gòn (Chợ Lớn), trong đó khu vực chợ Lớn là nơi có nhiều người Hoa sinh sống bằng nghề buôn bán. Tính đến nay, thành phố Sài Gòn đã có lịch sử 300 năm.

Dân cư Sài Gòn từ nhiều vùng tụ họp nên tập trung nhiều nét khác nhau. Qua thời gian chung sống, họ đã tạo cho Sài Gòn một nếp sống riêng mang phong cách chung của những con người chốn đô thành thịnh vượng về thương nghiệp và nhộn nhịp về sinh hoạt.

Người Sài Gòn ăn tết không cầu kỳ như người Hà Nội, tuy vậy mọi chi tiêu ngày tết cũng tốn kém không ít. Món ăn ngày tết đơn giản, nhưng người Sài Gòn lại thích uống rượu lai rai. Rượu uống lai rai thì những món nhắm phải nhiều. Bởi vậy, nhiều nhà thường mua trữ những loại đồ khô như: khô cá, khô tôm, khô thịt đã được chế biến để ngày tết mỗi khi cần là nướng lên uống rượu cho đỡ lích kích.

Nghi lễ tết ở Sài Gòn tuy hình thức có những điểm khác nhau, nhưng nói chung cũng theo nếp ngoài Bắc bởi dân ở đây có nhiều người gốc Bắc. Ngày tết cũng được người ta quan niệm là thời điểm bắt dầu một năm mới. Đây cũng là cơ hội đoàn tụ gia đình để tưởng nhớ ông bà tổ tiên và thăm hỏi bà con, họ hàng. Mọi người đều mong một năm mới tốt lành nên tất cả của ngon vật lạ, từ bộ quần áo đẹp, đến chai rượu quý, gói chè ngon đều được dành cho ngày tết.

Không khí tết bắt đầu rõ từ những phiên chợ tết đầu

tháng Chạp cho đến tận tối giao thừa. Mọi thứ hàng hóa theo các ngả đường về thành phố mang theo hương vị tết làm náo nức lòng người. Mọi nhà đều có kế hoạch riêng dành cho ngày tết.

Gần tết, Sài Gòn cũng có chợ hoa nhưng chợ hoa họp rải rác thành những điểm nhỏ chứ không tập trung như chợ hoa Hà Nội. Hoa được đưa từ Đà Lạt vào, Bà Điểm, Hóc Môn tới. Hoa Sài Gòn cũng có nhiều loại, phổ biến nhất là hoa mai và vạn thọ. Hoa mai vàng tiêu biểu nhất trong các loại hoa ngày tết Miền Nam, cũng như hoa Đào tượng trưng cho sắc xuân Hà Nội. Hoa mai cũng có 5 cánh nhưng chỉ có một lớp cánh chứ không nhiều lớp như hoa đào. Hoa được treo từng chùm thưa thớt, không dày và mọc sát cành như hoa đào. Cánh hoa vàng nuột mịn màng như lụa. Nhiều người nói rằng: nhìn cành hoa mai, ta có cảm giác như đứng trước một đàn bướm đang bay. Mai không chỉ đẹp ở hoa mà còn đẹp ở dáng cành. Cành mai có mầu nâu sẫm, ngắm cánh hoa ta thấy toát lên vẻ mảnh đẻ, mềm mại, đồng thời cũng có những nét cứng cáp, gân guốc. Chính vì dáng vẻ đặc biệt này mà từ xưa đến nay, hoa mai đã trở thành đề tài sáng tác cho nhiều thi nhân, danh họa. Mai được bán cành hoặc được bán trồng trong chậu. Có những chậu mai to, người mua phải để lên ô tô hoặc thuê xích lô chở về. Tuy Miền Nam có nhiều hoa mai nhưng mai được trồng trong rừng hoặc tỉnh xa, về đến Sài Gòn thì giá thành một chậu mai lên rất cao, nhà nghèo nếu không tự trồng được thì khó có cành

mai bày trong dịp tết. Bởi vậy, những gia đình nghèo tết đến thường mua hoa vạn thọ.

Hoa vạn thọ cũng là một loại hoa phổ biến ở phương Nam, bông vạn thọ to bằng cái bát ăn cơm, có nhiều màu rực rỡ. Người ta mua vạn thọ bày bàn thờ, cúng ông bà và trang hoàng ngày tết. Chợ hoa còn bày bán lay ơn, thược dược, hồng, cúc, đào, quất... đào và quất được trồng ở Đà Lạt vì không khí ở đó mát và lạnh quanh năm, chứ không nóng như những nơi khác ở Miền Nam. So với đào, quất ở Hà Nội thì đào, quất Đà Lạt không đẹp bằng. Đào Đà Lạt cánh thưa, màu nhạt, còn quất (còn được gọi là tắc hoặc hạnh) thì quả màu vàng da chanh thưa thớt không vàng mọng và sai quả như quất Hà Nội.

Để bù lại điều này, thiên nhiên đã ưu đãi cho miền Nam nhiều thứ quả ngọt mà miền Bắc không có. Đặc biệt ngày tết, Sài Gòn có nhiều dưa hấu, loại quả chỉ trong những ngày hè nóng bức mới thấy ở Hà Nội. Dưa được chở từ các tỉnh về Sài Gòn bằng ô tô, ghe và xe ngựa. Dưa được chất đống trong các chợ, trên các vỉa hè. Ngày tết, từng đống dưa chất cao như núi để phục vụ mọi gia đình Sài Gòn ăn tết. Dưa hấu có nhiều loại: loại quả tròn, loại quả dài, loại ruột đỏ tươi lại có loại ruột vàng như nghệ. Nổi tiếng nhất là dưa ở Trảng Bàng, Cao Lãnh, Trà Vinh. Chợ dưa họp thành khu riêng, nhiều nhất ở chợ Cầu Ông Lãnh và chợ Bến Thành. Người trong thành phố kéo đến đây mua dưa đem về bày bàn thờ, ăn và mời khách trong ngày tết. Mỗi

nhà thường mua hàng chục quả. Có những quả dưa to bằng con lợn tháu, người yếu chưa chắc đã vác nổi.

Người Sài Gòn có tục bói dưa ngày tết. Sáng ngày mồng một quả dưa bổ ra thấy ruột đỏ tươi là chủ nhà rất phấn khởi và tin rằng năm dó mình sẽ gặp vận đỏ. Chợ Sài Gòn còn bán rất nhiều hạt dưa. Ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ, nhất là tỉnh Bình Thuận, người ta trồng dưa cốt để lấy hạt. Mùa dưa chín, người ta bổ dưa bóp nát ruột rồi đãi lấy hạt. Hạt được phơi khô và đưa về các tỉnh, các thành phố. Người buôn mua hạt dưa nhuộm đỏ, lại bán cho người tiêu dùng.

Cũng giống như miền bắc, ngoài bánh mứt ngày tết nhà nào cũng có đĩa hạt dưa để cắn chơi và tiếp khách.

Trở lại với chợ tết Sài Gòn, ta thấy những khu vực khác trong chợ đông vui không kém. Các sạp hàng san sát với đủ mọi thứ hàng hóa. Vui nhất là ngày 27 tết đến tận giao thừa vì chợ họp suốt ngày đêm.

Khoảng 20 tháng Chạp, người ta quây lá làm thêm một số quầy ở chợ, đến ngày 23 thì các quầy hàng bắt đầu hoạt động. Hàng bày bán la liệt, dãy bán rượu, bán pháo, chỗ bán hoa quả tươi, quầy bán toàn mứt kẹo, hạt dưa. Cũng có nơi bán câu đối, phần lớn ở đây bán các đại tự mang nội dung cầu Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh, Phú, Quý. Cũng có những ông đồ ngồi viết chữ cho khách theo yêu cầu.

Dãy bán hàng ăn là nơi thu hút nhiều khách đi chợ tết. Ngày tết, người ta đi chợ để mua sắm, xem cảnh chợ ngày cuối năm, nhưng cũng có người đi chợ chỉ để ăn uống,

thưởng thức miếng ngon trong không khí chợ tết. Sài Gòn lại là xứ nóng, không mấy ai đi chợ mà không phải ghé vào quán uống cốc nước giải khát, ăn một ly kem mát lạnh, sau đó mới có sức mà đi ngắm nghía, tiếp tục chọn hàng. Những hôm chợ họp đêm, đông nhất là từ buổi chiều, trời bắt đầu mát, mọi người có dịp mặc những bộ quần áo đẹp, cùng bạn bè đi chợ. Mệt quá thì ghé vào hàng quán ăn uống, nghỉ ngơi rồi lại đi tiếp, nhiều khi đến tận sáng mới về.

Sài Gòn, ngày 23 tháng Chạp cũng là ngày cúng ông Táo lên trời. Ngày này, nhà nào cũng làm lễ. Vật cúng tiễn là một dĩa xôi, một miếng thịt lợn luộc, một lọ hoa, một đôi hia mã. Ở chợ còn bán sẵn ba nén nhang (hương) bọc trong một tờ giấy vẽ ông Táo cưỡi ngựa. Khi cúng, hương cháy gần tàn thì chủ nhà đốt luôn ngựa và đôi hia để ông Táo lên đường. Nhiều nhà còn đốt luôn một tràng pháo để tiễn Táo Quân.

Ngày 23 cũng là ngày chạp mả, nghĩa là đi tảo mộ và khấn mời ông bà về ăn tết. Lễ chạp mả ở miền Nam được làm vào cuối năm chứ không để đến tháng 3 như Miền Bắc. Có sự khác nhau như vậy vì thời tiết tháng ba ở Miền Nam rất nóng nực, cây khô cỏ cháy không tiện cho việc đi xa tảo mộ. Vì thế, bà con Miền Nam làm lễ chạp mả vào ngày tết. Lúc này đất đai vừa qua một mùa mưa, cỏ và cây dại mọc um tùm trên các ngôi mộ. Đi chạp mả, cuốc cỏ, nhổ bớt cây dại để rễ cây không mọc sâu xuống làm hỏng quan tài dưới mộ. Lễ chạp mả ở Miền Nam được làm cầu kỳ hơn ngoài

Bắc. Nhiều nhà tập trung cả gia đình hoặc nhiều gia đình trong họ. Lễ vật mang theo gồm vàng, hương, hoa quả, đĩa xôi, con gà, to hơn thì mâm xôi và cả một con lợn quay. Dọn dẹp cây leo cỏ dại, cúng lễ xong mọi người ngả cỗ ra ăn ngay tại mộ. Sau đó chủ nhà mới yên tâm trở về lo tết.

Về hình thức, ngày tết mọi nhà đều chú ý quét dọn, trang hoàng nhà cửa. Bàn thờ được bày biện sạch sẽ công phu. Câu đối được dán trong nhà ngoài ngõ. Phụ nữ đang lo chuẩn bị các món ăn và làm mứt. Mứt Sài Gòn phong phú hơn mứt Hà Nội bởi hoa quả nhiều. Sầu riêng, sêri, chùm ruột... bình dân nhất là mứt dừa. Miền Nam xứ sở của dừa, nên mứt dừa ở Sài Gòn nhiều lại ngon hơn các nơi khác.

Sài Gòn ăn tết bàng bánh tét. Nhiều nhà cầu kỳ trộn thêm tôm khô, lạp xường và gạo nếp để gói bánh. Mâm cỗ tết Sài Gòn bao giờ cũng có bánh tét, thịt kho, dưa giá, kiệu muối và nem bì.

Dưa giá được muối chung với măng luộc thái rối. củ kiệu thái lát, ớt chín và cà rốt thái nhỏ.

Nem bì làm bằng *bì* lợn luộc và thịt ba chỉ rán vàng thái chỉ, sau đó trộn thính và gia vị. Cuốn bánh đa nem (bánh tráng) ra ngoài rau sống và nem bì, chấm nước mắm ớt, dấm, tỏi, ăn kèm kiệu chua.

Thịt kho phải chọn chỗ nửa nạc nửa mỡ, thái miếng to bằng nắm tay kho hơi nhạt với đường và nước dừa, miếng thịt chín dừ, mỡ trong mà không nát, ăn thấy mát và như tự nó tan trong miệng. Nhiều nhà còn cho thêm chục trứng vịt luộc vào cùng kho. Thịt kho ăn kèm với dưa giá và

kiệu vừa ngon vừa chua làm người ăn ngon miệng mà không ngấy.

Ngày tết ở Hà Nội thường có mưa phùn và gió lanh, như vậy mới có hương vị tết, bánh chưng vì thế mới không thiu và thịt đông mới rắn, mới ngon. Còn Sài Gòn lúc này trời nắng rực rỡ. Năm nào lạnh lắm cũng chỉ như mùa thu Hà Nội. Ngày tết ở Sài Gòn, hoa vông vang đỏ rực, én bay đầy trời, chim tu hú kêu ran và tiếng cu gáy trầm trầm đều nhịp. Người Nam Bộ nghe cu gáy kêu thì biết là tết đã đến. Dân gian có câu:

Cú kêu ba tiếng cú kêu

Cho mau đến Tết dựng nêu ăn chè

Vùng ven đô (ngoại thành) cũng trồng nêu nhưng thường trồng vào ngày 30 tết.

Sáng 30, nhà nào nhà nấy trang hoàng bày biện đã xong. Hai quả đưa hấu bày hai bên bàn thờ. Trên mỗi quả dưa dán một tờ giấy hồng điều gần bằng bàn tay cho đẹp. Giữa bàn thờ là mâm ngũ quả. Miền Nam nhiều hoa quả nên ngày tết, ngũ quả không chỉ được bày trên bàn thờ mà còn được bày ở phòng khách, là một thứ trang điểm ngày tết. Mâm ngũ quả bao giờ cũng có quả đu đủ, chùm sung để cầu mong quanh năm đủ ăn, sung túc. Rồi cam mật Cái Bè, vú sữa Cần Thơ, quýt đường Vĩnh Long, bưởi ngọt Biên Hòa, mận (roi) Mỹ Tho (còn gọi là mận hồng đào), lê ki ma (quả trứng gà), sầu riêng, măng cụt, xa bô chê (hồng xiêm), bòng, cóc... Nhà nào khá giả còn tìm mua cho được chục

xoài từ Cao Lãnh (Sa Đéc). Xoài Cao Lãnh nổi tiếng là ngon và có sớm:

Xoài nào ngon bằng xoài Cao Lãnh
Vũ sữa nào ngon bằng vú sữa Cần Thơ

Có nhà lại bày mâm ngũ quả theo mong ước Cầu vừa đủ xài: mâm ngũ quả phải có đủ 4 loại quả: CẦU (mãng cầu). VỪA (Quả dừa) - tiếng Miền Nam phát âm thành dừa DỦ (đu đủ), SÀI (quả xoài). Nếu không đủ tiền mua xoài thì cũng phải kiếm cho được một túm lá xoài để bày trên bàn thờ lấy may với hy vọng trong năm lúc nào trong nhà cũng đủ tiền để tiêu xài.

Trưa 30 mọi người làm cỗ cúng tất niên, đón ông bà về ăn tết. Món ăn ngày tết Sài Gòn đơn giản hơn Hà Nội và thường là đồ nguội, chỉ có hai bát nấu là bát chân giò hầm với mấy vị thuốc Bắc (món này dùng để ăn vã) và món mướp dắng khoét ruột nhồi thịt, hầm dừ.

Đêm 30, mọi nhà cũng cúng giao thừa và cũng đón năm mới. Tuy nhiên mọi thủ tục không cầu kỳ và chặt chẽ. Lễ vật cúng giao thừa không bắt buộc, có nhà cúng một con gà trống hoa luộc mỏ ngậm quả ớt chín được chẻ nhỏ ra thành nhiều cánh như bông hoa. Nhưng cũng có nhiều nhà không cúng gà, chỉ cúng đơn giản một đĩa bánh tét, đĩa mứt và chén nước trà.

Pháo đốt giao thừa và trong mấy ngày tết ở Sài Gòn thường dài tính thước, đòng từ trên gác hoặc buộc vào đầu sào để ngay phía sau cửa ra vào. Giao thừa ở Gài Gòn nhộn nhịp vui vẻ chứ không tĩnh lặng thiêng liêng như ở Hà Nội.

Ai cúng cứ cúng, ai đi chơi cứ đi chơi. Nhiều nhà mở cửa bán hàng ăn uống giải khát cho tới sáng. Người ta đến nhà nhau xông đất ngay sau giao thừa. Nhiều người đã được chủ nhà dặn trước, đi chơi hoặc đi lễ xong là đến thẳng nhà chủ xông đất hộ. Chủ khách hể hả chúc tết nhau, nâng cốc mừng nhau chén rượu thơm rồi chia tay.

Sáng mồng một tết, mọi người cúng đón năm mới, khấn gia tiên và thần tài xin các vị phù hộ độ trì. Trẻ con mặc quần áo mới đến chúc tết ông bà cha mẹ để được "lì xì" (mừng tuổi) phong bao tiền mới. Sau bữa ăn cơm sáng, mọi người mặc dẹp để đi chúc tết họ hàng nội ngoại, đi lễ hoặc đi chơi phố xem trò. Phụ nữ mặc áo dài, vạt áo chỉ quá đầu gối một chút. Sài Gòn ngay tết nóng nên mọi người chỉ mặc đồ mỏng, người già mặc áo dài màu thẫm, trẻ mặc màu nhạt, tươi. Mái tóc các bà các cô thường được chải ngược lên rồi búi gọn sau gáy. Búi tóc gắn thêm chiếc trâm vàng hoặc chiếc lông nhím cho khỏi tuột. Người có của thì quấn một chuỗi hạt vàng nhiều quanh cổ và thả vài vòng trễ xuống ngực. Có người lại đeo dây chuyền nách (đó là loại dây bằng vàng deo vòng qua cổ luồn chéo xuống nách). Quần áo của đàn ông đơn giản hơn: người già mặc áo dài trắng bên trong, áo dài đen bên ngoài, cổ áo dựng đứng vuông góc, đầu đội khăn đen hoặc quấn khăn lượt, chân đi giày da láng hoặc giày Gia Định. Lớp trẻ mặc quần áo Tây đi giày đen hoặc giày hai màu.

Ngày mồng một, ngoài phố vẫn có nhiều nhà bán hàng, chủ yếu là hàng ăn uống. Trời nóng, đi chơi một lúc khát,

mọi người kéo nhau vào quán uống ly nước chanh cho mát, đói thì ăn hủ tiếu. Ngày tết, chợ cũng hoạt động nhưng không đông và chỉ bán một lúc buổi sáng. Giá hàng bán trong ngày này nhất định phải đắt hơn ngày thường, khách mua hàng, nhà hàng nói bao nhiêu trả bấy nhiêu không so kè mặc cả.

Ngày tết Sài Gòn cũng lắm trò chơi, phổ biến nhất là đá gà và múa lân. Đá gà là sở thích của người Sài Gòn. Gà ở các tỉnh nổi tiếng như Hóc Môn, Bà Điểm, Cao Lãnh được đem về nuôi dưỡng và tập luyện cho cuộc vui ngày tết. Trường đá gà là những nơi rất rộng chứa được ba bốn trăm người... chỗ ngồi làm thành bậc từ thấp đến cao như sân vận động ngoài trời. Từ những năm 1950, trò chơi dân gian rất được ưu thích này bị mai một và đến nay hầu như mất hẳn[1].

Múa lân ngày Tết nguyên đán ở Sài Gòn cũng nhiều như múa sư tử ngày rằm tháng Tám ở Hà Nội. Khu phố nào cũng có một hội lân do những người có thế lực bảo trợ. Đẹp và quý nhất là loại lân râu bạc rồi mới đến râu đỏ, xanh, đen và các màu khác. Mỗi con lân chiếm cứ một vùng, không đội nào được lấn chiếm sang một vùng đất khác để tránh đụng độ với nhau. Mỗi đội lân đều có những võ sĩ trang bị đại đao mã tấu làm đạo cụ. Những nhà buôn bán giàu có thường treo giải thưởng nhiều khi là một món tiền lớn. Muốn lấy được giải, người trong đội phải đứng lên vai nhau

---

[1] Xem thêm Huỳnh Ngọc Trảng (sưu tầm, biên soạn), *Thú đá gà*. Nxb TP. Hồ Chí Minh. 1990.

làm thang cho lân trèo. Có đội trang bị một cái cột tre thật cao để lân vừa múa vừa leo trong tiếng pháo nổ giòn. Người múa lân phải dũng cảm và tài nghệ, dù giải treo cao và khó đến đâu lân cũng lấy được bằng những thủ thuật riêng. Giải lấy được rồi, tiếng trống thúc rộ lên, người ngoài đứng xem mới biết.

Ngày tết Sài Gòn cũng có những tục kiêng. Người có tên xấu, sáng mồng một tránh không đến nhà ai. Thấy người khác đánh rơi hoặc bỏ quên khăn tay thì đừng nhặt để khỏi mang khó vào thân. Không nói những chuyện buồn vì sợ xúi quẩy. Người Sài Gòn không kiêng vịt như miền Bắc vì họ quan niệm vịt không phải là con vật mang lại điềm xấu, hãm tài nhưng lại không ăn món ăn canh chua vì theo dân gian món ăn này ma quỷ rất thích. Vùng ngoại thành cũng có tục gánh nước đổ đầy chum vại để năm mới của cải sung túc. Quần áo may cho trẻ mặc tết phải rộng rãi để trẻ hay ăn chóng lớn.

Trong ba ngày tết, mỗi bữa mọi nhà đều sửa cơm cúng ông bà, trước cúng sau ăn để tỏ lòng thành kính. Trên bàn thờ liên tục thắp hương và đốt đôi ngọn nến (đèn cày) Ngày nay, người ta dùng đèn dầu hỏa cho đỡ tốn.

Người Sài Gòn ăn thịt gà không chặt mà thích xé phay. Gà luộc lên xé miếng, trộn dấm kèm hoa chuối hoặc bắp cải tươi thái mỏng, thêm rau răm, lá chanh và các loại gia vị thơm ngon.

Ngày tết trong mâm cơm còn có món chả giò. Chả giò là món ăn giống như nem rán ngoài Bắc nhưng mỗi cái ở đây

chỉ nhỏ bằng ngón tay cái, khi ăn không phải cắt. Nhiều nhà làm nhân chả bằng thịt gà băm thay cho thịt lợn.

Theo tục cổ, ngày mồng 4 cúng đưa ông bà. Người phụ nữ trong gia đình phải gánh quà bánh theo tiễn ông bà về tận mộ để thắp hương đốt mã. Tục lệ này nay không còn nữa.

Trong hai ngày mồng 3 và mồng 4, mọi nhà thường ăn món cháo cá nấu ám. Cá nấu ám là cá lóc (cá quả) để cả con, ngoài cá còn có một miếng thịt lợn ba chỉ luộc cùng. Khi ăn, cá và thịt được gỡ và thái ra bày lên đĩa có trang trí thêm cành thìa là, ớt cho đẹp. Cháo cá ăn nóng lẫn với rau cần, cải cúc rất thơm ngon; cũng có nhà nấu cháo gà ăn kèm hoa chuối thái để đổi vị.

Sau ngày mồng bốn coi như hết tết. Không khí tết Sài Gòn không kéo dài hết tháng Giêng vì những ngày hội liên miên như ở Miền Bắc.

Phần ba

TẾT NGUYÊN ĐÁN TRONG CUNG ĐÌNH QUA CÁC TRIỀU ĐẠI TRƯỚC[1]

Tết là của toàn dân, là ngày hội của mọi người. Ai cũng trông mong chờ đợi và chăm chút lo toan. Không riêng gì ngoài dân dã mà ngay cả trong cung đình, nhà vua cũng cho chuẩn bị hết sức chu đáo. Những lễ nghi bình dị vốn có ở cái tết đời thường đã được triều đình "long trọng hoá" đến mức hoàn thiện. Điều đó lại một lần nữa khẳng định thêm sức sống mãnh liệt của phong tục dân gian trong tâm hồn người Việt.

Xin giới thiệu vài cái tết tiêu biểu của các triều đại đã qua mà sử sách còn ghi lại được ít nhiều để bạn đọc tham khảo.

I. TẾT NGUYÊN ĐÁN TRONG CUNG ĐỜI TRẦN

Các vua Trần tổ chức ngày Tết rất vui, rất dài, yến lễ trong cung từ lập xuân đến hết tháng Hai mới kết thúc. Lịch tết diễn ra theo một trình tự :

---

[1] Viết theo tài liệu của Bửu Kế, Phan Khoang, Tôn Thất Bình, Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huế. *Tập san Sử Địa Sài Gòn 1967; Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam; Đại Việt sử ký Toàn thư.*

- Vào ngày lập xuân, các quan văn võ, trang phục chỉnh tề, cài hoa lên đầu vào Đại nội dự yến.

- Ngày 28 tháng Chạp, vua ngự xe; các quan mặc triều phục đi tiễn dạo ra tế lễ ở đền Đế Thích ngoài thành Thăng Long.

- Ngày 30 Tết, vua ngự trên Đoan Cung; trăm quan làm lễ rồi xem ca nhi múa hát. Buổi chiều, vua sang cung Động Nhân bái yết Thái Thượng Hoàng. Đêm ấy, chư tăng vào Đại nội tụng kinh và làm lễ "khu na" (lễ đuổi ma quỷ).

- Ngày mồng một tết khoảng canh 5, vua ngự ra điện Vĩnh Thọ cho các hoàng tử, công chúa và các quan cận thần làm lễ bái hạ, sau đó vua tới cung Trường Xuân hướng về lăng Tiên tổ (tức là lăng phát tích nhà Trần và lăng vua Thái Tông, Thánh Tông ở làng Hữu Đường, huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình) làm lễ vọng bái. Buổi sáng vua ra điện Thiên An, Hoàng hậu và phi tần đã ngồi ở đấy, các quan nội thần đứng trên điện, nhạc công tấu nhạc trước sân rồng; các hoàng tử, thân vương cùng trăm quan xếp hàng làm lễ bái hạ và dâng ba tuần rượu. Các hoàng tử lên điện, các quan nội thần ngồi bên tiểu điện phía Tây, các quan ngoại thần ngồi hai bên tả hữu, vua cùng mọi người dự yến đến tận trưa. Cũng trong buổi ấy, vua phải chọn những người thợ khéo tay làm xong nhanh các đài "Chúng tiên" hai tầng ở trước điện. Trong đài trang trí vàng ngọc sáng ngời. Vua ngồi trên đài, các quan quỳ lạy dâng chín tuần rượu chúc thọ rồi ra về.

- Ngày mồng hai, các quan ăn tết tại nhà riêng.

- Ngày mồng ba, vua ngự trên lầu Đại Hưng xem các hoàng tử, các con quan và các nội giám đánh cầu. Đây là trò chơi thượng võ đầu xuân mà các vua Trần rất yêu thích, năm nào cũng phải có.

- Hơi khác với dân gian, nhà Trần lại tổ chức lễ khai hạ vào mồng 5 Tết. Vua ban yến ở nội điện, các quan dự yến xong thì đi du ngoạn quanh vườn Thượng uyển hoặc đi lễ các đền, chùa ở ngoài thành.

- Đêm Nguyên tiêu (rằm tháng Giêng) vua cho người dựng một cây đèn to, cao ở trong cung (gọi là đèn Quảng chiếu). Trên đèn thắp hàng vạn ngọn sáng rực cả trời đất. Các chư tăng đi quanh đèn Quảng chiếu để tụng kinh: Trăm quan làm lễ la bái ở dưới (gọi là lễ "Triều tăng").

Tháng 2, trong cung lại dựng lên một "xuân đài" có các ca nhi ăn mặc, trang điểm giả làm 12 vị thần đứng múa ở đấy và hát những khúc:

"Nam thiên nhạc
Đạp thanh du
Canh lậu trường
Ngọc lâu xuân
Mộng du tiên".

Vua ngự trên đài xem các trò diễn ở dưới sân như đánh vật, lực sĩ và trẻ con đấu nhau; các vương hầu thì cưỡi ngựa, đánh cầu, các quan thì đánh cờ, đánh vu bổ cùng nhiều trò chơi khác đậm màu sắc dân dã. Sau buổi này, tết mới thực sự kết thúc.

II. TẾT NGUYÊN ĐÁN ĐỜI HẬU LÊ

Chịu ảnh hưởng của nho giáo, việc tổ chức đón tết trong cung nhà Lê thiên về nghi lễ hơn là vui chơi, giải trí.

Sáng mồng một tết. Tiết chế phủ (con cả của chúa Trịnh) vâng chỉ chúa dẫn công, hầu, bá cùng các quan văn, võ, mặc phẩm phục vào chầu vua làm lễ chúc mừng năm mới.

Trước đó một ngày, Thượng thiết ty đã đặt ngự toạ ở điện Kính Thiên, bày hương án trước ngự toạ. Liễn giá ty cắm tàn vàng hai bên ngự toạ cho thêm lộng lẫy. Giáo phường ty đặt Thiều nhạc, Đại nhạc phía Đông, Tây sân rồng. Thủ vệ ty dàn cờ quạt, khí giới theo đúng nghi thức. Giữa công đường, Bộ Lễ, Nghi chế ty đặt một chiếc án, trên để tờ biểu của Đô tổng binh sứ ty, Hiến sát ty các xứ chúc mừng vua. Các quan Bộ Lễ và Thừa ty trực đêm ở công đường đợi tới gần canh 5, các quan rước án biểu vào cung. Cờ trống và nhạc đi trước, văn võ theo nhau. Thừa dụ cục khiêng án biểu đến cửa Đoan môn ở phía sân rồng.

Trống nghiêm hồi thưa nhất, các quan xếp hàng ngoài cửa Đoan môn. Trống nghiêm hồi thứ hai, Viện Đạo lễ dẫn Tiết chế phủ vào điểm trước sân rồng ngồi tạm. Trống nghiêm hồi thứ ba, các viên chấp sự vào điện Vạn Thọ lạy 5 lạy 3 vái rồi rước ra điện Kính Thiên. Viên Đạo lễ dẫn Tiết chế phủ đứng ở sân rồng. Tự ban dẫn vào quan văn, võ đứng hai bên đông, tây sân rồng. Các quan Thừa ty, các quan Triều yết đứng ngoài cửa Đoan môn.

Vua lên ngự tọa. Giáo phường tấu húc văn quang. Quan Tư Thần báo "trời đã sáng".

Viên thông tán xướng:

"Bài ban"

Quan Đạo lễ dẫn Tiết chế đến vị bái, xướng:

"Ban tề, cúc cung bái, hưng, bái"...

Nhạc nổi lên; Tiết chế phủ cùng các quan lạy 4 lạy rồi đứng dậy.

Điểm nghi xướng

"Tiến biểu"

Nhạc nổi. Hai viên khoa quan dẫn 4 viên Tự ban khiêng án biểu đến giữa đạo.

Dẫn tán xướng:

"Tuyên biểu mục"

Quan Tuyên biểu đến giữa ngự đào quỳ tâu:

"Thần đăng cẩu tấu, kim ngộ chính nguyên tiết tiến khánh hạ biểu văn, công, hầu, bá, văn vũ thần liêu, cập thiên hạ các xứ Đô, Thừa Hiến ty đăng nha môn cộng tập nhị đạo". (Lũ thần kính tâu: Nay gặp tiết chính đán, xin dâng biểu văn của công, hầu, bá, văn võ trăm quan cùng các sứ Đô, Thừa, Hiến ty nha môn chúc mừng Hoàng thượng cộng 12 đạo).

Tâu xong, quan Tuyên biểu lạy xuống rồi lui ra đứng vào ban.

Dẫn tán xương:

"Tuyên biểu"

Quan Đại trí từ đến giữa ngự đạo quỳ xuống, xướng:

"Bách quan gian quy"

Các quan đều quỳ xuống:

Xướng: "Tuyên độc"

Quan Đại trí từ đọc "Khâm sai Tiết chế Thuỷ bộ chư dinh, thần mỗ cùng công, hầu, bá, văn võ trăm quan phụng chỉ của Vương thượng kính cẩn dâng lên: Nay gặp tiết chính đán, lũ thần kính xin Hoàng đế bệ hạ cả vâng mệnh lớn, sáng ngự nghiệp to, năm mới vui mừng, lộc trời chan chứa, lũ thần xiết bao vui vẻ chúc tụng. Kính chúc Hoàng thượng hưởng thọ muôn muôn năm". Đọc xong, quan Đại trí từ lạy xuống rồi đứng lên xướng: "Phủ phục, hưng bình thân".

Các quan lạy xuống rồi đứng lên.

Quan Truyền chế đến quỳ giữa ngự đạo tâu:

"Hữu chế".

Thông tán xướng: "bách quan giai quy".

Các quan đều quỳ xuống.

Quan Truyền chế đọc tờ chế:

Hoàng đế truyền rằng: "Nay gặp vận phúc thịnh hanh thông, trẫm và các khanh cùng hưởng".

Đọc xong, quan Truyền chế bưng tờ chế đến giữa án. Lễ phiên yết lệnh chỉ ra ngoài phủ đường cho mọi người biết.

Khi Tiết chế phủ dẫn các quan văn võ vào lạy mừng;

bốn viên khoa quan giữ chức Điển giám thì hai viên đứng ngoài, hai viên đứng trong phủ đường. Chúa ngự lên sập rồng. Các quan xếp hàng từ ngoài tiến vào; Tiết chế phủ và các quan văn võ theo thứ tự lạy mừng. Chúa ban yến. Dự yến xong, các quan làm lễ tạ ơn. Chúa lui vào cung; Tiết chế phủ về phủ. Các quan lại sang phủ Tiết chế chúc mừng năm mới rồi được về ăn tết tại nhà riêng.

III. TẾT NGUYÊN ĐÁN TRONG CUNG ĐỜI NGUYỄN

Gần giống với nhà Lê, tết trong cung nhà Nguyễn cũng nặng về nghi lễ. Triều đình thường tổ chức đón tết như sau:

Vào ngày 20 tháng chạp thì làm lễ "phát thức" (tức là lễ rửa ấn). Vào ngày này, các quan đều mặc áo thụng xanh ra chầu tại điện Cần Chánh. Đức vua ngự ra. Các tủ chứa ấn đều mở cửa. Người ra rửa bằng nước hương thuỷ múc ở ngã ba sông và chứa trong một cái bình đầy hoa thơm. Rửa xong các quan cho ấn vào tủ và khoá lại, bên ngoài niêm hai chữ "Hoàng phong". Sau lễ này, vua và các quan nghỉ việc không dùng ấn nữa.

- Ngày 22 tháng chạp làm lễ "Hạp hương" (tức làm lễ mời các vị tiên đế về ăn tết). Vua ngự ra điện Thái Miếu hành lễ. Trên mỗi bàn thờ có để một cây lụa trắng gọi là chế bạch.

- Ngày 30 tháng Chạp làm lễ "thượng tiên" (tức là lễ dựng cây nêu). Vua ngự ra điện Thái Hoà dựng nêu trước rồi sau đó thiên hạ mới dựng tại nhà mình.

Cũng ngày hôm ấy, quan hữu ty thiết đại triều ở điện

Thái Hoà, thường triều ở điện Cần Chánh. Chiếc ngự toạ tại điện Thái Hoà, gian bên tả đặt một hoàng án để hạ biêu của các lục bộ, các ty, các viên. Gian phía tây đặt một hoàng án để hạ biêu các quan địa phương. Gian giữa giải chiếu bái của hoàng tử, hoàng thân. Trên thềm bên tả, bên hữu là chỗ bái của các tôn tước và văn võ từ tam phẩm trở lên. Các quan từ tứ phẩm trở xuống đứng ở dưới sân rộng. Đội lính Hộ vệ, Cảnh tất chia đứng tám hàng giàn hầu. Hai bên sân rộng đặt nhạc huyền. Dưới thềm phía tây đặt Đại nhạc quay vào nhau. Ca sinh chia đứng hai bên tả hữu.

Lễ chính được cử hành vào ngày mồng một tết. Dầu canh 5, trống nghiêm hồi thứ nhất. Viên Quản vệ dàn bày cờ quạt, nghi tượng đứng theo vị trí. Trống nghiêm hồi thứ hai, các quan văn, võ phẩm phục chỉnh tề vào trực trong sân điện Thái Hoà; các viên chất sự thì chia lo phần việc của mình. Tờ mờ sáng, trống nghiêm hồi thứ ba. Trên kỳ dài kéo cờ đại và các sắc cờ khánh hỉ. Quan Khâm thiên giám báo giờ. Vua đội mũ cửu long, mặc áo hoàng bào cầm hốt, khuê ngự ra điện Cần Chánh. Viên Quản vệ quỳ tâu: "Xin Thánh thượng ngự lên xe giá". Vua lên kiệu. Ban tiểu nhạc cử nhạc. Quân bảo vệ, ngự lâm cầm cờ quạt, nghi trượng rước vua sang điện Thái Hoà. Trên lầu Ngọ Môn nổi chuông trống. Vua ra cửa Đại cung môn, tới hiên phía bắc điện Thái Hoà thì xuống thượng. Đại nhạc nổi. Trên thành phát 9 tiếng súng lệnh. Vua ngự lên toạ. Viên thái giám đốt lư trầm. Đại nhạc ngưng; tiểu nhạc nổi.

"Tấu lý bình chi chương"

Ca sinh tấu khúc Lý bình phù hoạ

Các quan dứng vào ban cùng xướng:

"Tấu Túc bình chi chương"

Ca sinh tấu khúc Túc Bình

Xướng: "Cúc cung bái, hưng..."

Nhạc nổi, các quan lạy 5 lạy

"Hành khách hạ lễ

Bách quan giai quỵ"

Rồi tất cả quỳ xuống và hô:

"Tiến hạ biểu".

Quan nội các tiến lên hoàng án, lấy hạ biểu trao cho quan tuyên đọc. Đọc xong lại trao cho quan nội các để lại hoàng án như cũ và xướng:

"Phủ phục hưng". Nhạc nổi. Các quan lạy xuống rồi đứng lên. Quan lễ bộ quỳ tâu:"Thỉnh truyền chỉ". Quan truyền chỉ đáp "Hữu chỉ". Các quan đều quỳ xuống. Quan phụng chỉ đọc "Lý đoan chi khánh dữ khanh đẳng đồng chi kỳ tứ yến lãi hữu sai" (Đời trị bình gặp ngày xuân vui, ta với các khanh cùng hưởng, sẽ ban yến có thứ bậc). Nhạc nổi. Các quan đều lạy rồi đồng thanh xướng "Hành tạ ân lễ", "Tấu Di bình chi chương".

Quan lễ bộ quỳ tâu: "Khánh hạ lễ thành" và xướng: "Tấu Hòa bình chi chương".

Ca sinh tấu khúc Hoà bình.

Đại nhạc nổi. Vua lên kiệu về điện Cần Chánh. Các hoàng thân, hoàng tử cùng các quan văn võ từ tứ phẩm trở lên phân ban đứng hầu. Thái giám dẫn các hoàng đệ, hoàng tử nhỏ tuổi đến trước thềm lạy mừng 5 lạy. Quan lễ bộ dẫn các công tử cũng đến lạy mừng như hoàng tử. Lễ xong, vua truyền chỉ ban yến và ban tiền thưởng xuân theo phẩm trật, quan hệ [1].

- Ngày mồng một ban yến cho hoàng tử, hoàng thân, tôn tước, quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm trở lên ở điện Cần Chánh và nhà tả hữu vu.

- Ngày mồng hai, ban yến cho các quan văn (từ lục phẩm) võ (từ ngũ phẩm) trở xuống quan Phủ doãn Thừa Thiên và các quan tỉnh được chỉ về chiêm cân ở nhà Đại lậu.

- Ngày mồng 4 tết, cử hành lễ "Triều minh". Vua ngự hành các điện, các đền như Thái Miếu. Thế Miếu, Hưng Miếu, Phụng Tiêu, Cung Miếu, v.v... để lễ bái. Suốt trong 4 ngày (từ 30 đến mồng 3) đều có cúng cỗ bàn tại các miếu ấy. Mỗi lần cúng gồm 32 cỗ (mỗi cỗ là một món ăn riêng biệt). Ngoài cỗ mặn còn có bánh trái và hoa quả.

Lễ "tịch điền" cũng được cử hành trong dịp đầu xuân. Nhà vua hoàng thân và các quan đại thần xuống ruộng cày mấy đường cày đầu năm tại sở lịch điền trong kinh thành để

---

[1] Các hoàng thân, hoàng tử mỗi người 20 lạng bạc. Quan văn, võ chánh nhất phẩm 12 lạng, tùng nhất phẩm 10 lạng; chánh nhị phẩm 8 lạng; tùng nhị phẩm 6 lạng; chánh tam phẩm 5 lạng; tùng tam phẩm 4 lạng; chánh tứ phẩm 3 lạng; tùng tứ phẩm 2 lạng rưỡi, chánh ngũ phẩm 2 lạng,; tùng ngũ phẩm trở xuống mỗi người 1 lạng.

làm gương khiến nhà nông noi theo đó mà siêng năng hơn trong việc cày cấy. Vua mặc áo chẽn, bịt khăn đường cân, một tay cầm roi, một tay cầm chiếc cày sơn vàng do hai con bò được phủ lụa vàng kéo trước. Đi theo hầu vua có phủ thừa và một viên ấn quan Bộ Hộ, người mang thúng giống, kẻ vãi giống.

Vua cày xong thì lên nhà quan canh để xem hoàng thân và quan lại cày. Đấy chỉ là động tác tượng trưng có tính chất "lấy lệ".

Sau lễ tịch điền là lễ "rước thần nông". Lễ này không có vua dự mà chỉ cử các quan cùng một số binh lính thừa hành. Thần Nông được tượng trưng bằng đứa trẻ chăn trâ và con trâu (người và trâu đều làm bằng sườn nan, đất sé

Thần Nông và trâu được rước từ phủ Thừa Thiên v tại một ngôi nhà dựng tạm ở chính đông. Đi theo đám rư ấy có các quan văn, võ cùng quân lính cầm cờ quạt, tàn lọng. Họ quy ước: Năm nào mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt thì Thần Nông đi cày cả hai chân. Còn năm nào ông hoảng hốt, tất bật chân không kịp mang giày (một chiếc cầm tay) là mất mùa. Mùa mất hay được là dựa theo lịch Tàu để làm cơ sở tiên đoán. Có chính xác hay không thì chưa rõ nhưng ít nhất cũng tạo nên được sự yên ổn về mặt tâm lý cho dân chúng. Đó là ý nghĩa.

- Cũng vào dịp đón tết này, triều đình cho tổ chức lễ "tiễn xuân, nghênh xuân".

Lễ này bắt đầu có từ năm Kỷ Sửu Minh Mạng thứ 10

(1829). Lúc bấy giờ Bộ Lễ có tâu và giải thích: "Xét thanh điền ngày lập xuân cúng tiến Mang thần[1] và trâu đất đặt trên núi xuân đều bày trên một cái án nghênh xuân là để dẫn hoà khí đến và cũng là một cách gây đựng, giúp đỡ; còn lấy roi đánh trâu là có ý khuyên việc cày cấy, ngụ ý trọng nông vậy. Nay Hoàng thượng ta chăm lo nguồn sống của dân, để tâm đến việc canh nông. Vậy có gì quan hệ đến việc khuyến khích nông nghiệp thì có lẽ nên phỏng theo thời xưa châm chước mà làm".

Triều đình sai quan Hữu ty chế 3 Mang thần, 3 trâu đất, 2 xuân sơn rồi cho phủ Thừa Thiên lập đàn làm lễ trước ở Đông giao gọi là "lễ nghênh xuân".

Lễ xong, rước Mang thần, 1 trâu đất, 1 núi xuân về để ở Bộ Lễ. Quan bộ, quan Phủ Doãn và Khâm Thiên giám mặc triều phục đến Tiên Thọ và cửa Hương Khánh, viên Thái giám tiếp nhận dâng lên gọi là "Lễ tiến xuân".

Mang thần và trâu làm bằng đất, lấy gỗ dâu làm cốt, hình sắc phụ thuộc vào từng con, chỉ tính theo ngũ hành và âm luật. Thân trâu cao 4 thước để tượng trưng 4 mùa. Cái cốt từ đầu đến đuôi dài 8 thước để tượng trưng 8 tiết; đuôi dài 1 thước 2 tượng trưng 12 tháng; Mang thần cao 3 thước 6 tấc 5 phân để tượng trưng 365 ngày; cái roi làm bằng cành liễu dài 2 thước 4 tấc tượng trưng 24 khí trong một năm.

---

[1] Mang thần: thần Cưu mang, thần trông coi về mùa xuân, cây cối.

Đến ngày lập xuân thì Tổng đốc, Tuần phủ, Trấn quan cùng các quan văn, võ mặc áo mũ thương triều đem trâu đất và mang thần tới dàn làm lễ đón xuân, sau lại mang về dinh thự. Các quan đứng trước sân cầm roi đánh con trâu đất này 3 roi để tỏ ý khuyến khích cày ruộng.

Khi lễ đón xuân đã xong thì đem trâu đất và Mang thần năm trước chôn ở chỗ đất sạch sẽ.

Đầu năm, nhà Nguyễn còn có lễ "tế cờ đạo" (ngày trước gọi là "lễ xuất binh").

Vua không đứng tế nhưng phải phái một vị quan võ đại thần vào hàng nhất phẩm đại diện. Buổi lễ được cử hành lúc nửa đêm trên một nền đất cao tại cửa Nam ngoài kinh thành. Trên bàn hương án đề ba bài vị :

- Kỳ dầu đại tướng (viên tướng đi đầu cờ).
- Lục dạo đại tướng (các viên tướng của 6 cờ đạo).
- Ngũ phương kỳ thần (những vị thần cờ của 5 phương)

Ngoài ra, còn có các hương án phụ thờ các vị thần bảo hộ các chiến thuyền, các thần trông coi về xập xõa, trống còi, súng (thường là súng đại bác và các khí giới khác).

Lúc hành lễ có quân lính, voi, ngựa đàn hầu, lại có cả khẩu đại bác để bắn vào lúc kết thúc buổi lễ. Người ta cho rằng tiếng súng thần công bắn vào dịp tế thần Đạo kỳ có ý nghĩa đuổi tà ma ác quỷ. Cho nên những nhà gần kinh (Huế) mọi người đều sẵn sàng chuẩn bị trống, mõ, thùng sắt, roi dâu để khi nghe tiếng súng nổ là nhà nhà đều đánh trống, đánh mõ vang lừng, lấy roi dâu vụt tả, vụt hữu, đập

mạnh vào cửa, vào sàn nhà, phản ngựa để gây thêm cảnh huyên náo nhằm xua đuổi tà ma.

Từ triều Đồng Khánh về sau, các vua nhà Nguyễn lại có lễ "du xuân" trong 3 ngày tết. Chọn ngày, giờ tốt, vua ngồi lên kiệu cho quân lính cáng đi. Các quan văn, võ cùng một số lính tráng mang gươm giáo, cờ quạt theo sau hộ tống. Cứ vậy, vua được cáng đi một vòng quanh kinh thành và một vài nơi vua thích để vừa du xuân lại vừa xem dân tình ăn tết ra sao.

Phần bốn

TRÒ CHƠI NGÀY TẾT

Vui chơi là một nhu cầu thiết yếu của cuộc sống con người. Bởi vì vui chơi là giải trí, cân bằng lại sức lực và tâm lý sau thời gian làm việc mệt nhọc để sinh tồn. Ngày nay vấn đề này không còn là mới mẻ nữa, nhất là khi cuộc sống của thời đại công nghiệp vô cùng căng thẳng, thì nhu cầu giải tỏa sau giờ làm việc càng vô cùng cần thiết. Xưa kia, khi nhịp độ cuộc sống còn chậm chạp chưa phát triển thì lao động và trò chơi hoà lẫn với nhau, không có sự đối lập hay tách biệt là mấy. Sau này cuộc sống dần phát triển, trò chơi ngày càng tách khỏi các hoạt động lao động sản xuất để trở thành những môn thể thao thời hiện đại hoặc những trò chơi mang tính chất phong tục.

Chúng ta đều biết rằng, thủa ban đầu trò chơi thường là sự mô phỏng lại những hoạt động hàng ngày của con người như việc đi săn; việc lao động trên đồng ruộng, trên sông nước. Ngày nay nếu tìm kỹ các trò chơi trẻ em, ta còn có thể thấy được nhiều nét thơ ngây ngộ nghĩnh của bản thân loài người thuở sơ khai. Dần dần, qua quá trình sống những

trò chơi ấy được cách điệu lên trở thành những trò chơi đầy hứng thú truyền nối hết thế hệ này sang thế hệ khác. Đồng thời trên nền tảng của những trò chơi truyền thống ấy mà con người ở mỗi thời đại lại thêm bớt nâng cao nó cho phù hợp với nhu cầu đương thời. Mặt khác, người ta tạo ra trò chơi mới và cứ thế, cứ thế, trò chơi ngày càng phong phú và đa dạng.

Ngoài nhu cầu giải toả tâm lý, sau thời gian làm việc mệt nhọc, trò chơi còn giúp con người trong cộng đồng hòa nhập với nhau, hiểu biết nhau hơn và tạo nên sự đoàn kết trong mục đích chung vì sự tồn tại của họ. Qua trò chơi, nhất là những trò chơi tập thể, đã rèn luyện ý thức kỷ luật, ý chí thống nhất và sự tập trung cao về sức mạnh, ví như trò kéo co, hất phết... Mỗi một thành viên tham gia đều ý thức được rằng nếu không chấp hành một cách nghiêm túc kỷ luật, không có sự cố gắng đồng thời và chính xác của cá nhân mình cùng tập thể sẽ không có sự thắng lợi của cả đội. Từ đó tạo ra cho cá nhân một ý thức chung với cộng đồng ở bất cứ một công việc nào trong cuộc sống hàng ngày. Ở các trò chơi cá nhân là dịp rèn luyện sự kiên trì thông minh khéo léo của người chơi, đồng thời cũng tạo nên tinh thần độc lập trong công việc của mỗi cá nhân, từ đó phát huy được sáng tạo trong công việc.

Trò chơi cũng là nhu cầu giải trí thuần tuý của con người để chuẩn bị cho họ bước vào một thử thách mới đang đợi ở phía trước. Với một sự thoả mái về tinh thần và sức

lực cũng như tâm lý, người ta đón nhận những thử thách một cách bình thản hơn, không bị động vì hoảng sợ. Chơi cũng là dịp để con người hoà đồng với tự nhiên bao quanh mình, làm cho họ biết trân trọng và yêu mến nó hơn. Từ đó giữ gìn và bảo vệ nó để phục vụ cho chính cuộc sống của con người.

Khi xem xét một số trò chơi dân gian, lại thấy chúng có ý nghĩa tín ngưỡng. Thậm chí có rất nhiều trò thuần tuý chứa đựng yếu tố tín ngưỡng (và phần nào đó ma thuật) như trò múa mo ở Sơn Đồng (Hà Nội), trò cướp kén ở Dị Nậu (Phú Thọ) v.v... Đó là những trò chơi mang ước vọng của cư dân nông nghiệp (có nội dung là tín ngưỡng phồn thực) về một cuộc sống sung túc dầy đủ, con đàn cháu đống và lúa đầy bồ, ngô đầy nhà, gia cầm, gia súc đầy sân đầy chuồng. Người ta chơi để cầu nguyện, để khát khao. Qua những trò chơi ấy các nhà nghiên cứu sau này có thể tìm hiểu được quá trình phát triển văn hoá của những cộng đồng người đã sống trên mảnh đất này; góp phần tích cực trong việc tìm hiểu nguồn gốc dân tộc, nguồn gốc những phong tục tập quán của nhân dân.

Mặt khác, rất nhiều trò chơi còn ghi lại bóng dáng của lịch sử, ghi nhận những sự kiện, nhân vật hay một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc nào đó, như các trò đấu vật ở các lò vật nổi tiếng vùng trung du và vùng đồng bằng Bắc Bộ của người Việt; những trò gắn liền với các anh hùng một thời như Hất Phết Hiền Quan (Phú Thọ), bơi chải Yết

Kiêu (Hải Dương) hoặc các trò đấu vật. múa kiếm Liễu Đôi (Nam Hà)...

Đó là những nét khái quát về trò chơi mà ta thấy còn tồn tại ở nước ta. Qua việc nghiên cứu chúng có thể tìm hiểu được nhiều mặt như tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, tâm lý, lịch sử. văn hoá... Tuy nhiên, ở đây chúng tôi quan tâm chủ yếu đến trò chơi trong Tết Nguyên đán - tết cổ truyền của người Việt vào mùa xuân.

So với những dịp vui khác như lễ hội, hoặc những ngày làng vào đám, trò chơi ngày tết có phần đặc biệt hơn. Tuy rằng vẫn là những trò chơi ấy, cách chơi ấy nhưng ý nghĩa của nó trong ngày tết vẫn khác hơn. Mặt khác để phù hợp với điều kiện thời tiết khí hậu và xã hội cũng như tâm lý, vào dịp Tết Nguyên dán thường phổ biến một số trò chơi nào đó, chứ không thể là tất cả. Quan sát những trò chơi trong Tết Nguyên đán, ta thấy nổi bật một số nhu cầu sau:

Trước hết là nhu cầu giải trí. Trước đây, người nông dân quanh năm lam lũ, chỉ có ba ngày tết thư giãn trí lực. nên có thể nói đây là dịp tốt nhất để con người nghỉ ngơi giải trí. Xưa kia điều kiện sống còn khó khăn, cho nên người ta tích tụ cả năm để ba ngày tết được đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Dù làm ăn ở nơi xa, dù nghèo túng đến thế nào thì ba ngày tết cũng phải trở về đoàn tụ gia đình và lo cho cái tết được tươm tất. Câu cửa miệng của người Việt là đến tết, đợi đến tết hay để đến tết. Vào dịp đó người ta tạm quên đi

những vất vả lo toan thường nhật, tạm quên đi đói nghèo cơ cực và cả những xích mích mâu thuẫn trong năm. Nhu cầu giải trí sau khi được ăn no, ăn ngon khiến người ta muốn được chơi "cho xuôi cơm, cho chóng đói để ăn tiếp cho ngon" là một sự thật. Ít ra nếu không chơi thì xem người khác chơi, cổ vũ họ, hồi hộp thay cho họ cũng là một sự hoà đồng đầy hứng thú. Do vậy sau khi ăn uống người ta rủ nhau ra sân đình, hoặc đến những nơi công cộng hoặc tụ tập ở một gia đình nào đó để chơi.

Tiếp đến là nhu cầu giao lưu tình cảm giữa bạn bè và thân bằng cố hữu. Cả một năm lao động tất bật đầy lo toan nhân ngày tết, về quê người ta mới có dịp gặp người thân. Nhất là những người đi làm ăn xa thì chỉ có dịp tết mới là thời điểm chung có cơ hội quần tụ đông vui. Ngoài việc hàn huyên đủ mọi chuyện vui buồn trong suốt cả một năm bặt tin nhau, bên mâm cỗ tết, người ta còn tâm sự hoặc gặp nhau nơi xới vật của làng hay bên bàn cờ tướng hoặc sân gà chọi... Hứng khởi bạn bè có thể cùng tham gia vào một trò chơi vừa để vui vẻ vừa để thử tài nhau sau một năm xa cách mỗi người đã tiến bộ đến mức nào.

Ở đây thể hiện một nhu cầu khác đó là sự phô trương của một cá nhân trước cộng đồng. Đặc biệt đối với những nam thanh nữ tú, đây là dịp trổ tài trước làng xóm, trước những đối tượng của mình. Chàng trai tỏ rõ sức khoẻ, sự nhanh nhẹn, dũng cảm và mạnh mẽ trong trò chơi trước sự chứng kiến của các bạn gái. Các thanh nữ cũng vậy, qua các

trò chơi, các cô cố gắng phô bầy những nét đẹp, tính dịu dàng, tài khéo léo của mình trước các chàng trai và dân làng. Để từ đó cả hai bên ngầm ao ước, kén chọn lẫn nhau, tìm gặp nhau trong tâm tưởng. Các ông bố, bà mẹ nhân dịp này mà chọn dâu kén rể cho mình. Do vậy từ giao lưu đến giao duyên nam nữ là một bước gần gũi, thông qua trò chơi ngày tết. Chẳng thế mà vào dịp tết các cây đu, xới vật ở khắp làng quê xưa bao thanh niên nam nữ tham gia và cổ cũ các trai tài, gái sắc rất náo nhiệt.

Có một nhu cầu khác nữa trong dịp tết, nhu cầu này có lẽ làm cho việc tham gia chơi ở thời điểm này khác với những lúc khác, đó là chơi lấy may, lấy "khước". Ta biết rằng, tết là sự kết thúc của một chu kỳ vũ trụ, bốn mùa chu chuyển, cũng là chu kỳ làm ăn, sinh hoạt trong một năm để chuyển sang một giai đoạn khác, hoàn toàn mới. Các cụ thường nói vạn sự bắt đầu từ mùa xuân, mùa sinh sôi, nếu sự mở đầu suôn sẻ, ắt cả năm sẽ được thuận buồm xuôi gió. Do vậy vào dịp tết và đầu xuân có rất nhiều những kiêng kỵ, những tín ngưỡng cầu cho được điều ấy. Trò chơi cũng đóng một vai trò không nhỏ vào việc này. Sự thắng lợi hay thất bại của các cuộc chơi thường làm cho người ta liên tưởng đến bước đường sắp tới. Nếu thắng nghĩa là đã may mắn và hy vọng vào một năm mới đầy hứa hẹn, còn thua là để cho người ta cẩn thận hơn. Tất nhiên đó chỉ là vấn đề tâm lý, song đôi khi nó cũng thành động cơ chi phối khá mạnh hoạt động của mọi người. Cho nên người ta cố gắng

chơi ở nhiều trò để chỗ này thua thì chỗ kia có thể thắng, để tinh thần bình ổn và dịu đi phần nào nỗi lo nếu chẳng may thất bại. Thực tế cho thấy nhu cầu này tới ngày hôm nay vẫn còn mang tính thời sự của nó. Bởi sự cầu mong phát đạt, khoẻ mạnh mở đầu cho năm mới vẫn là niềm ấp ủ chính đáng của bất cứ ai. Như vậy ta thấy rằng tâm lý cầu may được thể hiện khá rõ các trò chơi ngày tết. Ước vọng thắng để lấy may rõ ràng là một ước vọng phổ biến và bình thường ở mỗi người.

Trình bày tất cả những điều trên đây để chúng ta có một cái nhìn khái quát trước khi bước vào những trò chơi cụ thể trong ngày tết. Dưới đây chúng tôi chỉ xin giới thiệu một số trò chơi phổ biến trong dịp tết của người Việt. Chủ yếu là các trò chơi dân gian đã được hình thành từ lâu đời ở các làng quê Việt Nam. Ngoài ra, ở một chừng mực nào đó là những trò chơi mới xuất hiện theo năm tháng phát triển của cuộc sống.

I. CHƠI ĐÁO

Là trò chơi rất phổ biến ở khắp các vùng quê xưa. Thú vui đánh đáo không chỉ hấp dẫn trẻ em mà cả đối với người lớn bởi nó thể hiện sự khéo léo của người chơi và lại còn có tâm lý ăn thua kích thích dù chỉ là rất ít. Ngày tết, trẻ em được người lớn mừng tuổi một chút tiền và cũng được phép tiêu tiền nên dùng nó vào các trò chơi như "đánh đáo" ăn tiền là rất hấp dẫn.

1. Đáo lỗ

Trò chơi rất đơn giản, có thể chơi bất kể ở một chỗ đất bằng phẳng nào đó. Số lượng chơi có thể 3 đến 5 người. Tuỳ theo quy định của những người chơi mà khoét lỗ. Dễ thì khoét lỗ to có thể vừa đồng xanh xăng cũ (đồng năm xu), khó thì khoét lỗ nhỏ hơn như đồng hai xu, thậm chí một xu. Ngoài lỗ đáo là vạch qui định để những người chơi từ đó mà ném về phía lỗ đáo. Vạch này xa hay gần lỗ đáo cũng do những người chơi tự quyết định, càng xa thì càng khó.

Tuỳ theo những người chơi thoả thuận với nhau về mỗi lần ra tiền. Có thể chơi năm xu, một hào hay năm hào hoặc nhiều hơn nữa. Mỗi người cùng bỏ số tiền đó ra tập trung lại để để chơi hay cũng có thể qui định như vậy rồi chồng tiền bên cạnh, còn người chơi thì dùng một đồng xu nặng lần lượt đi. Việc ai được đi trước hay đi sau cũng được tính lần lượt theo mức độ di "lấy cái" (quyền đi trước) của từng người, ai hơn thì được đi trước.

Người được đi đầu tiên cầm tất cả số tiền xu ấy đứng ở mốc vạch và thảy chúng về phía lỗ. Đồng xu nào trúng vào lỗ thì người ấy được ăn. Rồi, người ấy cầm đồng xu cái thảy trúng thì người đó được ăn thêm đồng xu đó. Nếu chỉ định "lỗ", người chơi phải thảy đồng cái đúng lỗ. Riêng vào được lỗ sẽ được ăn gấp đôi gấp 3 tuỳ luật chơi (tự định với nhau). Còn nếu không vào được lỗ hoặc không thảy trúng đồng xu chỉ định thì thôi. Song nếu lại chạm vào đồng xu

khác thì phải phạt (bù xu mình ra, theo quy định của luật). Người ta chỉ chỉ "lỗ" khi quanh lỗ có một vài đồng xu như ngăn chặn. Vì cái thảy không trúng lỗ thì dễ chạm mấy đồng xu kia.

Cứ như vậy, lần lượt tới người tiếp theo, đến khi nào không còn xu nữa thì hết ván. Người ta lại góp để chơi ván mới. Sang ván mới có thể thoả thuận góp thêm tiền hoặc khoét lỗ đáo nhỏ hơn (để khó vào hơn) hoặc to hơn (để dễ vào hơn)... theo phương châm "dễ người dễ ta, khó người khó ta". Hoặc đứng xa hơn.

Chơi đáo lỗ đòi hỏi người chơi phải biết khéo léo xếp các đồng xu chồng nhau sao cho khi tung về phía lỗ đáo nó không bị bung ra, mà cùng chụm lại rơi vào lỗ, chứ không thẳng từ trên xuống thì có thể vào lỗ rồi lại bật ra. Động tác tung các đồng xu về phía lỗ đáo cũng vậy, phải biết ước lượng độ dài của đoạn đường từ vạch đứng đến lỗ đáo và lực dẫy sao cho đồng xu rơi đúng lỗ nhưng lúc đó lực đẩy cũng yếu đi để không vào lỗ rồi mà lại bật ra do mạnh quá.

Chính vì thế mà càng kích thích người chơi bởi sự khéo léo và hấp dẫn của nó. Khi thì đồng xu mấp mé cạnh miệng lỗ, lúc vào rồi mà lại bật ra v.v... do đó người chơi muốn thử vận may với sự điều chỉnh rút kinh nghiệm của lần trước.

Ở Miền Trung, đáo lỗ có cách chơi khác, thường gọi là "đánh đáo". Khuôn đáo là một hình bán nguyệt được vẽ dưới đất không lớn lắm (đường kính khoảng ba tấc). Phía

trên đường kính khoét một lỗ nhỏ để có thể lọt hòn đáo. Hòn đáo là một khối lăng trụ có đường kính 2cm, cao 1,5cm, giữa tâm có thông một lỗ nhỏ dọc theo chiều cao.

Một bàn đáo có thể có từ hai đến nhiều người luân phiên chơi. Người chơi đứng ở vạch cấm cách khuôn đáo từ hai đến ba mét tung nắm tiền vào khuôn đáo. Nếu những đồng tiền ấy có chồng lên nhau trong khuôn đáo (có thể chồng hai, chồng ba, chồng tư) thì người chơi được quyền ưu tiên đánh cho tan những đồng tiền chồng lên nhau đó. Đánh tan những đồng tiền chồng lên nhau đó mà hòn đáo không chạm vào các đồng tiền khác thì thắng cuộc.

Nếu trong khuôn đáo không có tiền chồng nào thì người chơi đáo phải đánh những đồng tiền nào đó hay phải thảy đáo vào lỗ theo lệnh của người cầm cái. Đánh hòn đáo ng vào đồng tiền cái cho phép hay thảy hòn đáo vào lỗ òn đáo không va chạm những đồng tiền khác là thắng . Đây chính là điểm khó khăn của người đánh đáo, khó n này càng khó hơn khi lệ chơi cho phép người cầm cái ng toàn bộ những đồng tiền rơi vào lỗ và lăn ra ngoài khuôn đáo để làm tiền xỉa. Xỉa là cầm những đồng tiền sắp chồng lên nhau, xỉa quanh những điểm người chơi được phép đánh (chồng hai, chồng ba...) hoặc quanh những điểm mà người cầm cái sẽ quyết định cho người chơi đánh; quanh một đồng nào đó trong khuôn hoặc sát lỗ. Mục đích của việc xỉa là làm cho điểm đánh trở nên rối rắm hơn khiến người đánh không khéo hòn đáo sẽ dụng vào những

đồng khác, tức là phạm lỗi và phải nhường lại cho người khác đánh.

Việc ăn thua do những người chơi qui định. Có thể một cái búng tai, một cái đục đầu gối, vài sợi thun hay tiền bạc.

2. Đánh đáo

Có rất nhiều kiểu chơi, ở đây xin giới thiệu một số kiểu tiêu biểu.

a) Đánh trúng

Trên một khoảng đất bằng, người chơi vạch hai đường thẳng song song cách nhau từ 15 - 20 cm. Trong lòng hai đường thẳng sẽ là chỗ để chơi.

Cách chơi: Hai hay ba người tập hợp nhau thống nhất cùng chơi mỗi lần bao nhiêu tiền và được thể hiện bằng bao nhiêu đồng xu (ví dụ: 4 đồng năm xu, 2 đồng năm xu hay đồng một hào...) Sau đó đi lấy cái xem ai đi trước ai đi sa Cách hai đường thẳng song song 1,5 hoặc 2 m là vạch mế để đánh đáo. Lần lượt đứng từ vạch mốc cầm đồng xu hoặc đồng cái mỗi người đi lấy cái. Đồng xu của ai sát vạch trên của 2 đường thẳng song song nhất thì người đó được đi trước, thứ tự lần lượt theo đó mà tính ai trước ai sau.

Người được cái cầm tất cả số tiền của những người cùng chơi góp, tung làm sao cho các đồng xu rơi rải rác trong lòng hai vạch. Nếu có một đồng rơi dưới vạch dưới thì mất lượt hoặc tất cả vượt lên vạch trên cũng mất lượt. Còn nếu một số ở trong hai vạch, một số ở ngoài vạch trên thì vẫn được chơi.

Nếu là ba người chơi thì hai người còn lại phải thống nhất chỉ một đồng xu nào đó trong lòng hai vạch cho người chơi cầm quân cái đứng từ vạch mốc đánh trúng vào đồng xu được chỉ định thì người chơi được ăn cả. Không trúng thì đến lượt người tiếp theo.

Trong lúc đánh nếu người cầm cái ném trúng đồng xu do hai người cùng chơi chỉ những đồng xu nào đó bắn ra khỏi hai vạch hoặc đồng cái động vào những xu khác thì cũng mất lượt. Vì thế những người cùng chơi thường chỉ định những đồng xu nằm sát nhau cho người cầm cái khó đánh. Còn người cầm cái đánh được những ván đó được coi là người có tài mổ cò (cầm nghiêng đồng cái). Nếu trong số những đồng xu rải rác trong lòng hai vạch song song ấy mà có hai hoặc ba đồng chồng lên nhau thì người cầm cái chỉ việc đánh tan hai đồng đó tách khỏi nhau là được ăn, mà không phải đánh đồng xu do những người chơi còn lại chỉ định. Trường hợp có nhiều cặp chồng lên nhau thì những người cùng chơi được quyền gộp chúng lại làm một chồng, người cầm cái phải đánh tan chồng đó mới được ăn.

Sau khi tan, các đồng ấy không được chạm hoặc đè lên các đồng còn lại. Đồng thời những đồng xu trong chồng ấy không được bắn ra khỏi cả vạch trên lẫn vạch dưới. Vì vậy khi có nhiều cặp xu chồng nhau, nhưng lại rải dài ra cạnh các đồng xu còn lại làm cho người cầmcái rất khó chơi. Cứ như vậy trò chơi kéo dài đến khi nào những người chơi hết tiền hoặc thấy chán thì thôi.

b) Đánh bật

Cách chơi cũng như trên, song lần này người cầm cái phải đánh bật đồng xu được những người chơi còn lại chỉ định. Đồng xu ấy phải được đánh bật ra khỏi khu vực giữa hai đường song song và bật lên vạch kẻ trên chứ không phải vạch kẻ dưới. Như vậy là người chơi được ăn toàn bộ các xu khác. Và cuộc chơi mới lại bắt đầu.

c) Đáo tường

Lợi dụng một mặt tường nhà hay một tường sân, vườn hoặc một tấm bảng gỗ lớn cũng được. Những người chơi có thể từ hai đến năm người là nhiều. Vạch một đường kẻ song song với chân tường cách khoảng 50 đến 80cm gọi là vùng cấm. Người chơi dùng hết sức lực đập mạnh đồng xu vào tường cho nó bật càng xa tường bao nhiêu càng tốt bấ nhiêu. Ai xa nhất là người được quyền đánh. Lấy chín đồng xu ấy nhằm vào đồng xu của người sau mình, nếu ném trúng thì được ăn và được đánh tiếp, nếu không ném trúng thì người vừa bị ném được phép nhằm vào người dưới mình mà đánh, trúng thì ăn và được đánh tiếp, không trúng thì người vừa bị đánh lại được làm như hai người trên cho đến hết. Sau đó tiếp tục chơi ván thứ hai.

Trò chơi này thú vị ở chỗ là khi thấy người đi trước bật được quá xa rồi, biết mình không thể vượt được thì người sau tìm cách trốn tức là tránh xa một đoạn và đập xu cho thật gần để người kia không thể ném trúng xu của mình. Vì

thế mà phải có vạch qui định độ cách tường nhất định, để người đi sau khỏi chạy quá xa.

Nhìn chung, đáo lỗ và đáo tường là hai trò chơi rất phổ biến và vô cùng phong phú ở các làng quê Việt Nam xa xưa cũng như nay. Ở mỗi nơi, trên cơ sở trò chơi như vậy mà trẻ em có thể nghĩ sao cho rất nhiều cách chơi, kiểu chơi khác nhau sao cho khó ăn và tạo nên sự hấp dẫn của trò chơi. Đồng thời qua đây cũng cho thấy sự khéo léo chính xác của bàn tay và đôi mắt ước lượng khoảng cách xa gần của người chơi là dịp rèn luyện tài năng đó của trẻ em, những thành viên tương lai của cộng đồng. Ngoài ra, còn rất nhiều trò chơi đáo như đáo đĩa, đáo cọc, đáo đá, đáo tây, đáo hú... mà ở mỗi vùng đo sự tưởng tượng của trẻ em cũng như người lớn nghĩ ra để chơi trong các dịp tết, dịp hội.

CHƠI BI

ơi bi là một trò chơi rất phổ biến của trẻ em trong cả Với những hòn bi tròn xoe bằng đất nung hoặc bằng tinh trong veo có vân đủ màu sắc trên tay, trẻ ở mỗi ơi có một cách chơi riêng thật phong phú và đa dạng. Dưới đây là một kiểu chơi.

Số người chơi có thể từ hai đến năm người, chọn một chỗ đất bằng phẳng hay trên sân nhà lát gạch cũng được. Vẽ một hình tròn to, nhỏ tùy ý thích của người chơi, càng nhỏ càng khó chơi. Hình tròn đó gọi là "lồ". Cách lồ khoảng 1m đến 1,2m người chơi vạch một đường mốc, đó là giới hạn

của khu vực chơi. Người chơi chỉ được bắn bi xung quanh lồ và hết giới hạn vạch mà thôi.

Cách chơi: Đầu tiên là lấy cái. Tất cả những người chơi đều đứng từ lỗ bắn bi của mình về phía vạch. Ai sát vạch nhất (phía dưới) thì được làm cái, lần lượt xếp thứ tự những người đứng sau người cái. Ai để bi bắn ra ngoài vạch (phía trên) là bét hoặc phải đi lại.

Sau khi đã phân định rõ ai là cái và những người tiếp sau đó, mọi người lần lượt ngồi từ vạch đã qui định bắn bi vào lồ. Nếu người cái bắn bi trúng lồ trước thì những người kia phải tự tìm cho mình chỗ ẩn náu, nhưng chỗ ấy không được ngoài vòng phạm vi đã quy định. Người cái sẽ tự miệng lồ mà nhìn thế trận những người còn lại xem vị trí của họ ở đâu để bắn ai trước, ai sau. Nếu bắn trúng một bi của người này thì được ăn bi đó và tiếp tục bắn bi của người khác. Do đó người cái phải chọn xem nên bắn bi nào trước mà khi trúng bi ấy lại tiến gần đến bi thứ hai, thứ ba, như vậy xác suất ăn sẽ cao hơn. Nếu bắn khôn trúng thì người có lượt xếp sau người cái được đi. Ngư đó cũng phải bắn bi của mình vào được lồ đã rồi mới b bi của những người khác.

Trường hợp người cái đi đầu tiên nhưng không trúng được lồ thì giữ nguyên vị trí hòn bi của mình ở chỗ nó đến. Người thứ hai tiếp tục bắn bi từ vạch vào lồ. Nếu trúng lồ thì được quyền bắn bi của người cái ở quanh đó, còn những người khác thấy vậy cũng phải tìm chỗ náu cho bi của mình.

Trường hợp người thứ hai cũng không vào được lỗ thì cũng giữ nguyên vị trí bi của mình để người thứ ba đi lượt của mình. Người thứ ba vào được lỗ (nếu chơi ba người) thì sẽ là người lý tưởng nhất bởi vì sẽ được bắn bi của hai người kia khá gần. Nếu tất cả đã đi rồi như vậy mà người thứ ba vào được lỗ, song lại không bắn trúng bi của người thứ nhất hoặc thứ hai (tùy anh ta chọn theo độ gần của bi chứ không phải theo thứ tự nữa), thì người vừa bị anh ta bắn sẽ được quyền bắn tiếp người còn lại. Vẫn không trúng thì đến lượt người còn lại bắn lại hai người vừa bắn. Nghệ thuật (và kỹ nghệ) để dễ vào lỗ là biết "xoáy" bi, tức bắn bi tới đúng lỗ, bi đứng lại và xoáy tròn tại chỗ.

Cứ như vậy lần lượt cho đến hết ván. Trường hợp không bắn trúng được nhau hết vòng và xem chừng cuộc chơi không có kết quả thì cùng hòa để chơi ván mới.

II. BỊT MẮT BẮT VỊT

Ngày tết hầu hết các làng Việt xưa đều có các trò vui để cả làng cùng chơi lấy may, lấy khước, để vui vẻ và "cho nhiều cơm". Trò bịt mắt bắt vịt là một trò chơi khá phổ biến và đáp ứng được những điều đó.

Tất cả những người chơi và người xem tập trung một tại bãi đất rộng quây thành một vòng tròn. Ai muốn tham gia bắt vịt thì đăng ký với ban tổ chức.

Người ta chọn những con vịt to, khỏe để chúng có thể chạy và bay nhanh được làm người bắt khó bắt thì cuộc

chơi mới vui. Thường quy định một buổi sáng bắt hai hoặc ba con là hết.

Lần lượt hai người một lần chơi. Hai người chơi bị bịt chặt mắt và đưa vào vòng tròn. Người ta thả vào vòng tròn một con vịt. Trước đông đảo mọi người con vịt sợ hãi kêu và bay, chạy loạn xạ. Người bắt vịt cứ theo tiếng vịt kêu mà chạy theo bắt. Vì bị bịt mắt mà vịt lại chạy lung tung cho nên người bắt lúc thì vồ vào khán giả, lúc lại vồ lẫn nhau tạo nên những chuỗi cười rất sảng khoái. Để bắt được vịt khi nghe thấy tiếng kêu người bắt phải nhanh chóng đến gần và theo đó mà phán đoán vị trí của vịt mà lao vào vồ. Giữa tiếng ồn ào gào thét và bàn tán của người xem, thật khó mà phán đoán được chính xác hướng đi của vịt nên vồ trượt là chuyện bình thường. Nhất là khán giả lại cố tình trêu người bắt toàn mách nước giả nên cuộc chơi càng vui.

Người bắt vịt nếu thấy mệt mỏi và không có khả năng bắt thì có thể nên bỏ cuộc để thay người khác. Nếu vịt bị bắt thì cuộc chơi kết thúc, hai người khác được thay và lại thả một con vịt mới vào vòng chơi.

Điều thú vị của trò này là ngoài tiếng trống, tiếng ồn ào của hàng trăm người xem người chơi phải tìm ra hướng vịt chạy, thứ nữa là khi đã quá mệt con vịt không còn sức kêu nên chỉ luồn lách, người bắt phải hết sức chú ý lắng nghe và phán đoán ra nơi lê, nơi chạy của nó.

Phần thưởng thường là con vịt bị bắt, cũng có nơi trao giải thưởng khác. Để cuộc chơi thêm phần khó và thú vị có nơi

người ta thay vịt mới khi vịt cũ đã quá mệt. Như vậy làm người bắt lại càng khó khăn hơn, cuộc chơi càng hấp dẫn hơn. Thậm chí còn cử một người đánh trống bỏi đi bên cạnh người bắt để gõ, làm người bắt khó phát hiện tiếng vịt.

IV. BẮT VỊT DƯỚI AO

Vào những năm tết ấm trời, một số vùng quê tổ chức bắt vịt dưới ao. Người ta chọn một khoảng ao sâu, bờ cao hoặc dùng lưới hay tre quây xung quanh. Nhưng thường chọn một ao sâu vuông vắn có bờ bọc bốn bên. Trên đó người xem quây kín thành một hàng rào bao bọc. Người chơi từ 2 đến 4 người tùy theo diện tích của ao rộng hay hẹp. Người ta thả xuống ao hai con vịt to khỏe và lần lượt 2 hoặc 4 người đăng ký xuống bắt.

Trò chơi này người chơi không bị bịt mắt nhưng lại đòi hỏi nhanh nhẹn và bơi giỏi. Mặt khác một mình ở đây rất khó bắt nên họ thường kết hợp với nhau thành cặp để kẻ dồn, người đuổi mới ăn ý và lừa bắt được vịt. Những người bắt hụp lặn, bơi đuổi nhiều lúc tưởng như sắp tóm được con vịt thì ngoắt một cái chú vịt đã lặn mất và nhô lên ở chỗ khác trước sự hồi hộp của người xem. Cứ như vậy người và vịt đuổi nhau trong tiếng cổ vũ của những người trên bờ làm tan biến cả cái lạnh đầu xuân.

Muốn bắt được vịt những người bắt đều phải bơi giỏi và phục từ các phía để làm cho con vịt thật mệt, có như vậy mới có thể tóm được chú vịt. Vì thế cuộc vây bắt diễn ra vô

cùng sôi nổi và náo nhiệt, lại không kém phần hồi hộp và hấp dẫn.

Trò chơi kết thúc khi vịt bị bắt.

V. BỊT MẮT BẮT DÊ

Cũng trên một sân cỏ hoặc sân gạch, người chơi quây xung quanh làm vòng tròn. Trò chơi chủ yếu là vui, tùy chỗ cũng có thể treo giải thưởng. Những người chơi đăng ký và được chia thành các cặp. Mỗi cặp lần lượt và sân chơi.

Người ta bịt mắt hai người thật chặt. Một trong hai người làm dê, người kia làm người bắt. Người làm dê có nhiệm vụ trong quá trình chạy trốn thỉnh thoảng phải làm hiệu để bắt biết mà đuổi. Tiếng hiệu đó có thể dùng còi, có thể hú lên. Thường thường người ta dùng tiếng hú hay bắt chước tiếng dê "bc be". Bởi vì như vậy khán giả bên ngoài cũng góp vui bằng cách giả tiếng người đóng dê, đánh lạc hướng người đuổi bắt. Cho nên có lúc người đuổi bắt tưởng nhầm tiếng dê mà lao vào ôm chầm lấy khán giả nơi phát ra tiếng dê giả. Bên ngoài mọi người cũng trổ hết tài năng để lừa người đuổi bắt làm sao tạo ra những pha gây cấn và tức cười. Ví như một người bắt chước tiếng người đóng dê đứng cạnh một bà già hay một cô gái lừa gọi bắt, làm anh ta lao vào ôm chầm lấy bà già hay cô gái nọ, gây ra những trận cười thú vị. Trong tiếng trống ngũ liên, tiếng cười, nói, gọi của hàng trăm người xung quanh làm sao phát hiện ra tiếng dê để đuổi bắt là một việc đòi hỏi sự nhanh, nhạy và khéo léo.

Đôi khi cả người và dê đứng cạnh nhau hoặc quay lưng sát nhau mà không biết, vừa chạm vào nhau là vội vã tháo chạy và đuổi bắt. Thậm chí một số nơi còn cho phép một vài khán giả ở bốn góc nhảy vào sân để lừa người bắt hay dọa dê làm cuộc chơi càng nồng nhiệt hơn.

Trò chơi kết thúc khi dê bị bắt. Có nơi thay vào người đóng dê là một con dê thật.

VI. CHƠI ĐU

Từ trong tết bên cạnh đình hay một thửa ruộng rộng rãi, khô ráo người làng đã chuẩn bị các cột đu. Có làng lớn làm tới một vài cây để người chơi được thoải mái. Người ta chọn cây tre to, dài, khỏe để trồng đu. Một cây đu có thể được trồng bởi 4 đến 6 cây tre. Thậm chí để bảo đảm chắc chắn người ta trồng chụm tới 8 cây tre to. Như vậy có thể cho hai người to khỏe nhún thật cao mà không ảnh hưởng gì. Cần đu cũng là những cây tre dài nhưng thon thả (thường phải là tre đực) để lúc, người đu nắm vào cho gọn và chắc, tránh xảy ra trượt hay tuột tay lúc đu nhanh, mạnh.

Tùy theo sở thích mà người ta đu một hay đu đôi. Khi một người lên cần đu có thể nhờ một người khác đẩy cho mình có đà. Sau đó là tự người đu nhún tùy ý. Đẹp nhất là đu đôi, các đôi trái gái ưng ý lựa chọn nhau lên đu, người nhún người đẩy cho cần đu vút lên cao trong sự thán phục của mọi người. Những người đu giỏi và mạnh dạn có thể nhún cần đu vút lên cao ngang ngọn đu, thậm chí quay

thành một vòng tròn càng thú vị. Những người đứng dưới vừa bàn tán bình phẩm các cặp đu. Nhiều nơi người ta treo giải thưởng ở ngang ngọn đu gần tầm người đu đẩy cần đến thì lấy được giải như vậy khuyến khích các chàng trai cô gái trổ tài.

Tài năng, sắc đẹp và lòng dũng cảm của các cô gái, chàng trai được phô bày ở đây như một dịp tự thể hiện bản thân. Hòa với mùa xuân là sắc màu áo quần ngày tết của mọi người làm cây đu thêm phần hấp dẫn. Thêm nữa, trai gái đến đây đầu xuân không chỉ vì cây đu, mà còn mượn cây đu làm nơi gặp mặt giao lưu tình cảm và " tìm duyên" nhân dịp xuân mới.

Cũng như một số trò chơi khác, trò chơi đu rất phổ biến trong các vùng quê từ Bắc chí Nam như đu tiên, đu ngóc v.v... tùy theo lối chơi và phong tục của mỗi vùng quê. Chơi đu " nhún đu" là trò chơi khỏe, đẹp và dũng cảm mà trai gái làng" rất thích. Bởi khi "cách đu bay bổng tuyệt vời" rồi, thì đôi trai gái lên đu này phải đứng áp mặt vào nhau, và đôi chân thẳng, đôi tay vững vàng, vẻ đẹp của cuộc chơi thật lôi cuốn bởi:

"Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Đôi hàng chân ngọc duỗi song song"

đúng như Hồ Xuân Hương đã miêu tả vậy.

VII. LEO CẦU LẤY THƯỞNG

Trò chơi rất đơn giản mà không kém phần thú vị. Người ta lựa một bờ đất cao trên một hố đất rộng, bắc một đoạn tre

làm cầu. Đoạn tre ấy một đầu nằm ghếch trên bờ đất, đầu kia buộc vào một sợi thừng (hoặc chão), dây ấy buộc vào một chiếc cột được chôn vững chắc. Làm sao để chiếc cầu ấy đung đưa khó đi nên đoạn tre càng khúc khuỷu càng tốt. Người ta treo ngang các giải thưởng trên cột nơi buộc đầu dây. Để khó hơn nữa nhiều làng lấy bờ ao làm chỗ chơi, tạo cho trò chơi càng thú vị hơn.

Những người tham gia lần lượt đăng ký theo thứ tự. Đến lượt ai người đó leo cầu lấy thưởng. Có người mới leo được hai ba bước thì cầu bùng bình, anh chàng sợ ngã đã lộn trở lại, bỏ cuộc. Có người nhẹ nhàng lựa kỹ từng bước cho cầu khỏi rung, nhưng càng ra xa càng đung đưa, chập chờn và rung mạnh trước sức nặng dần của người leo, làm người ấy chới với không lấy được thăng bằng nên phải nhảy xuống, bỏ cuộc. Nếu là bờ ao, ở dưới có nước thì người ấy lăn tùm xuống nước trước tiếng reo vui của người xem trên bờ. Trời lạnh mà người ngã lại ướt như chuột lột làm trận cười càng khoái trá. Có người ra tới nút đầu cầu lấy được thăng bằng nhưng khi vừa với tay giật giải thưởng thì loạng choạng lăn tùm xuống ao. Cuộc chơi lại càng hấp dẫn và kích thích sự hiếu thắng của mọi người. Một người khác thì chạy thật nhanh ra hòng giật giải rồi chạy vào ngay, nhưng vì quá nhanh nên cầu rung càng mạnh nên ra gần đến nơi lại vội vàng bỏ cuộc, mà có khi vẫn ngã, rơi tõm xuống nước !

Cứ như vậy trò chơi kéo dài tới khi hết các giải treo trên đó. Nếu không hết lại tiếp tục để hôm sau.

VIII. ĐẤU VẬT

Đấu vật là một trò chơi khỏe, thượng võ lại là một môn thể thao rất nổi tiếng vào các dịp tết dịp hội ở các làng Việt. Ở Việt Nam ta ngoài đấu vật ngày tết còn có nhiều hội vật như hội vật võ Liễu Đôi, Hà Nam, hội vật Mai Động, Hà Nội v.v... Xưa kia Bắc Ninh, Phú Thọ có những lò vật và những đô vật nổi tiếng cả một vùng trong nhiều năm.

Giải vật vào dịp tết của các làng cũng không kém phần sôi động. Có khi là của làng, có khi mời cả các đô vật ở các vùng xung quanh hoặc tỉnh xa đến giật giải của làng mình vừa để gặp gỡ học hỏi lẫn nhau, vừa để đua tài. Để khuyến khích tài năng cũng như sự rèn luyện của trai tráng, nhiều làng đã treo giải vật rất cao trong ba ngày tết. Tục xưa người ta treo giải bằng tiền, bằng mâm đồng, nồi đồng hay một số thứ quí khác. Điều đó động viên, lôi cuốn các đô vật rất nhiều. Nhưng giải cao hơn cả đó là sự thể hiện sức mạnh của các chàng trai trước dân làng hoặc dân làng tổng và nhất là trước các cô gái đang tìm người bạn đời cho mình.

Qui định chung của cuộc đấu là người chiến thắng phải vật cho đối phương thua trắng bụng (ngã ngửa ra đất) hay nhấc bổng được đối phương lên.

Trong môn vật này không chỉ đòi hỏi sức khỏe mà sự mưu trí và nhanh nhẹn đóng góp phần đáng kể. Về kỹ thuật cũng có những "miếng" riêng của nó như đệm, bốc, ghì v.v... mà tùy theo từng hoàn cảnh và điều kiện đô vật

phải biết lợi dụng triệt để các thời cơ quật ngã hay bê bổng đối phương.

Cách tổ chức cũng có các loại như đấu loại, vào bán kết, chung kết và các giải thưởng chia nhất, nhì, ba. Người thắng giải nhất phải là người vô địch vật thắng tất cả những người dự giải năm đó.

Trong tiết trời se lạnh, các đô vật mình trần, đóng khố bao, da bánh mật, đôi tay bắp thịt nổi cuồn cuộn, đi những đường múa đầu tiên đến trước lễ đài vòng tay cáo trình thánh, rồi chào khán giả và bước vào xới vật với những đường vờn, lừa miếng, động tác giả... thể hiện rõ sức khỏe tráng niên, lòng tự tin của họ. Ban tổ chức và giám khảo là các cụ già, những cựu đô vật rất am hiểu luật lệ. Những người giật giải vô cùng hân hoan trước đông đảo dân làng và biết bao cô gái đứng quanh trong tiếng trống, tiếng cổ vũ nồng nhiệt của mọi người. Vì thế xới vật ngày tết luôn luôn là nơi thu hút trai tráng đến đây thử tài, đọ sức.

IX. KÉO CO

Là một trò chơi thu hút được rất nhiều người cùng tham gia một lúc, vừa có tác dụng rèn luyện sức khỏe lại vừa vui vẻ, thoải mái. Nó đã trở thành trò chơi tập thể, phong tục phổ biến ở nhiều nơi trong nước ta.

Cách chơi đơn giản, số người chơi bao nhiêu tùy ý, chia làm hai phe bằng nhau. Có khi mỗi phe là trai đinh của một giáp.

Chỉ cần có một bãi rộng hay sân hoặc một đoạn đường là có thể tổ chức chơi. Dụng cụ để chơi là một sợi dây thừng, dây chão, đoạn dây song hay thậm chí một sào tre dài đã được vót nhẵn. Cũng có thể không cần gì mà tất cả những người chơi ôm chặt lưng nhau, còn hai người đầu hàng của hai phe phải nắm tay nhau cho chắc là có thể kéo được.

Giữa sân người ta chọn một điểm làm mốc đánh dấu vạch vôi để bên nào kéo được đối phương sang qua vạch mốc về phía mình là bên đó thắng. Vạch mốc ấy cũng rất đa dạng tùy theo từng địa phương: có thể là một chiếc cột chôn xuống đất rồi buộc dây vào đó, cột nghiêng sang bên nào bên đó thắng; cũng có nơi người ta đục lỗ cột rồi luồn dây qua đó đánh dấu, nghiêng về phía nào thì phía đó thắng hoặc cũng có thể quy định bên nào kéo được đối phương sang hẳn phía mình mới thắng...

Người chơi cũng có thể linh hoạt theo nhiều kiểu. Có thể nam kéo với nam, nam kéo với nữ, nữ kéo với nữ, hoặc tất cả già trẻ nam nữ cùng kéo hoặc người của giáp này kéo với giáp kia, xóm này kéo với xóm kia v.v...

Cách kéo cũng vậy, có thể kéo đứng, mà cũng có thể kéo ngồi đạp chân xuống đất cho có sức, số người không hạn chế, miễn là hai bên số lượng bằng nhau.

Cầm chịch cho trò chơi có trọng tài là các già làng cao tuổi có kinh nghiệm và uy tín.

Trong tiếng trống, tiếng mõ và tiếng người reo vui, trò

chơi được bắt đầu. Cả hai người đều ra sức khéo về phía mình để dành phần thắng lợi. Cổ động viên của cả hai bên gào thét, chạy đi chạy lại cổ vũ rất náo nhiệt, một số nơi như Thạch Bàn (Hà Nội) người cổ vũ còn lấy khăn lau mồ hôi, đưa nước cho những người kéo để động viên cổ vũ họ. Dân chúng la hét, hò reo...

Không khí đua tài bao trùm lên cuộc chơi làm bên nào cũng náo nức, cố gắng. Đôi khi bỗng nhiên dây bị đứt cả hai bên do cố quá sức cũng lăn chổng kềnh, tất cả tạo nên một trận cười sảng khoái. Sau đó lại bắt đầu kéo tiếp.

Thường thường trò chơi tiến hành trong ba keo, bên nào thắng hai keo thì được thưởng. Phần thưởng không quan trọng bằng không khí vui vẻ cùng ý chí quyết đấu của hai phe và tinh thần đoàn kết của dân làng.

X. CHỌI GÀ

Là một thú chơi tao nhã vừa có tính tiêu khiển lại vừa khuyến khích việc chăn nuôi của nhà nông xưa. Đó là một thú chơi mà hầu hết ở các ngày tết, ngày hội trong các làng đều có. Nhiều làng nổi tiếng vì chơi gà chọi như Đình Bảng (Bắc Ninh), Thổ Hà, Yên Phụ (Yên Phong) hay một số nơi thuộc Hà Nội...

Trò chơi gà chọi đòi hỏi một sự kỳ công lớn của người nuôi từ việc chọn gà giống phải là gà chọi "nhà nòi"! Lựa chọn kỹ gà bố, gà mẹ rồi đến khi trứng nở ra gà con lại được chọn lựa kỹ càng trong quá trình nuôi dưỡng chúng từ dáng

vẻ, chân mỏ, mình, đầu... Những chú gà nòi được nuôi nấng rất công phu từng miếng ăn, nước uống, được chăm chút từ cái cựa lúc còn mới nhú, nơi ở mùa đông, mùa hè... đưa chúng tập luyện với các chú gà chọi khác để làm quen dần với cuộc chiến đấu sau này. Bằng cách ấy những chú gà nòi quen dần đức tính của "chú chọi" được đấu thử đi thử lại nhiều lần đến khi đủ ngày đủ tháng mới sửa soạn ra sàn đấu chính thức.

Khi người chủ thấy gà của mình đã đủ sức thi tài với "thiên hạ" họ phải chuẩn bị cho chúng từ cái móng, cái cựa, lông, mỏ rất chu đáo, bài bản để tạo ra một chú gà chọi tuyệt hảo không sai sót trong cuộc đấu.

Khi ra trận, người chủ gà phải biết quan sát kỹ càng đối thủ của gà mình để tìm hiểu cái yếu cái mạnh của đối phương, từ đó mà lường sự tương quan về thể lực, kỹ thuật mà điều khiển gà mình đi đến thắng lợi. Phải biết đưa gà vào sân lúc nào, bắt về ra sao sau những hiệp đấu, vỗ về chúng thế nào để nắm chắc thắng lợi.

Có những hiệp đấu của các cặp gà kéo dài tới hàng tiếng đồng hồ không phân thắng bại. Hai con gà chọi đỏ gay l mổ nhau, đập cánh vào nhau, nhảy lên đá mọc vào nác vào cổ họng, vào ức của đối phương quyết liệt hoặc g nhau đè cánh đạp chân như những đấu thủ trên sàn đấ Những cú mổ hiểm hóc vào mắt, vào cổ đối phương đề chảy máu, những cú đá móc với những chiếc móng sắc nhọn đến toạc ngực làm người xem xung quanh thán phục,

bàn tán, tranh cãi rất say sưa. Từ đó dẫn đến những cuộc cá cược gay gắt của khán giả bên ngoài mà đôi khi diễn ra không được lành mạnh cho lắm. Song cũng đủ thấy tính hấp dẫn của các cuộc đá gà.

Vì vậy xới gà chọi vào các dịp tết Nguyên đán cũng như trong các hội làng xưa luôn thu hút đông đảo khán giả đến xem.

XI. CHƠI CỜ

Chơi cờ là thú vui tao nhã nhưng trí tuệ của các nhà nho và các cụ ta xưa nhân lúc trà dư tửu hậu.

Các cụ thường gặp nhau bên chén trà và mở bàn cờ tướng ra giải trí. 32 quân cờ phân làm hai phe (16 quân đỏ, 16 quân đen). Bày xong là cuộc đấu trí bắt đầu.

Có nhiều cách chơi.

Cờ tướng đánh trên bàn (bằng gỗ, hoặc bằng giấy) rộng khoảng 35cm x 45cm, kẻ ô, chơi bằng quân cờ tiện bằng gỗ hoặc bằng sừng.

Cờ bỏi là cờ tướng đánh trên sân bãi. Quân cờ là các biển (bằng giấy bồi 15cm x 25cm, cắm trên cái gậy, cao bằng người) kẻ chữ to, rõ, cắm đúng vị trí bàn cờ.

Còn cờ người là cờ tướng mà quân cờ là người thật, cũng chơi trên sân bãi, 16 nam áo đỏ, đeo biển (tên quân cờ) trước ngực, đứng vào vị trí. Hai tướng là tướng ông, tướng bà mặc đẹp (như cờ tướng) có hai cờ đuôi nheo cắm chéo

sau lưng, được che lọng. Gặp buổi trời nắng, thì mỗi quân cờ được một người che ô, đứng bên và đi theo mỗi lần quân chuyển. Hai đối thủ ngồi phía sau. Có người chạy cờ, lo việc chuyển quân theo ý định của người chơi. Mỗi lần đi một nước, đấu thủ (có chiếc trống khẩu) gõ một tiếng. Người chạy cờ tới nghe lệnh và chuyển quân trên bãi. Nguyên tắc đi quân là mã lệch, tượng điều, xe liền, pháo cách.

Vào cuộc chơi phải bình tĩnh, thận trọng chủ động (không nghe lời những người ngồi xem chầu rìa mách nước) chặt chẽ. Đi một nước phải tính trước hai, ba nước tiếp theo để khỏi bị bất ngờ trước đối thủ của mình.

Cờ tướng, cờ bỏi, cờ người thường thấy trong các ngày hội, đặc biệt vào tết, mừng xuân mới.

Các loại cờ trên đều có giải thưởng của làng.

*

* *

Trên đây chúng tôi chỉ mới giới thiệu hết sức sơ lược một số trò chơi rất phổ biến trong dịp tết cổ truyền ở nông thôn người Việt xưa. Phải nói rằng các trò chơi là vô cùng phong phú và đa dạng ở từng trò chứ chưa kể đến nhiều trò khác nhau. Chỉ riêng với người Việt ở ba vùng Bắc - Trung - Nam cũng còn rất nhiều trò khác cho mọi lứa tuổi khác nhau như cướp cầu, đánh phết, đá cầu, chạy cướp cờ, tam cúc, chơi cờ, tổ tôm, chơi ô v.v... và v.v... Một mặt do khuôn khổ cuốn sách có hạn, mặt khác đây không phải là

một chuyên luận về trò chơi, nên chúng tôi chỉ lựa chọn những trò chơi phổ biến nhất trong tết cổ truyền của người Việt. Còn lại những trò chơi khác, cả những trò chơi mang tính chất phong tục như thổi cơm, thi làm cỗ, bắt chạch... thường diễn ra vào các dịp hội hè đầu xuân cũng xin gác lại vào một dịp khác.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, cho nên không chỉ ở người Việt các trò chơi mới phong phú, mà mỗi dân tộc trong đại gia đình Việt Nam đều có những trò chơi riêng của mình, mang tâm hồn, phong tục của dân tộc ấy. Dựng lại một bức tranh sinh động về nó là những việc làm tiếp theo của chúng tôi và nhiều đồng nghiệp khác...

KẾT LUẬN

Hàng năm, người Việt có nhiều tết cổ truyền: Tết Thanh minh (mồng 3 tháng 3), Tết Đoan ngọ (mồng 5 tháng 5) Tết Trung nguyên (rằm tháng 7), Tết Trung thu (rằm tháng 8) Tết cơm mới (mồng 10 thường mười)... Mặc dầu những tết trên đều mang tính toàn dân, toàn quốc, song không tết nào được sửa soạn chu đáo và nhiều lo lắng, bận rộn như Tết Nguyên đán. Hơn nữa, mỗi tết trên chỉ ứng với một yêu cầu cụ thể. Khác với tất cả, Tết Nguyên đán là tết mở đầu năm mới, được gọi là Tết cả. Tết cả được hiểu với nhiều nghĩa: Tết quan trọng hàng đầu, tết lớn nhất, tết có mục đích sâu xa, toàn diện và có nhiều ý nghĩa với đời sống con người cá thể và toàn thể cộng đồng nhất. Mỗi tết kia chỉ cần lo một lần cầu cúng, 1-2 tuần hương đăng trong 1 buổi hoặc 1 ngày, không có những lo toan trước đó là những lễ thức - tục lệ kéo dài sau đó. Tết Nguyên đán giải quyết những vấn đề lớn vào thời điểm trọng đại tiêu biểu nhất đối với một chu trình vận hành của vũ trụ, vận động của vạn vật, lấy đơn vị năm mở đầu và kết thúc năm bằng 1 chu trình khép kín, có khóa và mở.

Đã gọi là vận động - vận hành thì phải có ngừng nghỉ dù dưới hình thức nào để điều chỉnh, để tái vận động - vận

hành được bình thường và tốt hơn. Tết Nguyên đán chính là dịp, là cớ để điều chỉnh công cuộc vận động - vận hành lớn lao, đồng bộ ấy giữa con người với thiên nhiên rộng lớn bao quanh mình, cũng như giữa con người với nhau. Chỉ có Tết cả có nhiệm vụ giải quyết mọi mối quan hệ do con người đặt ra tự ý thức về trách nhiệm đối với đời sống toàn diện của đồng loại.

Mối quan hệ giữa người với thiên nhiên:

Vũ trụ vận hành biểu hiện ở 4 mùa chuyển đổi lần lượt Xuân - Hạ - Thu - Đông. Đông, Hạ là 2 mùa cực đoan (rất lạnh - rất nóng) và có 2 mùa ấm mát làm đệm (Xuân - Thu). Và Đông tàn thì phải đón Xuân mới với những nghi thức trang trọng nhất để cầu mong sự vận hành mới bình ổn hơn, tốt hơn.

Ngoài 4 mùa, các thần là đối tượng thứ 2 được lưu ý. Ở đây vẫn là thần thiên nhiên, biểu hiện trong tín ngưỡng dân gian - bản địa. Trước hết là Thần - các Thần của người nông dân, người tiểu nông Việt Nam ngày xưa. Lấy đồng bằng Bắc Bộ để quan sát, dẫn chứng. Con người sống bằng trồng trọt, phải nhớ tới đất (thần Đất), nhớ tới nước (thần Mưa, thần Sấm, thần Nước), nhớ tới ánh sáng (thần Mặt trời) dựa vào thiên nhiên để khai thác và nhờ che chở (thần Rừng, thần Núi), cầu mùa màng tươi tốt (thần Lúa)... Những loài vật sống với con người trải nhiều ngàn năm vừa giúp người, vừa nuôi sống người, vừa bảo vệ người (gia súc lớn, nhỏ, gia cầm)... Tết đến, phải nhớ tới chúng, chăm sóc vỗ về, cầu chúc chúng một năm khỏe mạnh, sinh sôi, tốt nết.

Môi trường sinh thái trên tạo thành những mối quan hệ hiện thực và ảo huyền, phức tạp. Con người ý thức từ rất sớm, và cũng từ rất sớm, con người luôn lộ rõ lòng ước ao hài hòa trong các mối quan hệ đó bằng thái độ thích nghi, cải tạo, hòa nhập, được thực hiện bằng mọi nghi thức cần thiết.

Mối quan hệ giữa người với người:

Tết Nguyên đán cũng là dịp, là cớ để người ta nhớ tới nhau, để hòa giải mọi quan hệ chưa tốt trong năm và phát huy mọi quan hệ đã tốt đẹp, cùng hướng tới sự hoàn chỉnh, toàn vẹn trong lối sống.

Với người Việt tiểu nông lấy đơn vị gốc của tổ chức xã hội là gia đình nhỏ phụ quyền, thì mối quan hệ đầu tiên được nhắc tới là gia đình phổ biến 3 thế hệ: ông bà - cha mẹ - con cái. Cho nên, Tết là dịp đoàn tụ gia đình, nuôi dưỡng vun xới tình thương yêu, máu mủ ruột rà. Đoàn tụ để bày tỏ và gìn giữ mối giao cảm hai chiều: ông bà và con cháu ngược lại con cháu với bố mẹ, ông bà. Cũng là mối giao cảm hai chiều giữa tổ tiên đã khuất với con cháu hiện diện hôm nay - Ban thờ trong dịp tết, khói hương nghi ngút, biểu trưng sự hiện diện của tổ tiên và ngược lại con cháu, của người đi xa về, hướng lên bàn thờ, chính là hướng về sức mạnh truyền thống của gia đình.

Tết đang được bàn tới là tết truyền thống ở làng. Và trên cơ sở đó, mở rộng ra đô thị, với những địa chỉ tiêu biểu cho 3 miền: Hà Nội (Bắc), Huế (Trung), Sài Gòn (Nam). Mỗi năm tết đến, mối quan hệ làng xóm được mở ra, in hằn sâu thêm, rất phức tạp, nhưng không ai từ chối mà còn vui vẻ

thừa nhận: các hội, phường, phe, giáp, xóm, ngõ... của tôn giáo, của nghề nghiệp, giới tính, hoàn cảnh địa lý... Lại có mối quan hệ ân tình cũng ràng buộc người làng với nhau thành một đạo lý chung cho xã hội: tình thầy trò, con bệnh và thầy lang, con nợ và chủ nợ, bạn bè cố tri (nho sĩ, đồng tuế, vong niên).

Tết là dịp cầu mong tổng thể để vươn tới sự hưng thịnh toàn diện cho con người xã hội: cá nhân cũng như toàn cộng đồng. Từ đó, tết đề cao lối sống truyền thống: đạo đức ứng xử, đạo đức lao động, một lối sống mang giá trị nhân văn và thẩm mỹ cao và có nguồn gốc sâu xa từ tín ngưỡng thờ tổ, lễ nghi nông nghiệp... Đạo giáo, Phật giáo, Nho phong dung nạp nhau và bổ sung nhau, muốn được coi là lý tưởng của đời thường mà con người cần hướng tới. Các ứng xử, mối quan hệ nhiều chiều phức hợp ấy chính là nếp sống văn hóa của người Việt cổ, cũng chính là một phần tài sản văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc ta mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng.

Một điều dễ nhận ra là: dù nông thôn hay thành thị, dù Miền Bắc, Miền Trung hay Miền Nam, dù dân dã hay cung đình, Tết Nguyên đán là lễ hội cổ truyền lớn nhất, một sinh hoạt văn hóa cộng đồng quy mô nhất, vượt không gian, vượt thời gian tồn tại bền vững, thống nhất về lễ thức và tiến trình, phản ánh sự thống nhất về tình cảm, quan niệm và lối sống của toàn thể nhân dân Việt Nam.

Do đó TẾT NGUYÊN ĐÁN đã tạo nên sức mạnh cố kết cộng đồng, vốn là một đặc điểm cơ bản trong bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam.

PHỤ LỤC

I. MỘT SỐ TRUYỀN THUYẾT VỀ TẾT CỔ TRUYỀN

1. Sự tích ông đầu rau[1]

1. Ngày xưa có hai vợ chồng nhà nghèo. Họ sinh nhai bằng nghề làm thuê làm mướn. Tuy nghèo nhưng họ rất yêu nhau. Thường buổi tối sau khi đi làm về, hai vợ chồng ngồi bên bếp lửa hay dưới ánh trăng kể cho nhau những chuyện xa gần mới nghe được, hay hát những câu tình duyên, có khi vui vẻ quên cả cơm nước.

Một năm trời làm mất mùa, hạt gạo kiếm rất khó khăn. Tình trạng đói kém diễn ra ở khắp mọi miền, hai vợ chồng theo lệ cũ đi tìm việc ở các nhà giàu nhưng chả mấy ai th[illegible] nữa. Người vay công lĩnh nợ thì đông mà gạo thì khan hiê nên khó chen vào lọt. Hơn nữa cổng mấy nhà trọc phú thường đóng chặt vì chúng không muốn ai quấy nhiễu.

Túng thiếu, hai vợ chồng phải đi mò mua bắt ốc ho đào củ hái rau về ăn. Tuy có đỡ phần nào nhưng không n may triển vọng. Cái chết luôn luôn đe dọa họ vì trận đói

---

[1] Tức là ba hòn đất nung dùng để kê nồi lên mà nấu. Người Miền Trung là ông Núc. Người miền Bắc gọi hòn giữa là đầu rau cái, hai hòn hai bên đầu rau đực, gọi chung là ông Đầu Rau.

kéo dài. Một buổi chiều sau khi húp vội mấy bát canh rau má, chồng bảo vợ:

- Tôi phải đi một nơi khác kiếm ăn, không thể ở nhà được nữa.

Nghe chồng nói, người đàn bà đòi đi theo để sống chết cho có bạn. Nhưng người chồng bảo:

- Tôi đi chưa biết đến đâu và sẽ phải làm những gì. Nàng ở nhà dễ sống hơn, không nên theo. Chưa biết chừng tôi sẽ nằm lại dọc đường để những con chim khóc than cho số phận. Nhưng cũng chưa biết chừng tôi sẽ mang những quan tiền tốt bó mo về đây nuôi nàng cũng nên. Chao ôi! Số mệnh! Nàng hãy chờ tôi trong ba năm, nghe! Hết ba năm không thấy tôi trở về, ấy là tôi đã bỏ xác quê người. Nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Người vợ khóc thảm thiết như đứng trước cảnh tang tóc thật sự. Nhưng không biết làm thế nào cả, nàng đành phải để chồng ra đi.

Sau khi tiễn chồng, người đàn bà kiếm được việc làm ở một nhà kia. Nhà họ không giàu gì nhưng thương cảnh ngộ nàng có ý giúp đỡ cho qua những ngày thảm đạm. Ở đây, người đàn bà kiếm được ngày hai bữa ăn, trong đó có một bữa cháo khoai. Nhờ lanh lẹn và xinh xắn nên nàng lấy được cảm tình của chủ. Nhưng hình dáng người chồng thân yêu không bao giờ phai nhạt trong tâm trí nàng.

Thời gian trôi nhanh như nước chảy. Người ta đã bớt nhắc đến trận đói khốc liệt vừa qua. Nàng thì ngày ngày hồi

hộp chờ đợi chồng. Nhưng cây bước trước sân nhà đã ba lần trổ hoa mà chồng nàng vẫn không thấy tăm dạng. Giữa lúc người chủ đã từng cưu mang nàng trong lúc đói vừa chết vợ. Sẵn có cảm tình với nàng người độ ngỏ lời muốn được nối duyên cùng nàng. Nhưng người ấy đâu có hiểu được lòng của người thiếu phụ. Câu trả lời của nàng là:

Chồng tôi hẹn tôi trong ba năm sẽ về. Đến bây giờ tôi mới tin là chồng tôi đã chết. Vậy cho tôi để tang chồng tôi trong ba năm cho trọn đạo.

Ba năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Không một nét chữ, không một lời đồn về người xấu số. Hàng ngày, những buổi chiều tà, nàng vẫn đăm đăm nhìn bóng người đi lại trên đường cái quan. Và rồi nàng khóc cạn nước mắt. Người đàn ông kia giục nàng quyết định:

- Một là chồng nàng đã chết, hai là còn sống nhưng đã lập một gia đình khác ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Đằng nào nàng cũng khó mong tái hợp. Nàng cùng tôi lập gia đình mới. Sức của tôi và của cải của tôi đủ đảm bảo cho nàng sung sướng trọn đời.

Nàng sửa lại vành khăn trắng đã ngả màu, cảm ơn hậu tình của anh ta và xin rốn chờ cho một năm nữa.

Một năm nữa lại trôi qua không mang lại một tin tức gì mới mẻ. Lần này nàng mới tin là chồng mình đã chết thật. Sau một bữa rượu cúng chồng và đãi họ hàng làng xóm, nàng đến ở cùng người chồng mới.

Đột nhiên sau đó ba tháng, người chồng cũ xách khăn

gói trở về quê hương. Chàng không có vẻ gì khấm khá hơn trước. Chàng chỉ ôm một hy vọng được gặp lại người vợ yêu. Nhưng vườn cũ nay đã thuộc về chủ mới. Chàng lẩm bẩm: Thế là hết. Bởi số cả!

Việc người đàn ông đột ngột trở về làm cho mọi người ngơ ngác, nhất là đôi vợ chồng mới cưới, không còn biết ăn làm sao, nói làm sao bây giờ. Người đàn bà xấu hổ không dám dàn mặt. Nhưng người chồng cũ đã tìm tới họ và an ủi họ:

- Tôi đi vắng lâu quá, cái đó hoàn toàn là lỗi ở tôi. Nàng xử sự như thế là rất đúng. Tôi chỉ cần về gặp nàng một chút, thế là đủ. Bây giờ, tôi sẽ đi khỏi nơi này mãi mãi.

Mặc dầu vợ chàng nài nỉ hết sức, mặc dầu người chồng mới xin trả lại vợ, nhưng chàng nhất quyết dứt áo ra đi. Chàng không bao giờ nỡ phá hoại hạnh phúc của họ. Mà chàng cũng không có gan đi đâu xa vì không thể quên được vợ cũ. Mọi tư tưởng hành hạ chàng. Đầu óc rối như mớ bòng bong, chàng nghĩ đến cái chết. Và trong lúc cuồng loạn, chàng tự treo cổ lên cây đa đầu làng.

Cái chết kinh khủng đó như một tiếng sét nổ vào đầu người đàn bà. Nàng cảm thấy chính mình là thủ phạm gây ra cái chết của người chồng cũ. Tại sao ta chờ chồng được bảy năm trời mà không rán chờ thêm ít lâu nữa? Tại sao thấy chồng trở về, ta không dám giáp mặt? Nàng không tự chủ được nữa. Tất cả những câu hỏi như lên án một cách âm thầm kịch liệt trong đầu óc nàng.

Thế rồi buổi sáng hôm sau, trong khi người ta sắp sửa cất đám người đàn ông bạc mệnh thì người ta hoảng hốt kéo đi vớt tử thi người đàn bà dưới cái ao bên cạnh nhà.

Người chồng mới sau khi làm ma cho vợ, trở nên như người mất trí. Hai cái chết đánh mạnh vào đầu óc mọi người, riêng đối với chàng chưa bao giờ có một sự xúc động dữ dội đến như thế. Chàng luôn miệng kêu to: "Tại sao ta cố ý cướp vợ của người khác?". Rồi một hôm, sau khi đem hết gia sản chia cho họ hàng và cúng vào chùa, chàng uống thuốc độc tự tử.

Lúc xuống đến thế giới bên kia, cả ba người đều được đưa tới trước tòa án của Diêm Vương để định công luận tội. Tất cả mọi người một khi đã đến đây đều phải khai rõ sự thật ôm ấp trong lòng.

Theo lời khai của người chồng cũ thì chàng không thể nào xa rời vợ cũ. Chàng sở dĩ chết ở làng là để mong được gần gũi nàng. Người chồng mới cũng khai rằng, chàng có cảm tình sâu sắc đối với người vợ mới mặc dầu mới chính thức lấy nhau chỉ có ba tháng. Khi Diêm Vương hỏi tình của chàng đối với người vợ cũ như thế nào thì chàng gio ngón tay so sánh rằng một bên mười, bên chưa được một. Đến lượt người đàn bà thì nàng thú thật rằng cái tình của nàng đối với người chồng cũ choán một chỗ rộng rãi trong lòng nàng, đồng thời đối với người chồng mới, nàng không thể nào quên được tình cảm nồng nhiệt của chàng.

Diêm Vương ngồi nghe rất cảm động. Những người như

thế này cũng thật hiếm có. Cần phải làm cho bộ ba ấy sống gần nhau mãi mãi. Sau một hồi suy nghĩ, Diêm vương cho ba người hóa thành ba ông đầu rau để cho họ không lìa nhau và để cho ngọn lửa luôn luôn đốt nóng tình yêu của họ. Đồng thời, Diêm Vương còn phong cho họ chức Táo quân trông nom từng bếp một, nghĩa là từng gia đình một trên trần thế[1].

2. Về sự tích ông Đầu Rau hay là sự tích Thần Bếp thì có khá nhiều. Về truyện này đã ghi ở chú thích phần chính văn. Nên không kể lại chi tiết ở đây.

3. Một truyện khác do người Sơn Tây kể:

Có hai vợ chồng nhà nọ rất nghèo: chồng làm nghề buôn ương, vợ làm ruộng. Chồng thường xa vợ, thỉnh thoảng mới về nhà một lần. Có khi ông ta đi suốt năm chỉ gửi tiền cho vợ tiêu mà thôi.

Một chuyến, chồng đi biệt không tiền nong tin tức gì cả, người vợ chờ mãi đến gần mười năm mà vẫn không thấy tăm dạng.

Rồi sau đó, người vợ nối duyên với một người khác chuyên nghề săn bắn và làm ruộng. Người này có nuôi một người đầy tớ tên là Lốc. Người chồng mới rất yêu quý vợ.

Một hôm, trong khi người chồng mới và đầy tớ đi săn vắng thì tự nhiên người chồng cũ sau bao nhiêu năm cách biệt trở về. Ông bị giặc bắt lưu lạc trong rừng núi đến nay

---

[1] Theo *Pháp Á tạp chí* (1952).

mới trốn về được. Người vợ chỉ biết ôm lấy người chồng cũ khóc than rồi dọn cơm rượu cho ăn. Khi chồng mới sắp về, vợ đưa chồng cũ ra ngoài đống rơm để tránh tiếng không hay.

Chủ và tớ đi săn về gặp được một con cầy. Chồng giục vợ đi sắm mọi thứ để làm một bữa đánh chén. Trong khi người đàn bà đi vắng thì người đầy tớ đốt đống rơm để thui con cầy. Lửa vô tình đã đốt chết người bán hương đang lúc ngủ say.

Giữa lúc đó thì vợ về. Thấy thế, nàng rất đau đớn, tự coi như mình phạm tội giết chồng cũ, vội nhảy vào đống lửa. Người chồng mới thương vợ cũng nhảy vào đống lửa tự thiêu nốt. Người đầy tớ thương chủ, lại hối hận vì tay mình đốt chết người nên cũng nhảy vào lửa chết theo.

Ba vợ chồng sau đó được Diêm Vương cho hóa làm ba ông đầu rau. Còn người đầy tớ được hóa làm cái dùng để chăn đống nhấm người ta quen gọi là thằng Lốc[1]. Vì vậy trong những bức tranh Táo Quân, người ra không bao giờ quên vẽ người đầy tớ đứng ở bên cạnh ba người.

4. Một truyện thứ tư thấy chép ở *Dân Việt Nam* (1948)

Người chồng cũ mắc bệnh như bệnh hủi. Chồng khuyên vợ bỏ đi nhưng vợ không nghe. Một hôm vợ đưa tiền gạo cho một người ăn mày, chồng giả cách vu cho vợ có tình

---

[1] Ở nông thôn ngày xưa chưa có diêm. Thường về buổi chiều, người ta phải đào một mớ trấu bên cạnh bếp, trên có dè một hòn đất nặn theo hình quả cân để cho trấu cháy âm ỉ tới sáng. Lúc cần thổi lên thành lửa mà dùng.

với người đó. Vợ tức mình nhảy xuống sông tự tử nhưng sau lại được người ăn mày kia cứu thoát. Nỗi oan lại càng khó tỏ, người vợ đành bỏ đi theo người cứu mình và lấy anh ta làm chồng.

Người chồng cũ ở một thân một mình không ai giúp đành phải đi hành khất. Tình cờ một hôm đến gõ cửa nhà vợ cũ, vợ vô tình đem tiền gạo ra cho. Thấy vợ, hắn bỏ chạy rồi đâm đầu vào một đống lửa. Vợ đuổi theo không cứu được cũng đâm đầu vào để chết theo. Người chồng mới cũng đuổi theo và nhảy luôn vào lửa khi thấy vợ chết. Xuống âm phủ, họ đều được làm Thần Bếp.

(Theo *"Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"*. Tập I. Nguyễn Đổng Chi. Nxb KHXH, H, 1972).

2. Sự tích cây nêu ngày tết

Ngày ấy không biết từ bao giờ và không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẽ ruộng đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng dần dần tăng số hoa màu phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm lại nhích lên một tý. Cuối cùng Quỷ bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nghĩ ra là "ăn ngọn cho gốc". Người không chịu, Quỷ dọa dẫm bắt Người phải theo. Vì thế năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng da bọc xương thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh, bọn Quỷ reo cười đắc thắng. Người cơ hồ muốn tuyệt diệt.

Phật từ phương Tây lại có ý định giúp người, chống lại

sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai. Người cứ y lời làm đúng như Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng thể lệ như mùa trước "ăn ngọn cho gốc".

Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy những gánh khoai núc ních chạy về nhà Người đổ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai lang là những thứ không nhá nổi. Nhưng ác nỗi là thể lệ đã quy định, nó đánh cứng họng không nói vào đâu được.

Sang mùa khác, Quỷ đổi thể lệ mới là "ăn gốc cho ngọn" Phật bảo người lại chuyển sang trồng lúa. Kết quả, Quỷ lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho bọn Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau nó tuyên bố "ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quỷ nghĩ: "Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao". Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới. Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp mọi nơi mọi chỗ.

Năm ấy, lại một lần nữa, Người sung sướng nhận th công lao của mình không uổng. Trong nhà Người, thóc chưa hết thì những gánh ngô đã gánh về từng cót đầy ăm Về phần Quỷ lại bị một vố cay chua tức uất hàng mấy ng liền. Cuối cùng Quỷ bắt người phải trả lại tất cả ruộng không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ "' không được cái gì cả còn hơn là để chúng ăn một mình".

Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hễ bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đó. Ban đầu, Quỷ không ưng thuận, nhưng sau đó chúng suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn trả lời: "Ồ, bằng một chiếc áo cà sa thì có là bao nhiêu". Chúng nghĩ thế, hai bên làm tờ giao ước: ngoài bóng áo che là đất của Quỷ, trong bóng che là đất của Người.

Khi Người trồng xong cây tre. Phật đứng trên ngọn tung áo cà sa tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút lên mãi, đến tận trời. Tự nhiên, trời đất trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế. Mỗi lần bóng áo lấn sâu vào đất chúng, chúng phải dắt nhau lùi đi mãi. Cuối cùng, Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế, người ta mới gọi là Quỷ Đông.

Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về Người, Quỷ hậm hực cố chiêu binh mã mà cướp lại. Lần này, Người phải chiến đấu với Quỷ rất gay go vì quân của Quỷ có đủ một bầy ác thú như voi, chó ngao, bạch xà, hắc hổ... rất hung dữ. Phật cắm gậy tầm xích đánh giúp Người làm cho quân của Quỷ không tiến lên được.

Sau mấy ngày bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì. Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đổi lại, Phật cũng dò hỏi và biết quân của

Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ: máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột. Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vẩy khắp mọi nơi. Quân của Quỷ thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy.

Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi giã tỏi phun và quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tỏi nên cũng cắm đầu chạy biệt tích.

Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đày ra Biển Đông[1]. Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiểu não. Chúng rập đầu sát đất có xin Phật thương tình cho phép chúng một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ôn ngày trước. Phật thấy chúng khóc váng lên mới thương hạ hứa cho.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết Nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền thì người ta theo tục cũ trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ Người đang ở. Trên nêu có khánh đất, mỗi khi có gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa để cho Quỷ sợ.

---

[1] Đoạn giữa này theo *Tạp chí* chúng tôi đã dẫn (1910).

Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ[1].

Có câu tục ngữ:

Cành đa lá dứa treo kiêu (cao)
Vột bột rắc ngõ chớ trêu mọi nhà
Quỷ vào rồi Quỷ lại ra
Cành đa lá dứa thì ta cứa mồm[2].

Ngày xưa người ra còn tin rằng những lúc cần đuổi Quỷ như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp nơi cho Quỷ khỏi quấy. Đàn bà thường buộc tỏi vào dải yếm là cũng có một mục đích gần như vậy.

(Theo *"Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"*. Tập I. Nguyễn Đổng Chi. Nxb KHXH, H, 1972).

Gốc tích bánh chưng và bánh dày

Ngày đó Vua Hùng trị vì đất nước. Vua tuổi đã già ngồi trên ngai vàng đằng đẵng bao nhiêu năm. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý chọn người nối ngôi. Các bà vợ của vua đã sinh được cả thảy hai mươi hai người con trai. Họ đã đều khôn lớn cả. Vua nghĩ: "Kể về tài cũng có nhiều đứa trội. Nhưng vì thế cần phải lựa chọn cẩn thận nhất

---

[1] Toàn truyện theo lời kể của người Hà Tĩnh. Đồng bào Mường ở Đà Bắc (Hòa Bình) cũng có truyện sự tích cây nêu tương tự như trên nhưng kể có phần sơ lược.
[2] Theo lời kể của người Sơn Tây.

là phải làm cho chúng nó không tranh giành nhau". Đây là điều vua thường bận tâm nhất. Cuối cùng nhờ có viên quan hầu mách ý kiến, vua mới quyết định mở một cuộc thi để căn cứ vào đó mà kén chọn. Vua Hùng bèn cho họp tất cả các hoàng tử lại. Khi họ đã về đông đủ, vua bảo:

- Cha biết mình gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con cố kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người đó.

Nghe vua cha tuyên bố thế, các hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm tòi thức ăn quý. Họ lần mò thôi thì trên ngàn dưới bể không sót nơi nào. Bất kỳ thứ gì nghe nói là ngon và lạ là họ đều cố tình tìm cho bằng được.

Trong số hai mươi hai hoàng tử có Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Vì thuở nhỏ mồ côi mẹ nên Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Trong khi các hoàng tử khác chạy vạy tìm vật lạ, thì Liêu nằm khểnh ở nhà. Chả có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ thi là Liêu vẫn chưa có gì. Đêm ấy, Liêu nằm gác tay trên trán nhớ lại rất cả những bữa ăn ngon xưa nay chàng đã từng được dự. Liêu mơ mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi mốt anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có một gian nhà nhỏ mà vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Liêu chưa biết nên bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị nữ thần từ trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo:

"To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của quý báu nhất trần gian không gì bằng gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi một ít đậu". Tự nhiên Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tàu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: "Bánh này tượng đất. Đất có cây cỏ đồng ruộng núi rừng thì màu phải xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú, cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã và làm thứ bánh tượng trời, màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời".

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

Ngày các hoàng tử đưa các món ăn về dự thi là một ngày áo nhiệt nhất ở Phong Châu. Người đông nghìn nghịt. Nhân dân mọi miền đều náo nức về dự một cái Tết tưng bừng ít có: mở đầu bằng một cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ đăng quang của vua mới.

Đúng vào lúc mặt trời mọc thì Vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống, cờ quạt làm rộn cả tai mắt mọi người. Tất cả đều trông chờ lúc các vị giám khảo nhận xét giá trị các món ăn.

Nhưng tất cả các món "nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê..." của các hoàng tử không bằng hai thứ bánh quê mùa của Liêu. Khi mọi người nhìn thấy cỗ của chàng, thoạt tiên số đông trong đó bĩu môi, và chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong họ đều gật gù tán thưởng. Ông lạc

tướng xoa tay: "Đây là một thứ hương vị khác thường làm nên từ những cái bình thường". Sau khi đã nếm được vài miếng, Vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên và vua đã lật lên lật xuống ngắm nghía kỹ càng những tấm bánh khác chưa bóc. Vua cho đòi Liêu lên điện, hỏi cách thức làm bánh thế nào. Hoàng tử cứ thực tâu lên, không quên nhắc tới giấc mộng lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, Vua Hùng trịnh trọng tuyên bố với các con: Hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh đó lên cho mọi người xem và nói rõ cái cớ khiến cho mình lựa chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Đại ý vua nói:

- Nó chẳng những ngon và quý mà nó còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn cha mẹ như trời đất; nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của trời đất, nhưng mà những hạt ngọc ấy mọi người đều làm ra được. Phải là người có tì mới nghĩ được ra loại bánh đó...

Từ đó thành tục lệ, hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó và gọi là bánh chưng, bánh dầy để thờ cúng gia tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ bảy. Lần đó có nhiều hoàng tử hỏng thi sinh ra ganh ghét, ác cảm với Lang Liêu. Cho nên sau khi vua cha mất, người nào người nấy giữ chặt lấy đất của mình. Họ làm hàng rào gỗ

xung quanh nơi mình ở để làm kế cố thủ, có ý tranh nhau với Tiết Liêu Vương[1].

(Theo *"Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"*. Tập I. Nguyễn Đổng Chi. Nxb KHXH, H, 1972).

II. BÁC HỒ - NGƯỜI SÁNG TẠO PHONG TỤC MỚI TRONG TẾT CỔ TRUYỀN

Bác Hồ kính yêu, nhà văn hóa lớn, bôn ba năm châu bốn biển, hiểu biết nhiều nền văn minh nhân loại, Bác càng yêu mến truyền thống văn hóa dân tộc hơn. Nghĩ tới Bác, chúng ta vẫn nuôi dưỡng hình ảnh một ông già văn hóa Việt Nam chất phác và thông thái.

Với Tết Nguyên đán, không những Bác tôn trọng truyền thống mà còn sáng tạo phong tục và truyền thống mới, làm cho hương sắc ngày xuân Việt Nam thêm tươi sáng và tràn đầy sinh lực hơn.

Chúc tết, đọc thơ đêm giao thừa: Vào giờ phút thiêng liêng nhất của Tết: Giao thừa pháo nổ, Bác đã chúc tết đồng bào, đồng thời đọc thơ chào mừng năm mới. Lời thơ của Bác cùng với tình cảm Bác gửi trong thơ luôn luôn làm cho mọi người Việt Nam yên tâm, phấn khởi bước vào năm mới với tinh thần lao động và chiến đấu mới.

Trồng cây ngày tết: "Ông cụ trồng cây", đó là danh hiệu đầy lòng kính mến, nhà thơ Xuân Diệu gọi Bác Hồ, khi Bác khởi xướng tục trồng cây ngày tết, bắt đầu năm 1959. Mỹ

---

[1] Theo Lĩnh Nam chích quái.

tục này là một sáng tạo tưởng như bình thường, nhưng hiệu quả rất to lớn do tính chất thực tiễn của hành động và do từ lãnh tụ được nhân dân quý mến đề ra. Hành động này rất phù hợp với truyền thống gieo trồng ngày xuân của nhân dân ta nên rất nhanh chóng được hưởng ứng rộng rãi và ngày nay thực sự đã trở thành một phong trào, một nếp sống mới mỗi lần xuân tới.

1. Thơ chúc tết của Bác Hồ

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến
Chí ta quyết, lòng ta đã đồng
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!

1947

CHÚC TẾT 1949

Kháng chiến lại thêm một năm mới,
Thi đua yêu nước thêm tiến tới.

Động viên lực lượng và tinh thần,
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi.
Người người thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Ngày ngày thi đua,
Ta nhất định thắng
Địch nhất định thua.

MỪNG XUÂN 1961

Mừng năm mới, mừng xuân mới,
Mừng Việt Nam, mừng thế giới.
Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh,
Kế hoạch 5 năm thêm phấn khởi.
Chúc miền Bắc hăng hái thi đua,
Chúc miền Nam đoàn kết tiến tới.
Chúc hòa bình thống nhất thành công,
Chúc chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

MỪNG XUÂN 1967

Xuân về xin có một bài ca,
Gửi chúc đồng bào cả nước ra.
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi.
Tin mừng thắng lợi nở như hoa.

MÙNG XUÂN 1968

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà,
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta.

MÙNG XUÂN 1969

Năm qua thắng lợi vẻ vang
Nam nay tiền tuyến chắc càng thắng to
Vì độc lập vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên chiến sĩ đồng bào
Bắc Nam xum họp xuân nào vui hơn.

2. Tết trồng cây

Cuối năm 1959, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn dân hưởng ứng một tháng trồng cây do Người phát động từ ngày 6 tháng 1 đến ngày 6 tháng 2 năm 1960. Đợt trồng cây này gọi là "Tết trồng cây", mỗi người trồng ít nhất một cây và chăm bón cho tốt. Hồ Chủ tịch khuyên nhân dân ta nên duy trì bền bỉ tết trồng cây và hàng năm cứ vào đầu xuân, Người lại ân cần nhắc nhở động viên nhân dân ta thực hiện tốt tết trồng cây. Người đã xuống các địa phương tham gia nhiều tết trồng

cây để cổ vũ nhân dân ta. Người dạy rằng: Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, cũng như vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người.

Các tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương sáng suốt của Bác Hồ. Tết trồng cây từ đó đến nay trở thành một tập quán tốt đẹp của nhân dân ta, mang lại nhiều lợi ích thiết thực về kinh tế và quốc phòng, góp phần làm giàu đẹp cho Tổ quốc.

Sau đây là bài viết in trên báo NHÂN DÂN, số 5411 ngày 5 tháng 2 năm 1969. Ký tên: T.L

Ngày nay, đồng bào ta ai cũng hiểu rõ trồng cây gây rừng có ích lợi to lớn cho kinh tế và quốc phòng. Vì vậy, tết trồng cây là ngày mở đầu cho việc trồng cây suốt cả năm, đã trở thành một tục lệ tốt đẹp của nhân dân ta. Tính chung trong mấy năm gần đây theo báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp, nhân dân ta đã trồng được hàng chục vạn héc ta cây các loại trên các đồi, bãi, vườn, hai bên đường, trên bờ mương máng v.v...

Trong mấy năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, nhân dân ta càng nhận rõ lợi ích của việc trồng cây, cho nên phong trào trồng cây càng phát triển. Việc trồng cây ngày càng hướng vào những yêu cầu thiết thực như lấy gỗ, cây ăn quả, cây chắn gió phục vụ thâm canh lúa, bảo vệ đê, bao đồi, chống xói mòn, chống cát bay v.v... Những dải rừng được trồng ở ven biển, dọc đường giao thông, trong thôn xóm, đã có tác dụng lớn.

Những nơi có thành tích trồng cây trước đây như Lạc

Trung, Ngọc Long, Liên Phương, v.v... vẫn tiếp tục phát triển. Gần đây, có thêm một số nơi phong trào trồng cây khá, như các tỉnh Nam Hà, Quảng Ninh, Hà Tĩnh. Nhất là Lạng Sơn phong trào đang vươn lên mạnh. Nguyên nhân chính là do các tỉnh ủy, các cấp Đảng và chính quyền thiết thực lãnh đạo nhân dân ra sức trồng cây và bảo vệ cây.

Một ví dụ: xã Đô Lương (Lạng Sơn) có nhiều đất rừng, nhưng trước đây không biết chăm lo trồng cây. Từ năm 1964 trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, Đô Lương hợp bảy hợp tác xã nhỏ thành ba hợp tác xã lớn. Việc trồng cây được quản lý tốt, bảo vệ tốt, kết quả bước đầu là với 270 héc ta rừng được chăm sóc, hàng năm đã bán cho nhà nước 1.100 mét khối gỗ và 1.000 mét khối củi.

Nhờ trồng cây tốt cho nên thủy lợi cũng tiến bộ. Hơn 100 héc ta trước kia bỏ hóa, nay đã trở thành ruộng 5 tấn. Đóng góp lương thực ngày càng tăng, năm 1967 được 130 tấn thóc, năm 1968 được 141 tấn thóc.

Thu nhập của hợp tác xã cùng ngày càng tăng, năm 1965 thu được 16.250 đồng, năm 1967 thu được 50.240 đồng. Nhờ vậy đời sống của xã viên ngày càng được cải thiện. Ví dụ đó chứng tỏ trồng cây gây rừng rất ích lợi nước nhà.

Những cá nhân có thành tích xuất sắc như: Anh hùng trồng cây Nguyễn Văn Tân, cán bộ miền Nam tập kết ở Vĩnh Phú; Cụ Nguyễn Văn Quắc, 74 tuổi, ba năm liền chiến sĩ thi đua về trồng cây ở Ninh Bình; ông Hoàng Đông Hán ở Quảng Ninh, cụ Sùng Chín Tín ở Hà Giang; cụ Nông Quảng Liêm ở Lạng Sơn, tự tay mình trồng được 3.500 cây trên đồi

trọc, cây nào cũng tốt, cụ vận động cả hợp tác xã trồng được hàng vạn cây xanh tươi, v.v...

Bên cạnh những gương tốt đó, còn có những địa phương trồng cây gây rừng chưa tốt, hoặc kém bảo vệ, chăm sóc, cho nên trồng nhiều mà cây sống ít, diện tích đồi trọc còn nhiều. Nguyên nhân là do ngành Lâm nghiệp chưa quan tâm đúng mức, nhưng chủ yếu là do cấp ủy và ủy ban hành chính địa phương chưa lãnh đạo tốt phong trào trồng cây. Các địa phương đó cần học tập và thi đua với những nơi có phong trào trồng cây khá. *Chúng ta phải trồng cây cho cả đồng bào miền Nam nữa.*

Kinh nghiệm cho thấy rằng: mọi người đều nên tham gia trồng cây, nhưng lực lượng các cụ phụ lão có tổ chức là quan trọng và các cháu thiếu nhi là lực lượng góp phần đắc lực.

Năm nay, chúng ta thi đua trồng cây cho thật tốt, phải bảo đảm trồng cây nào tốt cây ấy, tổ chức "một Tết trồng cây quyết thắng giặc Mỹ xâm lược".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A - SÁCH

1. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Bốn phương, Sài Gòn, 1951.
2. Nguyễn Văn Ngọc, *Tục ngữ phong dao*, Tập II, NXB Minh Đức, Hà Nội, 1957.
3. Trần Hồng - Hồng Sâm, *Giới thiệu hát sắc bùa*. Tài liệu Ban nghiên cứu Đội dân ca Liên khu V, 1958.
4. *Dân ca Thanh - Nghệ - Tĩnh, Tập I*, NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1961.
5. Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam. Thượng*, Nam Chi tùng thư, Sài Gòn, 1967.
6. Toan Ánh, *Hội hè đình đám, Tập I*, Sài Gòn, 1967.
7. *Đại Việt Sử ký Toàn thư, Tập I*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967.
8. Nhuệ Giang, *Yên Đổ tùng thư*, Sài Gòn, 1967.
9. Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam. Hạ*, Nam chi tùng thư, Sài Gòn, 1968.
10. Toan Ánh, *Nếp cũ, làng xóm Việt Nam*. Sài Gòn. 1968.
11. Đỗ Bằng Đoàn - Đỗ Trọng Huề, *Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam*, Hoa Lư, Sài Gòn, 1968.

12. Nguyễn Đổng Chi, sưu tầm - biên soạn, *Kho tàng cổ tích Việt Nam*, Tập I. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972.

13. Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, Phong trào văn hóa, Sài Gòn,1972.

14. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Sài Gòn, 1972.

15. Hà Kỉnh - Đinh Công Hoạt, sưu tầm, biên soạn, *Truyền thuyết Sơn Tinh*, Ty Văn hóa Thông tin Hà Tây, 1973.

16. Nhiều tác giả, *Tục chơi xuân Thanh Hóa*, Ty văn hóa - Thông tin Thanh Hóa, 1974.

17. Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội,1975.

18. Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, NXB Văn hóa. 1976.

19. Nhiều tác giả, *Vùng ven sông Nhị, Tập I*, NXB Hà Nội, 1979.

20. Trần Lê Văn, *Hoa Hà Nội*, NXB Hà Nội, 1980.

21. *Địa chí Hà Bắc*, Ty Văn hóa - Thông tin - Thư viện tỉnh Hà Bắc, 1982.

22. *Tìm hiểu văn hóa truyền thống Liễu Đôi*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982.

23. *Văn hóa dân gian truyền thống xã Định Tường*, Sở Văn hóa - Thông tin Thanh Hóa, 1983.

24. Lê Văn Hảo, *Huế giữa chúng ta*, NXB Thuận Hóa - Huế, 1984.

25. Lê Văn Hảo - Trịnh Cao Tưởng, *Huế*, NXB văn hóa, Hà Nội, 1985.

26. Nguyễn Khắc Xương biên soạn, *Truyền thuyết Hùng Vương*, In lần thứ tư, Sở Văn hóa - Thông tin Vĩnh Phú, 1985.

27. *Địa chí văn hóa dân gian vùng đất Tổ*, Sở Văn hóa - Thông tin Vĩnh Phú, 1986.

28. *Lịch văn hóa tổng hợp*, Viện Văn hóa - Bộ Văn hóa - NXB Văn hóa, 1987.

29. Nhiều tác giả, *Mùa xuân. Phong tục. Nghệ thuật. Võ thuật*. Phụ san, Tạp chí nghiên cứu Nghệ thuật, Hà Nội, 1987.

30. Nhiều tác giả, *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Tập I, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.

31. Đoàn Thị Tình, *Tìm hiểu trang phục Việt Nam*, NXB Văn hóa, 1987.

32. Vũ Ngọc Phan, *Những năm tháng ấy*, NXB Văn học Hà Nội, 1987.

33. Nhiều tác giả, *Fôn clo Bahnar*, Sở Văn hóa Thông tin Gia Lai - Kontum, 1988.

34. Nguyễn Tuân, *Cảnh sắc và hương vị đất nước*, NX. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1988.

35. Lê Huy Trâm, *Kẻ Rị, Kẻ Chè*, NXB Thanh Hóa, 1988.

36. Sôrya, *Lễ hội Khmer Nam Bộ*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1988.

37. Tôn Thất Bình, *Lễ hội dân gian*, Sở Văn hóa thông tin Bình Trị Thiên, 1988.

38. *Huế - niên giám 1989*, Hội Văn nghệ Huế, 1989.

39. Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Văn học - Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học thành phố Hồ Chí Minh, 1989.

40. Thanh Tùng, *Thăm chùa Huế*, Hội Văn nghệ Huế, 1989.

41. Huỳnh Ngọc Trảng, sưu tầm - biên soạn, *Thú đá gà*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.

42. Nhiều tác giả, *Trò chơi dân gian Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.

43. Nhiều tác giả, *Địa chí Văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, Sở Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1991.

B. BÁO và TẠP CHÍ

44. Đồng Nai, Số 23 - 24.1993. Sài Gòn.
- *Tết với văn chương.*
- *Cọp Đồng Nai.*
- *Ông Táo cũng nghèo.*

45. Nam Phong, Số 142- 1934, Hà Nội.
- *Mấy lời bàn về sự thờ trời.*

Lễ giáo ở nước Nam ta.
Nguyễn Cư.

46. Ngày nay, Số 2.1935. Hà Nội. *Tục ngày Tết* (Tường Bách), *Hội làng Hạ Lôi rằm tháng Giêng. Đánh vật* (Phóng viên Ngày nay), Ăn tiêu Tết. (Việt Sinh),

47. Ngày nay, Số 5-1935 - Hà Nội, *Lạng Sơn ngày hội,* (Tường Bách, Thế Lữ).

48. Ngày nay. Số 46-1937. *Xã giao ngày tết* (phóng viên Ngày nay).

49. Hoàng Đạo, Nguyễn Bính, Khái Hưng và Thế Lữ, Ngày nay, Số 96-1938. *Chung quanh nồi bánh chưng*

50. Hồng Phong, Trung Bắc Chủ nhật, Số 1 - 1940, Hà Nội. *Ba chuyện lạy mừng tuổi lạ đời*

51. Trung Bắc Chủ nhật. Số 45- 1941. Hà Nội. *Hội Lim* (Mạnh Quỳnh). *Tết ta dưới trời Mỹ* (Học Phi). *Làm câu đối để chơi chua* (Lê Quân).

52. Xuân Việt Nam năm Tân Tỵ. 1941, Hà Nội. *Tết của dân Mường Phú Thọ. "Múa Mỡi".* (Phạm Hiệp).

53. Trung Bắc Tân Văn. Số 7191-1941. Hà Nội. *Hải Phòng dã họp chợ Tết ban đêm.*

54. Trung Bắc Tân Văn. Số 7196-1941. Hà Nội. *Người Thổ chơi xuân. Hát lượn. Ngày xuân trong hội đền Cửa Suc* (Thiếu Hoa). *Tập nhật ký 3 ngày tết* (Thiếu Hoa).

55. Trung Bắc Tân Văn. Số 4214. Hà Nội 1941. *Đi xem ch phiên châu Lang Chánh - Thanh Hóa.*

56. Trung Bắc Tân Văn. Số 7233-1941. Hà Nội. *Trẩy h đình vua Đinh Tiên Hoàng. Ninh Bình.*

57. Trung Bắc Tân Văn. Số 7245-1941. Hà Nội. *Một vài phong tục của người Trại dất Thái Nguyên.*

58. Trung Bắc Chủ nhật. Tết Tân Tỵ 1941. Hà Nội. *Ba vợ chồng Táo quân từ tục thưởng quỷ đến chuyện hai ông một bà* (Sở Bảo). *Thiếu 1 cây nêu* (Tùng Hiệp). *Trong 3 ngày tết ở khắp trong nước* (Võ An Ninh). *Những phong tục lạ* (Tùng Quân).

59. Trung Bắc Chủ nhật. Số 47-1941. Hà Nội. *Những ngày hội lạ của ta* (Trần Văn Năng).

60. Thanh Nghị. Số 1-14-1941-1942. Hà Nội. *Lễ lập xuân ở Hà Nội thời Hậu Lê* (Ngô Đình Nhu).

61. Trung Bắc Chủ Nhật. Tết Nhâm Ngọ - 1942. Hà Nội. *Những bức tranh. Tết.* (Lê Kim Liên).

62. Trung Bắc Chủ nhật. Số 100 - 1942. Hà Nội. *Lai lịch và ý nghĩa hội vật làng Mai Động vào ngày 4,5,6 tháng giêng* (Vân Hạc).

63. Tri Tân. Số 33-1942. Hà Nội. *Qua võ hội năm Canh Thìn (1880). Tết táo quân* (Vân Thạch). *Theo quan niệm xưa, tháng Chạp dầy ý nghĩa chính trị, kinh tế và tôn giáo* (Hoa Bằng). *Lễ nghênh xuân* (Vân Thạch).

64. Tri Tân. Số 34-1942. Hà Nội. *Quân sĩ hậu Lê chầu hầu Tết Nguyên Đán* (Tiên Đàm). *Nụ cười xuân, câu đối tết* (Vân Thạch). *Vàng mã* (Nhật Nham). *Tranh Tết. Tết bên Lào. Tết Đà Lạt* (Trịnh Như Khuê).

65. Tri Tân. Số 35. *Hương vị sau Tết. Kể chuyện bánh chưng, bánh dầy, trầu cau và vôi.*

66. Tri Tân. Số 35-1942. Hà Nội. *Kể chuyện bánh chưng, bánh dầy.*

67. Trung Bắc Chủ nhật. Tết Nhâm Ngọ - 1942. Hà Nội. *Chơi hoa dã mấy người biết hoa.* (Sở Bảo). *Tết Nguyên Đán qua các nước và các thời đại* (Lê Hùng Phong). *Trong mấy ngày tết dân ta mê tín những gì?* (Bất Ác).

68. Thanh Nghị. 1941-1942. *Xã hội Việt Nam từ thế kỷ XVII* (Thiện Chân). *Ăn tết* (Đỗ Đức Dục).

69. Trung Bắc Chủ nhật. Số 143 bis. 1943. Hà Nội. *Ba trăm năm trước tổ tiên chúng ta đã ăn tết như thế nào?* (Hồng Lam).

70. Trung Bắc Chủ Nhật. Số 145-1943. Hà Nội. *Múa Lân, một cuộc vui có rất nhiều ý nghĩa trong ngày tết Nguyên Đán ở Nam kỳ* (Văn Học).

71. Tri Tân. Số 37-1943. Hà Nội. *Xuân miền rừng núi "Hát Lượn".*

72. Tri Tân. Số 39-1943. Hà Nội. *Lược khảo về Lễ tế Nam giao* (Tiên Đàm).

73. Tri Tân. Số 81 - 82 - 83 - 1943. Hà Nội. *Thơ Tết và chuyện Tết đời xưa* (Nguyễn Văn Tố). *Ngày Tết ăn yến* (Tiên Đàm). *Tết Mậu Thìn ở Sài Gòn. Học trò đến tết thầy* (Chu Thiên).

74. Tri Tân. Số 84-1943. Hà Nội. *Tết với thi nhân* (Nhật Nham).

75. Trung Bắc Chủ nhật. Số 118 bis. Hà Nội. *Những cái tết chiến tranh của người Việt Nam.* (Lê Quân - Hồng Lam). *Một lối thưởng xuân đặc biệt của các vị vua chúa đời xưa* (Từ Lâm. Nguyễn Xuân Nghị).

76. Thanh Nghị. Số Xuân Giáp Thân - 1944. *Pháo thờ* (Nguyễn Ngọc Minh).

77. Tri Tân. Số 175-178. Ất Dậu - 1945. Hà Nội. *Một vài tục cổ về mùa xuân.*

78. Tri Tân. Số 179-1945. Hà Nội - *Tết* (Nguyễn Thường).

79. Văn hóa nguyệt san. Số 17-1950. Sài Gòn. *Ý nghĩa tết Nguyên Đán* (Văn Hưng). *Người Việt đối với tiết xuân* (Phan Khang). *Vài giai thoại về bánh chưng ngày tết* (Thanh Mai).

80. Văn hóa nguyệt san. Số 18-1957. Sài Gòn. *Mấy lễ tiết chính trong tháng Giêng.* (Quỳnh Lâm).

81. Văn hóa nguyệt san. Số 27-1957. Sài Gòn. *Mùa xuân với người dân Việt* (Nguyễn Cao Kim). *Ý nghĩa và tục cổ ngày tết Nguyên Đán Việt Nam* (Tân Việt Điểu).

82. Văn hóa nguyệt san. Số 28-1958. Sài Gòn. *Nguyên ủy các lễ tiết Việt Nam* (Tân Việt Điểu). *Lược thuật vài tục lệ ăn tết từ Tây sang Đông.* (Tam Hóa). *Xuân đồng quê trong ca dao.* (Nguyễn Quang).

83. Văn hóa nguyệt san. Số 57-1958. Sài Gòn. *Lược khảo về lễ tiết mùa xuân năm Kỷ Hợi* (Tu Trai).

84. Văn - Sử - Địa. Số 37-1958. Hà Nội. *Nguyên Đán và mùa xuân* (Nguyễn Đổng Chi).

85. Văn hóa Á Châu. Số 11 - 1959. Sài Gòn. *Nhân ngày tết Nguyên Đán* (Lê Văn).

86. Thời nay. Số 10-1960. Sài Gòn. *Những cái khó chịu trong 3 ngày Tết* (Đoàn Bích).

87. Thời nay. Số 34-1961. Sài Gòn. *Các giới ăn Tết.* (Minh Nguyệt)

88. Văn hóa Á Châu. Số 2 (loại mới). Sài Gòn. 1961. *Lễ tiết Nguyên Đán trong Nam dưới mắt tôi.* (Hồng Sển).

89. Luận dàm. Số 1 - bộ II.1962. Sài Gòn. *Mùa xuân với đời sống tình cảm Việt Nam* (Nguyễn Đăng Thục).

90. Thời nay. Số 34-1962. *Ăn tết hay không ăn tết.* (Đào Văn Tập).

91. Văn hóa nguyệt san. Số 77-1963. Sài Gòn. *Xuân đào* (Bửu Cầm).

92. Văn hóa nguyệt san. Số 12.1965. *Quan niệm cổ nhân đối với tục lệ ngày xuân.* (Phạm Văn Sơn).

93. Tập san Sử - Địa. Số tết Đinh Mùi (số 5 - 1967). Sài Gòn - *Vũ trụ âm dương* (Nguyễn Đăng Thục). *Nhìn qua các nghi lễ triều đình Huế* (Bửu Kế). *Lễ tiễn xuâ nghênh xuân dưới triều Nguyễn* (Phan Khoang). *G thoại và câu đối Tết* (Tô Nam, Nguyễn Đình Diệ *Cảm tưởng về Tết trong Nam* (Vương Hồng Sển). *C nhân và các tục lệ về ngày xuân* (Phạm Văn Sơn). *Tết*

Lào ở... xứ Lào (Phạm Trọng Nhân). *Tục thưởng xuân của đồng bào Chàm Hồi giáo* (Dorohiem). *Bài chòi ở Bình Định* (Tạ Chí Đại Trường). *Lễ tết của người Quảng Đông tại Trung Hoa và Việt Nam* (Tăng Hậu, Thôi Tiêu Nhiên, Lê Thọ Xuân)...

94. Văn hóa. Số 1-1-1970. Hà Nội. *Ngày tết nói chuyện mâm ngũ quả và quất* (Hải Như). *Ngày tết ăn mặc đẹp* (Dương Hướng Minh).

95. Văn hóa Nghệ thuật. Số 1-1-1971, *Chợ và hội chợ núi mùa xuân của người Mèo.* (Lê Trung Vũ).

96. Thống nhất. Số 131.2-1972. *Xuân Nhâm Tý về Đông Hồ xem tranh chuột.* (Chu Quang Trứ).

97. Hà Nội mới. Ngày 6-2-1972. *Đào Nhật Tân.* (Đỗ Thỉnh).

98. Văn hóa Nghệ thuật. Số 14-12-1972. *Rửa mặt nước mùi và gội đầu nước hương bưởi ngày Tết.* (Hải Như).

99. Phương Đông. Số 19-20-1973. Sài Gòn. *Tết thanh bình miền Nam* (Bình Nguyên Lộc).

100. Văn hóa Nghệ thuật. Số 26.2-1972. Hà Nội. *Tết và ý nghĩa tranh tết dân gian.* (Trần Thức).

101. Văn hóa Nghệ thuật. Số 25-1-1973. *Mùa xuân với hội chơi hoa thủy tiên* (Đinh Tiếp).

102. Tổ quốc. 4-1973. Hà Nội. *Những ngày hội xuân của một số dân tộc anh em ở nước ta.* (Lâm Tâm).

103. Nhân dân. Số 7206.20-1-1974. *Tết cổ truyền bắt nguồn từ văn minh nông nghiệp.* (Thế Long).

104. Văn hóa Nghệ thuật. 1-1974. Hà Nội. *Tết ở thôn làng miền Nam.* (Lê Tấn). *Đi cỗ tết* (Võ Văn Trực).

105. Văn hóa Nghệ thuật. Số 1.1-1976. Hà Nội. *Một số tục vui Tết, vui xuân cổ truyền.* (Trần Quang Nhật).

106. Văn nghệ Hoàng Liên Sơn. 2-1976. *Tục cúng lễ của người Mèo vào dịp Tết.*

107. Văn hóa Thanh Hóa. Số 8 - 1.1978. *Tết Nguyên Đán* (Thuần Phong).

108. Văn hóa Nghệ thuật. 2.1978. *Tết, kể chuyện tết* (Hồ Sĩ Hiệp). *Tết qua các thời đại* (Cao Huy Đỉnh).

109. Văn nghệ Nghĩa Bình. 2-1978. *Tranh tết Việt Nam. Hội chơi xuân có nhiều tính văn học. Ngày xuân nói chuyện miếng trầu.*

110. Văn hóa Thanh Hóa. Số 22.1 -1979. *Hát khắp ngày xuân (Thái).*

111. Thông báo Dân tộc học. II.1979. Viện Dân tộc học. Hà Nội. *Cành Lộc* (Lê Văn Nhiễu).

112. Dân tộc học. Số 1-1981. Hà Nội. *Hát sắc bùa Bến Tre.* (Huỳnh Ngọc Trảng).

113. Văn hóa dân gian. 1-1982. *Tục hát sắc bùa Phò Trạch, Bình Trị Thiên.* (Tôn Thất Bình).

114. Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật. 1-1982. Hà Nội. *Sắc bùa, lời chúc năm mới.* (Vũ Ngọc Khánh).

115. Văn hóa Thông tin Hà Nam Ninh. Số Tết Quý Hợi. 1983. *Chợ Viềng.*

116. Lao động. Số 88. 1983. Hà Nội. *Những mùa xuân đáng ghi nhớ trong ta.*

117. Văn hóa dân gian. 1-1984. *Nguồn gốc nghi lễ nông nghiệp của sắc bùa.* (Tô Ngọc Thanh).

118. Xã hội học. Chuyên đề tết. Xuân Ất Sửu (1985). Viện xã hội học. Hà Nội

119. Kinh Bắc. Số xuân Bính Dần. (1986). Hà Bắc. *Một số phong tục ngày Tết* (Trần Đình Luyện). *Năm Dần, nói chuyện Hổ.*

120. Văn hóa Nghệ thuật Hà Bắc. Xuân Đinh Mão. (1987). *Ý nghĩa và giá trị nhân văn từ phong tục Tết ở Hà Bắc.* (Nguyễn Quang Khải).

121. Văn nghệ. Số 34.17-1-1987. Hà Nội. *Tết ở Tây Nguyên.* (Đỗ Quang Hoan). *Lễ tết Nguyên Đán Chol'Chnăm Thmay* (Võ Quang Huy).

122. Kinh Bắc. 1-1987. Xuân Đinh Mão. *Tranh dân gian, tranh ngày Tết, Mùa xuân, phong tục ca hát Tày Nùng.*

123. Phụ nữ Việt Nam. Số xuân 1988 (Mậu Thìn). *Rồng trong mỹ thuật Huế, Rồng và Rắn* (Rồng trong ngôn ngữ và văn học dân gian).

124. Văn nghệ Hà Sơn Bình. Xuân Kỷ Tỵ. (1989). *Nguồn gốc của tục đốt pháo trong ngày Tết.* (Nhã Long).

SUMMARY

Traditional Lunar New Year of Vietnamese people of the authors Le Trung Vu (chief-author)-Le Van Ky-Nguyen Lien Huong- Le Hong Ly compose is a work studying the cultural characteristics of traditional Lunar New Year of Vietnamese people.

Beside the article titled "*Traditional Lunar New Year*", *conclusion* and an *appendix*, the main content of the work contains four parts:

Part I: *Lunar New Year occurring in the countryside.* This part observes the conception about Tet and the customs and habits of welcoming Tet in the countryside of Vietnamese people.

Part II: *Tet occurring in the city.* The author studies the own cultural characteristics of the customs of Lunar new year in Ha Noi, Hue, Sai Gon cities people.

Part III: *Tet occurring in the Royal through the previous dynasties.* In this part, the author studies the organization in Lunar New Year of Tran dynasty, Le consequence and Nguyen dynasty.

Part IV: Introducing the popular folk games of Lunar New Year such as: *Blind-man's buff, seesaw, wrestling, tug, play chess, cock fighting...*

MỤC LỤC

		Trang
LỜI GIỚI THIỆU		9
	Tết cả (*PGS Lê Trung Vũ*)	11
Phần một	TẾT LÀNG QUÊ (*PGS Lê Trung Vũ, Lê Văn Kỳ*)	15
	I. Những ngày trước tết (*PGS Lê Trung Vũ*)	15
	II. Vào tết (*Lê Văn Kỳ*)	85
Phần hai	TẾT THỊ THÀNH (*Nguyễn Hương Liên*)	119
	I. Tết Hà Nội	119
	II. Tết Huế	142
	III. Tết Sài Gòn	156
Phần ba	TẾT TRONG CUNG ĐÌNH QUA CÁC TRIỀU ĐẠI TRƯỚC (*Lê Văn Kỳ*)	169
	I. Tết Nguyên đán trong cung đời Trần	169
	II. Tết Nguyên đán đời hậu Lê	172
	III. Tết Nguyên dán trong cung đời Nguyễn	175
Phần bốn	TRÒ CHƠI NGÀY TẾT (*Lê Hồng Lý*)	183
	I. Chơi đáo	189

II. Chơi bi 196
III. Bịt mắt bắt vịt 198
IV. Bắt vịt dưới ao 200
V. Bịt mắt bắt dê 201
VI. Chơi đu 202
VII. Leo cầu lấy thưởng 203
VIII. Đấu vật 205
IX. Kéo co 206
X. Chọi gà 208
XI. Chơi cờ 210
KẾT LUẬN (*PGS Lê Trung Vũ*) 213
PHỤ LỤC 217
I. Một số truyền thuyết về tết cổ truyền (*PGS Lê Trung Vũ*) 217
II. Bác Hồ - Người sáng tạo phong tục mới trong tết cổ truyền 232
TÀI LIỆU THAM KHẢO 239
SUMMARY 251

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hà Nội
DT: 04.39434239 - 04.38263070
Email:nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn
Cn: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh.
DT: (08).38222895
Email: cn_nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
LƯU XUÂN LÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập:	TRẦN PHƯỢNG TRINH
Biên tập kỹ thuật:	TRẦN PHƯỢNG TRINH
Sửa bản in:	TRẦN PHƯỢNG TRINH
Chế bản:	THANH VÂN
Trình bày bìa:	CÔNG TY TNHH SX - TM HƯNG HÀ

Đối tác liên kết:

HỘI VĂN NGHỆ DÂN GIAN VIỆT NAM

TẾT CỔ TRUYỀN NGƯỜI VIỆT

In 2000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Cty CP Quảng cáo Đông Nam Á
Số đăng ký KHXB: 328 - 2012/CXB/39 - 68/VHDT.
Quyết định xuất bản số: 42 - 12/QĐXB - NXBVHDT
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2012